

Số: 03 /2018/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2018

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này

1. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, Phụ lục I kèm theo Thông tư này, gồm:

a) Thuốc sử dụng trong nông nghiệp:

- Thuốc trừ sâu: 785 hoạt chất với 1682 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ bệnh: 617 hoạt chất với 1280 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ cỏ: 234 hoạt chất với 713 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ chuột: 9 hoạt chất với 27 tên thương phẩm.
- Thuốc điều hoà sinh trưởng: 52 hoạt chất với 141 tên thương phẩm.
- Chất dẫn dụ côn trùng: 9 hoạt chất với 9 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ ốc: 30 hoạt chất với 150 tên thương phẩm.
- Chất hỗ trợ (chất trái): 5 hoạt chất với 6 tên thương phẩm.

b) Thuốc trừ môi: 14 hoạt chất với 23 tên thương phẩm.

c) Thuốc bảo quản lâm sản: 8 hoạt chất với 9 tên thương phẩm.

d) Thuốc khử trùng kho: 4 hoạt chất với 10 tên thương phẩm.

đ) Thuốc sử dụng cho sân golf:

- Thuốc trừ bệnh: 2 hoạt chất với 2 tên thương phẩm.

- Thuốc trừ cỏ: 1 hoạt chất với 1 tên thương phẩm.

- Thuốc điều hoà sinh trưởng: 1 hoạt chất với 1 tên thương phẩm.

e) Thuốc xử lý hạt giống:

- Thuốc trừ sâu: 11 hoạt chất với 14 tên thương phẩm.

- Thuốc trừ bệnh: 10 hoạt chất với 11 tên thương phẩm.

2. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam và bổ sung mã số HS đối với một số thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, gồm:

a) Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam

- Thuốc trừ sâu, thuốc bảo quản lâm sản: 23 hoạt chất.

- Thuốc trừ bệnh: 6 hoạt chất.

- Thuốc trừ chuột: 1 hoạt chất.

- Thuốc trừ cỏ: 1 hoạt chất.

b) Bổ sung mã số HS đối với một số thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam vào Phụ lục 02 Thông tư số 24/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành bảng mã số HS đối với hàng hóa chuyên ngành xuất khẩu, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 24/2017/TT-BNNPTNT).

- Thuốc trừ sâu, thuốc bảo quản lâm sản: 2 hoạt chất.

3. Bảng mã số HS thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam thực hiện theo Phụ lục 01 và Phụ lục 02 được ban hành kèm Thông tư số 24/2017/TT-BNNPTNT và mục 2, Phụ lục II được ban hành kèm Thông tư này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2018.

2. Thông tư này thay thế các Thông tư sau:

a) Thông tư số 03/2016/TT-BNNPTNT ngày 21/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam và công bố mã HS đối với thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam;

b) Thông tư số 06/2017/TT-BNNPTNT ngày 8/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 03/2016/TT-BNNPTNT ngày 21/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam; công bố mã HS đối với thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam;

c) Thông tư số 15/2017/TT-BNNPTNT ngày 14/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 03/2016/TT-BNNPTNT ngày 21/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam; công bố mã HS đối với thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng;
- Lãnh đạo Bộ;
- Công báo Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ NN và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ liên quan;
- Tổng Cục Hải quan;
- Chi cục BVTV các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, BVTV (200...bản).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Lê Quốc Doanh

Phụ lục I
DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 03 /2018/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 02 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).*

TT	TÊN HOẠT CHẤT – NGUYÊN LIỆU (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (CROP/PEST)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
I. THUỐC SỬ DỤNG TRONG NÔNG NGHIỆP:				
1. Thuốc trừ sâu:				
1	Abamectin	Ababetter 1.8 EC, 3.6EC, 5EC	1.8EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cam; nhện đỏ/ chè 3.6EC: nhện đỏ/ quýt, bọ trĩ/ dưa hấu, rầy bông/ xoài; sâu cuốn lá/ lúa 5EC: nhện đỏ/ quýt; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
		Abafax 1.8EC, 3.6EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; bọ cánh tơ/ chè	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Abagold 38EC, 55EC, 65EC	38EC: Sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ/chè; sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/cam 55EC: nhện đỏ/ chè; sâu cuốn lá/lúa 65EC: Nhện gié/lúa, sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/chè	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
		Abagro 1.8 EC, 4.0EC	1.8EC: sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ cam 4.0EC: sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ cam; sâu xanh/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cà chua; bọ trĩ/ chè; sâu tơ/ cải bắp	Asiagro Pacific Ltd
		Abakill 1.8 EC, 3.6 EC, 10WP	1.8EC: rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá, bọ xít hôi/ lúa; bọ trĩ/ xoài 3.6EC: rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ xoài; sâu vẽ bùa/ cam 10WP: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cam	Công ty TNHH TM DV Nông Hưng

Abamec-MQ 20EC, 50EC	20EC: Sâu cuốn lá/lúa 50EC: Sâu khoang/lạc, nhện đỏ/chè	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
Abamine 1.8 EC, 3.6EC, 5WG, 5.4EC	1.8EC: sâu xanh/ bắp cải, dòi đục lá/ cà chua, sâu vẽ bùa/ cam, nhện gié/ lúa 3.6EC: sâu tơ/ bắp cải, nhện đỏ/ cam, sâu xanh/ đậu tương, bọ trĩ/ dưa hấu, sâu đục ngọn/ điều; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; bọ xít muỗi/điều 5WG: sâu tơ/ bắp cải; nhện gié/ lúa 5.4EC: sâu cuốn lá /lúa; sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh/ lạc	Công ty CP Thanh Điền
Aba-navi 4.0EC	nhện gié/ lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
Abapro 1.8 EC, 5.8EC	1.8EC: bọ trĩ/ chè, nhện đỏ/ cây có múi, sâu tơ/ bắp cải 5.8EC: rầy xanh/ chè, sâu cuốn lá/ lúa	Sundat (S) Pte Ltd
Abasuper 1.8EC, 3.6EC, 5.55EC	1.8EC, 3.6EC, 5.55EC: sâu đục thân, rầy nâu, bọ xít, bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; rệp muội/ đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài 5.55EC: nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè	Công ty TNHH Phú Nông
Aba thai 1.8EC, 3.6EC, 5.4EC, 6.5EC	1.8EC: bọ trĩ/ xoài, sâu cuốn lá/ lúa 3.6EC: nhện/ cam; bọ trĩ/ xoài; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa 5.4EC: sâu vẽ bùa/ cam, nhện/ xoài; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa 6.5EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié, bọ phấn/ lúa; nhện đỏ/xoài; bọ trĩ/dưa hấu; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
Abatimec 1.8 EC, 3.6EC, 5.4EC	1.8EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá/ lúa; sâu vẽ bùa/ cam; sâu xanh da láng/ đậu tương 3.6EC: bọ trĩ/ dưa hấu; nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/cam 5.4EC: sâu cuốn lá/ lúa, dòi đục lá/ cà chua; sâu đục quả/ đậu tương	Công ty CP Đồng Xanh
Abatin 1.8 EC, 5.4 EC	1.8EC: sâu xanh da láng/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; dòi đục lá/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu xanh/ dưa chuột; sâu vẽ bùa/ cam 5.4EC: sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh ăn lá/ dưa chuột; dòi đục lá/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải	Map Pacific PTE Ltd
Abatox 1.8EC, 3.6EC	1.8EC: bọ xít, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; rệp muội/	Công ty TNHH Hóa Nông Á Châu Hà Nội

	đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè 3.6EC: bọ xít, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; rệp muội/ đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; nhện đỏ, rầy xanh/ chè	
Abavec super 5.5EC, 7.5EC	5.5EC: rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; rầy bông/ xoài 7.5EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
Abekal 3.6EC, 5.0EC	3.6EC: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa 5.0EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
Abinsec 1.8EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
Abvertin 3.6EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu khoang/ lạc; sâu vẽ bùa/ cam	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
Acenry 1.8 EC, 3.6EC, 4.2EC, 5.5EC	1.8EC: bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu 3.6EC: sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/ lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam 4.2EC, 5.5EC: sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
Acimetin 1.8 EC, 3.6EC, 5EC, 5.6EC, 6.5EC, 8EC, 100WG	1.8EC: sâu cuốn lá/ lúa, sâu tơ/ bắp cải, bọ trĩ/ dưa hấu 3.6EC: bọ trĩ, nhện gié/ lúa, rệp muội/ cam, rầy bông/ xoài 5EC: rầy nâu/ lúa, bọ xít muỗi/ chè 5.6EC, 8EC: nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; nhện lông nhung/nhãn 6.5EC: nhện đỏ/ vải 100WG: nhện gié, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
Agbamex 3.6EC, 5EC, 6.5EC	3.6EC, 5EC: sâu tơ, sâu xanh/ rau họ thập tự; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ trĩ/ lúa 6.5EC: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
Agromectin 1.8 EC, 5.0WG, 6.0EC	1.8EC: nhện gié/ lúa, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải, sâu tơ/ súp lơ, bọ nhảy/ cải thảo, sâu xanh/ cải xanh, bọ trĩ/ nho, nhện đỏ/ cam, sâu xanh da láng/ hành 5.0WG, 6.0EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
Agrovertin 50EC	Sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa, sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/cà chua	Công ty TNHH Việt Hoá Nông
Akka 1.8EC, 3.6EC, 5.5EC,	1.8EC, 3.6EC: sâu xanh/ cà chua; nhện gié, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; sâu tơ/ cải bắp; bọ trĩ/ dưa hấu	Eastchem Co., Ltd.

22.2WP	5.5EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu 22.2WP: sâu tơ/ bắp cải; rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu	
Alfatin 1.8 EC, 6.5 EC	1.8EC: sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/lúa 6.5EC: sâu đục quả/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
Alibaba 1.8EC, 3.6EC, 4.5EC, 6.0EC	1.8EC, 6.0EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu khoang/ lạc 3.6EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu khoang/ lạc 4.5EC: bọ trĩ, sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM Thái Nông
Amazin's 3.6EC, 5.5EC	3.6EC: Sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa 5.5EC: rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải, nhện đỏ/chè	Công ty CP Lion Agrevo
Amectinaic 18EC, 36EC, 45EC	rầy nâu, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải, nhện lông nhung/nhân	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
AMETINannong 1.8EC, 3.6EC, 5.5EC, 5.55EC, 10WP, 18WP	1.8EC, 3.6EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu 5.5EC: nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ cải bắp; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu 5.55EC, 10WP, 18WP: rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua, đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH An Nông
Anb40 Super 1.8EC, 3.6 EC, 6.0EC, 18WP, 22.2WP	1.8EC, 3.6EC: sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu 6.0EC, 18WP, 22.2WP: sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh, sâu xanh da láng/ đậu tương; nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
Andomec 1.8 EC, 3.6EC, 5EC, 5WP, 9.0EC	1.8EC: sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh/ rau cải xanh; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/ cam; sâu đục ngọn/ điều 3.6EC: sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa 5EC: sâu đục bẹ/ lúa, sâu tơ/ bắp cải, rầy bông/ xoài; nhện lông nhung/ nhân 5WP: sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh da láng/ rau cải, rệp sáp/cà phê 9.0EC: Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân

Ankamec 1.8EC, 3.6EC, 4EC, 4.5EC	1.8EC: nhện gié/lúa 3.6EC, 4EC, 4.5EC: sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
Aremec 18EC, 36EC, 45EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, bọ nhậy, rệp/ cải xanh; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; dòi đục lá/ đậu tương; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; sâu xanh da láng, sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục cuống quả/ vải; rệp, sâu khoang/ thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều	Cali – Parimex Inc.
Azimex 20 EC, 40EC	20EC, 40EC: sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ rau cải, bắp cải; ruồi/ lá cải bó xôi; sâu xanh da láng/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cam; nhện đỏ, bọ trĩ/ nho; nhện đỏ/ nhãn; bọ xít muỗi/ điều, chè; rệp sáp, nhện đỏ/ cà phê 40EC: sâu khoang, sâu xanh/ lạc	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
B40 Super 2.0 EC, 3.6 EC, 5.5EC	2.0EC, 3.6EC: sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu phao/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; sâu xanh/ đậu xanh; nhện đỏ/ cam 5.5EC: sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; sâu xanh/ đậu xanh; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
Bamectin 5.55EC, 22.2WG	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, bọ nhậy/ bắp cải; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu vẽ bùa/cam; sâu ăn lá/ chôm chôm, sầu riêng	Công ty TNHH TM - SX Phước Hưng
Binhtox 1.8 EC, 3.8EC	1.8EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ rau cải; dòi đục lá/ cà chua; sâu vẽ bùa/ cam; sâu xanh/ lạc, thuốc lá, bông vải 3.8EC: nhện đỏ/ cam; sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy/ bông xoài; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
Brightin 1.8EC, 4.0EC	1.8EC: sâu tơ/ bắp cải, sâu vẽ bùa/ cây có múi, nhện lông nhung/nhãn 4.0EC: sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; sâu xanh da láng, sâu đục quả/ đậu tương; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
Bm Abamatex 1.8EC	sâu cuốn lá/ lúa	Behn Meyer Agcare LLP

Bnongduyen 2.0 EC, 4.0EC, 75EC, 100EC	2.0EC, 4.0EC: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu tơ/ bắp cải 75EC: nhện gié/ lúa 100EC: rệp sáp/ cà phê	Công ty CP SAM
Boama 2.0EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH MTV Trí Văn Nông
BP Dy Gan 1.8EC, 3.6EC, 5.4EC	1.8EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, sâu khoang/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài 3.6EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu xanh/ lạc; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, sâu khoang/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài 5.4EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu xanh/ lạc; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, sâu khoang/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty TNHH TM Bình Phương
Carbamec 50EC, 50WP, 75EC, 100EC, 100WP, 150WP	Bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
Car pro 1.8EC, 3.6EC, 5.4 EC	1.8EC: sâu xanh da láng/ đậu tương; nhện gié/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu 3.6 EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ cải xanh; dòi đục lá/cà chua 5.4EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương; nhện đỏ/ cam	Công ty CP Bốn Đúng
Catcher 2 EC	nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; dòi đục lá/ rau bó xôi	Sinon Corporation, Taiwan
Catex 1.8EC, 3.6EC, 100WG	1.8EC, 3.6EC: sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh da láng/ hành; bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; nhện lông nhung/ vãi; sâu xanh/ đậu xanh; sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, sâu đục bẹ, bọ trĩ/ lúa; sâu vẽ bùa, bọ trĩ, nhện đỏ/ cam, quýt; bọ trĩ/ dưa chuột; sâu đục quả/ xoài 100WG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nicotex
Chitin 2EC, 3.6EC	2EC: sâu cuốn lá/ lúa 3.6EC: nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
Đầu trâu Merci 1.8EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
Daphamec 3.6EC, 5.0EC	3.6EC: Sâu xanh/cải xanh, bọ trĩ/dưa hấu 5.0EC: Rầy bông/xoài; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát

Dibamec 1.8 EC, 3.6EC, 5WG	sâu đục cành/ điều; rệp sáp/ cà phê; sâu khoang, sâu xanh/ thuốc lá; nhện đỏ, rầy xanh/ chè; rầy bông / xoài; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rầy chổng cánh/ cam; bọ xít/ vải, nhãn; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu tơ, sâu xanh, sâu xám/ bắp cải; sâu xanh, sâu xanh da láng/ cải xanh; dòi đục lá, sâu vẽ bùa/ cà chua; bọ xít, bọ trĩ, nhện gié, sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa; rệp, rệp muội, sâu khoang/ đậu tương	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
DT Aba 50EC, 60.5EC	50EC: Sâu cuốn lá/lúa, rầy xanh/ chè 60.5EC: Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
Fanty 2 EC, 3.6 EC, 4.2EC, 5.0EC, 5.6EC, 6.2EC	2EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; rầy chổng cánh, nhện đỏ/ cam 3.6EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu 4.2EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè 5.0EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục thân, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; nhện đỏ, rầy chổng cánh/ cam 5.6EC, 6.2EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Haihamec 1.8EC, 3.6 EC	bọ trĩ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/ cam; rệp sáp/ hồ tiêu; bọ trĩ/ điều	Công ty TNHH SX TM Hải Hằng
Hifi 1.8 EC, 3.6EC, 5.4EC	1.8EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/lúa 3.6EC, 5.4EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM ACP
Honest 1.8EC, 54EC	1.8EC: bọ trĩ/ dưa hấu, sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa 54EC: sâu khoang/lạc; rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/bắp cải, bọ trĩ/dưa hấu; nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Hóc Môn
Invert 1.8EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
Javitin 18EC, 36EC, 55EC, 65EC, 100WP	18EC: sâu cuốn lá, nhện gié, bọ xít, sâu phao/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; rầy xanh, nhện đỏ/chè; dòi đục lá/cà chua; rệp sáp/ cà phê 36EC: sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa; nhện lông nhung/ vải; sâu đục quả/ xoài; bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè 55EC: nhện gié/lúa 65EC: sâu cuốn lá/ lúa 100WP: sâu xanh da láng/ đậu tương; sâu khoang/ lạc; bọ	Công ty CP Nông dược Nhật Việt

	trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục quả/ vải; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè	
Jianontin 2 EC, 3.6EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ cam	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Longphaba 1.8 EC, 3.6 EC, 5EC; 88SC	1.8EC, 3.6EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa 5EC: rầy nâu/ lúa; nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy bông/ xoài 88SC: sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
Limectin 4.5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Thiên Nông
Mahal 3.6EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
Megamectin 20EC, 40EC, 56EC, 126WG	20EC: Sâu đục quả/ vải 40EC: Bọ cánh tơ/chè 56EC: Sâu cuốn lá/lúa 126WG: Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
Melia 0.2EC, 3.6EC, 4.2EC, 4.5EC, 5WP, 5.5WP	0.2EC: sâu cuốn lá/ lúa; rầy xanh/ chè; sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải; sâu vẽ bùa/ bưởi 3.6EC, 4.2EC, 5WP: sâu cuốn lá/ lúa; rầy xanh/ chè; sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải 4.5EC, 5.5WP: sâu cuốn lá, rầy xanh/ lúa; rầy xanh, nhện đỏ/ chè; bọ nhảy, sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
Miktin 3.6 EC	bọ xít muỗi, rầy xanh, bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ/ lúa; bọ xít, sâu đục quả/ vải; sâu xanh da láng/ đậu tương; sâu xanh/ cà chua; sâu vẽ bùa, rầy chồng cánh/ cam; sâu tơ, rệp, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rầy bông/ xoài	Công ty CP TM BVTV Minh Khai
Nafat 3.6EC, 5.0EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
Nas 9.9EC, 36EC, 60EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú
Newsodant 2EC, 4EC, 4.5EC, 5EC, 5.5EC, 6 EC, 8EC	2EC, 4EC, 4.5EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải 5EC, 5.5EC, 6 EC, 8EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; nhện đỏ, bọ trĩ/ cam	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
Nimbus 1.8 EC, 6.0EC	1.8EC: sâu khoang/ lạc; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu vẽ bùa, ruồi	Công ty TNHH Vật tư BVTV Phương Mai

	đục quả/ cam; sâu đục quả/ vải 6.0EC: bộ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ lạc; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu đục quả/ vải; nhện đỏ, bộ cánh tơ/ chè; bộ trĩ/ dưa hấu	
Nockout 1.8 EC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
Novimec 1.8EC, 3.6EC, 7.2EC	1.8EC: sâu cuốn lá, đục bẹ, rầy nâu, bộ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông, bộ trĩ/ xoài; bộ cánh tơ, bộ xít muỗi/ chè 3.6EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; bộ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/ cam 7.2EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông Việt
Nouvo 3.6EC	bộ cánh tơ/ chè, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; bộ xít muỗi/điều	Công ty CP Nông dược HAI
NP Pheta 2.0EC, 2.2EC, 3.6EC, 4.2EC, 5.0EC, 6.0EC, 6.6EC	2.0EC, 2.2EC, 3.6EC, 4.2EC, 5.0EC: sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bộ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh/ lạc, thuốc lá; dòi đục lá/ cà chua; rầy bông/ xoài; nhện đỏ, vẽ bùa/ cam 6.0EC: Sâu cuốn lá/lúa 6.6EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty CP Điền Thạnh
Obamausa 36EC, 50EC, 55EC, 65EC, 72EC	36EC, 55EC, 65EC: nhện gié, sâu cuốn lá/lúa 50EC, 72EC: sâu cuốn lá/lúa, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Vật tư Liên Việt
Oxatin 1.8 EC, 3.6EC, 6.5EC	1.8 EC: sâu cuốn lá, bộ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ/ bắp cải 3.6 EC: sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; bộ cánh tơ/ chè 6.5EC: sâu cuốn lá, bộ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bộ trĩ/ dưa hấu; bộ cánh tơ/ chè; nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH Sơn Thành
Parma 3.6EC, 5.4EC, 7.5EC	3.6EC, 5.4EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié, bộ trĩ/ lúa 7.5EC: bộ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
Phesoltin 5.5EC	sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH World Vision (VN)
Phi ung 4.0 EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
Phumai 1.8EC, 3.6EC, 5.4EC	sâu vẽ bùa/ cam; nhện đỏ/ chè; sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá nhỏ, bộ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà	Công ty CP ĐTKTNN và PTNT Trung ương

	chua; bọ cánh tơ/ chèn; sâu đục quả/ vải	
Plutel 0.9 EC, 1.8 EC, 3.6EC, 5 EC	0.9EC: sâu tơ/ bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chèn; sâu xanh, sâu khoang, rệp muội/ bắp cải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam 1.8EC, 3.6 EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ, nhện gié/ lúa; bọ xít/ vải; rệp sáp/ cà phê; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chèn; nhện đỏ/ cam; sâu tơ, sâu xanh, rệp muội, sâu khoang/ bắp cải; sâu khoang/ lạc; bọ xít muỗi/ điều; rệp muội/ na, nhãn; rầy/ xoài; sâu đo, sâu xanh/ hoa hồng; bọ trĩ/ dưa hấu, nho; sâu xanh/ cà chua 5EC: rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chèn; sâu tơ, sâu khoang, sâu xanh, rệp muội/ bắp cải; rệp sáp/ cà phê; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục thân/ lúa; bọ xít muỗi/ điều; bọ xít/ vải thiều; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy/ xoài; rệp muội/ nhãn; bọ trĩ/ dưa hấu, dưa chuột, nho; sâu xanh/ cà chua	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
Queson 0.9 EC, 1.8 EC, 3.6EC, 5.0EC	sâu tơ, sâu xanh/ cải xanh; rệp sáp/ cà phê; rệp sáp, rầy chổng cánh, nhện đỏ/ vải, nhãn, cam, xoài; bọ trĩ, nhện đỏ/ chèn; bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc
Reasgant 1.8EC, 2WG, 3.6EC, 5EC, 5WG	1.8EC, 3.6EC: sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/ bắp cải; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chèn; bọ xít, sâu đo, rệp muội/ vải, nhãn, na, hồng; rệp muội, nhện, sâu ăn lá/ điều; nhện đỏ, sâu xanh/ hoa hồng; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu, nho; rầy/ xoài; sâu khoang/ lạc; nhện đỏ/ sắn dây; sâu ăn lá, rầy, rệp muội/ hồ tiêu; sâu róm/ thông 2WG, 5WG: sâu xanh, sâu khoang, sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ cam; bọ xít/ vải, nhãn; bọ cánh tơ/ chèn; bọ xít muỗi/ điều; sâu đục thân, nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; sâu róm/ thông; bọ trĩ/ dưa chuột 3.6EC: Sâu tơ/ súp lơ, nhện/ cà pháo; bọ nhậy/ cải thảo, rau cải; nhện/ cà tím; sâu khoang/ mồng tơi; sâu tơ/ su hào; sâu xanh da láng/ hành 5EC: rệp sáp/ cà phê; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục thân/ lúa; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chèn; sâu xanh, sâu tơ, rệp muội, sâu khoang/ bắp cải; bọ xít	Công ty TNHH Việt Thắng

	muỗi, sâu ăn lá/ đỉ; bọ xít/ vãi thiêu; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy/ xoài; rệp muội/ nhãn; bọ trĩ/ dưa hấu, nho; sâu xanh/ cà chua; nhện đỏ/ sắn dây; sâu róm/ thông	
Redsuper 4.5ME, 5WG, 20WG, 30EC, 39EC, 60EC	4.5ME: Bọ trĩ/ lúa 5WG, 20WG: Sâu cuốn lá/ lúa 30EC, 39EC: Sâu đục bẹ/ lúa 60EC: Sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Pháp Thụ Sĩ
Sauaba 3.6EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; bọ nhảy/bấp cải, bọ xít muỗi/chè, sâu vẽ bùa / cam, nhện/ quýt	Công ty TNHH TM Thái Phong
Sau tiu 3.6EC	sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ / lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; dưa hấu/ bọ trĩ	Công ty CP TST Cần Thơ
Shertin 1.8EC, 3.6EC, 5.0EC	1.8EC: sâu tơ/ bắp cải 3.6EC, 5.0EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié, sâu phao đục bẹ, rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, sâu xám bọ nhảy, sâu khoang / bắp cải; bọ trĩ/ nho, dưa hấu; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rệp muội/ cam, vãi; nhện lông nhung/ vãi	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
Sieusher 1.8EC, 3.6 EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ cam; sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
Silsau 1.8EC, 3.6EC, 4 EC, 4.3EC, 4.5EC, 4.7EC, 5EC, 5.3EC, 5.5EC, 6EC, 6.5EC, 8EC, 10WP	1.8EC, 3.6EC: sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc, đậu tương, đậu xanh; bọ trĩ/ dưa hấu, dưa chuột; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, bọ trĩ/ cà chua, ớt, cam 4EC, 4.5EC, 5EC, 5.5EC, 6EC, 8EC: sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc 4.3EC, 4.7EC, 5.3EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải 6.5EC: Nhện gié, bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; nhện đỏ/ cam; sâu xanh da láng/ lạc 10WP: nhện đỏ, bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc, đậu tương, đậu xanh; bọ trĩ/ dưa hấu, dưa chuột; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, bọ trĩ/ cà chua, ớt, cam	Công ty TNHH ADC
Sittomectin 5.0EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; dòi đục lá/ cà chua; sâu xanh/ bắp cải; sâu tơ/ cải xanh; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
Tập Kỳ	1.8EC: Sâu tơ/ bắp cải	Viện Di truyền Nông nghiệp

1.8 EC, 3.6EC	3.6EC: Sâu cuốn lá/lúa	
Tigibamec 6.0EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Tiger five 5EC, 6.5EC	5EC: sâu cuốn lá/ lúa 6.5EC: sâu xanh da láng/ hành, nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH P-H
Tikabamec 1.8EC, 3.6EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, rệp, bọ nhậy/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rầy chổng cánh/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP XNK Thọ Khang
Tineromec 1.8EC, 3.6EC, 4.2EC, 70WG	1.8EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, rệp/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu khoang/ đậu tương; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông/ xoài; bọ trĩ/ điều 3.6EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, rệp/ bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông/ xoài; bọ trĩ/ điều 4.2EC: bọ trĩ/ lúa, rầy bông/ xoài 70WG: Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
Tungatin 1.8 EC, 3.6 EC, 10EC	1.8EC: bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu phao, bọ xít dài, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng, sâu đục quả/ đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa, ruồi đục quả/ cam 3.6EC: sâu cuốn lá nhỏ, bọ xít hôi, bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu phao, sâu đục thân/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cải xanh; sâu xanh, dòi đục lá cà chua; nhện đỏ/ dưa chuột; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh da láng đậu xanh; sâu đục quả đậu tương; sâu vẽ bùa/ cây có múi; rầy bông xoài; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; rệp sáp, mọt đục cành/ cà phê; rệp sáp/ hồ tiêu; bọ trĩ, sâu đục thân điều 10EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu khoang/ khoai lang; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh, sâu xanh da láng/ cà chua, đậu xanh; bọ trĩ, bọ xít, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá, sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; bọ xít, sâu cuốn lá/ vải; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; sâu đục bông, rầy bông/ xoài; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ cánh tơ, rầy xanh,	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

			nhện đỏ/ chèn; rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; bọ xít muỗi/ điều	
		Tervigo® 020SC	tuyến trùng/khoai tây, hồ tiêu, thanh long, cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Vibamec 1.8 EC, 3.6EC, 5.55EC	1.8EC: dòi đục lá/ cà chua; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/dưa hấu; sâu xanh/ đậu tương; sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam 3.6EC: sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu 5.55EC: bọ trĩ/ dưa hấu, nho; nhện đỏ, bọ trĩ, rầy xanh/ chè; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa, Nhện đỏ/cam; rầy nâu, nhện gié, sâu năn/lúa; sâu xanh/ cải xanh	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Voi thai 2EC, 2.6EC, 3.6EC, 4 EC, 4.7EC, 5.5 EC, 5.8EC, 6.2EC, 25WP	2EC, 3.6EC, 4EC, 5.5EC: sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa 2.6EC, 4.7EC, 25WP: sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu xanh/ lạc, thuốc lá; dòi đục lá/ cà chua; rầy bông/ xoài; bọ trĩ/ dưa hấu 5.8EC: nhện đỏ/ cam; dòi đục lá/ cà chua; sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa 6.2EC: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; sâu xanh bướm trắng/ bắp cải	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Voiduc 42EC, 58EC	nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Waba 1.8 EC, 3.6EC, 5.55EC, 10 WP, 18WP	1.8EC, 3.6EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu 5.55EC, 10WP, 18WP: rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua, đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH US.Chemical
		Yomikendo 20WG, 38EC, 5.5ME	20WG, 5.5ME: Sâu cuốn lá/ lúa 38EC: Sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
2	Abamectin 10g/l + Acetamiprid 30g/l	Acelant 4EC	rệp, bọ trĩ/ bông vải; rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
3	Abamectin 20g/l + Acetamiprid 230g/l	Newtoc 250EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Safari 250EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
4	Abamectin 17.5g/l (35g/l), (48.5g/l), (7g/l), (25g/l), (36g/l) + Alpha- cypermethrin 0.5g/l (1g/l),	Shepatin 18EC, 36EC, 50EC, 50EC, 75EC, 90EC	18EC, 36EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ, nhện gié/ lúa; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

	(1.5g/l), (43g/l), (50g/l) (54g/l)		hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều 50EC (48.5 g/l + 1.5g/l): sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ đậu xanh 50EC (7g/l + 43g/l): bọ trĩ, bọ xít, sâu cuốn lá, 75EC, 90EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa 90EC: sâu xanh/ đậu xanh	
5	Abamectin 9g/l (18 g/l) + Alpha-cypermethrin 16g/l (32g/l)	Siutox 25EC, 50EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
6	Abamectin 18g/l (36g/l) + Alpha-cypermethrin 100g/l (100g/l)	B thai 118EC, 136EC	118EC: sâu cuốn lá/ lúa 136EC: nhện gié, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá/ lúa; bọ hà/ khoai lang	Công ty TNHH - TM Nông Phát
7	Abamectin 25g/l + Alpha-cypermethrin 50g/l + Chlorpyrifos Ethyl 475g/l	Fultoc super 550EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
		Sacophos 550EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
8	Abamectin 0.5% + Azadirachtin 0.3%	Azaba 0.8EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu đục quả/ đậu trạch, vãi; nhện đỏ, sâu ăn lá, sâu vẽ bùa/cam; sâu xanh/ thuốc lá; nhện đỏ, rầy xanh/ chè; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Nông Sinh
9	Abamectin 35g/l (54g/l) + Azadirachtin 1g/l (1g/l)	Agassi 36EC, 55EC	36EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; nhện đỏ, rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu tơ/ cải xanh; bọ xít, sâu đục quả/ vãi; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/ dưa chuột; sâu đục quả/ đậu đũa 55EC: bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muối/ chè; sâu xanh da láng/ lạc; sâu tơ/ bắp cải; nhện lông nhung, sâu đục gân lá/ vãi; sâu đục quả/ xoài; bọ trĩ/ nho; nhện đỏ/ dưa hấu	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
10	Abamectin 10g/l + Azadirachtin 26g/l	Fimex 36EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/xoài; sâu khoang/ đậu tương	Công ty CP Công nghệ cao thuốc BVTV USA
11	Abamectin 35.8g/l (41.8g/l), (49.8g/l), (59.9g/l), (69g/kg), (99.9g/kg) + Azadirachtin 0.2g/l (0.2g/l, (0.2g/l), (0.1g/l), (1g/kg), (0.1g/kg)	Goldmectin 36EC, 42EC, 50EC, 60SC, 70SG, 100SG	36EC, 42EC, 50EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá/ đậu tương; rệp/ ngô; sâu khoang/ thuốc lá; sâu vẽ bùa/ cam; bọ cánh tơ/ chè; bọ trĩ/ điều; rệp sáp/ hồ tiêu 60SC, 70SG, 100SG: sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ

12	Abamectin 3.5g/l (36g/l) + Azadirachtin 0.1g/l (1g/l)	Mectinsuper 3.6EC, 37EC	sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải; sâu vẽ bùa/ bưởi; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
13	Abamectin 37 g/l + Azadirachtin 3 g/l	Vinup 40 EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng /súp lơ; sâu xanh/cà chua; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; rệp đào/ thuốc lá; nhện đỏ/ cam; sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH US.Chemical
14	Abamectin 6 g/l + Azadirachtin 1g/l + Emamectin benzoate 5g/l	Elincol 12ME	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ/ cam; sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP ENASA Việt Nam
15	Abamectin 0.1% (1.7%), (3.5%) + <i>Bacillus thuringiensis</i> var.kurstaki 1.9% (0.1%), (0.1%)	Kuraba WP, 1.8EC, 3.6EC	WP: sâu tơ, sâu xanh, sâu đo, dòi đục lá/ rau họ hoa thập tự; sâu khoang, sâu xanh/ lạc; sâu đo, sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa chuột; sâu đục thân/ ngô; sâu đục gân lá, sâu đục quả/ vải; nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, sâu ăn lá/ cây có múi; sâu xanh/ bông vải; sâu róm thông 1.8EC, 3.6EC: sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; nhện lông nhung/ vải; bọ cánh tơ, nhện đỏ, rầy xanh/ chè; sâu khoang, sâu xanh, sâu đục quả/ đậu tương, lạc; nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
16	Abamectin 9g/kg + <i>Bacillus thuringiensis</i> var.kurstaki 11g/kg	ABT 2 WP	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu đục cuống, sâu đục quả, sâu đục gân lá/ vải; nhện đỏ/ chè; bọ trĩ/ thuốc lá; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nông Sinh
17	Abamectin 1g/kg + <i>Bacillus thuringiensis</i> var.kurstaki 19g/kg	Akido 20WP	sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải, sâu vẽ bùa/ bưởi, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
18	Abamectin 2g/kg (35.5g/l), (53g/l) + <i>Bacillus thuringiensis</i> var. kurstaki 18g/kg (0.5g/l), (1g/l)	Atimecusa 20WP, 36EC, 54EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
19	Abamectin 1.8g/kg + <i>Bacillus thuringiensis</i> 20g/kg (10 ¹⁰ bt/g)	Tridan 21.8WP	sâu vẽ bùa/ cam; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; nhện lông nhung/ vải; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp súp/ cà phê; ruồi đục quả/ xoài; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ xít/ lúa	Công ty CP Kỹ thuật công nghệ Klever
20	Abamectin 0.2 % (30g/l) + Beta-cypermethrin 0.8% (15g/l)	Smash 1EC, 45EC	1EC: sâu khoang/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa 45EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH VT BVTV Phương Mai
21	Abamectin 17.5g/l (35g/l), (48.5g/l) (25g/l), (36g/l) +	Confitin 18 EC, 36EC, 50EC,	18EC, 36EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, bọ	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức

	Chlorfluazuron 0.5g/l (1g/l), (1.5g/l), (50g/l), (54g/l)	75EC, 90EC	nhảy, rệp/ cải xanh; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục cuống quả/ vải; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông; bọ trĩ/ điều 50EC, 75EC, 90EC: Sâu xanh/ đậu xanh; bọ cánh tơ, bọ xít muỗi, rầy xanh/ chè; sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; bọ trĩ, sâu xanh da láng/ nho	
22	Abamectin 18 g/l + Chlorantraniliprole 45g/l	Voliam targo® 063SC	sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
23	Abamectin 10g/l + Chlorfenapyr 100g/l + Lambda-cyhalothrin 20g/l	Glan 130EC	rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
24	Abamectin 1.5% + Chlorpyrifos Ethyl 48.5%	Acek 50EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
25	Abamectin 40 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 150g/l	Cây búa vàng 190EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
26	Abamectin 9 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 241g/l	Monifos 250EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
27	Abamectin 10 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 545g/l	Paragon 555EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
28	Abamectin 0.9% + Chlorpyrifos Ethyl 24.1%	Phesoltinfos 25EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
29	Abamectin 2g/l + Chlorpyrifos Ethyl 148g/l	Vibafos 15 EC	sâu xanh da láng/ lạc, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
30	Abamectin 20 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 265g/l + Fenobucarb 265g/l	Furacarb 550EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
31	Abamectin 25g/l (36g/l), (25g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 505g/l (568g/l), (605g/l) + Lambda-cyhalothrin 25g/l (64g/l), (70g/l)	Cotoc 555EC, 668EC, 700EC	555EC: sâu cuốn lá/ lúa 668EC: rệp sáp/ cà phê 700EC: rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
32	Abamectin 25g/l + Chlorpyrifos Ethyl 505g/l +	Rotoc 555EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

	Lambda-cyhalothrin			
33	Abamectin 15g/l (25g/l), (25g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 300g/l (505g/l), (610g/l) + Lambda-cyhalothrin 18g/l (25g/l), (65g/l)	Sixtoc 333EC, 555EC, 700EC	333EC: Sâu cuốn lá/lúa 555EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp sáp giả/cà phê, sâu đục quả/đậu tương 700EC: Sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
34	Abamectin 18 g/l + Cypermethrin 132 g/l	Nongtac 150EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
35	Abamectin 2g/l (60g/l) + (dầu khoáng và dầu hoa tiêu) 243g/l (3g/l)	Song Mã 24.5 EC, 63EC	24.5 EC: sâu tơ/ rau cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè 63EC: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vật tư và Nông sản Song Mã
36	Abamectin 15g/l (5g/l), (55g/l), (5g/l), (75g/l), (100g/kg), (100g/kg) + Deltamethrin 15g/l (105g/l), (75g/l), (140g/l), (100g/l), (165g/l), (150g/kg), (50g/kg), (50g/kg) + Fipronil 45g/l (120g/l), (120g/l), (143g/l), (145g/l), (618g/kg), (600g/kg)	Thiocron 75EC, 230SC, 250EC, 288SC, 320EC, 768WG, 810WG	75EC, 320EC, 810WG: sâu cuốn lá/ lúa 230SC, 288SC: nhện gié/ lúa 250EC, 768WG: Sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
37	Abamectin 8.45% + Eamectin benzoate 1.54%	Abavec gold 9.99EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
38	Abamectin 18g/l, (64g/l), (7.2%), (25g/kg) + 10g/l, (1g/l), (4.0%), (50g/kg) Eamectin benzoate	Acprodi 28 EC, 65EC, 11.2WP; 75WG	28EC: sâu cuốn lá/ lúa, nhện lông nhung/nhân 65EC: nhện đỏ/ vải 11.2WP: rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa 75WG: nhện gié, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
39	Abamectin 30g/l (36g/l), (36g/kg) + Eamectin benzoate 10g/l (20g/l), (20g/kg)	B52duc 40EC, 56EC, 56SG, 68WG, 80WG	40EC, 56EC, 80WG: nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa 56SG: Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa 68WG: Sâu cuốn lá/lúa; nhện gié/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
40	Abamectin 18g/l (49g/kg), (1g/kg), (1g/kg) + Eamectin benzoate 3g/l (1g/kg), (60g/kg), (125g/kg)	Divasusa 21EC, 50WP, 61WG, 126WG	21EC: bọ trĩ/ lúa 21EC, 50WP: bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu róm/ thông 61WG, 126WG: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
41	Abamectin 22g/l (40g/kg), (40g/l), (50g/kg) +	Dofama 77EC, 120WG, 120EC,	77EC, 120WG: sâu cuốn lá/lúa 120EC, 150WG: Nhện đỏ/cam, nhện gié/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát

	Emamectin benzoate 55g/l (80g/kg), (80g/l), (100g/kg)	150WG		
42	Abamectin 30 g/l (45g/kg), (38g/kg), (45g/kg) + Emamectin benzoate 25g/l (41g/kg), (70g/kg), (90g/kg)	Footsure 55EC, 86WG, 108WG , 135WG	55EC: Sâu khoang/lạc 86WG, 108WG, 135WG: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Minh Thành
43	Abamectin 0.2g/l (0.5g/l), (15g/l), (30g/kg), (0.5g/kg), (27.5g/l), (35g/kg), (35g/l), (100g/kg), (100g/kg), (70g/l) + Emamectin benzoate 10g/l (20g/l), (20g/l), (30g/kg), (50g/kg), 27.5g/l (35g/kg), (40g/l), (50g/kg), (82g/kg), (30g/l)	Emalusa 10.2EC, 20.5EC, 35EC, 60SG, 50.5SG, 55EC, 70SG, 75EC, 150SG, 182SG, 100EC	10.2EC, 20.5EC, 50.5SG: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ đậu nành; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài 35EC: bọ trĩ/chè 55EC: rệp bông/ xoài 60SG: nhện đỏ/cam 70SG: sâu tơ/ bắp cải 75EC: bọ cánh tơ/chè 100EC: bọ trĩ/ lúa 150SG: sâu đục thân/lúa 182SG: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
44	Abamectin 30g/l+ 20g/l Emamectin benzoate	Uni-duapack 5EC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH World Vision (VN)
45	Abamectin 18g/l (38g/l), (78g/kg), (106g/kg) + Emamectin benzoate 2g/l (2g/l), (38g/kg), (20g/kg)	Unimectin 20EC, 40EC, 116WG, 126WG	20EC: bọ trĩ/ lúa 40EC, 116WG, 126WG: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất & TM Trần Vũ
46	Abamectin 20g/l (47g/l), (40g/l), (55g/l), (47g/l) + Emamectin benzoate 20g/l (10 g/l), (20g/l), (10g/l), (20g/l)	Voi tuyệt vời 40EC, 57EC, 60EC, 65EC, 67EC	40EC, 57EC, 65EC, 67EC: Rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa 60EC : Rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa, nhện lông nhung/nhãn	Công ty TNHH TM Nông Phát
47	Abamectin 35g/l (48.5g/l) + Emamectin benzoate 1g/l (1.5g/l)	Sieufatoc 36EC, 50EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; rầy bông/ xoài	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
48	Abamectin 36g/l (42g/l), (54g/l) + Emamectin benzoate 0.2g/l(0.2g/l), (0.2g/l)	Sitto Password 36.2EC, 42.2EC, 54.2EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh/ dưa hấu; rầy xanh/ chè; sâu khoang/ đậu tương; rầy bông/ xoài	Công ty CP Châu Á Thái Bình Dương (Asia Pacific)
49	Abamectin 37 g/l (55g/l),	Newmexone	38EC: Sâu phao/ lúa	Công ty TNHH Pháp Thụ Sĩ

	(1g/kg), (10g/kg), (1g/kg) + Emamectin benzoate 1g/l (1g/l), (60g/kg), (70g/kg), (125g/kg)	38EC, 56EC, 61WG, 80WG, 126WG	56EC: Sâu đục thân/ lúa 61WG, 80WG, 126WG: Sâu cuốn lá/lúa	
50	Abamectin 2% + Emamectin benzoate 1%	Hải cầu 3.0EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
51	Abamectin 3% + Emamectin benzoate 2%	Daiwantin 5EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty CP Futai
52	Abamectin 3% (60g/l) + Emamectin benzoate 2% (10g/l)	Jia-mixper 5EC, 70EC	5EC: sâu xanh da láng/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa 70EC: sâu cuốn lá, nhện gié /lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
53	Abamectin 33g/l (43g/l), (53g/l), (60g/l) + Emamectin benzoate 5g/l (5g/l), (5g/l), (5g/l)	S-H Thôn Trang 3.8EC, 4.8EC, 5.8EC, 6.5EC	3.8EC, 4.8EC, 5.8EC: sâu cuốn lá/ lúa 6.5EC: sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
54	Abamectin 18g/l (18g/l), (33g/l) + Emamectin benzoate 2g/l, (9.5g/l), (2g/l)	TC-Năm Sao 20EC, 27.5EC, 35EC	20EC, 35EC: bọ cánh tơ/ chè, bọ trĩ/ dưa hấu, bọ xít/ vải, rệp muội/ nhãn, sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa 27.5EC: Sâu tơ/ bắp cải, bọ trĩ/ dưa hấu, sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít/ vải	Công ty TNHH Việt Thắng
55	Abamectin 20g/l + Emamectin benzoate 5g/l + Imidacloprid 120g/l	Vdcpenalduc 145EC	rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
56	Abamectin 0.1g/kg, (5g/l), (2g/kg) + Fipronil 2.9g/kg, (50g/l), (798g/kg)	Michigane 3GR, 55SC, 800WG	3GR, 800WG: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 55SC: sâu khoang/ lạc	Cali – Parimex Inc.
57	Abamectin 17.5g/l (35g/l) + Fipronil 0.5g/l (1g/l)	Scorpion 18 EC, 36EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông; bọ trĩ/ điều	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
58	Abamectin 15 g/l + Fipronil 45 g/l + Lambda- cyhalothrin 15g/l	Calitoc 75EC	sâu cuốn lá/ lúa	Cali – Parimex. Inc.
59	Abamectin 10g/l (10g/l), (10g/l), (10g/l), (1.8%) + Imidacloprid 98g/l (128g/l) (148g/l) (168g/l), (25%)	Talor 10.8EC, 13.8EC, 15.8EC, 17.8EC, 26.8WP	10.8EC: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa 13.8EC, 15.8EC, 17.8EC, 26.8WP: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

60	Abamectin 10g/l + Imidacloprid 90g/l	Aba-plus 100EC	bọ trĩ, bọ xít hôi, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp muội/ đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
61	Abamectin 15g/l (30g/l) + Imidacloprid 90g/l (90g/l)	Nosauray 105EC, 120EC	105EC: rầy nâu/ lúa 120EC: sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
62	Abamectin 15g/l + Imidacloprid 90g/l	Emicide 105EC	sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
63	Abamectin 18.5g/l (37g/l), (63g/l), (90g/kg), (108g/kg) + Imidacloprid 1.5g/l (3g/l), (9g/l), (18g/kg), (27g/kg)	Vetsemex 20EC, 40EC, 72EC, 108WG, 135WG	20EC, 40EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều 72EC: Sâu cuốn lá/ lúa 108WG: Sâu khoang/ lạc, sâu cuốn lá/lúa 135WG: Sâu khoang/lạc	Công ty CP Nông dược Việt Nam
64	Abamectin 35g/l + Imidacloprid 5g/l + Pyridaben 150g/l	Nospider 190EC	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất & TM Trần Vũ
65	Abamectin 18.5g/l + Imidacloprid 3.5g/l + Pyridaben 5.5g/l	Dugamite 27.5EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
66	Abamectin 15g/l (15g/l) + Indoxacarb 50g/l (135g/l)	Sixsess 65EC, 150EC	65EC: Sâu cuốn lá/ lúa 150EC: Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
67	Abamectin 36g/l + Indoxacarb 14g/l	Abacarb-HB 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
68	Abamectin 0.4% (9 g/l), (15g/l), (18g/kg) + Lambda-cyhalothrin 1.6% (45 g/l), (60g/l), (72g/kg)	Karatimec 2EC, 54EC, 75EC, 90WG	2EC: sâu xanh/ lạc 54EC: Sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/ lúa 75EC: Sâu cuốn lá/ lúa 90WG: Sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc	Công ty CP Nông dược Việt Nam
69	Abamectin 19g/l (38g/l), (9g/l), (48.5g/l), (18g/l), (36g/l) + Lambda-cyhalothrin 1g/l (2g/l), (27g/l) (1.5g/l), (32g/l), (39g/l)	Actamec 20EC, 40EC, 36EC, 50EC, 50EC, 75EC	20EC, 40EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều 36EC, 50EC(48.5g/l + 1.5g/l): Sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 50EC (18g/l + 32g/l): Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa 75EC: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu xanh/ đậu xanh	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
70	Abamectin 30g/l + Lambda	Bavella 99.9EC	Rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV

	cyhalothrin 50g/l + Phoxim 19.9g/l			Việt Trung
71	Abamectin 30g/l (20g/l), (10g/kg), (18g/l), (10g/l), (1g/l), (20g/kg) + Lambda-cyhalothrin 50g/l (50g/l), (100g/kg), (1g/l), (30g/l), (110g/l), (1g/kg) + Thiamethoxam 5g/l (50g/l), (20g/kg), (1g/l), (1g/l), (155g/l), (400g/kg)	Kakasuper 85EC, 120EW, 130WP; 20EC, 41ME, 266SC, 421WP	85EC, 120EW, 130WP: Sâu cuốn lá/lúa 20EC, 41ME: sâu cuốn lá/lúa 266SC, 421WP: rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
72	Abamectin 0.2% (50g/l) + Matrine 2% (25g/l)	Abecyny 2.2 EC, 75EC	2.2 EC: bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh/ cải bắp; rầy nâu/ lúa; nhện đỏ/ cam 75EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
73	Abamectin 1g/l (20g/l) + Matrine 5g/l (5g/l)	Ametrintox 6EC, 25EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua, lạc, đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu ăn hoa/ xoài	Công ty TNHH An Nông
		Luckyler 6EC, 25EC	sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, bọ nhậy, rệp/ cải xanh; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục cuống quả/ vải; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
74	Abamectin 20g/l + Matrine 5 g/l	Aga 25 EC	sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, rệp muội, bọ nhậy/ cải xanh, bắp cải; sâu cuốn lá, dòi đục lá/ đậu xanh, đậu tương; dòi đục lá, sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh, nhện đỏ/ cam; nhện đỏ, bọ xít muỗi, sâu đục quả/ vải, nhãn; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; rệp sáp, nhện đỏ, rầy xanh/ chè, cà phê; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; nhện đỏ, sâu xanh/ bông vải; bọ trĩ/ điều	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc
75	Abamectin 20g/l (56g/l) + Matrine 2g/l (2g/l)	Sudoku 22EC, 58EC	22EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ nho; rầy chổng cánh/ cam; bọ trĩ/ điều; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu đục cuống quả, sâu đục gân lá/ vải 58EC: nhện gié, rầy nâu/ lúa; bọ xít muỗi, bọ cánh tơ, nhện	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ

			đỏ/ chè; nhện lông nhung, bọ xít/ vãi; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu tơ/ cải xanh; sâu xanh/ nho	
76	Abamectin 1.8% + Matrine 0.2%	Miktox 2.0 EC	bọ xít, sâu đục quả/ vãi; rầy bông/ xoài; rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; sâu xanh da láng/ đậu tương; bọ trĩ, rầy xanh, bọ xít muỗi, nhện đỏ/ chè; rệp, sâu xanh bướm trắng, sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua	Công ty CP TM BVTV Minh Khai
77	Abamectin 2.0% (4.3%), (5.4%) + Matrine 0.2 % (0.2%), (0.2%)	Tramictin 2.2EC, 4.5EC, 5.6EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh/ cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
78	Abamectin 35g/l (48.5g/l) + Matrine 1g/l (1.5g/l)	Newlitoc 36EC, 50EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; rầy bông/ xoài	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
79	Abamectin 36g/l (42g/l), (54g/l) + Matrine 0.1g/l (0.2g/l), (0.2g/l)	Tinero 36.1EC, 42.2EC, 54.2EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ đậu tạch; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
80	Abamectin 36 g/l + Matrine 1 g/l	Kendojapane 37EC	Sâu đục bẹ/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
81	Abamectin 50 g/l + Matrine 5 g/l	Amara 55 EC	sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu đục thân/ lúa; sâu tơ/ cải xanh; sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ xít muỗi, bọ trĩ, rệp/ chè; sâu xanh da láng/ đậu xanh; sâu đục quả/ đậu tương; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài; một đục cành/ cà phê; rệp sáp/ hò tiêu; bọ trĩ, sâu đục thân/ điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
82	Abamectin 4g/l (1g/kg), (2g/kg) + Methylamine avermectin 35g/l (54g/kg), (114g/kg)	Pompom 3.9EC, 5.5WG, 11.6WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vật tư và Nông sản Song Mã
83	Abamectin 35 g/l + Permethrin 100g/l	Fisau 135EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
84	Abamectin 2% (40g/l) + Permethrin 7% (160g/l)	Dotimec 9EC, 200EC	9EC: sâu cuốn lá/ lúa 200EC: sâu cuốn lá, sâu keo/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
85	Abamectin 40 g/l + Permethrin 150 g/l	SBC-Thon Trang 190EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
86	Abamectin 20g/l +	Đầu trâu Bihopper	nhện đỏ/ chè, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Bình Điền

	Petroleum oil 250g/l	270EC		MeKong
87	Abamectin 0.2% + Petroleum oil 24.3%	Koimire 24.5EC	nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, rầy nâu/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; sâu đục quả/ xoài; nhện lông nhung/ vải; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Petis 24.5 EC	nhện đỏ/ cây có múi	Công ty TNHH TM Tùng Dương
88	Abamectin 0.2% (0.5%) + Petroleum oil 24.3% (24.5%)	Soka 24.5EC, 25 EC	24.5EC: sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam quýt, nhãn; nhện lông nhung/ vải; sâu xanh/ thuốc lá; sâu khoang/ lạc; dòi đục lá/ đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng/ cà chua; nhện đỏ, bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè 25EC: nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam, quýt; nhện lông nhung/ vải; nhện đỏ/ nhãn; sâu khoang/ lạc; sâu xanh da láng/ thuốc lá; dòi đục lá, sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ bí xanh, dưa chuột, dưa hấu; sâu cuốn lá, bọ xít dài, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu đục thân/ lúa; sâu xanh da láng/ bông vải; rầy chổng cánh, ruồi đục quả/ cam; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Trường Thịnh
89	Abamectin 0.2% + Petroleum oil 24.8%	Feat 25EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa chuột, bí xanh, dưa hấu; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ lạc; nhện đỏ/ cam; nhện lông nhung, nhện đỏ/ nhãn	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
90	Abamectin 1% + Petroleum oil 24%	Batas 25EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng, sâu khoang/ lạc; sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện lông nhung/ vải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; rầy bông/ xoài; rệp sáp/ hồ tiêu	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
91	Abamectin 5g/l + Petroleum oil 245g/l	Tikrice 25EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè	Công ty CP XNK Thọ Khang
92	Abamectin 0.3% + Petroleum oil 88%	Visober 88.3EC	Nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cây có múi; rệp sáp/ cà phê; nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
93	Abamectin 0.3% (55g/l) + Petroleum oil 39.7% (5g/l)	Sword 40 EC, 60EC	40EC: bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; dòi đục lá/ cải bó xôi; bọ trĩ, bọ phấn/ dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rệp muội/ cam 60EC: nhện đỏ/ vải, nhện lông nhung/nhãn	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
94	Abamectin 5g/l, (5g/l) + Petroleum oil 295g/l, (395g/l)	Aramectin 300EC, 400EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ đậu trạch; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ

			bông/ xoài	
95	Abamectin 9g/l (18g/l), (36g/l) + Petroleum oil 241g/l (342g/l), (464g/l)	Blutoc 250EC, 360EC, 500EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
96	Abamectin 9g/l (18g/l), (36g/l) + Petroleum oil 241g/l (332g/l), (464g/l)	Sieulitoc 250EC, 350EC, 500EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
97	Abamectin 10g/l + Profenofos 50g/l + Pyridaben 150g/l	Fidasuper 210EC	nhện đỏ/đậu tương	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Newprojet 210EC	nhện đỏ/đậu tương	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
98	Abamectin 18 g/l + Pyridaben 150 g/l	Aben 168EC	nhện gié, rầy nâu/ lúa; rệp/ hồ tiêu; sâu hồng/ bông vải; rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
99	Abamectin 20g/l + Pyridaben 160g/l	Nomite-Sạch nhện 180EC	Nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
100	Abamectin 12g/l + Quinalphos 138g/l	Sieu fitoc 150EC	sâu cuốn lá; nhện gié/lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
101	Abamectin 12 g/l + Quinalphos 238 g/l	Acpratin 250EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
102	Abamectin 20g/l + Spinosad 25 g/l	Aterkil 45 SC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ hành; sâu khoang/ lạc; nhện đỏ /cam	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
103	Abamectin 22g/l + Spinosad 25g/l	Rice NP 47SC	Sâu đục quả/vải	Công ty TNHH TM Nông Phát
104	Abamectin 36g/l + Thiamethoxam 72g/l	Solvigo® 108SC	Tuyến trùng/cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
105	Abamectin 10 g/kg + Thiosultap-sodium (Monosultap) 950g/kg	Aba-top 960WP	sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu, sâu đục thân, bọ xít hôi/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
106	Acephate (min 97%)	Anitox 50SC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Ansect 72SP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Appenphate 75SP	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
		Asataf 75SP	sâu xanh/ đậu tương	Công ty TNHH MTV Lucky
		Binhmor 40EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ xít/ lúa; rệp sáp, rệp vảy/ cà	Bailing Agrochemical Co., Ltd

			phê	
		BM Promax 75WP	rầy nâu/ lúa	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
		Lancer 50SP, 75SP, 97WG	50SP: sâu đục thân/ lúa, rệp vảy/ cà phê, sâu đục quả/ đậu tương 75SP: rệp vảy/ cà phê, sâu khoang/ lạc, sâu cuốn lá/ lúa 97WG: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Mace 75SP, 97SP	75SP: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa; sâu khoang/ thuốc lá; bọ xít muỗi/ điều 97SP: sâu đục bẹ/ lúa, sâu xanh/ thuốc lá, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		MO-annong 40SL, 75SP, 300SL	40SL: bọ xít/ lúa 75SP, 300SL: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Monster 40 EC, 75 WP	40EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp/ cà phê; rệp/ thuốc lá 75WP: sâu đục thân/ lúa, rệp sáp/ cà phê, sâu khoang/ thuốc lá	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Mytox 5GR, 40EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Orthene 75SP, 97Pellet	75SP: sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; sâu đục thân/ ngô; rệp sáp/ cà phê 97Pellet: rệp/ thuốc lá	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Song hy 75SP	sâu cuốn lá/ lúa	Sinon Corporation, Taiwan
		Viaphate 40EC, 75SP	40EC: sâu đục thân/ lúa 75SP: sâu xanh/ đậu tương	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
107	Acephate 21% + Chlorpyrifos Ethyl 14%	Achony 35 WP	sâu đục quả/ đậu tương, sâu năn/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
108	Acephate 50% + Imidacloprid 1.8%	Acemida 51.8 SP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
109	Acetamiprid (min 97%)	Actatoc 150EC, 200WP, 200EC, 350EC	150EC, 350EC: rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê, rệp bông xo/ mía 200EC: rầy nâu/ lúa 200WP: rầy nâu/ lúa; rệp bông xo/ mía; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Afeno 30WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Amender 200SP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Amsipilan	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông

		20SP		
		Ascend 20 SP	rệp sáp/ cà phê, rầy nâu/ lúa, bọ trĩ/ điều	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Cayman 25WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
		Daiwance 200SP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Futai
		Domosphi 10SP, 20 EC	10SP: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; sâu xanh/ đậu tương; rầy xanh/bông vải 20EC: rệp sáp/ cà phê, sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP Thanh Điền
		Google 30WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
		Hotray 200SL	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Melycit 20SP	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ ca cao	Công ty CP Long Hiệp
		Mopride 20 WP	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; bọ trĩ/ điều; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Mosflannong 30EC, 200WP, 300WP, 300SC, 600WG	30EC: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa 200WP: bọ trĩ, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa 300WP, 300SC, 600WG: Rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Mospilan 3 EC, 20SP	3EC: rệp sáp/ cà phê, rầy xanh/bông vải, rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa 20SP: Rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Motsuper 36WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Nired 3 EC	bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nicotex
		Otoxex 200SP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Raysuper 30EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Quỳnh Giao
		Sadamir 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Sếu đỏ 3 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Tosi 30WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BMC
		Uni-aceta 20SP	Rầy nâu/lúa, bọ trĩ/ điều	Công ty TNHH World Vision (VN)
110	Acetamiprid 30g/l + Alpha-cypermethrin 50g/l	Mospha 80 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ đậu tương	Công ty CP Đồng Xanh
111	Acetamiprid 100g/kg +	Sieuray	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Hoá nông

	Buprofezin 150g/kg	250WP		Mỹ Việt Đức
112	Acetamiprid 10% + Buprofezin 15%	Uni-acetafezin 25WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
113	Acetamiprid 15%, (170g/kg), (170g/kg) (170g/kg) + Buprofezin 35%, (380g/kg), (430g/kg) (480g/kg)	Asimo super 50WP, 550WP, 600WP, 650WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
114	Acetamiprid 150g/kg (200g/kg), (150g/kg) + Buprofezin 150g/kg, (200g/kg), (350g/kg)	Ba Đăng 300WP, 400WP, 500WP	300WP: rầy nâu/ lúa, rệp muội/ cà phê 400WP, 500WP: rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
115	Acetamiprid 20% + Buprofezin 20%	Penalty 40WP	rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa	Công ty TNHH ADC
116	Acetamiprid 20% (22%), (24%) + Buprofezin 20% (25%), (30%)	Khongray 40WP, 47WP, 54WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
117	Acetamiprid 20% + Buprofezin 25%	Binova 45WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
118	Acetamiprid 250 g/kg + Buprofezin 250g/kg	Acetapro 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Kital
		Everest 500WP	Rầy nâu/ lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Nam Bộ
119	Acetamiprid 400g/kg + Buprofezin 250g/kg	Atylo 650WP	Rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Thái Nông
120	Acetamiprid 150 g/kg + Buprofezin 150 g/kg + Chlorpyrifos Ethyl 450g/kg	CLB-Thôn trang 750WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
121	Acetamiprid 200g/l + Buprofezin 150g/l + Chlorpyrifos ethyl 400g/l	Chlorusa 750EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
122	Acetamiprid 40g/kg (10g/l), (1g/l), (50g/l), (300g/kg) + Buprofezin 120g/kg (20g/l), (1g/l), (50g/l), (200g/kg) + Fenobucarb 10g/kg (200g/l), (510g/l), (450g/l), (100g/kg)	Chavez 170WP, 230EC, 512EC, 550EC, 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung

123	Acetamiprid 100 g/kg + Buprofezin 300g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Rakotajapane 500WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
124	Acetamiprid 150g/kg + Buprofezin 255g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Calira 555WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
125	Acetamiprid 100 g/kg (20g/kg), (50g/l), (300g/kg) + Buprofezin 150 g/kg (20g/kg), (20g/l), (150g/kg) + Isoprocarb 50 g/kg (300g/kg), (300g/l), (150g/kg)	Chesone 300WP, 340WP, 370EC, 600WP	300WP: rầy nâu/ lúa 340WP, 370EC, 600WP: rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
126	Acetamiprid 450g/kg + Buprofezin 300g/kg + Thiamethoxam 50.8g/kg	Osioi 800.8WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
127	Acetamiprid 3% + Cartap 92%	Hugo 95SP	sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Hóc Môn
128	Acetamiprid 50g/l (240g/kg), (100g/kg) (100g/l) + Chlorpyrifos ethyl 200g/l (10g/kg), (400g/kg), (550g/l)	Checsusa 250EC, 250WG, 500WP, 650EC	250EC: Rệp sáp/ cà phê 250WG: Rệp bông xo/ mía 500WP: Sâu đục thân, rầy nâu/lúa 650EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
129	Acetamiprid 2% + Chlorpyrifos Ethyl 18%	Ecasi 20EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Enasa Việt Nam
		Nicopro 20EC	Sâu đục thân, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nicotex
130	Acetamiprid 30g/l+ Chlorpyrifos Ethyl 495g/l	Megashield 525EC	Rầy nâu, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa; mọt đục cành, rệp sáp/ cà phê; sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
131	Acetamiprid 200 g/kg + Chlorpyrifos Ethyl 300g/kg	Mopride rubi 500WP	Rệp sáp/cà phê ; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
132	Acetamiprid 80g/l + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l	Classico 480EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP VTNN Việt Nông
133	Acetamiprid 200g/l + Chlorpyrifos ethyl 500g/l	Fivtoc super 700EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
134	Acetamiprid 100g/l + Chlorpyrifos Ethyl 260g/l + Fenobucarb 306g/l	Politoc 666EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình

135	Acetamiprid 200g/kg + Chlorpyrifos Ethyl 400g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Xojapane 800WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
136	Acetamiprid 150g/kg + Dinotefuran 250g/kg	Acnal 400WP	Rầy nâu/ lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Thái Nông
137	Acetamiprid 300g/kg + Emamectin benzoate 50g/kg	Jojetino 350WP	Bọ trĩ/ lúa	Công ty CP NN HP
138	Acetamiprid 50 g/l + Fenobucarb 350 g/l	Jara 400EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
139	Acetamiprid 5% + Fipronil 5%	Supper Chipusa 10EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
140	Acetamiprid 0.1 g/kg, (0.2g/l), (20g/kg) + Fipronil 2.9 g/kg, (49.8g/l) (780g/kg)	Dogent 3GR, 50SC, 800WG	3GR, 50SC, 800WG: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 3GR: sâu khoang/ lạc 50SC: rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
141	Acetamiprid 5g/l (10g/kg), (280g/kg), (100g/kg), (20g/kg) + Fipronil 10g/l (20g/kg), (20g/kg), (300g/kg), (800g/kg)	Redpolo 15EC, 30WP, 300WP, 400WG, 820WG	15EC, 30WP, 820WG: sâu cuốn lá/ lúa 300WP: rầy nâu/ lúa 400WG: sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
142	Acetamiprid 50g/l + Fipronil 50g/l	Amibest 100ME	Rầy nâu, sâu đục thân/lúa, rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Việt Hoá Nông
143	Acetamiprid 3% (30g/l), (30g/kg), (30g/kg) + Imidacloprid 2% (20g/l), (20g/kg), (20g/kg)	Sutin 5EC, 50SC, 50WP, 50WG	5EC: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa 50SC, 50WP, 50WG: Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV I TW
144	Acetamiprid 70g/kg + Imidacloprid 130g/kg	Sachray 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
145	Acetamiprid 200g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Azorin 400WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nông dược HAI QUI NHON
146	Acetamiprid 100g/kg (125g/kg), (200g/kg) + Imidacloprid 50g/kg (125g/kg), (200g/kg)	Mã lục 150WP, 250WP, 400WP	150WP, 400WP: rầy nâu, bọ xít/ lúa; rệp sáp/ cà phê 250WP: bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
147	Acetamiprid 100 g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Vip super 300WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
148	Acetamiprid 100 g/l + Imidacloprid 55 g/l	Nongiahy 155SL	Rệp sáp/ cà phê, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH – TM Thái Phong
149	Acetamiprid 150 g/kg ,	Setusa	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX

	(150g/kg), (150g/kg)+ Imidacloprid 200g/kg (250g/kg), (350g/kg)	350WP, 400WP, 500WP		Thôn Trang
150	Acetamiprid 25% (20%) + Imidacloprid 8% (16%)	Caymangold 33WP, 36WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
151	Acetamiprid 77g/kg + Metolcarb (min 98%) 200g/kg	Diệt rầy 277WP	Rầy nâu/Lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú
152	Acetamiprid 80 g/l + Novaluron 100 g/l	Cormoran 180EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Adama Việt Nam
153	Acetamiprid 150g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Apazin-HB 450WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
154	Acetamiprid 250g/kg (400g/kg), (400g/kg) + Pymetrozine 250g/kg (300g/kg), (300g/kg)	Secso 500WP, 700WP, 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
155	Acetamiprid 25% + Pymetrozine 50%	Centrum 75WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
156	Acetamiprid 30g/l + Pyridaben 170g/l	Sedox 200EC	nhện gié/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
157	Acetamiprid 10 g/kg + Thiamethoxam 240g/kg	Goldra 250WG	rầy nâu/ lúa, rệp bông xo/ mía	Công ty CP Nông dược Việt Nam
158	Acetamiprid 100 g/kg + Thiamethoxam 250g/kg	B-41 350WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
159	Acetamiprid 50g/kg + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 550g/kg	Alfatac 600 WP	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
160	Acetamiprid 50 g/kg + Thiosultap-sodium (Nereistoxin)700g/kg	Goldan 750 WP	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
161	Alpha-cypermethrin (min 90 %)	Ace 5 EC	sâu phao/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Alfacua 10 EC	sâu đục bẹ/ lúa, bọ xít muỗi/ điều, rệp sáp/ cà phê, sâu khoang/ lạc	Công ty CP Đồng Xanh
		Alfathrin 5EC	sâu cuốn lá nhỏ/ lúa, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Alpha	5EC : sâu cuốn lá, cua/ lúa	Map Pacific PTE Ltd

5EC, 10EC, 10SC	10EC: sâu khoang/ lạc 10SC: kiến/ cà phê, sâu khoang/ lạc, bọ trĩ/ lúa, bọ xít muỗi/ điều	
Alphacide 50EC, 100EC, 170EC, 260EC	50EC: sâu cuốn lá, bọ xít/ lúa 100EC: bọ xít/ lúa 170EC, 260EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
Altach 5 EC	sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít/ lạc	Công ty CP Nông dược HAI
Anphatox 2.5EC, 5EC, 25EW, 50EW, 100SC	2.5EC: sâu đục thân/ lúa 5EC: sâu khoang/ lạc, bọ xít/ lúa 25EW, 50EW: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; rệp muội/ đậu tương; sâu đục quả/ cà phê 100SC: bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH An Nông
Antaphos 25EC, 50EC, 100EC	25EC: sâu cuốn lá/ lúa 50EC: sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương 100EC: sâu đục quả/ cà phê, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
Bestox 5EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít/ lúa; rệp/ đậu tương	FMC Agricultural Products Interational AG
Bpalatox 25EC, 50EC, 100EC	25EC: bọ trĩ/ lúa 50EC: sâu cuốn lá/ lúa 100EC: sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH TM Bình Phương
Caterice 5EC	bọ trĩ/lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
Cyper-Alpha 5 EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
Dantox 5 EC	bọ trĩ/ lúa, sâu xanh/ bông vải, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Fastac 5 EC	bọ trĩ, bọ xít, rầy, sâu cuốn lá/ lúa; rệp/ cà phê	BASF Vietnam Co., Ltd.
Fascist 5EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Long Hiệp
Fastocid 5 EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu khoang/khoai lang; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Fastphos 50EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Fentac 2.0 EC	sâu đục quả/ đậu tương	Imaspro Resources Sdn Bhd
FM-Tox 25EC, 50EC, 100EC	25EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi/ điều 50EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê 100EC: sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng

		Fortac 5 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc	Forward International Ltd
		Fortox 25EC, 50 EC, 100EC	25EC, 50EC: sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa 100EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM DV Ảnh Dương
		Motox 2.5EC, 5EC, 10EC	2.5EC: bọ xít, bọ trĩ/ lúa; kiến, rệp sáp/ cà phê; rệp/ đậu tương 5EC: bọ xít muỗi/ điều; rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; bọ xít, bọ trĩ, sâu keo lúa; sâu đục quả/ đậu xanh 10EC: rệp/ bông vải; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Pertox 5 EC, 100EW, 250EW, 250WP	5EC: bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 100EW, 250EW, 250WP: Sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Pytax-s 5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Sapen-Alpha 5 EC	sâu hồng/ bông vải; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ, bọ xít/ lúa cận	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Supertox 25EC, 50EC, 100EC	50EC: sâu đục thân / lúa 25EC, 100EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Cali – Parimex. Inc.
		Thanatox 5EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP ND Việt Nam
		Tiper-Alpha 5 EC	bọ xít/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Unitox 5 EC	bọ xít/ lúa, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Vifast 5EC, 10 SC	5EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; bọ xít muỗi/điều 10SC: bọ xít/ lúa; mối/ cao su, cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
162	Alpha-cypermethrin 30g/l (50g/kg) + Buprofezin 100g/l (200g/kg) + Chlorpyrifos Ethyl 300g/l (500g/kg)	Soddy 430EC, 750WP	430EC: rầy nâu/ lúa 750WP: sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
163	Alpha-cypermethrin 100g/l (50g/kg) + Chlorflazuron 10g/l (20g/kg) + Fipronil 50g/l (200g/kg)	Kalou 160EW, 270WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
164	Alpha-cypermethrin 120g/l + Chlorfenapyr 100g/l + Emamectin benzoate 30g/l	Cupvang 250EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

165	Alpha-cypermethrin 100g/l + Chlorfenapyr 90g/l + Indoxacarb 110g/l	Extrausa 300SE	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
166	Alpha - cypermethrin 1% (2%), (1.6%) + Chlorpyrifos Ethyl 16% (38%), (65%)	Apphe 17EC, 40EC, 666EC	17EC: sâu đục thân/ lúa, ngô; sâu xanh/ đậu tương; sâu đục quả/ bông vải 40EC: sâu đục quả/ đậu tương, rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều, sâu khoang/ lạc, sâu cuốn lá/ lúa, mối/ cao su 666EC: sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/cà phê, sâu khoang/đậu tương	Công ty CP Đồng Xanh
167	Alpha-cypermethrin 20g/l (40g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 230g/l (460g/l)	Supertac 250EC, 500EC	250EC: sâu khoang/ lạc 500EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
168	Alpha-cypermethrin 50g/l + Chlorpyrifos Ethyl 500g/l	Fitoc 550EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
169	Alpha-cypermethrin 50g/l (50g/kg), (50g/l), (50g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 25g/l, (500g/kg), (600g/l), (700g/l)	VK.sudan 75EC, 550WP, 650EC, 750EC	75EC: Bọ trĩ/ lúa 550WP: Rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê 650EC: Rầy nâu, nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê 750EC: Rệp sáp/cà phê; sâu xanh da láng/đậu tương; sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
170	Alpha-cypermethrin 2% + Chlorpyrifos Ethyl 38%	Careman 40EC	Mọt đục cành/cà phê	Công ty CP TST Cần Thơ
171	Alpha-cypermethrin 300g/l + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l	Light 700EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
172	Alpha-cypermethrin 50g/l + Chlorpyrifos Ethyl 520g/l	Marvel 570EC	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Thuốc BVTV Mekong
173	Alpha-cypermethrin 40g/l (40g/l), (40g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l (410g/l), (437g/l) + Dimethoate 226g/l, (297g/l), (300g/l)	Bowing 666EC, 747EC, 777EC	666EC: Sâu đục thân/ngô 747EC: rệp sáp/cà phê 777EC: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
174	Alpha-cypermethrin 50g/l + Chlorpyrifos Ethyl 482g/l + Emamectin benzoate 18g/l	Agritoc 550EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Filitox super 550EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

175	Alpha-cypermethrin 40g/l, (40g/l), (40g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l, (410g/l), (420g/l) + Fenobucarb 210g/l, (250g/l), (260g/l)	Rocketasia 650EC, 700EC, 720EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
176	Alpha-cypermethrin 55g/l + Chlorpyrifos ethyl 300g/l + Fenobucarb 311g/l	Pictoc 666EC	Sâu cuốn lá/Lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
177	Alpha-cypermethrin 30g/l (25g/l), (60g/kg) + Chlorpyrifos Ethyl 220g/l (565 g/l), (440g/kg) + Imidacloprid 50g/l (5g/l), (100g/kg)	Spaceloft 300EC, 595EC, 600WP	300EC: Bọ trĩ, rầy nâu, nhện gié, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa; rệp sáp/cà phê 595EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; mọt đục cành/cà phê 600WP: Rệp sáp, mọt đục cành/ cà phê; rầy nâu, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
178	Alpha-cypermethrin 50g/l (50g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 520g/l (545g/l) + Indoxacarb 30g/l (5g/l)	Vitashield gold 600EC	600EC (50g/l + 520g/l + 30g/l): Sâu đục thân, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp, mọt đục cành/cà phê 600EC (50g/l + 545g/l + 5g/l): Mọt đục cành, rệp sáp/cà phê; nhện gié, sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ phấn/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
179	Alpha-cypermethrin 66g/l + Chlorpyrifos ethyl 400g/l + Quinalphos 200g/l	Picmec 666EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
180	Alpha-cypermethrin 50g/l + Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Thiamethoxam 30 g/l	Hiddink 630EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
181	Alpha-cypermethrin 10g/l (15g/l), (20g/l) + Dimethoate 140g/l (185g/l), (280g/l)	Cyfitox 150EC, 200EC, 300EC	150EC, 200EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 300EC: rệp sáp/ cà phê; sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa; rệp/ mía	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
182	Alpha-cypermethrin 50g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Redtoc 100EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
183	Alpha-cypermethrin 5g/kg (10g/kg), (30g/l), (60g/l) + Fenobucarb 50g/kg (10g/kg), (450g/l), (10g/l) + Isoprocarb 30g/kg, (350g/kg), (50g/l), (10g/l)	Sieugon 85GR, 370WP, 530EC, 80EW	80EW, 85GR, 370WP: rầy lưng trắng/lúa 530EC: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
184	Alpha-cypermethrin 100g/l	Sieublack	350SC: sâu đục bẹ, sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà	Công ty TNHH An Nông

	(150g/kg) + Fipronil 100g/l (300g/kg) + Imidacloprid 150g/l (300g/kg)	350SC, 750WP	phê 750WP: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa, rệp sáp/cà phê	
185	Alpha-cypermethrin 1%, (75g/kg) + Fipronil 9% (150g/kg) + Indoxacarb 20% (75g/kg)	Acmastersuper 30WP, 300SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
186	Alpha-cypermethrin 30g/l + Imidacloprid 20g/l	Alphador 50EC	bọ xít, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thanh Điền
187	Alpha-cypermethrin 50g/l + Imidacloprid 100g/l + Thiamethoxam 200g/l	Zap 350SC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
188	Alpha-cypermethrin 50g/l + Permethrin 5g/l + Profenofos 30g/l	Ktedo 85EC	bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
189	Alpha-cypermethrin 50g/l (100 g/l), (100g/l), (30g/l) + Phoxim 45g/l (30 g/l), (100g/l), 400g/l)	Kasakiusa 95EC, 130EW, 200EC, 430EC	95EC: Bọ trĩ/lúa 130EW, 200EC: Sâu cuốn lá/lúa 430EC: Sâu đục thân/lúa, bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
190	Alpha-cypermethrin 10g/l + Profenofos 200g/l	Profast 210EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa, sâu xanh/ đậu tương, rệp sáp, rệp vảy, sâu đục quả/ cà phê	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
191	Alpha-cypermethrin 30g/l (30g/l) + Profenofos 270g/l (570g/l)	Actatac 300EC, 600EC	300EC: sâu đục thân/ lúa 600EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
192	Alpha-cypermethrin 30g/l + Quinalphos 270g/l	Moclodan 300EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
193	Alpha-cypermethrin 35g/l + Quinalphos 215g/l	Focotoc 250EC	sâu khoang/ lạc	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
194	Amino acid	Amino 15SL	Rầy nâu/ lúa	Công ty Hợp danh SH NN Sinh Thành
195	Amitraz (min 97%)	Binhtac 20EC	Nhện gié/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Mitac 20 EC	Nhện gié/ lúa	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
196	Amitraz 350g/kg + Hexythiazox 100g/kg	Map nano 450WP	nhện gié/lúa	Map Pacific PTe Ltd
197	Annonin (min 95%)	TT-Anonin1EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh/ cà chua, sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH TM Tân Thành
198	Artemisinin	Visit 5 EC	sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/ rau; rầy xanh/ chè; rệp muội, bọ trĩ/ cây có múi	Công ty CP PAC

199	Azadirachtin	Agiaza 0.03 EC, 4.5EC	0.03EC: sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân/ lúa; bọ trĩ, rầy xanh/ chè; rệp sáp/ na; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ rau cải; nhện đỏ/ ớt; rệp/ cà 4.5EC: sâu xanh/ cải xanh; sâu đục quả, nhện đỏ/ ớt; sâu tơ/ bắp cải; rệp sáp/ thuốc lá; nhện đỏ/ hoa hồng; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp/ cà pháo; sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân/ lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rệp sáp/ na; bọ cánh tơ, nhện đỏ, rầy xanh/ chè	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
		Altivi 0.3EC	sâu tơ, sâu xanh/ rau cải xanh; nhện đỏ, rầy xanh/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam, quýt; sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Aza 0.15 EC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Phan Lê
		A-Z annong 0.15EC, 0.3EC, 0.6EC, 0.9EC	0.15EC: rầy nâu, cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ cải bông; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ/ cam; rệp muội/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê. 0.3EC: sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ cải bông, đậu tương; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ/ cam; rệp muội/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh/ cà chua 0.6EC, 0.9EC: bọ trĩ, sâu phao đục bẹ, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ súp lơ; sâu xanh/ cà chua; sâu xanh da láng/ đậu tương; nhện đỏ/ cam; rệp đào/ thuốc lá; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Bio Azadi 0.3SL	bọ trĩ/ nho	Công ty TNHH CNSH Điền Trang Xanh
		Boaza 0.3EC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Nông Duyên
		Cittioke 0.6EC, 0.9EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua	Eastchem Co., Ltd.
		Goldgun 0.3EC, 0.6EC, 0.9EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ súp lơ; sâu xanh/ cà chua, đậu tương; rệp đào/ thuốc lá; nhện đỏ/ cam; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Hoaneem 0.15EC, 0.3EC	sâu cuốn lá/lúa; bọ nhảy, sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương; nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ bưởi	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Jasper 0.3 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu tơ/ cải xanh, nhện đỏ/ cây có múi, rầy bông/ nho, rệp/ thuốc lá, rầy xanh/ chè	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Kozomi 0.15EC, 0.3EC, 1EC	0.15EC: bọ nhảy/ bắp cải; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

			0.3EC: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu xanh da láng, sâu đục quả/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; rệp đào/ thuốc lá; sâu vẽ bùa/ bưởi; rầy xanh/ xoài 1EC: rệp đào/ thuốc lá; rầy xanh/ xoài; sâu đục quả/ đậu đỗ; rầy xanh chè	
	Minup 0.3EC, 0.6EC, 0.9EC		0.3EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ súp lơ, đậu tương; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ/ cam; rệp đào/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh/ cà chua 0.6EC, 0.9EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ súp lơ, đậu tương; sâu xanh/ cà chua; rệp đào/ thuốc lá; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH US.Chemical
	Misec 1.0 EC		sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu tơ, bọ nhảy, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng
	Mothian 0.35EC		sâu tơ/ bắp cải, rau cải, súp lơ, su hào; sâu khoang/ rau dền, mồng tơi, rau muống; sâu đục quả/ cà tím, ớt, đậu cove; bọ nhảy/ cải thảo; nhện đỏ/ cam	Công ty CP Nông nghiệp Thiên An
	Neem Nim Xoan Xanh green 0.15 EC, 0.3 EC		0.15EC: ruồi đục lá/ cải bó xôi, rệp sáp/ cà phê, bọ cánh tơ/ chè 0.3EC: ruồi đục lá/ cải bó xôi, rệp sáp/ cà phê, bọ cánh tơ/ chè, sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh da láng/ cải bông, tuyến trùng/cà phê	Công ty TNHH Ngân Anh
	Sarkozy 0.3EC, 1EC		sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
	Sokotin 0.3EC		sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; nhện đỏ, rầy xanh/ chè	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
	Super Fitoc 10EC		sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
	Trutat 0.32EC		sâu đục quả/ đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; sâu tơ/ bắp cải; rệp muội/ cải bẹ; bọ nhảy/ rau cải; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh da láng/ thuốc lá	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
	Vineem 1500EC		rệp/ cải thảo; bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; bọ nhảy, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ trĩ, nhện đỏ, bọ xít muỗi, rầy xanh/ chè	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
200	Azadirachtin 1.5g/kg + Chlorfluazuron 200g/kg +	Mig 18 207WG	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng

	Emamectin benzoate 5.5g/kg			
201	Azadirachtin 7g/l, (9g/l) + Emamectin benzoate 7.5g/l, (9g/l)	Ramec 15EC, 18EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
202	Azadirachtin 0.1g/l (0.1g/l), (0.2g/l) , (0.1g/kg), (0.1 g/kg), (0.1g/l), (0.1g/l), (0.1g/kg), (0.1g/l) (0.1g/kg), (0.1g/kg) + Emamectin benzoate 10g/l (20g/l), (40g/l), (54.9g/kg), (69.9g/kg), (74.9g/l), (79.9g/l), (102.9g/kg), (62.9g/l), (177.9g/kg), (199.9g/kg)	Emacinmec 10.1EC, 20.1EC, 40.2EC, 55SG, 70SG, 75SC, 80EC, 103SG, 63EC, 178SG, 200SG	10.1EC, 20.1EC, 40.2EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu tơ/ bắp cải; rầy xanh/ chè; rệp bông/ xoài; nhện đỏ/ cam 55SG, 80EC: sâu cuốn lá/ lúa 63EC: rầy bông/xoài 70SG, 75SC: Sâu tơ/bắp cải 103SG: rầy nâu/lúa 178SG: bọ cánh tơ/ chè 200SG: sâu vẽ bùa/cam	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
203	Azadirachtin 3 g/l (3g/kg), (3g/l), (3g/kg), (3g/kg) + Emamectin benzoate 22 g/l (52g/kg), (52g/l), (62g/kg), (97g/kg)	Promathion 25EC, 55WG, 55EC, 65WG, 100WG	25EC: nhện đỏ/cam 25EC, 55WG: Sâu xanh/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa, sâu tơ/ bắp cải 55EC: Sâu tơ/bắp cải 65WG, 100WG: Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
204	Azadirachtin 1 g/kg + Emamectin benzoate 115g/kg	Dragonfly 116WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Đầu tư và PT TM QT Thăng Long
205	Azadirachtin 0.124% + Extract of Neem oil 66%	Agrimorstop 66.124EC	sâu khoang/ lạc	Kital Ltd.
206	Azadirachtin 3 g/l + Matrine 2 g/l	Lambada 5EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ hành; sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
207	Azadirachtin 5g/l + Matrine 4g/l	Golmec 9EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
208	Azadirachtin 0.6% + Matrine 0.4%	Biomax 1 EC	sâu xanh bướm trắng, rệp muội, sâu tơ/ bắp cải, cải xanh; sâu xanh da láng/ đậu tương, cà chua; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ, rệp muội/ chè; bọ nhậy/ cải làn; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rệp muội/ cam; sâu vẽ bùa, rệp muội, nhện đỏ/ quýt	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông

209	Azadirachtin 3g/l + Spinosad 17g/l	Dompass 20SC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
210	Azocyclotin (min 98%)	Qualityjapane 300EC	Nhện gié/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
211	Azocyclotin 150g/l (450g/kg) + Buprofezin 60g/l (250g/kg) + Diflubenzuron 150g/l (50g/kg)	Usagtox 360SC, 750WP	360SC: Nhện gié/lúa 750WP: Nhện đỏ/ cà phê; sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ phấn trắng, nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
212	Azocyclotin 100g/l, (600g/kg), (200g/kg) + Flonicamid 260g/l, (100g/kg), (550g/kg)	Autopro 360SC, 700WP, 750WP	360SC, 750WP: rệp sáp/cà phê, rầy nâu/lúa 700WP: nhện gié/ lúa, nhện đỏ/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
213	Azocyclotin 150g/l (300g/kg) + Spiromesifen (min 97%) (200g/l), 400g/kg	Trextot 350SC, 700WP	350SC: nhện gié/lúa 700WP: nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH An Nông
214	<i>Bacillus thuringiensis</i> var. aizawai	Aizabin WP	sâu tơ, sâu xanh, sâu đo/ rau họ hoa thập tự; sâu khoang, sâu cuốn lá/ lạc; sâu khoang, sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh, sâu khoang, sâu đo/ cà chua; sâu cuốn lá/ cây có múi; sâu xanh, sâu khoang/ thuốc lá; sâu xanh, sâu đo/ bông vải	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
		Aztron WG 35000 DMB U	sâu tơ/ cải bắp; sâu xanh da láng/ cà chua; sâu xanh da láng, sâu tơ, sâu khoang/ cải xanh; sâu vẽ bùa/ cây có múi; sâu đục quả/ hồng xiêm, xoài	Công ty TNHH Ngân Anh
		Enasin 32WP	Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa, sâu tơ/bắp cải; sâu đục quả/ đậu đũa	Công ty CP ENASA Việt Nam
		Map-Biti WP 50000 IU/mg	sâu xanh, sâu tơ/ bắp cải; sâu khoang/ rau cải, dưa hấu; sâu xanh/ cà chua, đậu tương, thuốc lá	Map Pacific PTE Ltd
		Xentari 35WG	sâu tơ/ bắp cải, sâu khoang/ nho	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
215	<i>Bacillus thuringiensis</i> var.kurstaki	An huy (8000 IU/mg) WP	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu cô ve; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Biobit 16 WP, 32WP	sâu xanh/ bắp cải, sâu xanh/ bông vải	Forward International Ltd
		Biocin 16 WP, 8000 SC	16WP: sâu tơ/ rau cải, sâu xanh da láng/ lạc 8000SC: sâu tơ rau cải, bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu	Công ty CP BVTV Sài Gòn

		Baolus 50000 IU/mg WP	sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Bicilus 18WP	sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH King Elong
		Comazol (16000 IU/mg) WP	sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; rầy xanh, nhện đỏ/ chè	Công ty CP Nicotex
		Crymax [®] 35 WP	sâu tơ/ bắp cải	Cali – Parimex. Inc.
		Delfin WG (32 BIU)	sâu tơ/ rau cải; sâu đo/ đậu đũa; sâu xanh/ cà chua, hoa hồng, hành; sâu đục quả/ vải; sâu xanh da láng/ lạc; sâu khoang, sâu xanh/ bắp cải; sâu róm/ thông	Công ty TNHH Việt Thắng
		Dipel 6.4WG	sâu tơ/ bắp cải, bọ xít muỗi, sâu cuốn lá/ chè	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Forwabit 16 WP, 32WP	sâu xanh/ bắp cải, sâu ăn lá/ bông vải	Forward International Ltd
		Halt 5% WP (32000 IU/mg)	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc	Công ty CP Công nghệ tiêu chuẩn sinh học Vĩnh Thịnh
		Jiabat 15WG, (50000 IU/mg) WP	15WG: sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ cải bắp (50000 IU/mg)WP: sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Kuang Hwa Bao WP 16000 IU / mg	sâu tơ, sâu bướm trắng/ bắp cải	Bion Tech Inc.
		MVP 10 FS	sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải	Cali – Parimex. Inc.
		Newdelpel (16000 IU/mg) WP, (32000 IU/mg) WP, (64000 IU/mg) WG	sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu xanh/ cà chua	Công ty TNHH An Nông
		Shian 32 WP (3200 IU/mg)	sâu tơ/ rau cải	Công ty TNHH MTV Tô Nam Biotech
		Thuricide HP, OF 36 BIU	HP: sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh/ hành, cà chua, hoa hồng; sâu đục quả/ vải, cà chua; sâu xanh da láng/ lạc; sâu róm/ thông OF 36BIU: sâu xanh, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh/ hành, cà chua, hoa hồng; sâu đục quả/ vải; sâu xanh da láng/ lạc; sâu róm/ thông	Công ty TNHH Việt Thắng
		Vbtusa (16000 IU/mg) WP	sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải; sâu vẽ bùa/ cam; sâu róm/ thông; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Vi - BT 16000WP, 32000WP	16000WP: sâu ăn lá/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa 32000WP: sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh da láng/ lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		V.K 16 WP, 32 WP	sâu xanh/ bông vải, sâu tơ/rau	Công ty CP BVTV I TW
216	<i>Bacillus thuringiensis</i> var.	Bitadin WP	sâu ăn lá, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/ rau; sâu xanh, sâu	Công ty TNHH Nông Sinh

	kurstaki 16.000 IU + Granulosis virus 10 ⁸ PIB		xanh da láng, sâu khoang, sâu đục thân, sâu đục quả/ bông vải, thuốc lá; sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; sâu róm/ thông; rệp bông xo/ mía	
217	<i>Bacillus thuringiensis</i> var. kurstaki 1.6% + Spinosad 0.4%	Xi-men 2SC	bọ phấn, dòi đục lá/ cà chua; sâu tơ, rệp muội, sâu xanh/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu tương; sâu xanh da láng/ hành; dòi đục lá, nhện đỏ/ dưa chuột; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucly
218	<i>Bacillus thuringiensis</i> . var. 7216	Amatic (10 ¹⁰ bào tử/ml) SC	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu cove; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Pethian (4000 IU) SC	sâu tơ/ su hào; sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu cove; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp Thiên An
219	<i>Bacillus thuringiensis</i> var. T 36	TP-Thần tốc 16.000 IU	sâu đục thân/ lúa; rầy xanh, bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; sâu xanh/ cà chua	Công ty TNHH Thành Phương
220	<i>Beauveria bassiana</i> Vuill	Biovip 1.5 x 10 ⁹ bào tử/g	rầy, bọ xít/ lúa	Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long
		Muskardin 10WP	sâu đục thân/ lúa, ngô; sâu xanh da láng/ cà chua, rầy nâu/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
221	<i>Beauveria bassiana</i> 1x10 ⁹ bào tử/ g + <i>Metarhizium anizopliae</i> 0.5 x 10 ⁹ bào tử/g	Trắng xanh WP	rầy nâu/ lúa	Công ty Hợp danh SH NN Sinh Thành
222	Bensultap (min 98%)	Pretiny 95WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
223	Beta-cypermethrin (min 98.0 %)	Chix 2.5 EC	sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ/ lúa; sâu khoang/ lạc; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Daphatox 35 EC	sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát
		Nicyper 4.5 EC	sâu xanh/ đậu xanh, rệp vảy/ cà phê, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nicotex
224	Beta-cypermethrin 50g/l, (60g/kg), (200g/l), (10g/kg) + Buprofezin 50g/l, (60g/kg), (10g/l), (300g/kg)	Okamex 100EC, 120WP, 210SC, 310WP	100EC: sâu đục thân/ lúa 120WP: Sâu cuốn lá/ lúa 210SC, 310WP: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
225	Beta-cypermethrin 70g/l + Chlorpyrifos ethyl 480g/l	Superfos 550EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
226	Beta-cypermethrin 36g/l + Chlorpyrifos ethyl 425g/l +	Wofamec 666EC	Sâu đục thân/ lúa	Công ty CP QT Hoà Bình

	Quinalphos 205g/l			
227	Beta-cypermethrin 50g/l + Emamectin benzoate 10g/l + Lufenuron 60g/l	Caranygold 120EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
228	Beta-cypermethrin 10g/l, (15g/l), (20g/kg) (20g/l) + Profenofos 200 g/l (100g/l), (300g/kg) (500g/l) + Thiamethoxam 50 g/l (160g/l), (100g/kg) (50g/l)	Akulagold 260 EW, 275SC, 420WP, 570EC	260EW, 420WP: rầy nâu, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp/ cà phê 275SC: rầy lưng trắng/lúa 570EC: rầy nâu/ lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
229	Benfuracarb (min 92 %)	Fucarb 20EC	Tuyến trùng/ cà phê, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Oncol 5GR, 20EC, 25WP	5GR: sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp vảy, tuyến trùng/ cà phê 20EC, 25WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp vảy, tuyến trùng, ấu trùng ve sầu/cà phê	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
230	Bifenthrin (min 97%)	Talstar 10 EC	sâu khoang/ lạc, sâu xanh da láng/ đậu tương, bọ xít muỗi/ điều	FMC Agricultural Products Interational AG
231	Bifenthrin 17.1% + Imidacloprid 17.1%	Vote 34.2SC	sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH Phú Nông
232	Bifenthrin 50g/l + Imidacloprid 250g/l	Galil 300SC	nhện gié, bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
233	Bifenthrin 50g/l + Novaluron 50g/l	Rimon Fast 100SC	sâu xanh da láng/ lạc, mọt đục cành/cà phê	Công ty TNHH Adama Việt Nam
234	Buprofezin (min 98 %)	Annongaplau 100WP, 250WP, 250SC, 400SC, 400WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Anproud 70WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Aperlaur 100WP, 250WP, 500EC, 500WP, 700WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Apolo 10WP, 25WP, 25SC, 40WP	10WP, 25SC: rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê 25WP: rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê, rầy/ xoài 40WP: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		Applaud 10WP, 25SC, 25WP	10WP: rầy/ lúa, rầy xanh/ chè 25SC: rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cam	Nihon Nohyaku Co., Ltd.

	25WP: rầy nâu/ lúa	
Asmai 100WP, 250WP, 350WP, 500WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
Bolo 25SC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
Bombi 300WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
Bush 700WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
Butal 10 WP, 25WP	10WP: rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê, xoài; rầy chổng cánh/ cây có múi; bọ xít muỗi/ điều 25WP: rầy chổng cánh/ cam; rầy nâu/ lúa; rầy xanh/ chè; rệp sáp/ xoài, cà phê; bọ xít muỗi/ điều	Bailing Agrochemical Co., Ltd
Butyl 10WP, 40WG, 400SC	10WP: rầy nâu/ lúa, rầy xanh/ chè 40WG: rầy nâu/ lúa, rầy bông/ xoài, rầy nâu nhỏ, rầy lưng trắng/lúa 400SC: rầy nâu/ lúa, rầy bông/ xoài	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Difluent 10WP, 25WP	10WP: rầy nâu/ lúa 25WP: rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ na	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Encofezin 10WP, 25WP	10WP: rầy nâu/ lúa, bọ xít muỗi/ chè 25WP: rầy nâu / lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
Hello 250WP, 500WP, 700WG	250WP: rầy nâu/ lúa; rệp, rầy bông/ xoài; rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; rệp sáp/ cà phê; rầy chổng cánh/ cam 500WP: rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê, na; rầy chổng cánh/cam 700WG: Rầy nâu/lúa, rầy bông/xoài, rệp sáp/cà phê, rệp sáp/cam, rệp muội/dừa hấu, bọ xít muỗi/điều, rầy xanh/lạc	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Lobby 10WP, 25WP	10WP: rầy nâu/ lúa 25WP: rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa	Công ty TNHH ADC
Map-Judo 25 WP, 800WP	25WP: rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cam 800WP: rệp sáp/ cà phê, rầy nâu/ lúa	Map Pacific PTE Ltd
Oneplaw 10WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
Pajero 30WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
Partin 25WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát

		Profezin 10WP, 250WP, 400SC	10WP, 250WP: Rầy nâu/lúa 400SC: Bọ xít muỗi/chè, rầy bông/ xoài, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Hóc Môn
		Ranadi 10 WP, 25WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Sấm sét 25WP, 400SC	25WP: rầy nâu/ lúa, rầy bông/ xoài 400SC: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Shadevil 250WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV SNY
		Thần công 25WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
		Tiffy Super 500WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Tiksun 250WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Uni-prozin 25WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Viappla 10WP, 25WP	rầy nâu/ lúa, rầy xanh/ chè	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
235	Buprofezin 100 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 500g/l	Nanofos 600EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
236	Buprofezin 10% + Chlorpyrifos Ethyl 40%	Abm 50EC	rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
237	Buprofezin 100g/l (100g/kg) + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l (400g/kg)	Penalty gold 50EC, 50WP	50EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, rầy nâu, bọ trĩ, bọ xít, sâu đục thân, nhện gié, rầy phấn trắng/lúa; rệp sáp, mọt đục cành/ cà phê 50WP: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH ADC
238	Buprofezin 100 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 455g/l	Proact 555EC	sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; sâu đục quả, rệp muội/đậu tương; sâu đục quả, mọt đục cành/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
239	Buprofezin 100g/l + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l	Bonus-gold 500EC	rầy nâu, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nicotex
240	Buprofezin 100g/l (150g/l), (150g/l), (150g/l) + Chlorpyrifos ethyl 400g/l (500g/l), (550g/l), (600g/l)	B52-Usa 500EC, 650EC, 700EC, 750EC	500EC: Sâu cuốn lá/ lúa 650EC: Rầy nâu/lúa 700EC: Sâu đục thân/lúa 750EC: Rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Nông dược Đại Nam
241	Buprofezin 25% (150g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 5% (400g/l)	U30-Thôn trang 30WP, 55EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
242	Buprofezin 250g/l +	Towtoc 700EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

	Chlorpyrifos ethyl 450g/l			
243	Buprofezin 280g/kg, (100g/kg), (300g/kg). (250g/l), (250g/l) + Chlorpyrifos ethyl 300g/kg (400g/kg), (300g/kg), (400g/l), (510g/l) + Dinotefuran 15g/kg (100g/kg), (25g/kg), (16g/l), (17g/l)	Dragoncin 595WP, 600WP, 625WP, 666EC, 777EC	595WP, 625WP: Rầy nâu/lúa 666EC: Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa 777EC, 600WP: rệp sáp/cà phê, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
244	Buprofezin 150g/l + Chlorpyrifos Ethyl 350g/l + Dinotefuran 200g/l	Nanosynusa 700EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
245	Buprofezin 100g/l + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Fenobucarb 200g/l	Nanora super 700EC	rầy nâu, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
246	Buprofezin 120g/l + Chlorpyrifos Ethyl 480g/l + Fipronil 35g/l	Saguaro 635EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Winter 635EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy phấn trắng, nhện gié/lúa	Công ty TNHH ADC
247	Buprofezin 200g/kg (90g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 50g/kg (400g/l) + Imidacloprid 200g/kg (10g/l)	Bamper 450WP, 500EC	450WP: Rầy nâu/lúa 500EC: Sâu đục thân, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông dược Việt Thành
248	Buprofezin 100 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 450g/l + Imidacloprid 50g/l	Clacostusa 600EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
249	Buprofezin 200g/kg (150g/kg) + Chlorpyrifos Ethyl 300g/kg (400g/kg) + Imidacloprid 100g/kg (150g/kg)	Himlam 600WP, 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
250	Buprofezin 400 g/kg + Chlorpyrifos Ethyl 300g/kg + Imidacloprid 40g/kg	Federo 740WP	Rầy nâu/ lúa	Eastchem Co., Ltd
251	Buprofezin 22% + Chlorpyrifos Ethyl 5% + Imidacloprid 3%	Maraton 30EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Lion Agrevo

252	Buprofezin 90g/l (120g/l), (300g/kg) + Chlorpyrifos ethyl 300g/l (460g/l) (400g/kg) + Lambda-cyhalothrin 30g/l (20g/l), (50g/kg)	Topple 420EC, 600EC, 750WP	420EC: Sâu đục thân/ lúa 600EC: Rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục thân/lúa 750WP: Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
253	Buprofezin 100g/kg (160g/kg), (160g/kg) + Chlorpyrifos ethyl 200g/kg (206g/kg) (210g/kg) + Pymetrozine 300g/kg (320g/kg), (330g/kg)	Tresbacmy 600WP, 686WG, 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP TM và Đầu tư Bắc Mỹ
254	Buprofezin 100g/l + Chlorpyrifos ethyl 400g/l + Permethrin 100g/l	Supergun 600EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
255	Buprofezin 200g/kg + Clothianidin 200g/kg	Nikita 400WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
256	Buprofezin 400g/l + Deltamethrin 50g/l	Mastercide 45SC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều	Sundat (S) Pte Ltd
257	Buprofezin 400g/l + Deltamethrin 50g/l	Season 450SC	rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp, mọt đục cành/ cà phê, bọ xít muỗi/điều, sâu đục quả/cà phê	Công ty TNHH TM DV XNK Đức Thành
258	Buprofezin 150g/kg + Dinotefuran 50g/kg	Sieubup 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
259	Buprofezin 25% + Dinotefuran 5%	Apta 300WP	Rầy nâu/ lúa, bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH ADC
260	Buprofezin 180g/kg + Dinotefuran 120g/kg	Dino-top 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
261	Buprofezin 150g/kg + Dinotefuran 250g/kg	Lotoshine 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Party 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Raynanusa 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
262	Buprofezin 155g/kg, 180g/kg (210g/kg), (250g/kg) + Dinotefuran 150g/kg, 193g/kg (208g/kg),	Bluecat 450WP, 568WG, 608WP, 658WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP TM Đầu tư Bắc Mỹ

	(208g/kg) + Imidacloprid 145g/kg, 195g/kg (190g/kg), (200g/kg)			
263	Buprofezin 20g/l (54.5g/l), (250g/kg), (90g/kg) + Dinotefuran 0.5g/l (0.5 g/l), (10g/kg), (10g/kg) + Isoprocarb 60g/l (400g/l), (200g/kg), (400g/kg)	Sinevagold 81EW, 455EC, 460WP, 500WP	81EW: bọ trĩ/lúa 455EC: Rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê 460WP, 500WP: Rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
264	Buprofezin 7% + Fenobucarb 20 %	Applaud-Bas 27 WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
265	Buprofezin 100g/l + Fenobucarb 500g/l	Hoptara2 600EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
266	Buprofezin 5 g/kg, (100g/l), (300g/kg) + Fenobucarb 80 g/kg, (500g/l), (350g/kg)	Roverusa 85GR, 600EC, 650WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
267	Buprofezin 250g/l + Fenobucarb 425g/l	Gold-cow 675EC	rầy nâu/lúa, bọ xít/hồ tiêu; rệp sáp/cà phê; rệp/đậu xanh; sâu xanh/lạc	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
268	Buprofezin 100g/kg (120g/kg), (10g/l), (1g/l) (20g/l) + Fenobucarb 10g/kg (10g/kg), (10g/l), (511g/l), (500g/l) + Thiamethoxam 10g/kg (10g/kg), (350g/l), (1g/l), (30g/l)	Helloone 120WP, 140WP, 370SC, 513EC, 550EC	120WP, 550EC: Rầy lưng trắng/lúa 140WP, 370SC, 513EC: rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
269	Buprofezin 100g/kg (20g/l), (50g/kg), (20g/l) + Fenobucarb 10g/kg (200g/l) (1g/kg), (500g/l) + Thiamethoxam 10g/kg (1g/l), (250g/kg), (30g/l)	Buccas 120WP, 221EC, 301WP, 550EC	rầy lưng trắng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
270	Buprofenzin 250g/kg + Fipronil 50g/kg	Lugens top 300WP	rệp sáp/ cà phê; bọ xít, bọ trĩ, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông

271	Buprofezin 20g/l (125.5g/kg), (20g/kg), (230g/kg) + Fipronil 20g/l (0.5g/kg), (100g/kg), (30g/kg) + Imidacloprid 5g/l (40g/kg), (100g/kg), (500g/kg)	Fidanone 45EW, 166WP, 220WP, 760WG	45EW, 220WP: Sâu cuốn lá/lúa 166WP, 760WG: Rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
272	Buprofezin 6.7%, (40%) + Imidacloprid 3.3% (10%)	Gold Tress 10WP, 50WP	10WP: rầy nâu/ lúa 50WP: rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
273	Buprofezin 6.7% (22%) + Imidacloprid 3.3% (17%)	Thần Công Gold 10WP, 39WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
274	Buprofezin 6.7% + Imidacloprid 3.3%	Imiprid 10WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
275	Buprofezin 10% + Imidacloprid 20%	Daiphat 30WP	rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty CP Futai
		Uni-prozindor 30WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
276	Buprofezin 25% + Imidacloprid 15%	IMI.R4 40WP	Rầy nâu/ lúa, rệp sáp/cà phê, bọ xít muỗi/điều	Công ty CP Thanh Điền
277	Buprofezin 150g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Cytoc 250WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Shepatoc 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
278	Buprofezin 200g/kg + Imidacloprid 50g/kg	Anchies 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
279	Buprofezin 195 g/kg + Imidacloprid 25g/kg	Ascophy 220WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
280	Buprofezin 250 g/kg + Imidacloprid 25g/kg	Efferayplus 275WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
281	Buprofezin 200g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Imburad 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Bình Điền Mê Kông
282	Buprofezin 250g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Map spin 350WP	rầy nâu/ lúa	Map Pacific Pte Ltd
283	Buprofezin 250g/kg (300g/kg) + Imidacloprid 50g/kg (100g/kg)	Babsax 300WP, 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng

284	Buprofezin 300 g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Wegajapane 450WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
285	Buprofezin 450g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Diflower 600WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh Rê
286	Buprofezin 22.5% (20g/kg), (50g/l), (200g/l), (250g/kg) + Imidacloprid 2.5% (100g/kg), (200g/l), (200g/l), (500g/kg)	VK.Superlau 25WP, 120WP, 250EC, 400SC, 750WG	25WP, 250EC, 400SC, 750WG: Bọ trĩ, rầy nâu/ lúa 120WP: Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
287	Buprofezin 90g/kg (20g/l), (50g/l), (20g/kg), (200g/kg) + Imidacloprid 20g/kg (1g/l), (50g/l), (20g/kg), (300g/kg) + Isoprocarb 100g/kg (300g/l), (350g/l), (410g/kg), (100g/kg)	Topogold 210WP, 321EC, 450EC, 450WP, 600WP	450EC, 600WP: Rầy nâu/lúa 210WP, 321EC, 450WP: rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
288	Buprofezin 300g/l (550g/kg) + Imidacloprid 30g/l (150g/kg) + Lambda-cyhalothrin 50g/l (50g/kg)	Ilteruper 380SC, 750WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
289	Buprofezin 105g/kg, (190g/kg), (18g/kg), (150g/kg), (6g/kg), (20g/kg), (200g/kg) + Imidacloprid 40g/kg, (18g/kg), (191g/kg), (150g/kg), (5g/kg), (20g/kg), (200g/kg) + Thiosultap-sodium 40g/kg, (38g/kg), (38g/kg), (50g/kg), (429g/kg), (710g/kg), (400 g/kg)	Actaone 185WP, 246WP, 247WP, 350WG, 440WP, 750WP	185WP, 350WG: rầy nâu/ lúa 246WP, 247WP: Rầy nâu, bọ trĩ/lúa 440WP: sâu cuốn lá/ lúa 750WP: Sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
290	Buprofezin 5.0% + Isoprocarb 20.0 %	Applaud-Mipc 25SP	rầy/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Jabara 25WP	rầy nâu/ lúa	FarmHannong Co., Ltd.

291	Buprofezin 50g/kg + Isoprocarb 200g/kg	Apromip 25WP	rầy nâu/ lúa, rầy xanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
292	Buprofezin 6% + Isoprocarb 19%	Superista 25EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
293	Buprofezin 350g/kg (200g/kg) + Lambda-cyhalothrin 30g/kg (50g/kg) + Nitenpyram 300g/kg (500g/kg)	Goldcheck 680WP, 750WP	680WP: Nhện gié, rầy nâu/lúa 750WP: Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
294	Buprofezin 150g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Pytrozin 450WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
295	Buprofezin 150 g/kg (150g/kg) + Pymetrozine 150 g/kg (500g/kg)	Tvpymemos 300WP, 650WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất & TM Trần Vũ
296	Buprofezin 150g/kg (200g/kg), (50g/kg), (20g/kg) + Pymetrozine 20g/kg, (200g/kg), (500g/kg), (780g/kg)	Chesgold 170WP, 400WP, 550WG, 800WP	170WP, 550WG: rầy nâu/lúa 400WP, 800WP: rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
297	Buprofezin 200g/kg (50g/kg), (1g/kg) + Pymetrozine 200g/kg (500g/kg), (520g/kg)	Topchest 400WP, 550WG, 521WG	400WP, 521WG: Rầy nâu/ lúa 550WG: Rầy lưng trắng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
298	Buprofezin 200g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Biggun 700WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
299	Buprofezin 100g/kg + Pymetrozine 400g/kg	Andoches-super 500WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
300	Buprofezin 255g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Zheds® 555WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế APC Việt Nam
301	Buprofezin 100g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Chatot 600WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
302	Buprofezin 400g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Vintarai 600WG	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
303	Buprofezin 20g/kg + Pymetrozine 40g/kg	Azatika 60WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
304	Buprofezin 10% + Tebufenozide 5 %	Jia-ray 15WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)

		Quada 15WP	rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
305	Buprofezin 250g/kg (450g/kg) + Tebufenpyrad (min 98%) 350g/kg (250g/kg)	Newtime 600WP, 700WP	600WP: Nhện gié/lúa 700WP: nhện gié/ lúa, nhện đỏ/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
306	Buprofezin 250 g/kg + Thiamethoxam 50 g/kg	Acme 300WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
307	Buprofezin 269g/kg (449g/kg), (499g/l), (50g/kg) + Thiosultap- sodium (Nereistoxin) 1g/kg (1g/kg), (1g/l), (450g/kg)	Aplougent 270WP, 450WP, 450SC, 500WP	270WP, 450WP, 450SC: rầy nâu/lúa 500WP: sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
308	Carbaryl (min 99.0%)	Carbavin 85 WP	rầy/ hoa hồng	Bion Tech Inc.
		Comet 85 WP	rầy nâu/ lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Forvin 85 WP	sâu đục thân/ lúa	Forward International Ltd
		Saivina 430 SC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sebaryl 85 SP	rầy nâu/ lúa, sâu đục quả/đậu xanh	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
309	Carbosulfan (min 93%)	Afudan 3GR, 20 SC	3GR: sâu đục thân/ ngô, tuyến trùng/ cà phê 20SC: sâu đục thân/ lúa, bọ trĩ/ bông vải	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		Amitage 200EC	rầy nâu/lúa, mọt đục cành, rệp sáp/ cà phê; tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Carbosan 25 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Coral 5GR, 200SC	5GR: sâu đục thân/ lúa 200SC: rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH - TM ACP
		Dibafon 5GR, 200SC	5GR: tuyến trùng/ mía 200SC: rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Công nghiệp Khoa học Mùa màng Anh-Rê
		Dofacar 5GR	Tuyến trùng/ cà phê	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Marshal 3GR, 5GR, 200SC	3GR: sâu đục thân/ mía; sâu đục thân, rầy nâu/ lúa 5GR: sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; tuyến trùng/ cà phê 200SC: sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; rệp sáp, ve sầu/ cà phê	FMC Agricultural Products Interational AG
		Vifu-super 5 GR	tuyến trùng/ hồ tiêu, cà phê; rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân, sâu năn, rầy nâu, tuyến trùng/lúa; sâu đục thân/ ngô, mía;	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

			sùng đất/ mía	
310	Carbosulfan 200 g/l + Chlorfluazuron 50g/l	Sulfaron 250EC	Sâu đục thân, sâu đục bẹ, sâu keo, nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp, mọt đục cành /cà phê; sâu xanh lóng/lạc, rệp sáp bột hồng/sắn	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
311	Carbosulfan 200g/l + Chlorfluazuron 50g/l + Fipronil 50g/l	Sulfaron gold 300EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
312	Carbosulfan 200 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l	Bop 600EC	mọt đục cành, rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân/lúa; sâu đục cành, sâu đục thân/điều	Công ty TNHH ADC
313	Carbosulfan 200 g/l + Chlorpyrifos ethyl 300g/l	Sappro 500EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Trường Thịnh
314	Cartap (min 97%)	Badannong 4GR, 10GR, 95SP	4GR: sâu đục thân/ lúa 10GR: sâu đục thân/ lúa, mía 95SP: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu ăn lá/ lạc	Công ty TNHH An Nông
		Bazan 5GR	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Caral 95 SP	sâu đục thân/ lúa	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Dantac 50GR, 100GR, 500SP, 950SP	50GR, 100GR, 500SP: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa 950SP: sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Gà nòi 4GR, 95SP	4GR: sâu đục thân/ lúa 95SP: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Jiatap 95SP	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Ledan 4GR, 10 GR, 95SP	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH - TM Bình Phương
		Longkick 50SP	sâu đục thân/ lúa	FarmHannong Co., Ltd.
		Nicata 95 SP	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Padan 4GR, 50SP, 95SP	4GR: sâu đục thân/ mía; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa 50SP: sâu đục thân/ lúa, ngô, mía 95SP: sâu đục thân/ mía; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Patox 4GR, 50SP, 95SP	sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; sâu đục thân/ mía	Công ty CP BVTV I TW
		Supertar 950 SP	Bọ xít/hồ tiêu; bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê; sâu đục	Công ty CP SX - TM - DV

			thân/ngô, mía; sâu khoang/lạc; sâu đục hoa/đậu xanh; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; rệp/thuốc lá; sâu xanh/đậu tương	Ngọc Tùng
		Wofadan 4GR, 50GR, 95SP, 100GR, 500SP	4GR: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 50GR, 100GR, 500SP: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa 95SP: sâu đục thân lúa, ngô	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Vicarp 4GR, 95SP	4GR: sâu đục thân/ lúa 95WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
315	Cartap 470 g/kg + Imidacloprid 30 g/kg	Abagent 500WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
316	Cartap 75% + Imidacloprid 10%	Nosau 85WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
317	Cartap hydrochloride 475g/kg + Fipronil 25g/kg	Wofagent 500WP	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
318	Celastrus angulatus	Agilatus 1EC	sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân/ lúa; bọ trĩ/ chè; rệp sáp/ cam; sâu đục quả/ vải; sâu tơ/ bắp cải; bọ nhậy/ rau cải; nhện đỏ/ ớt; dòi đục lá/ đậu trạch; sâu khoang/ thuốc lá	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Emnus 1EC	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu khoang/ lạc; sâu xanh da láng/ thuốc lá; rầy xanh, bọ trĩ/ chè; dòi đục lá/ đậu tương	Công ty TNHH Trường Thịnh
319	Chlorantraniliprole (min 93%)	DuPont™ Prevathon® 0.4GR, 5SC, 35WG	0.4GR: sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 5SC: dòi đục lá/ cà chua, dưa hấu; sâu xanh sọc trắng/ dưa hấu, sâu xanh da láng, sâu đục quả/ đậu tương, hành; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/cà chua, bọ nhậy/rau cải thìa, sâu khoang/lạc, sâu đục thân mình hồng/ mía 35WG: sâu tơ, bọ nhậy/ bắp cải; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa	DuPont Vietnam Ltd
320	Chlorantraniliprole 20%, (100g/l) + Thiamethoxam 20%, (200g/l)	Virtako® 40WG, 300SC	40WG: Rầy lưng trắng, rệp/ngô, sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu đục thân/ngô 300SC: sâu xám/ khoai tây	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
321	Chlorfenapyr (min 94%)	Alex 20SC, 50WG	20SC: nhện gié/ lúa 50WG: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Chlorferan 240SC	sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/điều; nhện gié, sâu đục bẹ, bọ trĩ, sâu đục thân/lúa; bọ trĩ/hoa mai; sâu xanh/hoa hồng; dòi đục lá/đậu tương	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Danthick 100EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM và PTNN ADI
		Ohayo 100SC	Sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty TNHH BMC

		Secure 10EC, 10SC	10EC: sâu xanh da láng/ đậu đỗ lấy hạt, sâu cuốn lá/ lúa 10SC: sâu xanh da láng/ lạc	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Sender 100EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Solo 350SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH King Elong
		Superjet 25EC, 110SC	25EC: Rầy lưng trắng/ lúa 110SC: Sâu cuốn lá, rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
		Yamato 25EC, 110SC	rầy lưng trắng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
322	Chlorfenapyr 100g/l + Cypermethrin 20g/l	Bugatteegold 120SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
323	Chlorfenapyr 10g/l + Chlorfluazuron 100g/l	Berry 110EC	Rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
324	Chlorfenapyr 100g/l + Chlorfluazuron 150g/l	Timdiet 250EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
325	Chlorfenapyr 100g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Bạch Hổ 150SC	sâu xanh da láng/ lạc; nhện gié, sâu phao đục bẹ, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/bông vải; bọ trĩ/điều; dòi đục lá/hoa cúc	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
326	Chlorfenapyr 25g/l + Fenprothrin 110g/l	Ikander 135EC	Rầy lưng trắng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
327	Chlorfenapyr 100g/l + Fipronil 100g/l	Force 200SC	sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/ hoa cúc, nhện đỏ/ hoa hồng, sâu xanh da láng/ lạc	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Ngọc Lâm
		Lumina 200SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
328	Chlorfenapyr 100g/l + Fipronil 50g/l	Kun super 150SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Tân Hưng
329	Chlorfenapyr 50g/l + Hexythiazox 50g/l	Secsorun 100SC	Nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ hoa hồng	Công ty CP Nông Việt
330	Chlorfenapyr 10g/l + Indoxacarb 160g/l	Pylagold 170SC	Rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
331	Chlorfenapyr 25g/l + Lambda-cyhalothrin 30g/l	Toposa 55EC	Rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
332	Chlorfenapyr 30g/l + Lambda cyhalothrin 20g/l + Profenofos 400g/l	Picana 450EC	Rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
333	Chlorfenapyr 25g/l + Lufenuron 25g/l	Dadygold 50EC	Rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
334	Chlorfluazuron (min 94%)	Alulinette	sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Quốc tế

		50EC		Hòa Bình
		Atabron 5EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/đậu tương, hành, lạc	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Atannong 50EC, 50SC	50EC: sâu phao/ lúa 50SC: sâu khoang/ lạc, sâu xanh da láng/ đậu xanh	Công ty TNHH An Nông
		Cartaprone 5 EC	sâu xanh/ lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
335	Chlorfluazuron 10% + Chlorpyrifos Ethyl 16%	Bn-samix 26EC	Sâu cuốn lá, nhện gié, sâu phao đục bẹ, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
336	Chlorfluazuron 150g/kg (100g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 200g/kg (460g/l) + Fipronil 250g/kg (40g/l)	Kampon 600WP, 600EC	600WP: sâu đục thân/lúa 600EC: rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
337	Chlorfluazuron 100g/l + Chlorpyrifos Ethyl 200g/l + Fipronil 100g/l	Akief 400EC	Sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu phao, sâu đục thân/lúa, rệp sáp/cà phê; sâu xanh/ lạc	Công ty TNHH TM Thái Nông
338	Chlorfluazuron 100g/l + Clothianidin 170g/l	TT Glim 270SC	sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
339	Chlorfluazuron 110g/l + Dinotefuran 160g/l	TT Checker 270SC	rầy nâu, sâu đục thân, rầy lưng trắng/lúa; bọ nhậy/bắp cải, bọ trĩ/chè, bọ phấn/cà chua	Công ty TNHH TM Tân Thành
340	Chlorfluazuron 55g/l + Emamectin benzoate 20g/l	AK Dan 75EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
341	Chlorfluazuron 2g/l + Emamectin benzoate 40g/l	Futoc 42EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
342	Chlorfluazuron 50g/l (100g/l), (100g/kg) + Emamectin benzoate 20g/l (40g/l), (40g/kg)	Director 70EC, 140EC, 140WP	70EC: Sâu tơ/ bắp cải, nhện đỏ/ ớt, sâu cuốn lá/ lúa, bọ trĩ/ hoa lay ơn 140EC, 140WP: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
343	Chlorfluazuron 50g/l (100g/l) + Emamectin benzoate 50g/l (30g/l)	Ammeri 80EC, 150EC	80EC: Sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa 150EC: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
344	Chlorfluazuron 100g/l (100g/kg), (100g/kg) + Emamectin benzoate 40g/l (40g/kg), (40g/kg)	Alantic 140SC, 140WG, 140WP	140WG: sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa 140WP: Nhện gié, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa 140SC: sâu cuốn lá /lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
345	Chlorfluazuron 100g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Cabala 150EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng

346	Chlorfluazuron 200g/l (230g/l), (260g/l), (175g/kg) + Emamectin benzoate 30g/l (30g/l), (40g/l), (40g/kg) + Fipronil 70g/l (90g/l), (100g/l), (300g/kg)	VetuJapane 300SC, 350SC, 400SC, 515WP	300SC: Sâu đục thân/lúa, sâu xanh/ đậu tương 350SC: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh/ đậu tương 400SC: Sâu đục thân/ lúa 515WP: Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
347	Chlorfluazuron 100g/l + Emamectin benzoate 40g/l + Fipronil 160g/l	Nofet 300EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
348	Chlorfluazuron 50g/l (100g/l) + Emamectin benzoate 50g/l (120g/l) + Indoxacarb 100g/l (80g/l)	Thadant 200SC, 300EC	200SC: Sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa 300EC: Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Anh Dẫu Tiên Giang
349	Chlorfluazuron 150g/l + Fipronil 250g/l	TT Bux 400SC	sâu cuốn lá/lúa; sâu đục thân/ngô, lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Vk.Suking 400EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
350	Chlorfluazuron 150g/l + Fipronil 200g/l	Hero super 350EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
351	Chlorfluazuron 100g/l + Fipronil 160g/l	Dofachip 260EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Fiplua 260EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
		Luckystar 260EC	Sâu năn, nhện gié, sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ xít/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Request 260EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Zumon super 260EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
352	Chlorfluazuron 100g/l + Fipronil 175g/l	Usamec 275EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
353	Chlorfluazuron 0.2g/kg, (100g/l), (200g/kg)+ Fipronil 9.7g/kg, (160g/l), (320g/kg)	Chief 9.9GR, 260EC, 520WP	9.9GR: rầy nâu, sâu năn, sâu đục thân/ lúa 260EC: Rầy phấn trắng, nhện gié, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu xanh/ lạc, 520WP: Rầy phấn trắng, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/ lúa; sâu xanh/ lạc	Công ty TNHH ADC
354	Chlorfluazuron 110g/l (200g/l), (250g/l),	Schiepusamy 285EC, 300SC, 350SC,	285EC, 300SC, 350SC: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 525WP: Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

	(200g/kg) + Fipronil 175g/l (100 g/l) (100g/l), (325g/kg)	525WP		
355	Chlorfluazuron 100 g/l (200g/kg) + Fipronil 100g/l (300g/kg) + Imidacloprid 100g/l (250g/kg)	Goodtrix 300SC, 750WP	300SC: Sâu cuốn lá/lúa 750WP: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié, rầy nâu/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty TNHH An Nông
356	Chlorfluazuron 200g/kg + Fipronil 350 g/kg + Imidacloprid 100g/kg	TT oxys 650WP	Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
357	Chlorfluazuron 200g/kg + Fipronil 200g/kg + Thiamethoxam 350g/kg	Fipthoxam 750WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty CP KT Dohaledusa
358	Chlorfluazuron 70 g/l + Indoxacarb 150 g/l	NPellaugold 220SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
359	Chlorfluazuron 15% + Indoxacarb 15%	TT Bite 30SC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
360	Chlorfluazuron 49.9g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg	Aniper 99.9WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
361	Chlorfluazuron 200g/kg (300g/kg) + Lambda- cyhalothrin 50g/kg (50g/kg)+ Nitenpyram 500g/kg (430g/kg)	Onecheck 750WP, 780WP	750WP: Rầy nâu/ lúa 780WP: Sâu xanh da láng/đậu tương; sâu đục thân, nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
362	Chlorfluazuron 50g/l + Pemethrin 100g/l + Profenofos 300g/l	Messigold 450EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
363	Chlorfluazuron 5g/l (93g/l), (10g/l), (220g/kg), (100g/l), (1g/l) + Profenofos 71g/l (1g/l), (1g/l), (10g/kg), (350g/l), (510g/l) + Thiamethoxam 10g/l (1g/l), (264g/l), (200g/kg), (50g/l), (1g/l)	Bakari 86EW, 95EW, 275SC, 430WP, 500EC, 512EC	86EW: bọ trĩ/lúa 275SC: rầy nâu/lúa 430WP, 95EW: sâu cuốn lá/lúa 512EC, 500EC: Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
364	Chlorpyrifos Ethyl (min 94 %)	Acetox 40EC	Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Alocbale	sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm

40EC		Công Nghệ Cao
Anboom 40EC, 48EC	40EC: rệp sáp/ cà phê, mối/điều; sâu đục ngọn/ điều; rệp sáp/ sắn 48EC: Một đục cành/cà phê, sâu đục ngọn/điều, sâu cuốn lá, bộ phận trắng/lúa, rệp sáp/ca cao, hồ tiêu; sâu đục quả/ ca cao; rệp sáp/ cà phê, sắn; rệp bông xơ trắng/ mía	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
Arusa 480EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH TM Thái Nông
Bonus 40 EC	rệp sáp/cà phê, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Nicotex
Bullet 48 EC	sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê	Imaspro Resources Sdn Bhd
Chlorban 20 EC, 48EC	20EC: sâu cuốn lá/ lúa 48EC: rệp sáp/ cà phê; sâu xanh/ bông vải; sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH UPL Việt Nam
Forfox 5GR, 250EC, 400EC, 650EC	5GR: Sâu xám, sâu đục thân/ngô 250EC, 400EC: sâu khoang/ lạc 650EC: rệp sáp giả/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
Genotox 48EC, 55.5EC	48EC: sâu xanh da láng/ đậu tương 55.5EC: sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu xanh/ lạc, đậu tương; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh Rê
Hoban 30EC, 500EC	30EC: sâu xanh da láng/ lạc, sâu đục thân/ lúa, rệp sáp/ cà phê 500EC: bọ xít muỗi/điều, sâu xanh da láng/lạc, sâu đục thân/lúa, một đục cành/cà phê	Công ty CP Hóc Môn
Lora 10GR	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP SX - TM – DV Ngọc Tùng
Lorsban 15GR, 30EC, 40EC, 75WG	15GR: sâu đục thân lúa; sâu đục thân, sâu đục bắp/ ngô 30EC: sâu đục thân/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương, lạc; rệp sáp/ cà phê 40EC: mối/ cao su, hồ tiêu; rệp sáp/ cà phê 75WG: sâu đục thân/ lúa	Dow AgroSciences B.V
Mapy 48 EC	rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; sâu xanh/ đậu tương; sâu đục thân/ ngô, một đục cành/cà phê; sâu đục thân/lúa; một đục quả/cà phê	Map Pacific PTE Ltd
Maryfos 680EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Ô tô Việt Thắng
Maxfos 50 EC	rệp sáp/ cà phê, sâu khoang/ lạc, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
Medomor 40EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Asiagro Pacific Ltd

Minifos 480EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH MTV SNY
Mondeo 40EC, 60EC	40EC: sâu đục thân/ lúa, sâu khoang/ lạc 60EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
Noviphos 48EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Nông Việt
Nycap 15GR, 48EC	15GR: rệp sáp rễ/ cà phê 48EC: sâu đục quả/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa; sâu đục bắp/ ngô; mối/ hồ tiêu; sâu đục dây/khoai lang	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yên
Pictac 800WG	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
Pro-tin 480EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH P - H
Pyrinex 20 EC, 480EC	20EC: sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ lúa; xử lý đất, xử lý hạt giống; rệp sáp/ phê 480EC: sâu xanh/đậu tương; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
Pyritox 200EC, 400EC, 480EC	200EC, 400EC: sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu đục quả/ đậu xanh; sâu đục hoa/ đậu tương; mọt đục cành/ cà phê 480EC: rệp vảy/ cà phê, sâu phao đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH An Nông
Sambar 480EC	Rệp sáp/ cà phê	Công ty CP SAM
Sanpyriphos 20EC, 48EC	20EC: sâu đục thân/ lúa 48EC: sâu khoang/ lạc	Forward International Ltd
Sargent 6GR	sâu đục thân/ lúa, mía; rầy nâu/ lúa; mối, ve sầu/ cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Sieu Sao E 500WP	sâu đục thân, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu đục quả/ đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
Siriphos 48EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH King Elong
Termicide 40EC	rệp sáp/ cà phê	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
Tricel 20EC, 48EC	20EC: sâu xanh/ đậu tương 48EC: bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp giả/cà phê	Excel Crop Care Limited
Tipho-sieu 15GR, 400EC	15GR: Sâu đục thân/ lúa 400EC: sâu cuốn lá/ đậu tương; rệp sáp, mọt đục cành / cà phê, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH – TM Thái Phong
Virofos 20EC, 50EC	20EC: sâu xanh da láng/ đậu tương; mối/ cao su, cà phê 50EC: Sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/ lúa; rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
Vitashield	18EC: sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM - DV

		18EC, 40EC	40EC: rệp sáp/ cà phê	Thanh Sơn Hóa Nông
365	Chlorpyrifos ethyl 350g/kg + Clothianidin 150g/kg + Thiamethoxam 100g/kg	Killray TSC 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
366	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l, (450g/l), (550g/l) + Cypermethrin 25g/l, (50g/l), (200g/l)	Stopinsect 275EC, 500EC, 750EC	275EC: sâu đục bẹ/ lúa 500EC: Sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu đục ngọn/ điều, bọ hà/khoai lang, sâu đục quả/cà phê 750EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa, bọ hà/khoai lang	Công ty CP Nông dược Agriking
367	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l + Cypermethrin 25g/l	Nurelle D 25/2.5 EC	sâu đục thân, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ bông vải; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê	Dow AgroSciences B.V
368	Chlorpyrifos Ethyl 42% (515g/l), (505g/l), (510g/l) + Cypermethrin 8% (80g/l), 200g/l), (250g/l)	Triceny 50EC, 595EC, 705EC, 760EC	50EC: sâu đục quả/ đậu tương; sâu phao đục bẹ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê 595EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ/ lúa; rệp sáp/ cà phê 705EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; rệp sáp/cà phê 760EC: Sâu cuốn lá, sâu đục thân,sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
369	Chlorpyrifos Ethyl 35% (50%), (550g/l)+ Cypermethrin 5% (10%), (150g/l)	Docytox 40EC, 60EC, 700EC	40EC: sâu đục thân/ ngô 60EC: sâu cuốn lá/ lúa, rệp sáp/cà phê 700EC: rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
370	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l (580g/l) + Cypermethrin 50g/l (100g/l)	Aseld 450EC, 680EC	450EC: rệp sáp/ cà phê, sâu xanh/ lạc 680EC: rệp sáp/ cà phê, sâu xanh/ lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
371	Chlorpyrifos Ethyl 459g/l (530g/l) + 45.9g/l (50g/l) Cypermethrin	Subside 505EC, 585EC	505EC: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp sáp, mọt đục cành, sâu đục quả/ cà phê 585EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM ACP
372	Chlorpyrifos Ethyl 45.9% + Cypermethrin 4.59%	Bintang 50.49EC	Sâu đục thân/ lúa, rệp sáp/cà phê	Hextar Chemicals Sdn. Bhd.
373	Chlorpyrifos Ethyl 45g/l (100g/l), (200g/l), (400g/kg), (500g/l), (600g/l) + Cypermethrin 50g/l (100g/l), (200g/l), (50g/kg), (60g/l), (60g/l)	Cadicone 95EC, 200EC, 400EC, 450WP, 560EC, 660EC	95EC: Bọ trĩ/ lúa 200EC, 400EC: Sâu cuốn lá/ lúa 560EC, 450WP: Sâu đục thân/ lúa 660EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
374	Chlorpyrifos Ethyl 25% (50%), (55%) + Cypermethrin 5% (5%),	Tungcydan 30EC, 55EC, 60EC	30EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng, dòi đục lá/ đậu xanh; sâu róm/ điều; bọ trĩ, sâu đục ngọn/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân/ngô 55EC: sâu xanh da láng/ đậu xanh; bọ trĩ/ thuốc lá; sâu đục	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

	(5%)		thân/ ngô; sâu róm, sâu đục thân/ điều; sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu phao, sâu đục bẹ, bọ trĩ, bọ xít, nhện gié, rầy nâu/ lúa; một đục cành, sâu đục thân, rệp sáp/ cà phê 60EC: rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê; một đục cành/ cà phê; sâu ăn lá/ khoai lang; sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh da láng/ đậu xanh; sâu đục thân, bọ xít muỗi/ điều; rệp sáp, rệp muội/ hồ tiêu	
375	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l (530g/l) + Cypermethrin 50g/l (55g/l)	Victory 300EC, 585EC	300EC: Rệp/ mía 585EC: Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; rệp sáp, một đục cành /cà phê; châu chấu tre lưng vàng/ ngô, tre	Công ty CP BVTV I TW
376	Chlorpyrifos Ethyl 50% + Cypermethrin 5%	Clothion 55EC	sâu đục quả/ đậu tương, sâu róm/ điều, rệp sáp/ cà phê, sâu xanh da láng/ lạc, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa, mối/ hồ tiêu	Công ty CP Thanh Điền
377	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 50g/l	God 550EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu phao đục bẹ/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu đục quả/ đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
		Co-cyfos 550EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Baconco
		Supraxong 550EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
		Trusul 550EC	Sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/lúa; sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH VT BVTV Phương Mai
		Vanguard 550EC	Sâu đục bẹ/lúa, rệp sáp/ hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
		Wusso 550EC	Rầy nâu/ lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH BMC
378	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l (550g/l) + Cypermethrin 50g/l (200g/l)	Lion super 550EC, 750EC	550EC: Sâu đục thân/ lúa 750EC: Rầy nâu, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH P-H
379	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l (500g/l), (500g/l), (500g/l) + Cypermethrin 50 g/l (85g/l), (100g/l), (277g/l)	Serpal super 550EC, 585EC, 600EC, 777EC	550EC: Rầy nâu, sâu đục bẹ/ lúa 585EC: Rệp sáp/ cà phê, rầy nâu/ lúa 600EC: Rệp sáp/ cà phê; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa 777EC: Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
380	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l (550g/l), (560g/l) + Cypermethrin 200g/l (227g/l), (239g/l)	Đại Bàng Đỏ 700EC, 777EC, 799EC	700EC: sâu đục bẹ, rầy nâu/ lúa 777EC: rầy nâu/ lúa 799EC: Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
381	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l (500g/l), (500g/l), (500g/l), (500g/l), (650 g/l), (650g/l), (650g/l) + Cypermethrin 55g/l (105), (150g/l),	Pertrang 55.5EC, 605EC, 650EC, 705EC, 750EC, 780EC, 800EC, 850EC	55.5EC: sâu đục thân/ ngô 605EC, 650EC, 705EC, 750EC: sâu đục bẹ/ lúa 780EC, 800EC, 850EC: Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

	(205g/l), (250g/l), (130g/l) (150g/l), (200g/l)			
382	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l (500g/kg) + Cypermethrin 200g/l (200g/kg)	Tadagon 700EC, 700WP	700EC: Rầy nâu, sâu keo, sâu phao, sâu keo, rầy lưng trắng/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu đục ngọn/điều; sâu đục quả/đậu tương 700WP: Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH – TM Tân Thành
383	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l (590g/l) + Cypermethrin 55g/l (110g/l)	Dragoannong 585EC, 700EC	585EC: Bọ xít muỗi/ điều; rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; sâu khoang/ đậu xanh 700EC: Sâu xanh da láng/ đậu xanh; rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
384	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l + Cypermethrin 50 g/l	Ogau 580EC	Sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
385	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l + Cypermethrin 55 g/l	Ca - hero 585EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Dragon 585 EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa cận; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh da láng/ lạc; rầy nâu/ lúa	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Sairifos 585EC	Rầy nâu nhỏ, rầy lưng trắng, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân/ ngô	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Tigishield 585EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
386	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l, (500 g/l) + Cypermethrin 55g/l (100 g/l)	Wavotox 585EC, 600 EC	585EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê 600EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Việt Thắng
387	Chlorpyrifos Ethyl 50% + Cypermethrin 5%	Uni-dowslin 55EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
388	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 60g/l	Râyusa 560EC	Rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú
389	Chlorpyrifos Ethyl 55% + Cypermethrin 5%	Daiethylfos 60EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Futai
390	Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Cypermethrin 50g/l	F16 600EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tân Hưng
		Jia-cyfos 600EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
391	Chlorpyrifos Ethyl 55% +	Laxytox	Rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV

	Cypermethrin 15%	70EC		Long An
392	Chlorpyrifos ethyl 450g/l + Cypermethrin 50g/l	Jubilant 500EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
393	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 100g/l	Fotoc 600EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
394	Chlorpyrifos Ethyl 600g/l + Cypermethrin 50g/l	Inip 650EC	Bọ trĩ/lúa, rệp sáp/hồ tiêu	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
395	Chlorpyrifos ethyl 500g/kg + Cypermethrin 150g/kg	T-P Boshi 650EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
396	Chlorpyrifos ethyl 550g/l + Cypermethrin 100g/l	HD-Alzozin 650EC	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
397	Chlorpyrifos ethyl 550g/l + Cypermethrin 55g/l	Domectin 605EC	sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/hồ tiêu, cà phê	PT. Sari Kresna Kimia
398	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 200g/l	Cáo sa mạc 700EC	Sâu đục bẹ/ lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Cánh Đồng Việt.VN
399	Chlorpyrifos Ethyl 600g/l + Cypermethrin 100g/l	Penny 700EC	rầy nâu, sâu năn/lúa; rệp sáp/ hồ tiêu, bọ trĩ/ điều, sâu đục thân/ ngô, mọt đục cành/ cà phê	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
400	Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Cypermethrin 150g/l	Ekar 700EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
401	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 50g/l + Emamectin benzoate 10g/l	Acgoldfly 560EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
402	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 50 g/l + Fenpropathrin 100 g/l	Rago 650EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Hóc Môn
403	Chlorpyrifos ethyl 575g/l + Cypermethrin 100g/l + Fipronil 20g/l	Overagon 695EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
404	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Cypermethrin 155g/l+ Imidacloprid 50g/l	Snatousamy 605EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
405	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Cypermethrin 150g/l + Imidacloprid 50g/l	Andotox 600EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
406	Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Cypermethrin 150g/l + Indoxacarb 60g/l	Pumgold 760EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát

407	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l + Cypermethrin 120g/l + Lufenuron 50g/l	Volz 700EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
408	Chlorpyrifos Ethyl 30g/kg (10g/l), (10g/l), (100g/kg), 100g/l, (5g/l), (600g/l) + Cypermethrin 10g/kg (30g/l), (150g/l), (25g/kg), (25g/l), (40g/l), (40g/l)+ Phoxim 20g/kg (55g/l), (40g/l), (100g/kg), (10g/l), (400g/l), (26g/l)	Cygold 60GR, 95EC, 200EC, 225WP, 225EC, 445EC, 666EC	60GR, 445EC, 666EC: Sâu đục thân/ lúa 95EC: Bọ trĩ/ lúa 200EC: Sâu cuốn lá/ lúa 225EC: rệp sáp/ cà phê 225WP: Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
409	Chlorpyrifos Ethyl 370g/l + Cypermethrin 96g/l + Quinalphos 200g/l	Sanafos 666EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
410	Chlorpyrifos Ethyl 425g/l + Deltamethrin 36g/l + Quinalphos 205g/l	Diophos 666EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
411	Chlorpyrifos Ethyl 370g/l + Dimethoat 185g/l	Cantona 555EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
412	Chlorpyrifos Ethyl 400g/kg + Dinotefuran 150g/kg	Hbousa 550WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
413	Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Wince 600EC	sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
414	Chlorpyrifos Ethyl 300g/l + Emamectin benzoate 25g/l + Fenobucarb 341g/l	Japenra 666EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
415	Chlorpyrifos Ethyl 512g/l + Emamectin benzoate 18g/l + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Fiphos 555EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Goldphos 555EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Rockest 555EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
416	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Etofenprox 200g/l	Godsuper 600EC	Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
417	Chlorpyrifos Ethyl 3% + Fenobucarb 2%	Visa 5 GR	sâu đục thân, rầy nâu, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

418	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l + Fenobucarb 300g/l	Rockfos 550EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
419	Chlorpyrifos Ethyl 200g/l (250g/l) + Fenobucarb 400g/l (500g/l)	Babsac 600EC, 750EC	600EC: Sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp muội/ cà phê; sâu róm/ điều 750EC: Sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp muội/ cà phê; sâu róm/ điều	Công ty TNHH Việt Thắng
420	Chlorpyrifos Ethyl 350g/l + Fenobucarb 300g/l	Fenfes 650EC	Mọt đục cành/cà phê; bọ trĩ/thuốc lá; sâu róm/điều; sâu đục thân, sâu keo, bọ xít dài, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê, sâu đục quả/đậu xanh	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
421	Chlorpyrifos ethyl 550g/l + Fenobucarb 100g/l	Redphos 650EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ
422	Chlorpyrifos Ethyl 200g/l + Fenobucarb 350g/l	Super Kill Plus 550EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
423	Chlorpyrifos Ethyl 280g/l + Fenobucarb 306g/l + Imidacloprid 80g/l	Sucotoc 666EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
424	Chlorpyrifos Ethyl 300g/l + Fenobucarb 340g/l + 26g/l Lambda-cyhalothrin	Dratoc 666EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty Cổ phần Quốc tế Hòa Bình
425	Chlorpyrifos ethyl 10g/l + Fenobucarb 480g/l + Phenthoate 300g/l	Anhosan 790EC	Sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
426	Chlorpyrifos Ethyl 28.5g/kg (300g/kg) + Fipronil 1.5g/kg (30g/kg)	Wellof 3GR, 330EC	3GR: Rầy nâu/lúa; rệp sáp rễ/ hồ tiêu, cà phê; bọ hà/ khoai lang; sâu đục thân/ ngô, mía 330EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/ lúa; rệp sáp, mọt đục quả, mọt đục cành/ cà phê; bọ xít muỗi/điều; mối/tiêu;sâu xám/ngô	Công ty CP Nông dược HAI
427	Chlorpyrifos Ethyl 545g/l + Fipronil 50g/l	Megaphos 595EC	Sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
428	Chlorpyrifos Ethyl 200g/l + Imidacloprid 20g/l	Fidur 220EC	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
429	Chlorpyrifos Ethyl 4% (56%), (200g/l) + Imidacloprid 1% (10%), (50g/l)	Losmine 5GR, 66WP, 250EC	5GR: rệp sáp/ hồ tiêu, rầy nâu/lúa, sâu đục thân/lúa; ve sầu, mối/ cà phê 66WP: sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê 250EC: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân/ ngô; sâu đục quả/ bông vải	Công ty CP Đồng Xanh
430	Chlorpyrifos Ethyl 200g/l	Pro-per	250EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM

	(450g/l), (450g/kg) + Imidacloprid 50g/l (150g/l), (150g/kg)	250 EC, 600EC, 600WP	600EC, 600WP: rầy nâu/ lúa	Nông Phát
431	Chlorpyrifos Ethyl 200g/l (420g/kg), (570g/l) + Imidacloprid 50g/l (57.77g/kg), (25g/l)	Usagrago 250EC, 477.77WP, 595EC	250EC: sâu cuốn lá/ lúa 477.77WP: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa 595EC: Sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty TNHH An Nông
432	Chlorpyrifos Ethyl 480g/l + Imidacloprid 70g/l	Dizorin super 55EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, rầy lưng trắng/lúa; rệp sáp/hồ tiêu, cà phê	Công ty TNHH – TM Tân Thành
433	Chlorpyrifos Ethyl 300g/l + Imidacloprid 50g/l	Imchlorad 350EC	sâu cuốn lá/ lúa, rệp sáp/ hồ tiêu	Công ty CP Bình Điền Mê Kông
434	Chlorpyrifos Ethyl 480g/l + Imidacloprid 20g/l	Duca 500EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
435	Chlorpyrifos Ethyl 5% (45%), (480g/l) + Imidacloprid 7% (20%), (120g/l)	Repny 12GR, 65WP, 600EC	12GR: sâu đục thân/ lúa 65WP: rệp sáp/ cà phê, sâu đục bẹ, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa 600EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
436	Chlorpyrifos Ethyl 490g/l + Imidacloprid 105 g/l	Osakajapane 595EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
437	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Imidacloprid 50g/l	Topol 450EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH hoá chất NN Quốc tế
438	Chlorpyrifos ethyl 500g/kg + Imidacloprid 150 g/kg	Raymore 650WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
439	Chlorpyrifos Ethyl 400g/kg + Imidacloprid 110g/kg + Lambda-cyhalothrin 45g/kg	Ragonmy 555WP	Rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Lan Anh
440	Chlorpyrifos Ethyl 500g/kg + Imidacloprid 100g/kg + Lambda- cyhalothrin 30g/kg	Caster 630WP	Rầy nâu/ lúa; rệp sáp, mọt đục cành/ cà phê	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Forter 630WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Điền Thạnh
441	Chlorpyrifos ethyl 220g/l (524g/l) + Imidacloprid 40g/l (40.5g/l) + Lambda-cyhalothrin 50g/l (30.5g/l)	Sory 310EC, 595EC	310EC: Sâu đục thân/ lúa 595EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
442	Chlorpyrifos ethyl 675g/l + Indoxacarb 25g/l	Indophos 700EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
443	Chlorpyrifos Ethyl 235g/l	Monofos	sâu đục thân, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc	Công ty CP Khoa học Công

	(475g/l) + Lambda-cyhalothrin 15g/l (25g/l)	250EC, 500EC		nghe cao American
444	Chlorpyrifos Ethyl 240g/l (480g/l) + Lambda-cyhalothrin 10g/l (20g/l)	Pyrifdaaic 250EC, 500EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
445	Chlorpyrifos Ethyl 450g/l + Lambda-cyhalothrin 50g/l	Endo-gold 500EC	rầy nâu, sâu đục bẹ/lúa; sâu khoang/lạc, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
446	Chlorpyrifos Ethyl 475g/l + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Chlorphos 500EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
447	Chlorpyrifos Ethyl 580g/l + Lambda-cyhalothrin 20g/l	Centerfly 600EC	Sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH SX & NK Bàn Tay Việt
448	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Lambda-cyhalothrin 100g/l	Disulfan 600EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
449	Chlorpyrifos Ethyl 425g/l + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Pros 450EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
450	Chlorpyrifos Ethyl 425g/l + Lambda-cyhalothrin 36g/l + Quinalphos 205g/l	Shepemec 666EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
451	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Permethrin 85g/l	Dagronindia 585EC	Sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Newmethrin 585EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
452	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Permethrin 100g/l	Cabatox 600EC	bọ trĩ, nhện gié/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
453	Chlorpyrifos Ethyl 600g/l + Permethrin 50g/l	Novas super 650EC	sâu xanh da láng/ đậu tương; rầy nâu, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Nông Việt
454	Chlorpyrifos Ethyl 50g/kg, (100g/kg), (500g/l), (500g/kg) + Permethrin 10g/kg, (20g/kg), (100g/l), (100g/kg)	Tasodant 6GR, 12GR, 600EC, 600WP	6GR: rầy nâu, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp, ve sầu, mối/ cà phê 12GR: sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sùng đất, rệp sáp, ve sầu/ cà phê, mối/ cà phê 600WP: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê 600EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH ADC
455	Chlorpyrifos Ethyl 400g/kg + Pymetrozine 250g/kg	Big one 650WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
456	Chlorpyrifos Ethyl 300g/kg + Pymetrozine 120g/kg	Map arrow 420WP	rầy nâu, rầy nâu nhỏ, nhện gié/lúa; rệp sáp/cà phê	Map Pacific Pte Ltd
457	Chlorpyrifos ethyl 300g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Plattino 500WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP NN HP

458	Chlorpyrifos Ethyl 10g/kg (50g/kg), (50g/kg), (400g/kg) (500g/l) + Pymetrozine 490g/kg (500g/kg), (550g/kg), (250g/kg), (166g/l)	Schesyntop 500WG, 550WG, 600WG, 650WP, 666EC	500WG, 550WG, 600WG, 650WP, 666EC: rầy nâu/lúa 666EC: rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
459	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Pyriproxyfen 100g/l	Palace 600EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
460	Chlorpyrifos ethyl 375g/l + Sulfoxaflor 37.5g/l	Laser 412.5 SE	Sâu đục thân/ lúa	Dow AgroSciences B.V
461	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l + Thiamethoxam 150g/l	Dago 400SE	rầy nâu/ lúa	Công ty CP SX TM và DV Ngọc Tùng
462	Chlorpyrifos Ethyl 500g/kg + Thiamethoxam 125g/kg	Scheccusa 625EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
463	Chlorpyrifos Methyl (min 96%)	Monttar 3 GR, 7.5EC, 40EC	3GR: sâu đục thân/ ngô 7.5EC: sâu cuốn lá/ ngô 40EC: sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Sago - Super 3 GR, 20EC	3GR: sâu đục thân/ lúa, ve sầu/ cà phê, sâu đục bắp/ ngô 20EC: rệp sáp/ cà phê; bọ trĩ/ điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sieusao 40EC	sâu vẽ bùa/ cam; xử lý hạt giống trừ sâu đục thân, rầy nâu, muỗi hành, rầy xanh/ lúa; sâu đục quả, rệp/ đậu tương; rệp, rệp sáp, sâu đục quả/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Taron 50 EC	bọ xít/ lúa; rệp sáp/ cam; sâu đục ngon/ xoài; sâu đục gân lá/ nhãn; sâu xanh da láng/ hành; bọ trĩ/ dưa hấu	Map Pacific PTE Ltd
464	Chlorpyrifos Methyl 250g/l + Indoxacarb 15g/l	Map dona 265EC	sâu cuốn lá/lúa	Map Pacific Pte Ltd
465	Chlorpyrifos Methyl 300g/kg + Pymetrozine 120g/kg	Map fang 420WP	rầy nâu/lúa	Map Pacific Pte Ltd
466	Chlorpyrifos Methyl 300g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Novi-ray 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Việt
467	Clofentezine 100g/l + Fenpyroximate 50g/l	Startus 150SC	Nhện đỏ/ đào cảnh	Công ty TNHH Trường Thịnh
468	Chromafenozide (min 91%)	Phares 50SC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Sojitz Corporation
		Hakigold 50SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hóc Môn
469	Chromafenozide 100g/kg +	Mycheck 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông

	Imidacloprid 200g/kg + Nitenpyram 450g/kg			
470	Clinoptilolite	Map Logic 90WP	tuyến trùng/ lúa, cam, hồ tiêu, thanh long, cà phê, tuyến trùng/cà chua	Map Pacific Pte Ltd
471	Clofentezine (min 96%)	MAP Oasis 10WP	nhện đỏ/ cam	Map Pacific Pte Ltd
472	Clothianidin (min 95%)	Dantotsu 16 SG, 0.5GR, 20SC, 50WG	16SG: rầy nâu/ lúa, bọ trĩ/ dưa hấu, dòi đục lá/ cà chua, rầy xanh/ chè, sâu vẽ bùa/ cam 0.5GR, 20SC, 50WG: Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Thunderan 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Tiptof 16SG	Rầy nâu/lúa, rầy xanh/chè, bọ trĩ/dưa hấu, sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH Phú Nông
473	Clothianidin 160g/kg + Dinotefuran 200g/kg	Clodin 360WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Kiên Giang
474	Clothianidin 500g/kg + Fipronil 250g/kg	Fes 750WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
475	Clothianidin 10% + Nitenpyram 30% + Pymetrozine 30%	Orgyram 70WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
476	Cnidiadin	Hetsau 0.4 EC	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ rau họ thập tự; nhện lông nhung/ vải; bọ cánh tơ/ chè	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
477	Cyantraniliprole (min 93%)	Dupont™ Benevia® 100 OD	sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; bọ trĩ, sâu xanh sọc trắng, dòi đục lá/ dưa hấu; bọ phấn, sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ớt; bọ trĩ, dòi đục lá, sâu xanh sọc trắng/ dưa chuột	Công ty TNHH Du Pont Việt Nam
478	Cyantraniliprole 10% + Pymetrozine 50%	Minecto® Star 60WG	sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
479	Cyflumetofen (min 97.5%)	Danisaraba 20SC	nhện đỏ/hoa hồng	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
480	Cypermethrin (min 90 %)	Andoril 50EC, 100EC, 250EC	50EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa 100EC: sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa 250EC: bọ xít/ lúa	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
		Appencyper 10EC, 35EC	10EC: sâu xanh/ đậu tương 35EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
		Arrivo 5EC, 10EC, 25EC	5EC: bọ trĩ, bọ xít, rầy xanh/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương 10EC, 25EC: rầy xanh/ lúa, sâu xanh da láng/ đậu tương	FMC Agricultural Products Interational AG
		Biperin	50EC: bọ xít/ lúa	Công ty TNHH TM

50EC, 100EC, 250EC	100EC: sâu cuốn lá/ lúa 250EC: sâu xanh da láng/ đậu tương	Bình Phương
Classtox 250WP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
Cymerin 5EC, 10EC, 25EC	5EC: bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 10EC: sâu cuốn lá/ lúa 25EC: bọ xít, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Cymkill 10EC, 25EC	10EC: bọ trĩ/ lúa, sâu khoang/ bông vải 25EC: sâu khoang/ bông vải	Forward International Ltd
Cyper 25 EC	sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít/ đậu tương	Công ty CP Nông dược HAI
Cyperan 5 EC, 10 EC, 25 EC	5EC: sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít muỗi/ điều 10EC: sâu cuốn lá/ lúa; bọ xít muỗi, sâu róm/ điều 25EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
Cyperkill 5 EC, 10EC, 25EC	5EC: sâu khoang/ đậu tương; sâu đục thân khoai tây; bọ trĩ, bọ xít/ lúa 10EC: sâu khoang/ đậu tương; sâu đục củ/ khoai tây; sâu cuốn lá, rầy xanh, bọ trĩ/ lúa 25EC: rầy xanh, sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương; sâu đục thân/ khoai tây	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
Cypermap 10 EC, 25 EC	10EC: sâu cuốn lá/ lúa 25EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Map Pacific PTE Ltd
Cypetox 500EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thanh Điền
Cyrux 5EC, 10 EC, 25 EC	5EC: sâu xanh/ đậu xanh, rệp/ cà phê, sâu khoang/ lạc, bọ trĩ, bọ xít/ lúa 10EC: rệp muội/ thuốc lá; bọ xít, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/cà phê; sâu xanh/ bông vải 25EC: sâu xanh/ bông vải	Công ty TNHH UPL Việt Nam
Dibamerin 5 EC, 10 EC, 25 EC	5EC, 25EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa, dòi đục lá/ đậu tương 10EC: sâu đục thân/ lúa, bọ xít muỗi/ điều, dòi đục lá/ đậu tương	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Dosher 25EC	bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
Indicy 25EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
Loxa 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
Nitrin 10EC	sâu xanh/ đậu xanh	Công ty CP Nicotex

NP-Cyrin super 100EC, 250EC, 200EC, 480EC	100EC: sâu keo, sâu cuốn lá lúa 200 EC: bọ trĩ/ lúa 250 EC: sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh/ đậu tương 480EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
Pankill 5EC, 10EC, 25EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
Power 5 EC	bọ xít/ lúa	Imaspro Resources Sdn Bhd
Pycythrín 5 EC	sâu phao/ lúa	Longfat Global Co., Ltd.
SecSaigon 5 EC, 10EC, 25EC, 50EC	5EC: sâu xanh/ hoa cây cảnh, sâu cuốn lá/ lúa 10EC: nhện đỏ/ bông vải, sâu khoang/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa 25EC: sâu hồng/ bông vải, sâu cuốn lá/ lúa 50EC: rệp/ cà phê, sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Sherbush 5EC, 10EC, 25EC	5EC: sâu khoang/ lạc, sâu keo/ lúa, rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều 10EC: bọ xít, sâu keo/ lúa, rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều 25EC: sâu keo/ lúa, bọ xít/ điều, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Sherpa 25EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu khoang/ lạc, đậu tương	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
Shertox 5EW, 5 EC, 10EW, 10 EC, 25 EC	5EW: sâu phao/ lúa, rệp vảy/ cà phê 5EC: sâu keo, bọ xít/ lúa; rệp vảy/ cà phê 10EW: rệp sáp/ cà phê, sâu phao/ lúa, sâu ăn lá/ đậu tương, sâu khoang/ lạc 10EC: bọ xít/ lúa 25EC: sâu khoang/ lạc, sâu cuốn lá/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL) Công ty TNHH An Nông
Somethrin 10EC	Bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH P-H
Southsher 5EC, 10EC, 25EC	5EC, 25EC: sâu khoang/ lạc 10EC: sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
Superrin 50EC, 100EC, 150EC, 200EC, 250EC	50EC: sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa 100EC: bọ trĩ/ lúa 150EC, 200EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 250EC: sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Cali – Parimex. Inc.
Tiper 10 EC, 25 EC	10 EC: sâu keo/ lúa 25 EC: sâu đục thân/ lúa, bọ xít/ điều	Công ty TNHH – TM Thái Phong
Tornado 10 EC, 25EC	10EC: sâu cuốn lá/ lúa 25EC: sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít muỗi/ điều, rệp sáp/ cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.

		Tungrin 5EC, 10EC, 25EC	5EC: sâu keo/ lúa; rệp sáp, kiến/ cà phê 10EC: bọ xít, sâu phao, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh da láng/ đậu tương 25EC: sâu phao, sâu keo/ lúa; rệp sáp/ cà phê; rệp/ thuốc lá; bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Visher 10EW, 25EC, 25EW, 50EC	10EW: sâu cuốn lá, sâu phao/lúa, sâu xanh/cà chua, thuốc lá 25 EW: sâu xanh/ thuốc lá; sâu phao/ lúa 25EC: Sâu cuốn lá, sâu keo/ lúa 50EC: sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Waja 10EC	Bọ trĩ/ lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Wamtox 50EC, 100EC, 250EC, 500EC	50EC, 500EC: sâu khoang/ lạc 100EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa; bọ xít muỗi/ điều; sâu khoang/ lạc 250EC: sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Việt Thắng
481	Cypermethrin 50 g/l + Dimethoate 400 g/l	Nugor super 450EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh; sâu xanh/đậu tương; bọ xít muỗi, sâu đục cành/điều; rệp sáp giả, mọt đục cành/cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
482	Cypermethrin 2% + Dimethoate 8%	Cypdime (558) 10 EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
483	Cypermethrin 3.0% + Dimethoate 27.0%	Nitox 30 EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; rệp/ cà phê; sâu ăn lá/ đậu tương, điều	Công ty CP Nicotex
484	Cypermethrin 30g/l + Dimethoate 370g/l	Diditox 40 EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP BVTV I TW
485	Cypermethrin 3 % + Dimethoate 42 %	Fastny 45EC	sâu keo/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
486	Cypermethrin 50 g/l + Dimethoate 300g/l	Dizorin 35 EC	bọ xít, sâu keo, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; rệp, bọ trĩ/ đậu tương	Công ty TNHH – TM Tân Thành
487	Cypermethrin 2% (20g/l) + Dimethoate 10% (200g/l) + Fenvalerate 3% (30g/l)	Antricis 15 EC, 250EC	15EC: bọ xít, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa 250EC: sâu đục quả/ cà phê	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
488	Cypermethrin 2.6% + Fenitrothion 10.5% + Fenvalerate 1.9%	TP-Pentin 15 EC	rệp/ cà phê, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Thành Phương
489	Cypermethrin 260g/l + Indoxacarb 140g/l	Millerusa 400SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
490	Cypermethrin 2.0 % + Isoprocarb 6.0 %	Metox 809 8 EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nicotex

491	Cyromazin 25% + Monosultap 50%	Hotosin 75WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
492	Cypermethrin 30 g/l + Phosalone 175 g/l	Sherzol 205 EC	sâu cuốn lá, sâu keo, sâu gai, bọ xít/ lúa; rệp, sâu ăn lá, bọ xít/ hoa cúc; sâu đục quả, sâu xanh/ lạc; rầy, sâu xanh/ bông vải	Công ty CP BVTV Sài Gòn
493	Cypermethrin 6.25% + Phosalone 22.5 %	Serthai 28.75EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
494	Cypermethrin 40g/l + Profenofos 400g/l	Acotrin 440EC	Nhện đỏ, bọ trĩ, rệp muội/bông vải; rệp sáp/cà phê; bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Nông
495	Cypermethrin 30g/l + Quinalphos 200g/l	Kinagold 23 EC	sâu xanh/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê; sâu đục quả/ đậu xanh; sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
496	Cypermethrin 5 %, + Quinalphos 20%	Tungrell 25 EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh/ thuốc lá; sâu đục thân/ ngô	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
497	Cyromazine (min 95%)	Ajuni 50WP	dòi đục lá/ đậu tương	Công ty CP Nicotex
		Chip 100 SL	sâu vẽ bùa/ cây có múi	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Newsgard 75 WP	sâu vẽ bùa/ cam, dòi đục lá/dừa hấu	Công ty CP Đồng Xanh
		Nôngiahưng 75WP	Sâu vẽ bùa/ cam, dòi đục lá/cà chua	Công ty TNHH – TM Thái Phong
		Roninda 100SL	Dòi đục lá/cà chua	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Trigard® 100 SL	dòi đục lá/ dừa chuột, khoai tây	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
498	Dầu botanic + muối kali	Thuốc sâu sinh học Thiên Nông 1 SL	sâu tơ/ bắp cải, rau cải	Công ty Hóa phẩm Thiên nông
499	Dầu hạt bông 40% + dầu đình hương 20% + dầu tỏi 10%	GC - Mite 70SL	rệp sáp/ cà phê; nhện đỏ/ hoa hồng, bưởi; rệp/ khoai tây; sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ, rầy xanh/ chè	Công ty TNHH Ngân Anh
500	Deltamethrin (min 98 %)	Appendelta 2.8 EC	sâu phao/ lúa, rệp sáp giả/cà phê, bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Kiên Nam
		Daphacis 25 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu đục quả/ đậu xanh	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát
		Decis 2.5EC, 250WG	2.5EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh, rệp/ thuốc lá; sâu khoang/ lạc; sâu đục thân/ngô, rệp muội/lạc, sâu xanh/đậu tương, bọ xít dài/lúa, sâu ăn lá/điều, mọt đục quả/cà phê 250WG: sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Dersi-s	bọ trĩ, bọ xít muỗi/ điều; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech

		2.5EC		(VN)
		Delta 2.5 EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Deltaguard 2.5 EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu xanh da láng/ lạc; bọ xít muỗi/ điều; sâu đục quả/ cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Discid 25EC	sâu khoang/ lạc, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Meta 2.5 EC	sâu keo, sâu phao, nhện gié/ lúa; sâu đục quả, rệp/ đậu xanh; sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH – TM Tân Thành
		Shieldmate 2.5EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
		Supercis 2.5EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Toxcis 2.5EC, 2.5SC	2.5EC: sâu đục bông/ đậu xanh, bọ xít/ lúa 2.5SC: sâu xanh da láng/ đậu tương, rệp vảy/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Videci 2.5 EC	sâu phao, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Wofacis 25 EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
501	Deltamethrin 25g/l (90g/l), (90g/l), (90g/l), (110g/l), (50g/kg), (5g/kg) + Fipronil 50g/l (120 g/l), (130g/l), (170g/l), (190g/l), (727g/kg), (795g/kg)	Exkalux 75SC, 210EC, 220SC, 260SC, 300EC, 777WG, 800WG	75SC, 300EC, 777WG, 800WG: Sâu cuốn lá/ lúa 210EC: nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa 220SC: sâu đục quả/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa 260SC: sâu xanh/ thuốc lá	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
502	Deltamethrin 10g/l + Indoxacarb 150g/l	Ebato 160SC	Sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty CP ENASA Việt Nam
503	Deltamethrin 100g/l + Thiacloprid 147g/l	Fuze 24.7SC	Rệp muội/cà phê, đậu tương; sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít hôi, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
504	Diafenthiuron (min 97 %)	Define 500SC	sâu tơ/ bắp cải	Sundat (S) PTe Ltd
		Detect 50WP	nhện đỏ/ cam	Công ty CP Nicotex
		Fier 250SC, 500WP, 500SC	Nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Kyodo 25SC, 50WP	25SC: Nhện đỏ/cam, nhện gié/lúa 50WP: Sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH BMC
		Pegasus® 500 SC	sâu tơ, sâu xanh, sâu ăn lá/ súp lơ, bắp cải; sâu xanh, sâu ăn lá/ cà chua, dưa chuột; sâu đục quả, sâu ăn lá/ bông vải; bọ phấn, rệp, nhện/ cây cảnh; nhện lông nhung/ vải, nhãn	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

		Pesieu 300WP, 350SC, 500SC	300WP: Sâu tơ/bắp cải 350SC: Nhện đỏ/cam, sâu xanh da láng/lạc 500SC: sâu xanh da láng/ lạc; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; sâu tơ, bọ nhảy/ rau cải; bọ nhảy/ cải thảo; bọ trĩ/ cà tím, cà pháo, bí xanh; nhện đỏ, rầy xanh/ cà pháo; rầy xanh, nhện đỏ/ cà tím; sâu baba, sâu khoang/ rau muống; sâu đục quả/ đậu đũa, cà tím, đậu cove, ớt; sâu khoang/ rau dền; sâu tơ/ súp lơ, su hào; sâu xanh da láng/ hành	Công ty TNHH Việt Thắng
		Redmine 500SC	nhện lông nhung/ vải	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Sam spider 500WP	Nhện đỏ/ nho	Công ty CP SAM
505	Diafenthiuron 500 g/kg + Indoxacarb 50 g/kg	Vangiakhen 550SC	Sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
506	Diafenthiuron 200g/kg + Propagite 350g/kg	Supermite 550WP	Nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
507	Diazinon (min 95 %)	Agrozinon 60 EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Azinon 50 EC	sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
		Basitox 5GR, 10GR	5GR: sâu đục thân, sâu năn/lúa; tuyến trùng/hồ tiêu 10GR: sâu đục thân, sâu năn/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
		Basutigi 10GR, 40EC, 50EC	10GR, 50EC: sâu đục thân/ lúa, sâu đục quả/ lạc 40EC: sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Binhnon 40 EC	bọ xít, sâu đục thân/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Cazinon 10 GR, 50EC	10GR: sâu đục thân/ lúa, tuyến trùng/ ngô, ve sầu/ cà phê 50EC: sâu đục thân/ lúa, bọ xít/ mía	Công ty CP TST Cần Thơ
		Danasu 10 GR, 40EC, 50EC	10GR: sâu đục thân/ ngô, rệp sáp/ cà phê, tuyến trùng/ hồ tiêu 40EC: sâu ăn lá/ ngô, sâu đục thân/ lúa 50EC: sâu đục quả/ đậu tương, một đục quả/ cà phê	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Diaphos 10GR, 50EC	10GR: sâu đục thân/ lúa, ca cao; rệp gốc/ cà phê 50EC: sâu đục thân/ ngô; sâu đục quả, một đục cành/ cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Diazan 10GR, 40EC, 50EC, 60 EC	10GR: sâu đục thân/ lúa, ngô, điều; rệp sáp rễ/ cà phê 40EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; bọ trĩ, sâu đục thân/ điều 50EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa, ngô; dòi đục thân/ đậu tương; sâu đục thân/ cà phê, sâu đục thân/ điều 60EC: sâu đục thân/ lúa; dòi đục thân/ đậu tương	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời

		Diazol 10GR, 50EW, 60 EC	10GR: sâu đục thân/ lúa, cà phê 50EW: sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/ lúa; mọt đục cành/cà phê 60EC: sâu đục thân/ ngô, sâu xanh/ lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Kayazinon 40 EC	sâu cuốn lá/ lúa, rệp/ mía	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Phantom 60 EC	sâu đục quả/ đậu tương; sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Subaru 10GR, 40 EC	10GR: sâu đục thân/ lúa, sâu đục quả/ đậu tương 40EC: sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Tizonon 50 EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH – TM Thái Phong
		Vibasu 5GR, 10GR, 10BR, 40EC, 50EC	5GR, 40EC: sâu đục thân/ lúa 10GR: sâu đục thân/ lúa, ngô 10BR: sâu xám/ ngô 50EC: bọ xít, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
508	Diazinon 6% (30%) + Fenobucarb 4% (20%)	Vibaba 10GR, 50EC	10GR: sâu đục thân/ lúa 50EC: sâu đục thân/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
509	Diflubenzuron (min 97%) 200g/kg (430g/kg) + Nitenpyram 500g/kg (350g/kg)	Goodcheck 700WP, 780WP	700WP: Rầy nâu/lúa 780WP: rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH An Nông
510	Diflubenzuron 100g/kg (100g/kg) + Nitenpyram 300g/kg (357g/kg) + Pymetrozine 300g/kg (250g/kg)	Sieuecheck 700WP, 707WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
511	Diflubenzuron 150g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Tetramethrin (min 92%) 150g/kg	Superram 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
512	Diflubenzuron 125 g/kg + Pymetrozine 500 g/kg	TT-gep 625WG	Rầy nâu/ lúa, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH TM Tân Thành
513	Dimethoate (min 95 %)	Arriphos 40 EC	bọ xít/ lúa; sâu khoang/ lạc; sâu đục thân/ ngô; bọ trĩ/ bông vải	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		Bai 58 40 EC	bọ xít hôi/ lúa, sâu đục quả/ cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

		Binh-58 40 EC	bọ trĩ, bọ xít, rầy xanh/ lúa; rệp/ đậu xanh, thuốc lá; rệp sáp/ cà phê; rệp bông xo/ mía	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Bini 58 40 EC	rệp/ mía, cà phê	Công ty CP Nicotex
		Bitox 40 EC, 50 EC	bọ xít/ lúa	Công ty CP BVTW I TW
		By 90 40 EC	bọ xít/ lúa	Công ty TNHH ADC
		Cova 40EC	rệp sáp/ cà phê	Hextar Chemicals Sdn. Bhd.
		Dibathoate 40 EC, 50 EC	rầy/ lúa, nhện/ cà phê, dòi đục lá/ đậu tương	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dimecide 40 EC	bọ xít/ lúa	Agrimatco Vietnam Co., Ltd.
		Dimenat 20EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP BVTW Sài Gòn
		Fezmet 40 EC	sâu ăn lá/ hoa hồng	Zagro Group, Zagro Singapore Pvt Ltd.
		Forgon 40EC, 50EC	sâu cuốn lá/ lúa	Forward International Ltd
		Nugor 10GR, 40 EC	10GR: Rệp sáp giả/rễ cà phê, rễ hồ tiêu; sâu đục thân/ ngô, lúa; bọ hung/mía; bọ hà/khoai lang 40EC: sâu ăn lá/ lạc; sâu đục thân/ điều; bọ xít, sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Pyxoate 44 EC	rầy/ ngô	Longfat Global Co., Ltd.
		Thần châu 58 40EC	Rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
		Tigithion 40EC, 50 EC	40EC: rệp sáp/ cà phê, bọ xít/ lúa 50EC: rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Vidithoate 40 EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Watox 400 EC	bọ trĩ, bọ xít/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
514	Dimethoate 15 % + Etofenprox 5 %	Difentox 20 EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP BVTW I TW
515	Dimethoate 3 % + Fenobucarb 2%	BB - Tigi 5GR	rầy nâu/ lúa, dế dũi/ ngô	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Caradan 5 GR	bọ trĩ/ lúa, sâu đục thân/ mía, ấu trùng ve sầu/ cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Palm 5 GR	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Vibam	sâu đục thân/ lúa, ngô	Công ty CP Thuốc sát trùng

		5 GR		Việt Nam
516	Dimethoate 20% + Fenobucarb 20%	Mofitox 40EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
517	Dimethoate 400 g/l + Fenobucarb 100 g/l	Bisector 500EC	Rầy nâu/ lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
518	Dimethoate 20% + Fenvalerate 10%	Bifentox 30 EC	bọ xít/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
519	Dimethoate 21.5% + Fenvalerate 3.5%	Fenbis 25 EC	rệp/ đậu tương, bọ xít/ lúa, bọ trĩ/ điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Fentox 25 EC	bọ xít dài, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê; bọ trĩ/ điều	Công ty CP TST Cần Thơ
520	Dimethoate 220g/l (318g/l) (390g/l) + Fipronil 30g/l (50g/l) (60g/l) + Quinalphos 200g/l (200g/l), (218g/l)	Empryse 450EC, 568EC, 668EC	450EC, 668EC: sâu cuốn lá/lúa 568EC: rệp sáp/cà phê	Công ty CP TM và Đầu tư Bắc Mỹ
521	Dimethoate 2 % + Isoprocarb 3 %	BM-Tigi 5 GR	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
522	Dimethoate 286 g/l + Lambda-cyhalothrin 14g/l	Fitex 300EC	sâu cuốn lá/ lúa, rệp sáp/ cà phê, rệp muội/ mía	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
523	Dimethoate 20 % + Phenthoate 20 %	Vidifen 40EC	rệp sáp/ cà phê, sâu xanh da láng/ lạc, bọ xít dài/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
524	Dinotefuran (min 89%)	Asinjapane 20WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Carasso 400WP	rầy nâu, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH TM – DV Thanh Sơn Hoá Nông
		Chat 20WP	rầy nâu/ lúa, bọ nhậy/ bắp cải, rầy bông/ xoài, rầy chổng cánh/ cam, bọ phấn/ cà chua, dòi đục lá/ dưa chuột	Công ty TNHH Phú Nông
		Cheer 20WP	Rầy nâu/ lúa, rệp sáp/cà phê, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Lion Agrevo
		Cyo super 200WP	Rầy nâu/ lúa, rệp muội/ dưa chuột, rầy xanh/ chè	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Diny 20WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Dovasin 20WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Hakiray 20WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Hitoshi 125ME, 200WP, 250WP, 400WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông

		Ikuzu 20WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Janeiro 25WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
		Newoshineu 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Oshin 1GR, 20WP, 20SG, 100SL	1GR rầy xanh/ đậu bắp, bọ phấn/cà chua 20WP: rầy nâu/ lúa, rầy/ xoài, dòi đục lá/ dừa chuột, rầy chổng cánh/ cam, bọ phấn/ cà chua, bọ nhậy/ bắp cải, bọ trĩ/ dừa hấu, rệp sáp/ cà phê 20SG: Bọ phấn/cà chua, bọ nhậy/cải xanh, rầy xanh/đậu bắp 100SL: rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi/ chè; bọ trĩ/ hoa cúc; bọ phấn/ hoa hồng; rầy nâu/lúa	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
		Overcin 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Raves 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
		Regunta 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
		Sara.dx 40WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Safrice 20WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
		Santaone 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Sida 20WP	Rầy nâu/lúa, rầy chổng cánh/cam, rệp vảy/cà phê, nhện gié, bọ xít dài, bọ trĩ/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Toof 25WP, 150SL	25WP: Rầy lưng trắng, rầy nâu/lúa 150SL: Bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
		Tosifen 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH SX TM Tô Ba
		Yoshito 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
525	Dinotefuran 200g/kg + Etofenprox 150g/kg	Tenchu pro 350WP	Rầy nâu/ lúa	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
526	Dinotefuran 250g/kg (10g/kg) + Fipronil 50g/kg (400g/kg) + Imidacloprid 150g/kg (400g/kg)	Vdcnato 450WG, 810WG	450WG: Rầy nâu/lúa 810WG: Sâu cuốn lá, nhện gié, sâu phao đục bẹ/lúa; rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
527	Dinotefuran 1.9% (200g/kg)	Accinosin	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hoá sinh

	+ Fipronil 0.1% (100g/kg) + Nitenpyram 48% (250g/kg)	50WP, 550WG		Á Châu
528	Dinotefuran 0.1g/kg (10g/kg), (10g/l), (200g/kg), (20g/l) + Imidacloprid 110.9g/kg (150g/kg), (250g/l), (100g/kg), (350g/l)	Dichest 111WP, 160WG, 260SC, 300WP, 370SC	111WP, 160WG, 260SC, 370SC : Rầy lưng trắng/ lúa 300WP: Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Pháp Thụ Sĩ
529	Dinotefuran 50g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Brimgold 200WP	Rầy nâu/lúa, rệp sáp bột hồng/sắn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Explorer 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh Rê
530	Dinotefuran 150g/kg (200g/kg), (200g/kg) + Imidacloprid 50g/kg (50g/kg), (100g/kg)	Anocis 200WP, 250WP, 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
531	Dinotefuran 50g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Prochess 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
532	Dinotefuran 150g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Ohgold 300WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
533	Dinotefuran 180 g/kg + Imidacloprid 120 g/kg	Toshinusa 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
534	Dinotefuran 100g/kg + Imidacloprid 150g/kg + Thiamethoxam 250g/kg	Bombigold 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
535	Dinotefuran 200g/kg + Isoprocarb 200g/kg	Arc-clar 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
		TD-Chexx 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
536	Dinotefuran 150g/kg + Lambda-cyhalothrin 20g/kg + Thiamethoxam 55g/kg	Onzinsuper 225WP	rầy nâu, bọ xít/lúa	Công ty TNHH An Nông
537	Dinotefuran 100g/l + Novaluron 100g/l	Heygold 200SE	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
538	Dinotefuran 85g/l + Profenofos 480g/l	TVG20 565EC	rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
539	Dinotefuran 150g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Nozzaplus 450WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ

540	Dinotefuran 166g/kg, (25g/kg), (90g/kg) + Pymetrozine 500g/kg, (530g/kg), (610g/kg)	Chetsduc 666WG, 555WG, 700WG	666WG, 555WG: Rầy nâu/lúa 700WG: rầy nâu, bọ xít/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
541	Dinotefuran 250g/kg + Pymetrozine 450g/kg	Metrousa 700WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
542	Dinotefuran 200 g/kg + Pymetrozine 400 g/kg	Chessin 600WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
543	Dinotefuran 200g/kg + Tebufenozide 50g/kg	Mishin gold 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
544	Dinotefuran 200 g/kg + Thiamethoxam 42g/kg	Centrosin 242WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
545	Emamectin benzoate (Avermectin B1a 90 % + Avermectin B1b 10%)	Acplant 1.9EC, 4WG, 4 TB, 6EC, 20WG	1.9EC: rầy nâu, sâu phao đục bẹ/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu, sâu vẽ bùa/ cam 4WG: sâu cuốn lá/ lúa, bọ trĩ/ xoài, sâu tơ/ bắp cải, sâu khoang/ đậu tương, bọ xít muỗi/chè 4TB: sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương 6EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa 20WG: Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Actimax 50WG	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ trĩ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc; sâu đục quả/ nhãn; bọ trĩ, dòi đục lá/ dưa hấu; bọ trĩ, sâu xanh/ thuốc lá, nho; bọ xít muỗi, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Agtemex 3.8EC, 4.5WG, 5WP, 5EC, 5WG	3.8EC, 4.5WG, 5WP, 5EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/ lúa; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè; sâu đục quả/ đậu tương, cà chua; sâu vẽ bùa, rệp sáp/ cam; rệp sáp/ cà phê, điều, vải; sâu xanh/ bắp cải 5WG: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Angun 5 WG, 5ME	5WG: sâu cuốn lá, sâu phao, sâu phao đục bẹ, sâu đục thân, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng, sâu khoang, bọ nháy/ bắp cải; sâu đục quả/ đậu tương; sâu ăn bông, bọ trĩ/ xoài; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/ nho; nhện đỏ/ chè; bọ xít muỗi, sâu đục cành, bọ trĩ/ điều 5ME: Sâu vẽ bùa/ cây có múi, sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Ansuco	5WG, 22EC, 60EC, 100EC, 120EC, 160WG, 200WG,	Công ty TNHH hỗ trợ PTKT

5WG, 22EC, 60EC, 100EC, 120EC, 120WG, 160WG, 200WG, 42EC, 82EC, 260WG	42EC, 82EC, 260WG: Sâu cuốn lá/ lúa 120WG: Sâu đục bẹ/lúa	và chuyển giao công nghệ
Apache 4EC, 6EC, 10WG	4EC, 6EC: sâu cuốn lá/ lúa 10WG: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
Bafurit 5WG	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu đục quả/ đậu tương; sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu xanh da láng/ nho, bông vải; bọ xít/ vải; rầy chổng cánh/ cam; rầy bông/ xoài; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH Nông Sinh
Bemab 3.6EC, 3.8EC, 20EC, 40WG, 52WG	3.6EC: Bọ trĩ/dưa chuột, sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá 3.8EC: Bọ trĩ/dưa chuột, sâu tơ/bắp cải, sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa 20EC, 40WG, 52WG: sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa chuột, sâu khoang/lạc, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Ánh Dương
Binged 36WG, 50WG	36WG: Sâu xanh da láng/ bắp cải 50WG: Sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
Billaden 50EC, 50WG	Nhện đỏ/cam, sâu xanh/bắp cải	Công ty CP NN Thanh Xuân
Boema 19EC, 50EC, 50WG	19EC: sâu tơ/bắp cải 50EC: Sâu cuốn lá/ lúa, nhện đỏ/ cam 50WG: Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP SAM
Browco 50WG, 150WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Minh Thành
Calisuper 4.5ME, 5.5WP, 26WG, 41ME, 52WG, 71WG, 126WG	4.5ME, 5.5WP, 41ME, 52WG, 71WG, 126WG: sâu cuốn lá/ lúa 26WG: sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
Chim ưng 3.8EC, 5.0WG, 20WG	sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH Sơn Thành
Comda gold 5WG	Dòi đục lá/cà chua; sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rầy xanh/chè; nhện đỏ/cam; bọ trĩ/dưa hấu, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Compatt 55.5 WG	Rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Lan Anh
Creek 2.1EC, 51WG	2.1EC: Sâu cuốn lá/lúa 51WG: Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Hoá chất Đại Nam Á
Danobull 50WG	Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa, rầy bông/xoài, sâu đục	Công ty CP Nông dược

	ngon/điều, rệp sáp/cà phê	Agriking
Đầu trâu Bi-sad 30EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
Doabin 1.9EC, 3.8EC	1.9EC: nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; nhện đỏ/ cam 3.8EC: sâu đục quả/ đậu tương; nhện đỏ/ cam; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
Dofaben 22EC, 40EC, 50WG, 70EC, 100EC, 100WG, 150WG	22EC, 40EC, 50WG, 70EC, 100WG : sâu cuốn lá/ lúa 100EC, 150WG: Nhện đỏ/cam, bọ trĩ/nho, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
Dollar 50WG, 90EC, 90WG	90WG: Sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, nhện gié/lúa; su xanh/đậu tương 50WG, 90EC: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc Tế APC Việt Nam
DT Ema 30EC, 40EC	30EC: Sâu xanh da láng/lạc, sâu tơ /bắp cải 40EC: Nhện gié/lúa, bọ trĩ/ dưa hấu, sâu ăn bông/ xoài, nhện đỏ/ chè, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
Dylan 2EC, 5WG, 10EC, 10WG	2EC: sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh da láng/ hành; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam, quýt; nhện lông nhung, sâu đục quả/ nhãn, vải; sâu xanh/ đậu xanh; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa 5WG: sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh/lạc 10EC: Sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; sâu xanh/đậu xanh 10WG: Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải, bọ cánh tơ/chè, sâu xanh/đậu tương	Công ty CP Nicotex
Eagle 5EC, 10EC, 20EC, 36WG, 50WG	5EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu xanh bướm trắng, bọ nháy, rệp/ cải xanh; sâu tơ/ bắp cải; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục quả/ vải; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng/ bông vải; bọ trĩ/ điều 10EC, 20EC, 36WG, 50WG: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

	trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	
Ebama 5.5WG, 50 EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
Ebenzoate 5WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
Ema king 20EC, 25EC, 40EC, 50WG, 100EC, 100WG	20EC: Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải 40EC : Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải, sâu vẽ bùa/ cam 50WG, 25EC, 100EC, 100WG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
Emaaici 50WG, 120WG	50WG: Rầy nâu, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải 120WG: Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
Emaben 0.2 EC, 2.0EC, 3.6WG, 60SG	0.2EC: sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ/ lúa; rệp/ rau cải; rầy xanh, bọ trĩ/ chè; dòi đục lá, sâu đục quả/ cà chua; sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/ bắp cải; sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam, quýt 2.0EC, 3.6WG: sâu đục bẹ, nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; bọ xít muỗi, rầy xanh, bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; bọ xít, sâu đục quả/ vải; rầy bông/ xoài; sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; rệp, sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; sâu xanh da láng/ đậu tương 60SG: dòi đục lá/cà chua; rầy bông/xoài; sâu đục quả/ vải; bọ trĩ, rầy xanh/chè, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/đậu tương; sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty CP Nông nghiệp HP
Emacao-TP 75WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP BVTV Toàn Phát
Emagold 6.5EC, 6.5WG, 10.5WG, 12.5WG, 20.5WG	6.5EC: Sâu khoang/lạc 6.5WG, 10.5WG, 12.5WG, 20.5WG: Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
Emaplant 1.9EC, 3.8EC, 5WG	1.9EC: sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/ cam; sâu tơ/ bắp cải 3.8EC: nhện gié/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương, rệp sáp/ cà phê 5WG: sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ cam	Công ty CP Thanh Điền
Ematin 1.9 EC, 60EC	1.9EC: sâu xanh đục quả/ cà chua, sâu cuốn lá/ lúa 60EC: Sâu cuốn lá/ lúa, bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
Emathai 4EC, 10EC,	4EC: Nhện đỏ/ cam, bọ trĩ/ xoài, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa,	Công ty TNHH Thuốc BVTV

10WG	bọ trĩ/ dừa hấu 10EC: Nhện lông nhung/ nhện; sâu xanh/đậu tương; bọ trĩ/xoài; sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa 10WG: Bọ trĩ/ dừa hấu, nhện gié/ lúa	Đồng Vàng
Emathion 25EC, 55EC, 55WG, 65WG, 100WG	25EC: Sâu tơ/bắp cải 55EC: Bọ trĩ/dừa hấu 55WG, 65WG: Sâu đục thân/lúa 100WG: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
Emasun 2.2EC	Nhện đỏ/ cam; sâu tơ/ bắp cải; Sâu đục quả/đậu xanh; bọ trĩ, nhện đỏ/dừa hấu; nhện gié, sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa	Zhejiang Hisun Chemical Co., Ltd.
Emasuper 1.9EC, 3.8EC, 5WG	1.9EC: rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè 1.9EC, 5WG: bọ xít hôi, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; rệp muội/ đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài 3.8EC: rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié / lúa; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; rệp/ đậu tương; rầy chổng cánh/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty TNHH Phú Nông
Ematigi 3.8EC	sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Emtin 38EC, 100WG	38EC: Sâu cuốn lá/lúa 100WG: Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
Emavua 36EC, 75WG, 50WG, 150WG	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hatashi Việt Nam
Emaxtin 0.2EC, 1.0EC, 1.9EC, 3.8EC, 5.7EC, 7.6EC, 55.5WG, 108WG	0.2EC, 1.0EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ cam, quýt 1.9 EC: rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ cam, quýt 3.8EC, 5.7EC, 7.6EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; nhện đỏ/ cam 55.5WG, 108WG: Nhện đỏ/ cam ; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa ; rầy xanh/ chè	Công ty TNHH US.Chemical
EMETINannong 0.2EC, 1.0EC, 1.9EC, 3.8EC, 5.55WG, 5.7EC, 7.6EC, 108WG	0.2EC, 1.0EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ cam, quýt 1.9EC, 3.8EC, 5.7EC, 7.6EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ cam, quýt; sâu xanh/ cà chua	Công ty TNHH An Nông

	5.55WG, 108WG: rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa, nhện đỏ/cam	
Etimex 2.6 EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ rau cải, bắp cải; ruồi/ lá/ cải bó xôi; sâu xanh da láng/ cà chua; sâu khoang, sâu xanh/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ, nhện đỏ/ nho; nhện đỏ/ nhãn; bọ xít muỗi/ chè, điều; rệp sáp, nhện đỏ/ cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
Fastish 116WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Đầu tư và PT TM QT Thăng Long
Feroly 20SL, 35.5EC, 125WG	20SL: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ xít/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy xanh, nhện đỏ/ chè; dòi đục lá/ cà chua; nhện lông nhung/ vải 35.5EC: Sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá/lúa 125WG: Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Kỹ thuật công nghệ Klever
Focal 5.5EC, 80WG	5.5EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa 80WG: Sâu cuốn lá, nhện gié, sâu năn / lúa; nhện đỏ/ chè, rệp sáp/cà phê, sâu đục quả/đậu tương, bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH – TM Tân Thành
Foton 5.0 ME	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hạt giống HANA
G8-Thôn Trang 2EC, 4EC, 5EC, 5.6EC, 56WG, 96WG, 135WG, 150WG, 175WG, 195WG, 215WG	2EC, 4EC, 5EC, 5.6EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè 56WG: Sâu cuốn lá/ lúa 96WG: Nhện đỏ/ chè, sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa 135WG: sâu đục thân, sâu cuốn lá /lúa, nhện đỏ/cam 150WG, 175WG, 195WG: Sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 215WG: Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Go.good One 5WG	Sâu phao đục bẹ/lúa, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Ngân Anh
Goldemec 1.9EC, 3.8EC, 5.7EC, 5.55WG, 108WG	1.9EC, 3.8EC, 5.7EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; nhện đỏ/ cam, quýt 5.55WG: Nhện gié/lúa 108WG: Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
Golnitor 10EC, 20EC, 50WG	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Haeuro	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam

75WG, 125WG		
Hagucide 40EC, 70WG, 150WG	40EC, 70WG: Sâu cuốn lá/lúa 150WG: Sâu cuốn lá/ lúa, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
Hoatox 0.5ME, 2ME	0.5ME: sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải, su hào; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu khoang/ lạc, đậu cove; sâu cuốn lá lúa; bọ trĩ/ bí xanh, dưa chuột; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ/ cam, quýt 2ME: sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ su hào; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu khoang/ lạc, đậu cô ve; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ bí xanh, dưa chuột; nhện đỏ, bọ trĩ/ chè; nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH Trường Thịnh
Homectin 1.9EC, 40EC, 50WG	1.9EC: sâu cuốn lá/ lúa 40EC: Sâu khoang/lạc; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; bọ xít muỗi/điều 50WG: Sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa hấu, sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty CP Hóc Môn
Jiametin 1.9EC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
July 1.0 EC, 1.9 EC, 5EC, 5WG	1.0 EC, 1.9 EC: sâu tơ, sâu xanh/ cải xanh; rệp sáp/ cà phê; rệp sáp, rầy chổng cánh, nhện đỏ/ vải, nhãn, cam, xoài; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu 5EC, 5WG: sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/ cải xanh, bắp cải; rệp sáp/ cà phê; rệp sáp, rầy chổng cánh, nhện đỏ/ vải, nhãn, cam, xoài; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh, rệp/ đậu xanh, đậu tương; sâu xanh, rầy/ bông vải, thuốc lá	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc
Kajio 1GR, 5EC, 5WG	1GR: Bọ hà/khoai lang, tuyến trùng/hồ tiêu 5EC: Sâu xanh/bắp cải, sâu phao đục bẹ/lúa 5WG: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BMC
Khủng 80WG, 60WG, 100WG	80WG: sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa 60WG: sâu cuốn lá, nhện gié/lúa 100WG: sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
Kinomec 1.9EC, 3.8EC	1.9EC: sâu tơ/ bắp cải 3.8EC: bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty CP Vicowin
Lion kinh 50WG, 50EC, 100WG	50WG: Sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa 50EC: sâu khoang/lạc 100WG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP VT Nông nghiệp Thái Bình Dương

Măng xà 1.9 EC, 65EC	1.9EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ dưa hấu 65EC: Sâu xanh da láng/dưa hấu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
Makegreen 55WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
Map Winner 5WG, 10WG	5WG: sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông/ xoài; bọ xít muỗi/ chè; sâu khoang/ cải xanh; sâu đục quả/cà chua, nhện đỏ/hoa hồng; rệp/chanh leo; bọ trĩ, rệp /ót; rầy xanh, sâu xanh, bọ trĩ/bí ngô 10WG: sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít muỗi/ chè; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh da láng/ lạc; rầy bông/ xoài	Map Pacific Pte Ltd
Matrix 1.9EC, 5WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
Mectinone 5.0ME, 5.0WG, 5.5WP, 22EC, 25WG, 41ME, 53WG, 126WG, 150WG, 170WG	5.0ME, 5.0WG, 5.5WP, 25WG, 41ME, 53WG, 126WG, 150WG, 170WG: sâu cuốn lá/lúa 22EC: Sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ
Mekomectin 1.9EC, 3.8EC, 45.5EC, 50.5EC, 55.5EC, 70WG, 105WG, 125WG, 135WG	1.9EC: sâu xanh/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ cam 3.8EC: sâu xanh/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ cam 45.5EC, 50.5EC: nhện đỏ/ cam; sâu đục quả/đậu xanh; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa 55.5EC: Sâu đục quả/đậu xanh; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; nhện đỏ/ cam 70WG: Sâu đục quả/đậu xanh; rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; sâu xanh da láng/lạc 105WG: Sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá/lúa,, sâu tơ/bắp cải, sâu đục quả/đậu tương 125WG: Sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải 135WG: sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa, sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
Mikmire 2.0 EC, 7.9EC, 14.9WG	2.0EC: bọ xít, sâu đục quả/ vải; rầy bông/ xoài; rầy nâu, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi, nhện đỏ/ chè; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; rệp, sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua	Công ty CP TM BVTV Minh Khai

	7.9EC: sâu tơ/bắp cải 14.5WG: sâu cuốn lá/lúa	
Moousa 20EC, 50EC, 60WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú
Nazomi 2.0EC, 5WG	sâu vẽ bùa/ cam, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
Newgreen 2.0 EC	sâu đục bẹ, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ cam, sâu xanh/ cải thảo	Công ty TNHH - TM Thái Phong
Newmectin 0.2 ME, 0.5ME, 2.0 EC, 5WP, 41ME, 53WG, 126WG	0.2ME: sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải; sâu xanh da láng, sâu đục quả/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; rệp đào/ thuốc lá; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu vẽ bùa/ bưởi; rầy xanh/ xoài 0.5ME: rầy xanh/ xoài 2.0EC: rầy nâu/ lúa 5WP: bọ cánh tơ/ chè 41ME, 53WG, 126WG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
New Tapky 0.2 EC, 10EC	0.2EC: sâu xanh bướm trắng, sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ cam 10EC: Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty CP SX TM DV Tam Lập Thành
Oman 2EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ su hào; bọ trĩ/ chè; nhện đỏ/ cam; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu khoang/ lạc, đậu cove; bọ trĩ/ bí xanh, dưa chuột; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
Proclaim® 1.9 EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/ lúa; nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu đục cuống quả/ xoài; sâu đục quả/ bông vải; sâu khoang, sâu xanh, sâu gai sừng ăn lá/ thuốc lá; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè; sâu xanh da láng, sâu xanh/ cà chua; sâu xanh da láng/ hành; sâu xanh da láng, sâu tơ, rệp muội/ súp lơ; sâu đục thân/ngô; nhện lông nhung/nhãn	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
Phesolbenzoate 3.8EC	Sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH World Vision (VN)
Prodife's 1.9 EC, 5.8EC, 5WG, 6WG, 8WG	1.9EC: sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa 5.8EC: rầy bông/ xoài, sâu cuốn lá/lúa, nhện lông nhung/nhãn 5WG: rầy nâu/ lúa 6WG: rầy nâu/ lúa, nhện lông nhung/nhãn 8WG : sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
Promectin 1.0EC, 5.0 EC, 100WG	1.0EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít muối, bọ cánh tơ/ chè; bọ trĩ, rệp bông/ xoài	Công ty CP Nông Việt

	5.0EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc; sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ/ nho; rệp bông/ xoài 100WG: sâu cuốn lá/ lúa, bọ trĩ/ xoài, sâu xanh da láng/ đậu tương, sâu tơ/ bắp cải	
Quiluxny 1.9EC, 55.5EC, 72EC, 6.0WG, 12WG, 20WG, 99.9SC	1.9EC: sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa 55.5EC, 72EC: rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa 6.0WG: Sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/lạc; nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam 12WG, 20WG: Sâu cuốn lá/lúa 99.9SC: Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; dòi đục lá/cà chua, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
Ratoin 5WG	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; rầy xanh/ chè; sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
Remy 40EC, 19EC, 65EC, 100WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Real Chemical
Rholam 20EC, 42EC, 50WP, 58EC, 68WG	20EC: sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, bọ xít/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ xít muỗi, nhện đỏ/ chè; dòi đục lá/ cà chua; nhện lông nhung/ vải; sâu đục quả/ xoài 42EC: Sâu cuốn lá/lúa 50WP: sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ súp lơ; nhện đỏ/ cam; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê 58EC: Sâu khoang/lạc 68WG: Sâu xanh da láng/bắp cải	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
Roofer 50EC	Sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/chè	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
Royal city 75WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP ACB Nhật Bản
Sausto 1EC	1EC: Sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu xanh bướm trắng, sâu tơ/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu cove; sâu xanh/ cà chua 50WG: Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/cải bắp	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
Sherdoba 20EC, 55WG	20EC: Sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá/lúa 55WG: Sâu cuốn lá/lúa	Doanh nghiệp Tư nhân DV TM M & Q
Silsau super 1EC, 1.9EC, 2.5EC, 3EC, 3.5EC, 4EC, 5WP	1EC, 1.9EC, 5WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải 2.5EC, 3EC, 3.5EC, 4EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu vẽ bùa/ cam 1.9EC, 2.5EC, 3.5EC: Sâu hồng đục quả/ bưởi	Công ty TNHH ADC

Sittobios 19EC, 40EC, 50SG	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu xanh, bọ trĩ/ dưa hấu; rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu khoang/ đậu tương; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Châu Á Thái Bình Dương (Asia Pacific)
Starrimec 5 WG, 10EC, 19EC, 40EC, 75EC, 80SC, 105SG, 158SG, 198SG,	5 WG: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu khoang/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; bọ cánh tơ/ chè, sâu khoang/ đậu tương; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam 10EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu khoang, rệp/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; bọ cánh tơ/ chè, sâu khoang/ lạc; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam 19EC, 40EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải; dòi đục lá/ đậu trạch; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài 75EC, 198SG: sâu cuốn lá/lúa 80SC, 105SG: Nhện đỏ/cam 158SG: sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
Susupes 1.9 EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng, sâu khoang/ lạc; sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện lông nhung/ vải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; rầy bông/ xoài; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; rệp sáp/ hồ tiêu; sâu đục nụ, bọ trĩ/ hoa hồng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
Tamala 1.9 EC	sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/ lúa; rầy bông, rệp sáp/ xoài; sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
Tanwin 2.0 EC, 4.0EC, 5.5WG, 200WG	2.0EC: sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu đục quả/ đậu xanh; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; nhện đỏ/ cam 4.0EC: nhện gié/ lúa 5.5WG: rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa; sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu 200WG: sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
Tasieu 1.0EC, 1.9EC, 2WG, 3EC, 3.6EC, 5EC, 5WG	1.0EC, 1.9EC: sâu ăn lá/ hành; sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rệp muội/ bắp cải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu xanh, sâu đo, nhện đỏ/ hoa hồng; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu, dưa chuột, nho; rệp muội/ thuốc lá, thuốc lá, na; nhện đỏ, rệp muội/ nhãn; sâu xanh/ cà chua; sâu cuốn lá, nhện gié,	Công ty TNHH Việt Thắng

	bọ trĩ, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa; sâu đục quả, nhện đỏ, bọ xít/ vãi; sâu róm/ thông; rầy, sâu xanh/ hồ tiêu; sâu ăn lá, bọ xít muỗi/ điều; rệp sáp/ cà phê; rầy/ xoài 2WG, 5WG: sâu róm/ thông; sâu xanh, sâu khoang, sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa chuột; bọ xít muỗi/ điều; sâu đục thân, nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ cam; bọ cánh tơ/ chè; bọ xít/ vãi, nhãn 3EC, 5EC: Bọ trĩ/ dưa chuột; bọ xít/ vãi, nhãn; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu tơ/ bắp cải 3.6EC: Bọ trĩ/dưa chuột, sâu tơ/bắp cải, sâu khoang/lạc, nhện gié/lúa 5WG: Sâu baba/ rau muống; bọ nhảy/ cải thảo, rau cải, su hào; sâu đục quả/ đậu đũa, đậu cô ve, ớt, cà pháo, cà tím; rầy xanh/ bí xanh; rệp muội/ đậu cove, rau cải, su hào, đậu đũa; sâu khoang/ mỏng toi, rau dền, rau muống; sâu tơ/ su hào, súp lơ, cải thảo, rau cải; sâu xanh da láng/ hành; bọ trĩ/ cà pháo, cà tím	
Tikemectin 2EC, 4EC, 20WG, 6.0EC, 60WG, 80WG	2EC, 4EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, rệp, bọ nhảy/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rầy chổng cánh/ cam; rầy bông/ xoài 6.0EC, 60WG, 20WG: sâu cuốn lá/ lúa 80WG: Rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
Topcide tsc 5.5EC, 100WG	Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Lion Agrevo
Topsix 82WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nông dược Đại Nam
Tungmectin 1.9EC, 5EC, 5WG	1.9EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cải xanh; sâu xanh da láng/ đậu xanh; sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; sâu cuốn lá nhỏ, bọ xít hôi, bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu phao, sâu đục thân/ lúa; sâu vẽ bùa/ cây có múi; nhện đỏ/ dưa chuột; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; rệp sáp, mọt đục cành/ cà phê; rệp sáp/ hồ tiêu; bọ trĩ, sâu đục thân/ điều; rầy bông/ xoài 5EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu khoang/ khoai lang; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh, sâu xanh da láng/ cà	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

			chua, đậu xanh; bọ trĩ, bọ xít, nhện đỏ/ dừa hấu; dòi đục lá, sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; bọ xít, sâu cuốn lá/ vải; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; sâu đục bông, rầy bông/ xoài; sâu xanh da láng/ bông vải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; rệp sáp /cà phê, hồ tiêu; bọ xít muỗi/ điều 5WG: Sâu khoang/đậu tương; rầy bông/xoài; sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh/lạc; sâu tơ/cải bắp bọ xít muỗi/chè; sâu đục quả/cà chua; rệp sáp/hồ tiêu; sâu vẽ bùa/cam; nhện đỏ/nhãn; rệp sáp/na; bọ trĩ/thuốc lá; nhện lông nhung/vải; bọ xít muỗi/ điều; sâu xanh da láng/đậu xanh; bọ trĩ/nho; dòi đục lá/dừa hấu	
		Vimatox 1.9 EC, 5SG	1.9EC: Bọ trĩ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu đục thân, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/ dừa hấu, xoài; sâu vẽ bùa/ cam; nhện đỏ/ bưởi 5SG: Bọ cánh cứng/ rau cải, sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Zamectin 40EC, 65EC, 83EC, 100WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty CP KT Dohaledusa
546	Emamectin benzoate 20g/l (20g/kg), (55g/kg) + Fipronil 50g/l (400g/kg), (500g/kg)	Nighcid 70SC, 420WG, 555WG	70SC: sâu đục thân, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa 420WG: Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa 555WG: rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH VT BVTV Phương Mai
547	Emamectin benzoate 2.5% + Fipronil 17.5%	Rangergold 20WP	Bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu năn, sâu keo/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
548	Emamectin benzoate 56g/kg + Fipronil 30g/kg	Picomec 86WG	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
549	Emamectin benzoate 50g/kg + Fipronil 50g/kg	Andousa 100WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
550	Emamectin benzoate 110g/kg + Fipronil 40g/kg	Nanowinusa 150WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
551	Emamectin benzoate 10g/l (50g/kg) (10g/kg) + Fipronil 120g/l (200g/kg), (130g/kg) + Thiamethoxam 50g/l (50g/kg), (100g/kg)	Celltop 180EW, 300WP, 410WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
552	Emamectin benzoate 10% +	Tatachi 200WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh

	Flufiprole 10%			Á Châu
553	Emamectin benzoate 10% + Indoxacarb 20%	Lk-saula 30WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
554	Emamectin benzoate 50g/l + Indoxacarb 25g/l	Emacarb 75EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
555	Emamectin benzoate 35g/kg + Indoxacarb 60g/kg	Obaone 95WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
556	Emamectin benzoate 50g/kg + Indoxacarb 50g/kg	Chetsau 100WG	sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/ lạc, sâu xanh/ thuốc lá	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
557	Emamectin benzoate 50g/l + Indoxacarb 100g/l	Hd-Fortuner 150EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
		IE-max 150EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
558	Emamectin benzoate 10g/l + Indoxacarb 150g/l	Emingold 160SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
559	Emamectin benzoate 30g/l (85g/kg), (115g/kg) + Indoxacarb 1150g/l (20g/kg), (120g/kg)	Dhajapane 180SC, 205WP, 235WP	180SC, 235WP: Sâu cuốn lá/ lúa 205WP: Sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
560	Emamectin benzoate 4% (50g/l) + Indoxacarb 6% (150g/l)	Shieldkill 10WG, 200SC	10WG: Sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu xanh da láng, sâu đục quả/đậu tương 200SC: Sâu đục bẹ, sâu cuốn lá/lúa; sâu đục nụ/hoa hồng	Công ty TNHH TM-SX Ngọc Yến
561	Emamectin benzoate 10% + Indoxacarb 10% + Fipronil 15%	Mely 35WG	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
562	Emamectin benzoate 25g/l + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Carbatoc 50EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
563	Emamectin benzoate 100g/kg + Lambda-cyhalothrin 60g/kg	Nanophasyco 160WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
564	Emamectin benzoate 20g/l + Liuyangmycin 100g/l	Map Genie 12EC	nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/ cam; rầy bông/ xoài	Map Pacific Pte Ltd
565	Emamectin benzoate 20g/l + Lufenuron 40g/l	Tik-tot 60EC	Sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
566	Emamectin benzoate 50g/l + Lufenuron 50g/l	Lufen extra 100EC	Châu chấu tre/ ngô	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong

567	Emamectin benzoate 49g/l (148g/l) + Matrine 1g/l (2g/l)	Nasdaq 50EC, 150WG	50EC: Sâu cuốn lá/ lúa 150WG: Sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP CN Hoá chất Nhật Bản Kasuta
568	Emamectin benzoate 5g/l (10g/l) + Matrine 5g/l (10g/l)	Kimcis 10EC, 20EC	10EC: Sâu đục ngọn/ điều; rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; rầy bông/ xoài 20EC: nhện lông nhung/ nhãn, rệp sáp/ cam, bọ hà khoai lang	Công ty CP Nông dược Agriking
569	Emamectin benzoate 7.5g/l + Matrine 7.5g/l	Gasrice 15EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
570	Emamectin benzoate 9g/l (19g/l), (49g/kg), (89g/l), (62g/l), (59.9g/kg), (167g/kg) + Matrine 1g/l (1g/l), (1g/kg), (1g/l), (1g/l), (0.1g/kg), (1g/kg)	Mectinstar 10EC, 20EC, 50SG, 60SG, 63EC, 90SC 110SG, 168SG	10EC, 20EC, 50SG: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu khoang/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu khoang/ lạc; rệp/ thuốc lá; rầy xanh/ chè; rầy bông/ xoài; nhện đỏ/ cam; sâu róm/ thông 60SG: sâu tơ/ bắp cải 63EC: Nhện đỏ/cam 90SC: rầy bông/xoài 110SG, 168SG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
571	Emamectin benzoate 21g/l (41g/l), (56g/l) + Matrine 2g/l(2g/l),(2g/l)	9X-Actione 2.3EC, 4.3EC, 5.8EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ trĩ, rầy nâu, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
572	Emamectin benzoate 10g/l (19g/l), (20g/kg), (29g/l), (60.9g/kg) + Matrine 1g/l (1g/l), (1g/kg), 1g/l, (0.1g/kg)	Redconfi 11EC, 20EC, 21WP, 30EC, 61WG	11EC, 20EC, 21WP, 30EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ xít muỗi, rầy canh/ chè 61WG: rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
573	Emamectin benzoate 10g/l (48g/kg), (98g/kg), (25g/l) + Matrine 2g/l (2g/kg), (2g/kg), (2g/l)	Rholam Super 12EC, 50SG, 100WG, 27EC	12EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; sâu tơ/ bắp cải; sâu đục quả, bọ xít/ vải; nhện đỏ/ hoa hồng; bọ trĩ/ dưa chuột; rầy chổng cánh/ cam 27EC: nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải 50SG: sâu đục bẹ, bọ xít/ lúa; bọ cánh tơ, bọ xít muỗi, nhện đỏ/ chè; sâu tơ/ cải xanh; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cam; sâu xanh da láng/ nho; sâu khoang/ lạc; rầy bông/ xoài; sâu đục gân lá/ vải 100WG: Sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/lạc	Công ty CP nông dược Nhật Việt
574	Emamectin benzoate 22g/l (42g/l), (60g/l) + Matrine	Bạch tượng 26EC, 46EC, 64EC	26EC, 46EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu lúa 64EC: rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ cam;	Công ty TNHH - TM Nông Phát

	4g/l (4g/l) (4g/l)		nhện lông nhung/nhân; sâu xanh da láng/lạc	
575	Emamectin benzoate 24g/l, (55g/l), (55g/kg), (99g/kg) + Matrine 1g/l, (0.5g/l), (0.5g/kg), (0.9g/kg)	Dolagan 25EC, 55.5EC, 55.5WG, 99.9WG	25EC: Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/ bắp cải, sâu vẽ bùa/ cam, bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè 55.5EC, 99.9WG: nhện gié, sâu cuốn lá/lúa 55.5WG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
576	Emamectin benzoate 95g/kg + Matrine 5g/kg	K54 100WG	Sâu cuốn lá/ lúa, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Pro-sure 100WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Việt
577	Emamectin benzoate 29.5g/l (35.5g/kg), (49g/l), (49g/kg) + Martrine 0.5g/l (0.5g/kg), (1g/l), (1g/kg)	Techtimex 30EC, 36WG, 50EC, 50WG	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
578	Emamectin benzoate 0.4% (4g/l), (4g/l) + Monosultap 19.6% (392g/l), (392g/l)	Map Go 20ME, 39.6SL, 39.6ME	20ME: sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa, nhện/sắn 39.6SL: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/ lạc; rệp sáp/cà phê 39.6ME: sâu cuốn lá, nhện gié /lúa	Map Pacific Pte Ltd
579	Emamectin benzoate 5g/l + Petroleum oil 245g/l	Eska 250EC	sâu cuốn lá, bọ xít dài, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; nhện lông nhung/ vải; sâu xanh da láng/ thuốc lá; sâu khoang/ lạc, đậu tương; bọ trĩ, dòi đục lá/ dưa chuột, bí xanh; rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu tơ, sâu xanh, rệp/ bắp cải; nhện đỏ/ nhân	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Comda 250EC	Bọ trĩ/ dưa hấu, bọ xít muỗi/ chè, rầy bông/ xoài, rệp muội/ hoa cúc, rệp sáp/ cà phê, sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh da láng/ hành	Công ty CP BVTV Sài Gòn
580	Emamectin benzoate 10g/l (5g/l) + Petroleum oil 240g/l (395g/l)	Emamec 250EC, 400EC	sâu đục thân, cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ đậu trạch; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
581	Emamectin benzoate 19g/l (25g/l), (30g/l) + Permethrin 80.99 g/l (130g/l), (155g/l)	Tiachop 99.99EC, 155EC, 185EC	99.99EC: sâu cuốn lá/ lúa 155EC: sâu xanh da láng/ đậu xanh 185EC: sâu keo/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
582	Emamectin benzoate 20g/l + Permethrin 220g/l	Happymy 240EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
583	Emamectin benzoate 10g/l + Quinalphos 240g/l	Daisuke 250EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
584	Emamectin benzoate 30g/kg + Spinosad 25g/kg	Amagong 55WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam

585	Emamectin benzoate 50g/l (50g/kg) +200g/l (200g/kg) Spinosad	Boxin-TSC 25EC, 250WP	Sâu xanh/bấp cải	Công ty CP Lion Agrevo
586	Esfenvalerate (min 83 %)	Sumi-Alpha 5 EC	sâu đục quả/ đậu tương; bọ xít, sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Sumisana 5EC	Sâu khoang/khoai lang	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
587	Esfenvalerate 1.25 % + Fenitrothion 25%	Sumicombi-Alpha 26.25 EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ xít/ lúa; sâu khoang/ lạc; rầy xanh/ bông vải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
588	Ethiprole (min 94%)	Curbix 100 SC	rầy nâu/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
589	Ethiprole 100 g/l + Imidacloprid 100g/l	Peridor 200SC	rầy nâu/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
590	Etofenprox (min 96%)	Noray 30EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Slavic 10SC	rầy nâu/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Trebon 10 EC, 20 WP, 30EC	10EC: rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi/ chè; sâu xanh, sâu khoang/ bông vải, ngô; sâu vẽ bùa; rệp/ vải; bọ xít muỗi/điều 20WP: rầy nâu/ lúa; bọ xít/ vải, nhãn; rầy xanh/ chè; rầy/ xoài; sâu khoang/ bắp cải 30EC: rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; rầy mềm/ bắp cải; rầy xanh/ chè	Mitsui Chemicals Agro, Inc. .
591	Etofenprox 2% + Phenthoate 48 %	ViCIDI-M 50 EC	bọ xít/ lúa, sâu xanh/ lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
592	Eucalyptol (min 70%)	Pesta 2SL	nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; nhện lông nhung/ vải; nhện đỏ/ nhãn; sâu khoang/ lạc; sâu xanh da láng/ thuốc lá; sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ bí xanh, dưa hấu; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
593	Fenbutatin oxide (min 95%)	Nilmite 550SC	nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ hoa hồng, cam	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
594	Fenitrothion (min 95 %)	Factor 50EC	sâu đục thân/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Forwathion 50EC	sâu đục thân/ lúa, rệp/ cà phê	Forward International Ltd
		Metyl annong 50EC	sâu cuốn lá/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Nysuthion 50EC	Bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yên

		Sumithion 50 EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Visumit 5DP, 50EC	5DP: cào cào, sâu trong đất/ lúa 50EC: sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
595	Fenitrothion 45% + Fenoburcarb 30%	Difetigi 75 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Subatox 75 EC	sâu cuốn lá/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP BVTV I TW
596	Fenitrothion 25% (250g/l) + Fenvalerate 5% (50g/l)	Hosithion 30EC	bọ xít hôi/ lúa, sâu ăn tạp/ lạc	Công ty CP Hóc Môn
		Sumicombi 30EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ xít/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu đục quả, rệp vảy/ cà phê	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Sumitigi 30 EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
597	Fenitrothion 450g/l + Fenprothrin 50g/l	Danitol - S 50 EC	nhện, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; sâu đục cành, đục quả, rệp sáp/ cà phê; rệp, sâu xanh, rầy xanh, bọ trĩ/ bông vải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
598	Fenobucarb (BPMC) (min 96 %)	Abasba 50EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Anba 50 EC	rầy nâu/ lúa, bọ xít/ hồ tiêu, rệp/ đậu tương	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Basasuper 700EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Bascide 50 EC	rầy nâu/ lúa, rệp/ thuốc lá	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Bassa 50 EC	rầy/ lúa, rệp sáp/ bông vải	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
		Bassatigi 50 EC	rầy nâu, sâu keo/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Dibacide 50 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dosadx 50EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Excel Basa 50 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH OCI Việt Nam
		Forcin 50 EC	rầy nâu/ lúa, bọ trĩ/ bông vải	Forward International Ltd
		Hoppecin 50 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược HAI
		Jetan 50 EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Metasa 500EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
		Nibas 50 EC	rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa, rệp vảy/ cà phê	Công ty CP Nicotex

		Pasha 50 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Super Kill 50 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
		Tapsa 50 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Triray 50 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
		Vibasa 50 EC	rầy, rầy nâu/ lúa; rệp/ bông vải	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vitagro 50 EC	rầy nâu/ lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
599	Fenobucarb 300g/l + Imidacloprid 50g/l	Azora 350EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
600	Fenobucarb 415g/l + Imidacloprid 35g/l	Javipas 450EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP nông dược Nhật Việt
601	Fenobucarb 450g/l + Imidacloprid 50g/l	Lanro 500EC	Bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
602	Fenobucarb 150g/l (5g/kg) + Isoprocarb 150g/l (195g/kg)	Anbas 200WP, 300 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
603	Fenobucarb 150g/l (350g/l) + Isoprocarb 100g/l (150g/l)	Kimbas 250EC, 500EC	Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
604	Fenobucarb 20 % + Phenthoate 30 %	Viphensa 50 EC	sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
605	Fenobucarb 30% + Phenthoate 45%	Diony 75 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
606	Fenobucarb 300g/l + Phenthoate 450g/l	Hopsan 75 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược HAI
607	Fenobucar 305 g/l + Phenthoate 450 g/l	Abasa 755EC	Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; mọt đục cành, rệp sáp/cà phê; sâu xanh/lạc; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
608	Fenobucarb 45 % + Phenthoate 30%	Knockdown 75 EC	rầy nâu/ lúa, sâu xanh/ lạc	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
609	Fenpropathrin (min 90 %)	Alfapathrin 10 EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Danitol 10 EC	rệp/ bông vải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Vimite	nhện đỏ/ hoa hồng; bọ trĩ, rệp sáp, nhện đỏ/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng

		10 EC		Việt Nam
610	Fenpropathrin 160g/l + Hexythiazox 60g/l	Mogaz 220EC	Nhện đỏ/ hoa hồng; nhện gié/ lúa	Sundat (S) PTe Ltd
611	Fenpropathrin 100g/l + Pyridaben 200g/l	Sieunhen 300EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
612	Fenpropathrin 100g/l (5g/l), (5g/l) + Profenofos 40g/l (55g/l), (300g/l) + Pyridaben 10g/l, (200g/l), (5g/l)	Calicydan 150EW, 260EC, 310EC	150EW, 260EC: nhện gié/lúa 310EC: rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
613	Fenpyroximate (min 96%)	Ortus 5 SC	nhện đỏ/ hoa hồng	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
		May 050SC	Nhện gié/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
614	Fenpyroximate 50g/l + Pyridaben 150g/l	Rebat 20SC	nhện gié/lúa, bọ xít muỗi/điều, ca cao; nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM Tân Thành
615	Fenvalerate (min 92 %)	Dibatox 10EC, 20EC	10EC: sâu keo/ lúa, sâu cuốn lá/ lạc, rệp sáp/ cà phê 20EC: sâu cuốn lá, sâu keo/ lúa; sâu cuốn lá/lạc; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Fantasy 20 EC	rầy nâu/ lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Fenkill 20 EC	sâu đục thân/ lúa, sâu đục quả/ đậu tương	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		First 20EC	bọ xít/ lúa	Zagro Singapore Pte Ltd
		Kuang Hwa Din 20EC	rầy xanh/ lúa	Bion Tech Inc.
		Pathion 20EC	sâu xanh/ thuốc lá	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Pyvalerate 20 EC	rầy, sâu cuốn lá/ lúa; bọ xít muỗi/ điều	Forward International Ltd
		Sanvalerate 200 EC	bọ xít/ lúa	Longfat Global Co., Ltd.
		Sutomo 25EC	Sâu đục quả/ đậu tương	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Timycin 20 EC	bọ xít/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Vifenva 20 EC	sâu xanh/ thuốc lá, bọ xít/ đậu lấy hạt, sâu keo/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
616	Fenvalerate 6 % + Malathion 15 %	Malvate 21 EC	sâu khoang/ lạc, sâu bao/ điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn

617	Fipronil (min 95 %)	Again 3GR, 50SC, 800WG	3GR : sâu đục thân/ lúa 50SC : sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa 800WG : sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
		Airblade 5SC, 800WG	5SC : Bọ trĩ/lúa 800WG : Sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Angent 5SC, 800WG	5SC : bọ trĩ/ lúa 800WG : sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Anpyral 800WG	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa; sâu khoang/lạc, mọt đục cành/cà phê; dòi đục thân/ đậu tương, bọ xít muỗi/ ca cao	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Anrogen 0.3GR, 10.8GR, 50SC, 800WG	0.3GR : sâu đục thân/ lúa 10.8GR : Rầy nâu/lúa; tuyến trùng, ấu trùng ve sầu/cà phê 50SC, 800WG : sâu đục thân/ ngô; bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Cagent 3GR, 5SC, 800WG	3GR : Sâu đục thân/ lúa, mía 5SC : xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/ lúa 800WG : Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Centago 800WG, 50SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Cyroma 5SC	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Fidegent 50 SC, 800WG	50SC : sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa 800WG : rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Finico 800 WG	sâu đục thân/ ngô; sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Fipent 800WG	sâu đục thân/ ngô	Công ty TNHH Agro Việt
		Fiprogen 0.3GR, 0.5GR, 5SC, 800WG	0.3GR, 0.5GR : Sâu đục thân/lúa 5SC : sâu đục thân/ lúa, sâu xanh/ đậu tương 800WG : sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Fipshot 800WG	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Thanh Điền
		Fi-Hsiung Lai 0.3GR, 5SC	0.3GR : sâu đục thân/lúa 5SC : Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Forgen 800 WG	bọ trĩ/ lúa	Forward International Ltd
		Hybridsuper 800WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Javigent 800WG	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Jianil 5 SC	sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa, xử lý hạt giống để trừ bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)

Legend 0.3GR, 5SC, 800WG	0.3GR: bọ trĩ, sâu đục thân/ lúa; sâu đục thân/ ngô, mía 5SC: sâu đục thân/ ngô, mía; sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê; rệp muội/ bông vải; sâu khoang/ thuốc lá 800WG: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu đục thân/ ngô; rệp sáp/ cà phê; sâu khoang/ thuốc lá; rệp/ bông vải	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Lexus 5SC, 800WG, 800WP	5SC: sâu cuốn lá/ lúa 800WG: sâu xanh da láng/ lạc 800WP: sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Map Pacific PTE Ltd
Lugens 200FS, 800WG	200FS: xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa 800WG: rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
Lupus 50ME	Sâu cuốn lá/lúa, xử lý hạt giống trừ rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
Phironin 50 SC, 800WG	50SC: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu khoang/ lạc; xử lý hạt giống để trừ bọ trĩ/ ngô, sâu cuốn lá/ lúa 800WG: sâu đục thân/ ngô; sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá/ lúa; xử lý hạt giống trừ sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
Phizin 50SC, 800 WG	50SC: sâu cuốn lá/ lúa 800WG: sâu đục thân/ ngô; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
Rambo 5SC, 800WG	bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu năn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
Ranger 0.3GR, 5SC, 800WG	0.3GR: sâu đục thân/ lúa 5SC: sâu đục thân/ ngô, bọ trĩ/ lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa 800WG: bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
Reagt 5SC, 800WG	5SC: rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 800WG: rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu đục thân/ ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
Regal 3GR, 6GR, 50SC, 75SC, 800WG	3GR: sâu đục thân/ lúa, sùng/ mía, tuyến trùng/ hồ tiêu 6GR: Sâu đục thân, tuyến trùng/ lúa 50SC: sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/ lúa 75SC: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa 800WG: sâu đục thân/ ngô; sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/ lúa	Cali – Parimex. Inc.

Regent 0.3GR, 5SC, 800WG	0.3GR: sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu keo, sâu phao, sâu cuốn lá, sâu năn/ lúa; sâu đục thân/ ngô, mía; ve sầu/ cà phê 5SC: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; xử lý hạt giống trừ dế, kiến, nhện, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu năn, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu phao, sâu keo/ lúa 800WG: sâu đục thân, bọ xít, rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/ điều; rệp sáp/ cà phê	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
Regrant 800WG	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
Rigell 3GR, 6GR, 50SC, 75SC, 800WG	3GR: sâu cuốn lá/ đậu tương; sâu đục thân/ ngô; tuyến trùng, sâu đục thân/ mía 6GR: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, tuyến trùng/ lúa 50SC: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 75SC: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa 800WG: rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Rigenusamy 3GR, 50SC, 800WG	3GR: Sâu đục thân/lúa 50SC: Bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa 800WG: Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Sagofifro 850WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Supergen 5SC, 800WG	5SC: xử lý hạt giống để trừ bọ trĩ, sâu phao, sâu keo, muỗi hành, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; bọ trĩ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa 800WG: sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu, sâu đục thân, bọ xít/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH – TM Tân Thành
Suphu 0.3GR, 10GR, 5SC, 10EC, 800WG	0.3GR: sâu đục thân/ ngô; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu năn/ lúa 10GR: rầy nâu, sâu đục thân, nhện gié/ lúa; rệp sáp, ấu trùng ve sầu, tuyến trùng/ cà phê 5SC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục thân/ lúa 10EC: sâu đục thân/ ngô, lúa, mía 800WG: sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH ADC
Tango 50SC, 800WG	sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
Thenkiu 800WG	Sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH King Elong

		Tungent 5GR, 5SC, 100SC, 800WG	5GR: Rệp sáp giả/rễ cà phê; tuyến trùng/hồ tiêu; sâu đục thân/mía, ngô 5SC: sâu xanh, sâu khoang/ lạc; sâu đục thân/ ngô; sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu phao, bọ xít, sâu đục bẹ, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; sâu róm/ điều 100SC: rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi/điều, tuyến trùng/hồ tiêu, sâu đục thân/mía; sâu xanh da láng/lạc, sâu xanh/đậu tương, sâu đục thân/ngô, rầy nâu, bọ trĩ/lúa 800WG: bọ xít muỗi/ điều; rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu xanh/ lạc; sâu đục thân/ ngô	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Tur ếch 800WG	rệp vảy/ cà phê, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Virigent 0.3GR, 50SC, 800WG	0.3GR: sâu đục thân/ lúa 50SC: sâu cuốn lá/ lúa, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu/lúa 800WG: bọ trĩ, sâu đục thân, sâu năn, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
618	Fipronil 100g/l + Flufiprole 100g/l	Flufipro 200SC	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
619	Fipronil 160g/l (322g/kg) + Hexaflumuron 100g/l (100g/kg)	Nok 260EC, 422WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
620	Fipronil 400 g/kg + Imidacloprid 100 g/kg	Angerent 500WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
621	Fipronil 0.3% + Imidacloprid 0.2%	Futim 5GR	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Nông dược HAI
622	Fipronil 2.9 g/kg, (3g/kg), (50g/l), (20g/l), (85g/kg), (785g/kg)) + Imidacloprid 0.1g/kg, (2g/kg), (5g/l), (80g/l), (15g/kg), (15g/kg)	Configent 3GR, 5GR, 55SC, 100EC, 100WP, 800WG	3GR, 5GR, 55SC, 800WG: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 55SC: sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/ lúa 100EC: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa 100WP: sâu xanh/ đậu tương	Công ty TNHH Kiên Nam
623	Fipronil 3g/kg, (29g/l), (59g/l), (130g/kg), (30g/kg), (400g/kg), (30g/kg) + Imidacloprid 1g/kg, (1g/l), (1g/l), (25g/kg), (250g/kg), (100g/kg), (720g/kg)	Henri 4GR, 30EC, 60SC, 155WP, 280WP, 500WG, 750WG	4GR, 30EC, 60SC, 500WG: sâu cuốn lá/ lúa 155WP: sâu phao/ lúa 280WP, 750WG: rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
624	Fipronil 180g/l (400g/kg) + Imidacloprid 360g/l (400g/kg)	Sunato 540FS, 800WG	540FS: Xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/lúa 800WG: Rệp sáp giả/ca cao, cà phê, hồ tiêu; rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa, bọ trĩ/điều; rệp muội, bọ	Bayer Vietnam Ltd (BVL)

			phân/khoai tây	
625	Fipronil 100g/l (250g/kg) + Imidacloprid 150g/l (440g/kg) + Lambda-cyhalothrin 80g/l (60g/kg)	Kosau 330SC, 750WP	330SC: Sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 750WP: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH An Nông
626	Fipronil 100 g/kg + Imidacloprid 10 g/kg + Thiamethoxam 250g/kg	Acdora 360WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
627	Fipronil 600g/kg + Imidacloprid 150g/kg + Thiamethoxam 100g/kg	Hummer 850WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
628	Fipronil 50 g/l + Indoxacarb 25 g/l	Blugent 75SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
629	Fipronil 300g/kg + Indoxacarb 150g/kg	Map wing 45WP	Sâu cuốn lá nhỏ/lúa, sâu xanh/đậu tương	Map Pacific Pte. Ltd
630	Fipronil 500g/l + Indoxacarb 150g/l	Seahawk 650SC	Sâu cuốn lá, sâu keo/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
631	Fipronil 400g/kg + Indoxacarb 150g/kg	Rido 550WP	Sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
632	Fipronil 500g/kg, (306g/kg) + Indoxacarb 100g/kg, (150g/kg)	M79 600WG, 456WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
633	Fipronil 50g/l (38g/l) (100g/kg) (450g/kg) + Indoxacarb 16.88g/l (130g/l) (100g/kg), (50g/kg)	Bugergold 66.88EW, 168SC, 200WP, 450SG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
634	Fipronil 50g/l + Indoxacarb 100g/l	Endophos super 150SC	Sâu khoang/lạc	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
635	Fipronil 50g/l + Indoxacarb 150g/l	Homata 200EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
636	Fipronil 25g/l (50g/l), (10g/l) + Indoxacarb 25g/l (50g/l), (150g/l)	Adomate 50SC,100SC, 160SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
637	Fipronil 30g/l (35g/kg), (160g/l), (100g/l), (10g/l), (200g/kg), (606g/kg) +	Newebay 95EC, 99.9WG, 170EW, 180SC, 220SC, 270WG,	95EC, 99.9WG, 180SC, 270WG, 666WG: Sâu cuốn lá/lúa 170EW: Rầy lưng trắng/lúa 220SC: rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

	Indoxacarb 50g/l (54.9g/kg), (10g/l), (20g/l), (10g/l), (20g/kg), (50g/kg) + Thiamethoxam 15g/l (10g/kg), (10g/l), (50g/l), (200g/l), (50g/kg), (10g/kg)	666WG		
638	Fipronil 80g/l + Lambda-cyhalothrin 20g/l	Nanochiefusa 100EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
639	Fipronil 35g/l (50g/l), (90g/l) + Lambda-cyhalothrin 15g/l (25g/l), (25g/l)	Accenta 50EC, 75EC, 115EC	50EC, 115EC: sâu đục thân/ lúa 75EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP nông dược Nhật Việt
640	Fipronil 45g/l (500g/kg), (795g/kg) + Lambda-cyhalothrin 15g/l (200g/kg), (5g/kg)	Goldgent 60EC, 700WG, 800WG	60EC: sâu cuốn lá/ lúa 700WG, 800WG: Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
641	Fipronil 50 g/l + 25g/l Lambda-cyhalothrin	Golgal 75EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
642	Fipronil 120g/kg + Methyamine avermectin 60g/kg	Fu8 18WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
643	Fipronil 0.8 g/l (10.4g/l), (0.1g/l), (60g/kg), (5g/kg), (260g/kg) + Nitenpyram 100 g/l (390g/l), (449.9g/l), (440g/kg), (550g/kg), (540g/kg)	Newcheck 100.8SL, 400.4SL, 450SL, 500WP, 555WP, 800WP	100.8SL, 400.4SL, 500WP, 555WP: rầy nâu/ lúa 100.8SL: Nhện gié/lúa 450SL: Nhện gié, rầy nâu/lúa 800WP: Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê, bọ trĩ/điều	Công ty TNHH An Nông
644	Fipronil 100g/kg + Nitenpyram 500g/kg	Vinagold 600WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
645	Fipronil 260g/kg + Nitenpyram 540g/kg	Meta gold 800WP	Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
646	Fipronil 50 g/kg + Pymetrozine 250g/kg	Pymota 300WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
647	Fipronil 100g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Chesshop 600WG	rầy nâu, nhện gié/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
		Jette super 600WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Mekong

648	Fipronil 500g/kg + Pymetrozine 200g/kg	M150 700WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Tân Hưng
649	Fipronil 85g/kg, (110g/kg), (680g/kg), (800g/kg) + Pymetrozine 500g/kg, (550g/kg), (120g/kg), (10g/kg)	Chet 585WG, 660WG, 800WG, 810WG	585WG: 660WG, 800WG: rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa 810WG: sâu cuốn lá, nhện gié, sâu phao/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
650	Fipronil 100g/kg (150g/kg) (150g/kg), (150g/kg) + Pymetrozine 500g/kg (500g/kg) (550g/kg), (600g/kg)	Biograp 600WG, 650WG, 700WG, 750WG	600WG, 750WG: Rầy nâu/lúa 650WG, 700WG: Sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
651	Fipronil 25g/l + Quinalphos 225g/l	Goltoc 250EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
652	Fipronil 20% + Tebufenozide 20%	Tore 40SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
653	Fipronil 50.5g/l (100g/kg)+ Thiacloprid 250g/l (550g/kg) + Thiamethoxam 100g/l (107g/kg)	Bagenta 400.5SC, 757WP	400.5SC: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh, rệp sáp/cà phê 757WP: Sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ, sâu đục thân/ lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
654	Fipronil 5 g/kg + Thiamethoxam 295g/kg	Onera 300WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
655	Fipronil 200g/l (100g/kg) + Thiamethoxam 200g/l (100g/kg)	MAP Silo 40SC, 200WP	40SC: Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa 200WP: bọ trĩ/ lúa	Map Pacific Pte Ltd
656	Fipronil 0.3% + 11.7% Thiosultap-sodium	Fretil super 12GR	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
657	Flonicamid (min 96%)	Acypimezin 10WG, 50WG	10WG: Rầy nâu nhỏ/lúa 50WG: Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
658	Flonicamid 100g/kg + Nitenpyram 400g/kg	Achetray 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
659	Flonicamid 100g/kg + Nitenpyram 300g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Florid 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
660	Flubendiamide (min 95%)	Takumi 20WG, 20SC	20WG: sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/ lạc; sâu đục quả/ cà chua 20SC: sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Nihon Nohyaku Co., Ltd.

661	Flufenoxuron (min 98 %)	Cascade 5 EC	sâu xanh da láng/ lạc, đậu tương; nhện đỏ/ cây có múi, chè	BASF Vietnam Co., Ltd.
662	Fluazinam (min 95%)	Flame 500SC	Nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
663	Flufiprole (min 97%)	Tachi 150SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á châu
664	Flufiprole 50g/l + Indoxacarb 100g/l	Good 150SC	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
665	Gamma-cyhalothrin (min 98%)	Vantex 15CS	sâu đục thân/ lúa, sâu xanh da láng/ lạc	FMC Agricultural Products Interational AG
666	Garlic juice	Bralic-Tỏi Tỏi 1.25SL	bọ phấn/ cà chua	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Biorepel 10SL	rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè; ruồi/ lá cải bó xôi; rệp muội/ hoa cúc, cải thảo; bọ phấn/ cà chua; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Ngân Anh
667	Hexaflumuron (min 95%)	Staras 50EC	sâu xanh/ lạc	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
668	Hexythiazox (min 94 %)	Hoshi 55.5EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
		Lama 50EC	Nhện gié/ lúa	Công ty TNHH BMC
		Nissorun 5 EC	nhện đỏ/ chè, hoa hồng; nhện gié/ lúa, nhện lông nhung/ nhân	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Nhendo 5EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Tomuki 50EC	nhện gié/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
669	Hexythiazox 40g/l + Pyridaben 160g/l	Super bomb 200EC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Tân Hưng
670	Imidacloprid (min 96 %)	Acmayharay 100WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
		Actador 100 WP	rầy nâu/ lúa	Cali – Parimex. Inc.
		Admitox 050EC, 100SL, 100WP, 200SC, 250WP, 600SC, 750WG	050EC, 100SL: rầy nâu/ lúa 100WP: rệp sáp/ cà phê, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa 200SC: rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê 250WP, 750WG: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa 600SC: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông

Aicmidae 100WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
Amico 10EC, 20WP	10EC: rầy nâu/ lúa 20WP: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
Anvado 100SL, 100WP, 200SC, 700WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
Armada 50EC, 100EC, 100SL, 100WG, 700WG	50EC: bộ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu cuốn lá/ lạc 100EC: bộ trĩ/ lúa; sâu cuốn lá/ lạc 100SL: rệp sáp/ cà phê 100WG: rầy nâu/ lúa 700WG: bộ trĩ/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Asimo 10WP	bộ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Biffiny 10 WP, 70WP, 400SC, 600FS	10WP: bộ trĩ/ lúa, rầy nâu/ lúa 70WP: rầy nâu, bộ trĩ/ lúa; xử lý hạt giống trừ bộ trĩ/ lúa 400SC: rầy nâu, bộ trĩ/ lúa 600FS: Xử lý hạt giống trừ rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
Confidor 050 EC, 100 SL, 200SL, 200 OD, 700WG	050EC: rầy nâu, rầy xanh, bộ trĩ/ lúa; rệp, rầy xanh/ bông vải 100SL: rệp sáp, rệp vảy/ cà phê 200SL: rầy nâu, bộ trĩ/lúa; rệp vảy, rệp sáp/cà phê, bộ trĩ/ điều, rệp sáp/ hồ tiêu 200OD: rầy nâu/ lúa; bộ trĩ/ lúa, điều; rệp sáp, rệp vảy/ cà phê; rầy xanh, rệp muội/ bông vải 700WG: rầy nâu, bộ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
Conphai 10ME, 10WP, 15WP, 100SL, 700WG	10ME, 10WP, 15WP, 700WG: rầy nâu/ lúa 100SL: rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Trường Thịnh
Imida 10 WP, 20SL	10WP: bộ trĩ/ lúa 20SL: rầy nâu/lúa	Công ty CP Long Hiệp
Imidova 150WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
Imitox 10WP, 20SL, 700WG	10WP: Bộ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/cà phê 20SL: rầy nâu/ lúa 700WG: bộ trĩ/ lúa, rệp sáp/ cà phê, xử lý hạt giống trừ bộ trĩ/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh

Inmanda 100WP, 250WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
Iproimida 20SL	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Futai
Javidan 100WP, 150SC, 250WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
Jiami 10SL	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Jugal 17.8 SL	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
Just 050 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM – DV Thanh Sơn Hóa Nông
Kerala 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
Kimidac 050EC	rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
Kola 600FS, 700WG	600FS: xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu, ruồi hại lá/ lúa 700WG: bọ trĩ, rầy nâu, ruồi hại lá/ lúa	Công ty TNHH ADC
Kongpi-da 151WP, 700WG	151WP: rầy nâu/ lúa, bọ xít muỗi/ điều 700WG: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
Map – Jono 5EC, 700WP	5EC: bọ trĩ/ lúa 700WP: rầy nâu/ lúa; sâu xám/ ngô; rầy xanh/ bông vải	Map Pacific PTE Ltd
Mega-mi 178 SL	bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
Mikhada 10WP, 20WP, 45ME, 70WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP TM BVTV Minh Khai
Miretox 2.5WP, 10EC, 10WP, 12EC, 250WP, 700WG	2.5WP, 12EC: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa 10EC, 10WP, 250WP, 700WG: rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
Midan 10 WP	rầy xanh/ bông vải; rầy nâu, bọ trĩ, rầy lưng trắng/ lúa; rệp vây/ cà phê; bọ trĩ/ điều	Công ty CP Nicotex
Nomida 10WP, 15WP, 25WP, 28WP, 50EC, 700WG	10WP, 15WP, 25WP, 28WP, 50EC: rầy nâu/ lúa 700WG: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Điện Thạnh
Phenodan 10 WP, 20 WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH VT BVTV Phương Mai
Pysone 700 WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
Punto xtra 70WG	Rầy nâu/lúa	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co.Ltd

		Saimida 100SL	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sahara 25WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
		Sectox 50EC, 100EC, 100WP, 200EC, 700WG	100WP: rầy nâu/ lúa 50EC, 100EC, 200EC, 700WG: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Stun 20SL	Rầy nâu/lúa, bọ xít muỗi/điều, bọ xít lười/ hồ tiêu	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Sun top 700WP	rầy nâu/ lúa	Sundat (S) PTe Ltd
		T-email 10WP, 70WG	10WP: bọ trĩ, rầy nâu, nhện gié/ lúa; rệp sáp, rệp vảy/ cà phê 70WG: sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/ lúa; rệp sáp, rệp vảy/ cà phê; dòi đục lá/ đậu xanh; bọ xít muỗi, bọ trĩ/ điều; rệp sáp, bọ xít lười/ hồ tiêu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Thần Địch Trùng 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
		Thanasat 10WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Tinomo 100SL	rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Vicondor 50 EC, 700WP	50 EC: Rầy nâu/ lúa 700WP: Rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Yamida 10WP, 100EC, 700WG, 700WP	10WP: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp sáp, rệp vảy/ cà phê 100EC, 700WG, 700WP: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
671	Imidacloprid 200g/l + Indoxacarb 70g/l	Yasaki 270SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
672	Imidacloprid 150g/l + Indoxacarb 150g/l	Xacarb 300SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
		Xarid 300SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
673	Imidacloprid 3% (100g/kg), (150g/kg) + Isoprocarb 32% (450g/kg), (550g/kg)	Qshisuco 35WP, 550WP, 700WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
674	Imidacloprid 100g/kg + Isoprocarb 250g/kg	Tiuray TSC 350WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
675	Imidacloprid 250g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 450g/ kg	Centertrixx 750 WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hoá nông Mê Kông
676	Imidacloprid 250g/kg (205g/kg) + Lambda-	Startcheck 750WP, 755WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông

	cyhalothrin 50g/kg (50g/kg) + Nitenpyram 450g/kg (500g/kg)			
677	Imidacloprid 5% + Nitenpyram 45% + Pymetrozine 25%	Ramsuper 75WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
678	Imidacloprid 200g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Transfluthrin (min 95%) 50g/kg	Strongfast 700WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
679	Imidacloprid 100g/kg (50g/l) + Pirimicarb 20g/kg (150g/l)	Actagold 120WP, 200EC	Rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
680	Imidacloprid 50g/l + Profenofos 200g/l	Vitasupe 250EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
681	Imidacloprid 2% + Pyridaben 18%	Hapmisu 20EC	bọ phấn/ lạc, rệp sáp/ cà phê, bọ trĩ/ hoa hồng, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
682	Imidacloprid 2.5% + Pyridaben 15%	Usatabon 17.5WP	rệp bông xo/ mía, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
683	Imidacloprid 150 g/kg (150g/kg), (250g/kg) + Pymetrozine 200 g/kg (500g/kg), (500g/kg)	Tvpymeda 350WP, 650WG, 750WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất & TM Trần Vũ
684	Imidacloprid 200g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Cherray 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
685	Imidacloprid 15g/kg + Thiamethoxam 285g/kg	Wofara 300WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
686	Imidacloprid 150g/kg + Thiamethoxam 200g/kg	Leader 350WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Tập Đoàn Điện Bàn
687	Imidacloprid 100g/l (400g/kg) + Thiamethoxam 200g/l (350g/kg)	NOSOT Super 300SC, 750WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
688	Imidacloprid 200g/kg + Thiamethoxam 50g/kg	Aicpyricyp 250WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
689	Imidacloprid 10g/kg (50g/kg) + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 340g/kg (700g/kg)	Actadan 350WP, 750WP	350WP: sâu cuốn lá/ lúa 750WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

690	Imidacloprid 1.7% (5%) + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 38.3% (85%)	Zobin 40WP, 90WP	40WP: rầy nâu/ lúa 90WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; sâu khoang/ lạc; rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi/ điều; sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty CP Nông nghiệp HP
691	Imidacloprid 2 % + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 58 %	Midanix 60WP	sâu xanh/ đậu tương; sâu cuốn lá; bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nicotex
692	Imidacloprid 4g/kg (190g/kg), (17g/kg), (25g/kg), (20g/kg) + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 36/kg (100g/kg), (393g/kg), (825 g/kg), (930g/kg)	Vk. Dan 40GR, 290WP, 410WP, 850WP, 950WP	40GR, 850WP: Sâu đục thân/ lúa 290WP: Rầy nâu/ lúa 410WP: Sâu cuốn lá/ lúa 950WP: Bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục thân/ ngô	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
693	Imidacloprid 5% (50g/kg) + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 70% (750g/kg)	Rep play 75WP, 800WP	75WP: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa 800WP: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
694	Indoxacarb	Actatin 150SC	sâu khoang/ lạc	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Aficap 200SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP TM và Đầu tư Bắc Mỹ
		Agfan 15SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Rotam Asia Pacific Limited
		Amateusamy 150SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Amater 150SC	Sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Lion Agrevo
		Ameta 150SC	sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH – TM Tân Thành
		Anhvato 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Anmaten 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Blog 8SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Clever 150SC, 300WG	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
		Doxagan 150SC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Adama

				Việt Nam
		DuPont™ Ammate® 30WG, 150EC	30WG: sâu cuốn lá/ lúa 150EC: sâu khoang/ lạc, sâu xanh/ thuốc lá, sâu xanh da láng/ đậu tương, sâu cuốn lá/lúa	DuPont Vietnam Ltd
		Indocar 150SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
		Indogold 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Indony 150SC	Sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Indosuper 150SC, 300WG	150SC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít hôi, nhện gié/ lúa; rệp muội, sâu đục quả, sâu đục hoa, sâu xanh/ đậu tương 300WG: Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Newamate 200SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Đồng Vàng
		Opulent 150SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Minh Long
		Supermate 150SC	sâu xanh da láng/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh/ thuốc lá, sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH An Nông
		Sunset 300WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Thamaten 150SC	sâu cuốn lá, sâu keo/ lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
		Wavesuper 15SC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh/thuốc lá	Công ty TNHH Nam Bộ
695	Indoxacarb 10% + Fipronil 5%	Isophos 15EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
696	Indoxacarb 120g/l + Fipronil 130g/l	Zentomax 250SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP TM và Đầu tư Bắc Mỹ
697	Indoxacarb 55g/kg (0.2g/l), (160g/l) + Profenofos 0.5g/kg (84.8g/l), (40g/l)	Goldkte 55.5WG, 85EW, 200SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
698	Indoxacarb 50g/kg + Pymetrozine 550g/kg	Pymin 600WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
699	Indoxacarb 150g/l + Lambda-cyhalothrin 30g/l	Divine 180SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP CN Hóa chất Nhật Bản Kasuta
700	Indoxacarb 150g/l + Tebufenozide 200g/l	Captain 350SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
701	Isoprocarb	Mipcide	rầy xanh/ bông vải, rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV

		50WP		Sài Gòn
		Micinjapane 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Tigicarb 20EC, 25WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Vimipc 20EC, 25WP	rầy/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
702	Isoprocarb 400g/kg + Thiamethoxam 25g/kg	Cynite 425 WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
703	Isoprocarb 400g/kg (400g/kg) + Thiacloprid 50g/kg (100 g/kg)	Zorket 450WP, 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Được Mùa
704	Isoprocarb 200g/kg + Pymetrozine 100g/kg	Silwet 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
705	Karanjin	Takare 2EC	nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; bọ trĩ/ dưa chuột, nho, dưa hấu; nhện lông nhung/nhãn, vải; nhện gié/lúa	Công ty CP Nông dược HAI
706	Lambda-cyhalothrin (min 81%)	Cyhellla 250CS	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Karate® 2.5 EC	sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ, sâu phao, rầy nâu/ lúa; bọ xít muối/ điều; sâu cuốn lá, sâu ăn lá/ lạc; sâu ăn lá/ đậu tương	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Katedapha 25EC	bọ xít, sâu cuốn lá/ lúa; bọ xít muối/ điều; sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh da láng/ lạc	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát
		Katera 50EC	Sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, bọ trĩ/lúa	Công ty CP Thanh Điền
		K - T annong 2.5EC, 25EC, 25EW	2.5EC: sâu phao/ lúa 25EC, 25EW: sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ đậu tương	Công ty TNHH An Nông
		K - Tee Super 2.5EC, 50EC	2.5EC: sâu cuốn lá/ lúa 50EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Fast Kill 2.5 EC	rệp/ thuốc lá	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Iprolamcy 5EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Futai
		Perdana 2.5EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Racket 2.5EC	sâu ăn lá/ lạc	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Sumo 2.5 EC	bọ trĩ/ lúa	Forward International Ltd
		Vovinam 2.5 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu róm/ điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn

707	Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Paichongding (min 95%) 250g/kg	Kingcheck 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
708	Lambda -cyhalothrin 15g/l + Profenofos 335g/l	Wofatac 350 EC	sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
709	Lambda-cyhalothrin 20g/l (50g/l) + Profenofos 150g/l (375g/l)	Gammalin super 170EC, 425EC	170EC: sâu xanh da láng/ đậu tương; rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; rệp sáp/ cà phê 425EC: Rệp sáp/cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd
710	Lambda-cyhalothrin 15g/l + Quinalphos 235g/l	Cydansuper 250EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Repdor 250 EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
711	Lambda-cyhalothrin 20g/l + Quinalphos 230g/l	Supitoc 250EC	sâu khoang/ lạc	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
712	Lambda-cyhalothrin 106g/l + Thiamethoxam 141g/l	Fortaras top 247SC	rầy nâu, bọ xít hôi, sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
713	Lambda-cyhalothrin 110g/l + Thiamethoxam 140g/l	Valudant 250SC	Sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
		Yapoko 250SC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
714	Lambda-cyhalothrin 10.6% + Thiamethoxam 14.1%	Uni-tegula 24.7SC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
715	Lambda-cyhalothrin 2g/l (15g/l), (2g/l), (50g/l) + Phoxim 120g/l (20g/l), (20g/l), (30g/l) + Profenofos 283g/l (450g/l), (66.88g/l), (19.99g/l)	Boxing 405EC, 485EC, 88.88EC, 99.99EW	405EC: Rầy nâu, sâu đục thân/ lúa 485EC: Rầy nâu, sâu đục thân/lúa; mọt đục cành, rệp sáp/cà phê 88.88EC: Bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa 99.99EW: Sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
716	Lambda-cyhalothrin 20g/l (10g/kg) (110g/l), (20g/kg) (30g/l) + Thiacloprid 36.66g/l (100g/kg) (10g/l), (10g/kg), (350g/l) + Thiamethoxam 10g/l (10g/kg), (150g/l), (300g/kg), (100g/l)	Arafat 66.66EW, 120WP, 270SC, 330WP, 480SC	66.66EW: Sâu cuốn lá/lúa 120WP, 270SC, 330WP, 480SC: Rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

717	Lufenuron (min 96 %)	Lufenron 050EC	sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/ đậu xanh, thuốc lá; sâu đục quả/ đậu tương, sâu vẽ bùa/cam	Công ty CP Đồng Xanh
		Match® 050 EC	sâu tơ/ rau; sâu xanh/ đậu xanh, thuốc lá; sâu cuốn lá/ lúa, sâu đục quả/cà chua	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
718	Liuyangmycin	ANB52 Super 100EC	nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; nhện lông nhung/ vải; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ dưa hấu	Công ty TNHH An Nông
		Map Loto 10EC	nhện đỏ/ xoài, cam; sâu xanh da láng/ đậu tương; bộ phận/ đậu côve; rệp muội/ quýt	Map Pacific Pte Ltd
719	Malathion (min 95 %)	Malate 73EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
720	Matrine (dịch chiết từ cây khổ sâm)	Agri-one 1SL	sâu khoang/ lạc, đậu côve; dòi đục lá/ đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp muội/ cải bẹ; sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; bộ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; bộ cánh tơ, nhện đỏ/ chè	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
		Ajisuper 0.5SL, 1SL, 1EC, 1WP	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, bộ nhảy/ bắp cải; bộ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bộ cánh tơ, rầy xanh/ chè	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Aphophis 5EC, 10EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bộ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; bộ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bộ cánh tơ, rầy xanh, bộ xít muỗi/ chè; rầy bông/ xoài	Công ty CP nông dược Việt Nam
		Asin 0.5SL	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		Đầu trâu Jolie 1.1SP	bộ trĩ/ lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Dotrine 0.6 SL	Sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Ema 5EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ, rầy nâu, nhện gié/ lúa; sâu khoang/ khoai lang; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh, sâu xanh da láng/ cà chua, đậu xanh; bộ trĩ, bộ xít, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá, sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bộ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ nâu/ chè, rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; bộ xít muỗi/ điều; bộ trĩ, sâu xanh da láng/ nho; bộ xít, sâu cuốn lá/ vải; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; sâu đục bông, rầy bông/ xoài	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Faini	0.288EC: rầy nâu/lúa, rầy xanh/chè	Công ty CP Nicotex

0.288EC, 0.3 SL	0.3SL: sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa	
Kobisuper 1SL	nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ hoa cúc, cam; dòi đục lá/ đậu đũa; sâu xanh/ cà chua; sâu xanh da láng/ hành; nhện đỏ/ nho; sâu đục quả, ruồi đục lá/ đậu đũa; ruồi hại lá/ cây bó xôi; sâu khoang/ lạc; sâu xanh/ thuốc lá; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa chuột	Công ty TNHH Nam Bắc
Ly 0.26SL	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ cánh tơ/ chè	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
Marigold 0.36SL	rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; rệp sáp/ cà phê; rầy xanh/ xoài; sâu xanh da láng/ đậu tương; sâu khoang/ lạc; sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/ vải; bọ xít/ điều; sâu đục quả/ chôm chôm; sâu tơ/ bắp cải; thối quả/ xoài; mốc xám/ nho; sương mai/ dưa hấu, cà chua	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
Plasma 3EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP QT APC Việt Nam
Sakumec 0.36EC, 0.5EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; bọ nhảy, sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương; rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
Sokonec 0.36 SL	sâu xanh da láng/ đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ, rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu đục quả/ đậu cove; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
Sokupi 0.36SL, 0.5SL	0.36SL: sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ rau họ thập tự; rệp muội/ cải bẹ; sâu khoang/ đậu cove, lạc; bọ trĩ/ dưa chuột; sâu xanh/ cà chua; sâu xanh da láng, rệp muội/ thuốc lá; sâu vẽ bùa, rệp muội, nhện đỏ/ cam; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; dòi đục lá/ đậu tương; bọ nhảy/ rau cải xanh; sâu cuốn lá nhỏ, bọ xít dài/ lúa 0.5SL: sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp muội / cải bẹ; sâu khoang/ lạc, đậu cove; sâu xanh da láng/ thuốc lá, cà chua; bọ trĩ/ dưa chuột; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
Wotac 5EC, 16EC	5EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, bọ nhảy, rệp/ cải xanh; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

			bùa/ cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục cuống quả/ vải; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều 16EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	
721	Matrine 0.5% + Oxymatrine 0.1%	Disrex 0.6 SL	sâu ăn hoa/ xoài, sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh/ lạc	Công ty TNHH An Nông
722	Matrine 2g/l + Quinalphos 250g/l	Nakamura 252 EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
723	Metaflumizone (min 96%)	Verismo 240SC	sâu khoang/hành; sâu tơ/cải bắp; sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	BASF Vietnam Co., Ltd.
724	<i>Metarhizium anisopliae</i>	Naxa 800DP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP sinh học NN Hai Lúa Vàng
		Ometar 1.2 x 10 ⁹ bào tử/g	rầy, bọ xít/ lúa; bọ cánh cứng/ dừa	Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long
725	Methoxyfenozide (min 95%)	Prodigy 23 SC	sâu khoang, sâu xanh/ lạc; sâu xanh da láng/ bắp cải; sâu cuốn lá/ lúa	Dow AgroSciences B.V
726	Methylamine avermectin	Aicmectin 75WG	rầy xanh/ chè, sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Hagold 75WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Lutex 1.9EC, 5.5WG, 10WG, 12.0WG	1.9EC, 10WG, 12.0WG: sâu cuốn lá/lúa 5.5WG: sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Vật tư và Nông sản Song Mã
727	Milbemectin (min 92%)	Benknock 1EC	nhện đỏ/ cam, chè, hoa hồng; nhện lông nhung/vải	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
		Cazotil 1EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
728	Naled (Bromchlophos) (min 93 %)	Dibrom 50EC, 96EC	bọ xít hôi/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		TĐK_Epoxyco 50EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH SX TM DV Tô Đăng Khoa
729	Nitenpyram (min 95%)	Acnipyram 50WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
		Dyman 500WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP NN HP

		Elsin 10EC, 20EC, 500SL, 600WP	10EC: Rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa; rệp/ đậu tương 20EC, 500SL, 600WP: Rầy nâu/lúa	Công ty CP Enasa Việt Nam
		Luckyram 600WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
		Nitensuper 500WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Ω-ram 600WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
730	Nitenpyram 40% + Pymetrozine 30%	TT Led 70WG	rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; mọt đục quả, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
731	Nitenpyram 30% + Pymetrozine 40%	Laroma 70WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
732	Nitenpyram 30% (50%) + Pymetrozine 40% (25%)	Lkset-up 70WG, 75WP	70WG: Rầy nâu/ lúa 75WP: Bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
733	Nitenpyram 400g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Palano 600WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
734	Pymetrozine 400g/kg + Nitenpyram 300g/kg	Ramsing 700WP	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
735	Nitenpyram 40% + Pymetrozine 40%	Auschet 80WP	Rầy nâu nhỏ/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
736	Nitenpyram 300 g/kg (500g/kg) + Pyriproxyfen (min 97%) 200g/kg (220g/kg)	Supercheck 500WP, 720WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
737	Nitenpyram 450g/kg + Tebufenozide 200g/kg + Thiamethoxam 100g/kg	Facetime 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
738	Nitenpyram 500 g/kg + Spiromesifen 200g/kg	Ang-Sachray 700WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
739	Novaluron (min 96%)	Rimon 10EC	sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh da láng/ lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		True 100EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
740	Oxymatrine	Vimatrine 0.6 SL	bọ trĩ, nhện đỏ, bọ xít muỗi/ chè; sâu tơ/ rau cải ngọt; ruồi hại lá/ cải bó xôi; bọ phấn, sâu đục quả, sâu xanh da láng/ cà chua; bọ xít muỗi/ điều; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
741	Permethrin (min 92 %)	Army 10EC	sâu khoang/ đậu tương	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Asitrin	sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH TM - DV

50EC		Thanh Sơn Hóa Nông
Clatinusa 500EC	Sâu keo/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Crymerin 50EC, 100EC, 250EC	50EC: Một đục cành, rệp sáp/ cà phê; sâu khoang/ lạc; sâu róm/ điều; sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa 100EC: bọ xít muỗi/ điều, rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa 250EC: bọ xít muỗi/ điều, sâu khoang/ lạc, rệp sáp/hồ tiêu	Công ty TNHH Việt Thắng
Fullkill 10EC, 50EC	10EC: sâu phao/ lúa 50EC: sâu cuốn lá/ lúa	Forward International Ltd
Galaxy 50EC	sâu xanh/ lạc	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Kilsect 10EC	Sâu khoang/lạc	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
Map - Permethrin 10EC, 50EC	10EC: sâu cuốn lá/ lúa, sâu đục quả/ đậu tương 50EC: sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít muỗi/ điều, sâu đục quả/ đậu tương, sâu xanh da láng/ lạc, rệp sáp/ cà phê	Map Pacific PTE Ltd
Megarlin 50 EC	sâu xanh/ đậu tương	Công ty TNHH TM Anh Thơ
Patriot 50EC	sâu khoang/ đậu tương, sâu đục thân, sâu keo/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
Peran 10 EC, 50 EC	10EC: sâu ăn tạp/ bông vải 50EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu ăn tạp, sâu đục quả/ đậu tương; bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
PER annong 100EC, 100EW, 500EC	100EC: bọ xít/ lúa 100EW: rệp sáp/ cà phê, sâu cuốn lá/ lúa 500EC: bọ xít, sâu cuốn lá/ lúa, sâu đục hoa/ đậu tương, rệp vảy/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
Perkill 10 EC, 50 EC	10EC: bọ xít/ lúa, sâu khoang/ đậu tương, rệp vảy/ cà phê 50EC: sâu xanh/ đậu xanh; rệp sáp/ cà phê; sâu cuốn lá nhỏ, bọ xít/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
Permecide 50 EC	sâu khoang/ lạc, bọ xít muỗi/ điều, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
Pernovi 50EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông Việt
Perthrin 50EC	sâu khoang/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít muỗi/ điều, sâu ăn tạp/ bông vải	Công ty CP Đồng Xanh
Pounce 1.5GR, 10EC, 50EC	1.5GR: ruồi/ đậu tương 10EC: rệp/ thuốc lá; bọ trĩ, bọ xít/ lúa 50EC: sâu khoang/ lạc	FMC Agricultural Products Interational AG

		Terin 50EC	Bọ xít muỗi/điều, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Tigifast 10 EC	sâu khoang/ đậu tương, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Tungperin 10EC, 50 EC	10EC: sâu xanh da láng/ đậu xanh; rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi, sâu róm/ điều; sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa 50EC: sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu xanh; dòi đục lá/ đậu tương; sâu đục ngọn/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi/ điều; sâu đục thân/ mía	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
742	Permethrin 100g/l + Profenofos 400g/l	Checksau TSC 500EC	Sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Lion Agrevo
743	Permethrin 100g/l + Quinalphos 250g/l	Ferlux 350EC	Sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
744	Petroleum spray oil	Citrole 96.3EC	rệp muội, rệp sáp, nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cây có múi	Total Fluides. (France)
		Dầu khoáng DS 98.8 EC	nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cây có múi	Công ty CP Đồng Xanh
		DK-Annong Super 909EC	Rầy xanh/ chè; rệp sáp/ cà phê; nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH An Nông
		Medopaz 80EC	bọ trĩ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam	Kital Ltd.
		SK Enspray 99 EC	nhện đỏ/ chè, cây có múi, nhện lông nhung/nhãn, sâu hồng đục quả/ bưởi	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Vicol 80 EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
745	Phenthoate (Dimephenthoate) (min 92 %)	Elsan 50 EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; rầy xanh, sâu ăn lá/ thuốc lá; rệp/ bông vải; sâu đục thân/ mía; sâu khoang/ lạc; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
		Forsan 50 EC, 60 EC	50EC: bọ xít/ lúa 60EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục thân/ ngô	Forward International Ltd
		Phetho 50 EC	sâu đục thân/ lúa, ngô	Công ty CP Nông dược HAI
		Pyenthoate 50 EC	sâu đục thân/ lúa	Longfat Global Co., Ltd.
		Vifel 50 EC	sâu xanh/ lạc; sâu cuốn lá, bọ xít dài/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
746	Phosalone (min 93%)	Pyxolone 35 EC	bọ trĩ/ lúa	Forward International Ltd
		Saliphos 35 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu keo/ ngô, rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
747	Pirimicarb	Altis 50 WP	rệp muội/ thuốc lá	Công ty CP Nicotex

	(min 95%)			
748	Polyphenol chiết xuất từ Bồ kết (<i>Gleditschia australis</i>), Hy thiêm (<i>Siegesbeckia orientalis</i>), Đon buốt (<i>Bidens pilosa</i>), Cúc liên chi đại (<i>Parthenium hystherophorus</i>)	Anisaf SH-01 2SL	rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; sâu xanh, sâu tơ, sâu khoang/ bắp cải, rau cải; sâu xanh, sâu khoang/ dưa chuột; sâu khoang, muỗi đen, rệp đào/ thuốc lá, sâu đục cuống quả/ vải, rệp sáp/ cà phê	Viện nghiên cứu đào tạo và tư vấn khoa học công nghệ (ITC)
749	Profenofos (min 87%)	Binhfos 50 EC	bọ trĩ/ lúa; rệp, sâu khoang/ bông vải; rệp/ ngô	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Callous 500 EC	sâu khoang/ đậu xanh, sâu đục thân/ ngô, bọ trĩ/ lúa	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Carina 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Cleaver 45EC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
		Nongiaphat 500EC	Sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Selecron® 500 EC	sâu xanh, sâu khoang, rệp, bọ trĩ, nhện đỏ/ bông vải; sâu cuốn lá, rầy xanh/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
750	Profenofos 50g/l + Propargite 150g/l + Pyridaben 150g/l	Ducellone 350EC	nhện đỏ/lạc	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
		Newdive 350EC	nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
751	Profenofos 450g/l + Thiamethoxam 100g/l	Thipro 550EC	rầy lưng trắng, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
752	Profenofos 100 g/l + Thiamethoxam 147g/l	Tik wep 247 EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP XNK Thọ Khang
753	Propargite (min 85 %)	Atamite 73EC	nhện đỏ/ hoa hồng, cam; nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Comite ^(R) 73 EC, 570EW	73EC: nhện đỏ/ chè, rau cải, lạc, cam, sắn; nhện gié/ lúa 570EW: Nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ chè, cam, lạc, sắn, hoa huệ	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd.
		Daisy 57EC	nhện đỏ/ chè	Công ty CP Nicotex
		Kamai 730 EC	nhện đỏ/ cam, nhện gié/lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
		Saromite 57 EC	nhện đỏ/ chè; nhện gié, bọ phấn /lúa, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn

		Superrex 73 EC	nhện đỏ/ cam	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
754	Propargite 300g/l + Pyridaben 200g/l	Proben super 500EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
755	Pymetrozine (min 95%)	Bless 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Checknp 70WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Chelsi 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Chess® 50WG	rầy nâu, rầy lưng trắng, bọ phấn/lúa; bọ trĩ, rầy bông/ xoài	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Cheesapc 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế APC Việt Nam
		Cheestar 50WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nicotex
		Chersieu 50WG, 75WG	50WG: Rầy nâu, bọ xít dài/lúa, rệp sáp giả/cà phê 75WG: rệp muội/ thuốc lá, bọ xít dài/lúa, rệp sáp/cà phê; bọ phân/ cà tím, bí xanh, cà pháo, bầu; bọ trĩ/ hành, bí xanh, cà pháo, cà tím; rầy xanh/ mướp, mồng toi, bí xanh; rệp muội/ đậu côve, đậu đũa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Chits 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
		Gepa 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Hichespro 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Hits 50WG	Rầy nâu/lúa, nhện lông nhung/nhân, rệp sáp/cà phê; rệp muội, bọ phấn/cải xanh	Công ty TNHH Phú Nông
		Jette 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
		Longanchess 50WG, 70WP, 700WG, 750WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Matoko 50WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Newchestusa 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Oscare 50WG, 100WP, 600WG	50WG, 100WP: Rầy nâu/lúa 600WG: rầy nâu, bọ trĩ /lúa	Công ty TNHH BMC
		Sagometro 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Schezgold 500WG, 750WG	500WG : rầy xanh/chè, rầy nâu/lúa 750WG: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ

		Scheccjapane super 500WG, 750WG	500WG: Rầy nâu/lúa 750WG: Rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		TT-osa 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
756	Pymetrozine 65% + Thiamethoxam 5%	Chery 70WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH-TM Nông Phát
757	Pymetrozine 400g/kg + Thiamethoxam 200g/kg	Tvusa 600WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
758	Pyrethrins	Bopy 14EC, 50EC	14EC: Sâu tơ/bắp cải 50EC: rệp muội/bắp cải, nhện đỏ/chè	Công ty TNHH MTV Trí Văn Nông
		Mativex 1.5EW	rệp/ bắp cải, thuốc lá, nho	Công ty TNHH Nông Sinh
		Nixatop 3.0 CS	rệp muội, sâu tơ, sâu xanh/ cải xanh; rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè; rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty CP Nicotex
759	Pyrethrins 2.5% + Rotenone 0.5%	Biosun 3EW	rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ, bọ xít muỗi/ chè; sâu tơ/ bắp cải; bọ nhậy/ rau cải; bọ phấn/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu, thuốc lá, nho	Công ty TNHH Nông Sinh
760	Pyridaben (min 95 %)	Alfamite 20WP	nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Coven 200EC	nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Hóc Môn
		Dandy 15EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dietnhen 150EC	nhện gié/ lúa	Công ty CP Điền Thạnh
		Koben 15EC	bọ xít muỗi/ điều; rệp/ bông vải; nhện gié/lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Ongrum 200EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
761	Pyridaben 150g/kg + Sulfur 250g/kg	Pyramite 400WP	Nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
762	Pyridalyl (min 91%)	Sumipleo 10EC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
763	Pyriproxyfen (min 95%)	Permit 100EC	rệp sáp/ cà phê, tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Sunlar 110EC	Sâu vẽ bùa/ cam	Sundat (S) PTe Ltd
764	Pyriproxyfen 50g/l + Quinalphos 250g/l	Assassain 300EC	nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; sâu khoang/ lạc, sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH An Nông

765	Pyriproxyfen 350g/kg + Tolfenpyrad (min 95%) 250g/kg	Bigsun 600WP	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
766	Quinalphos (min 70%)	Aquiphos 40EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Faifos 5GR, 25EC	5GR: sâu đục thân/ ngô, lúa 25EC: rệp muội/ thuốc lá, sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê, sâu xanh/ bông vải, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Kinalux 25EC	sâu khoang/ lạc; sâu ăn tạp/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; sâu phao, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu đục ngọn/ điều	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Methink 25 EC	sâu phao, nhện gié/lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Obamax 25EC	sâu khoang/ lạc; rệp sáp/ cà phê; sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Peryphos 25 EC	sâu phao/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Quiafos 25EC	sâu đục bẹ, nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê; vôi voi đục nõn/ điều; sâu khoang/đậu tương	Công ty CP Đồng Xanh
		Quilux 25EC	sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu đục ngọn/ điều, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Thanh Điền
		Quintox 10EC, 25 EC	10EC: rệp sáp/ cà phê 25EC: sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
767	Quinalphos 230g/l + Thiamethoxam 40g/l	Inikawa 270EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
768	Rotenone	Bin 10EC, 25EC	10EC: Sâu tơ/bấp cải 25EC: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH đầu tư và phát triển Ngọc Lâm
		Dibaroten 5 WP, 5SL, 5GR	5WP: sâu xanh/ cải bẹ, dưa chuột 5WP, 5SL, 5GR: sâu xanh da láng, sâu xanh, sâu tơ, rầy/ cải xanh, cải bắp; rầy chổng cánh, nhện đỏ/ bầu bí, dưa hấu, dưa chuột, cam, quýt; rệp muội, nhện đỏ/ nho; rệp muội, nhện đỏ, sâu ăn lá/ hoa - cây cảnh; nhện đỏ, rầy xanh, rệp vảy xanh, rệp sáp/ chè, thuốc lá, cà phê, hồ tiêu; bọ nhảy, bọ xít, rệp/ đậu xanh, đậu tương; rệp muội, nhện đỏ, rầy bông/ xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Fortenone 5 WP	sâu tơ/ rau, sâu xanh/ đậu	Forward International Ltd
		Limater 7.5 EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh, bọ nhảy, rệp/ cải xanh; rệp, nhện đỏ, sâu đục quả/ ớt; rệp sáp/ bí xanh; nhện đỏ/ bí đỏ, hoa	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông

			hồng; rệp, sâu khoang/ thuốc lá; sâu khoang/ lạc; sâu xanh da láng, dòi đục lá/ đậu tương; rầy xanh, nhện đỏ, bọ xít muỗi, bọ trĩ/ chè; sâu vẽ bùa, rệp sáp, nhện đỏ/ cam; bọ xít/ nhãn; rệp/ xoài; sâu đục quả/ vải; rệp sáp/ na; sâu ăn lá/ cây hồng; sâu róm/ ổi	
		Newfatoc 50WP, 50SL, 75WP, 75SL	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
		Rinup 50 EC, 50WP	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ súp lơ, lạc, đậu tương; sâu xanh/ cà chua; dòi đục lá/ dưa chuột; bọ trĩ/ dưa hấu; rệp đào/ thuốc lá; nhện đỏ/ cam; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu ăn hoa/ xoài	Công ty TNHH An Nông
		Trusach 2.5EC	sâu đục quả/ đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; sâu tơ/ bắp cải; rệp muội/ cải bẹ; bọ nhảy/ rau cải; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh da láng/ thuốc lá	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
		Vironone 2 EC	sâu tơ/ cải thảo	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
769	Rotenone 5% (50 g/l) + Saponin 14.5% (145g/l)	Sitto-nin 15BR, 15EC	tuyến trùng/ bắp cải, cà phê; bọ hung/ mía	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
770	Rotenone 2.5% + Saponin 2.5%	Dibonin 5WP, 5SL, 5GR	5WP: bọ nhảy, sâu xanh/ cải xanh 5WP, 5SL, 5GR: sâu xanh da láng, sâu xanh, sâu tơ, rầy/ cải xanh, cải bắp; rầy chổng cánh, nhện đỏ/ bầu bí, dưa hấu, dưa chuột, cam, quýt; rệp muội, nhện đỏ/ nho; rệp muội, nhện đỏ, sâu ăn lá/ hoa - cây cảnh; nhện đỏ, rầy xanh, rệp vảy xanh, rệp sáp/ chè, thuốc lá, cà phê, hồ tiêu; bọ nhảy, bọ xít, rệp/ đậu xanh, đậu tương; rệp muội, nhện đỏ, rầy bông/ xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
771	Rotenone 2g/kg + Saponin 148g/kg	Ritenon 150BR, 150GR	tuyến trùng/ bắp cải, cà phê; bọ hung/ mía	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
772	Saponin	Map lisa 230SL	Sâu tơ/bắp cải	Map Pacific Pte. Ltd.
773	Saponozit 46% + Saponin acid 32%	TP-Thần Điền 78SL	rệp sáp, rệp vảy xanh, rệp nâu/ cà phê, xoài; rệp muội/ nhãn, vải; rệp/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa chuột; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH Thành Phương
774	Sodium pimaric acid	Dulux 30EW	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Nicotex
775	Spinetoram	Radiant	sâu xanh da láng/ hành, lạc, đậu tương; dòi đục lá, sâu đục	Dow AgroSciences B.V

	(min 86.4%)	60SC	quả, bọ trĩ/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu, nho, xoài; bọ trĩ, dòi đục lá/ ớt; sâu vẽ bùa/ cây có múi; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ trĩ/ hoa hồng, chè; bọ trĩ, sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa	
776	Spinosad (min 96.4%)	Akasa 25SC, 250WP	sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, sâu keo/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, rệp, bọ nhảy/ bắp cải; sâu xanh da láng/ hành, lạc; dòi đục lá, sâu đục quả/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; dòi đục quả/ ổi; sâu đục quả/ xoài	Công ty TNHH Wonderful Agriculture (VN)
		Automex 100EC, 250EC, 250SC, 250WP	100EC, 250EC, 250WP: Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa 250SC: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Daiwansin 25SC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Futai
		Efphê 25EC, 100EC, 250WP	sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải	Công ty TNHH ADC
		Spicess 28SC	sâu xanh/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH An Nông
		Spinki 25SC	bọ xít hôi, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu keo lúa; sâu tơ, sâu xanh, rệp muội/ bắp cải; sâu xanh, dòi đục lá, sâu khoang/ cà chua; sâu xanh, rệp muội/ đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu ăn bông, rệp vảy/ xoài	Công ty TNHH Phú Nông
		Success 0.24CB, 25SC	0.24CB: Ruồi đục quả/ xoài, ổi 25SC: sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; sâu xanh da láng/ hành; ruồi đục quả/ ổi, xoài	Dow AgroSciences B.V
		Suhamcon 25SC, 25WP	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, rệp muội, bọ nhảy sọc cong vò lạc/ bắp cải; rệp muội, bọ nhảy, sâu xanh da láng/ hành; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; sâu đục quả, rệp muội/ đậu đũa; sâu xanh da láng/ lạc	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ Cao
		Wish 25SC	sâu tơ, sâu xanh, rệp, bọ nhảy/ bắp cải; sâu xanh, rệp, bọ nhảy/ hành	Công ty CP Đồng Xanh
777	Spirotetramat (min 96%)	Movento 150OD	rệp muội/ bắp cải, vải; bọ trĩ/chè; rệp sáp/ thanh long, nhãn, cà phê, cam, hồ tiêu; sâu đục quả/cà chua; sâu tơ/ bắp cải	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
778	Sulfoxaflor (min 95%)	Closer 500WG	Rầy nâu/lúa, rệp/ bông vải; rệp muội/đậu tương; rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; rầy xanh/ bông vải; bọ phấn trắng/ lúa; rệp muội/ ngô	Dow AgroSciences B.V
779	Sulfur	Bacca 80WG	Nhện đỏ/cam	Công ty CP Hóa chất NN I
		Sul-elong 80WG	nhện gié/lúa	Công ty TNHH King Elong
		Sulfex 80WG	nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam	Excel Crop Care Ltd.

		Tramuluxjapane 80WG	Nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
780	Tebufenozide (min 99.6%)	Mimic [®] 20 SC	sâu xanh da láng/ thuốc lá, lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Racy 20SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Xerox 20SC	sâu xanh da láng/ đậu xanh	Công ty CP Nicotex
781	Tebufenpyrad 250g/kg (min 98.9%) + Thiamethoxam 250g/kg	Fist 500WP	rầy nâu, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
782	Thiacloprid (min 95%)	Calypso 240 SC	bọ trĩ/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Hostox 480SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Koto 240 SC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu đục quả/ đậu tương;	Công ty TNHH Phú Nông
		Zukop 480SC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
783	Thiamethoxam (min 95%)	Actara [®] 25WG	rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê; rệp/ mía; bọ trĩ/ điều; rệp/ thuốc lá	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Amira 25WG	rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Nicotex
		Anfaza 250WG, 350SC	250WG: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê 350SC: bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Apfara 25 WG	rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Asarasuper 250WG, 300WG, 500SC, 500WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Hercule 25WG	bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Fortaras 25 WG	rầy nâu, bọ xít, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp, sâu đục cành/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Furacol 25WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Impalasuper 25WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Jiathi 25WP	bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Nofara	35WG: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM

		35WG, 350SC	350SC: rầy nâu/ lúa	Nông Phát
		Ranaxa 25 WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Tata 25WG, 355SC	25WG: rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê 355SC: rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Thiamax 25WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Thionova 25WG	rầy nâu/ lúa; rệp muội, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Vithoxam 350SC	rầy nâu/ lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
784	Thiodicarb (min 96 %)	Click 75WP	bọ trĩ, ốc bươu vàng, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Ondosol 750WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
		Supepugin 750WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
		Thio.dx 75WP	Sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
785	Thiosultap-sodium (Nereistoxin) (min 95%)	Acemo 180SL	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Apashuang 10GR, 18SL, 95 WP	10GR: sâu đục thân/ lúa, mía, ngô 18SL, 95WP: sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Binhdan 10GR, 18SL, 95WP	10GR: sâu đục thân/ lúa, mía, ngô 18SL: rầy nâu, sâu đục thân, bọ trĩ, sâu keo, rầy xanh/ lúa; sâu đục thân, rệp/ ngô; sâu xanh/ đậu tương; sâu đục thân, rệp/ mía; rệp sáp/ cà phê 95WP: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, rầy xanh/ lúa; sâu xanh/ đậu tương; rầy/ bông vải; sâu đục thân/ ngô, mía; sâu khoang/ lạc; rệp sáp/ cà phê	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Catodan 18SL, 90WP	18SL: sâu cuốn lá/ lúa 90WP: sâu cuốn lá/ lúa, rệp/ đậu tương	Công ty CP TST Cần Thơ
		Colt 95 WP, 150 SL	95WP: sâu phao/ lúa 150SL: sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH ADC
		Dibadan 18 SL, 95WP	18SL: bọ trĩ, rầy nâu, sâu đục thân/ lúa; rệp bông xơ mía; rầy/ bông vải; rệp/ ngô 95WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; sâu khoang/ ngô; rầy/ bông vải; rệp sáp/ cà phê; rệp bông xơ/ mía	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA

Neretox 18 SL, 95WP	18SL: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa 95WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; châu chấu tre lưng vàng/ ngô, tre	Công ty CP BVTV I TW
Netoxin 90 WP, 95WP	90WP: sâu xanh/ lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 95WP: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Sát trùng đơn (Sát trùng đọt) 5 GR, 18 SL, 29SL, 95WP	5GR: sâu đục thân/ lúa 18SL: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu ăn lá/ đậu tương 29SL: sâu khoang/ đậu xanh 95WP: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa; sâu ăn lá/ đậu tương	Công ty CP Nicotex
Sadavi 18 SL, 95WP	18SL: bọ xít, sâu cuốn lá/ lúa 95WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ xít hôi/ lúa	Công ty CP DV NN & PTNT Vĩnh Phúc
Sanedan 95 WP	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
Shaling Shuang 500WP, 950WP	500WP: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 950WP: sâu đục thân, sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Sha Chong Jing 50WP, 90WP, 95WP	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH - TM Bình Phương
Sha Chong Shuang 18 SL, 50SP, 90WP, 95WP	18SL, 90WP, 95WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 50SP: sâu đục thân lúa	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
Taginon 18 SL, 95 WP	18SL: sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa 95WP: rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
Tiginon 5GR, 18SL, 90WP, 95WP	5GR: sâu đục thân/ mía, lúa 90WP, 18SL: sâu đục thân/ lúa, rệp sáp/ cà phê 95WP: sâu xanh/ đậu xanh, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Tungsong 18SL, 25SL, 95WP	18SL: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 25SL: sâu cuốn lá lúa, bọ trĩ/ điều 95WP: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Vietdan 3.6GR, 29SL, 50WP, 95WP	3.6GR: sâu đục thân/ lúa 29SL: bọ trĩ/ lúa 50WP: sâu cuốn lá/ lúa 95WP: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
Vinetox 5GR, 18SL, 95SP	5GR, 18SL: sâu đục thân/ lúa 95SP: rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
Vi Tha Dan	18SL: bọ trĩ, sâu đục thân lúa	Công ty TNHH

		18 SL, 95WP	95WP: sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa	Việt Thắng
2. Thuốc trừ bệnh:				
1	Ascorbic acid 2.5%+ Citric acid 3.0% + Lactic acid 4.0%	Agrilife 100 SL	Bạc lá, lem lép hạt/lúa; thán thư/ xoài; thối nhũn vi khuẩn/bắp cải; thán thư/ớt; thán thư/thanh long; lúa von/lúa (xử lý hạt giống); đốm mắt cua/ ớt, đốm lá/ cà tím; héo xanh/ mướp, cà tím	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
2	Acrylic acid 4 % + Carvacrol 1 %	Som 5 SL	đào ôn, khô vằn, bạc lá/ lúa; giả sương mai, mốc xám/ dưa chuột, rau, cà; thán thư/ ớt	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
3	Acrilic acid 40g/l + Carvacrol 10g/l	Stargolg 5SL	Khô vằn, bạc lá, lem lép hạt, đào ôn/ lúa; thán thư/ớt	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
4	Acibenzolar-S-methyl (min 96%)	Bion 50 WG	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
5	Albendazole (min 98.8%)	Abenix 10SC	đào ôn, lem lép hạt, vàng lá/ lúa	Công ty CP Nicotex
6	Albendazole 100g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Masterapc 600WG	Lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Quốc tế APC Việt Nam
7	Amisulbrom (min 96.5%)	Gekko 20SC	Sương mai/cà chua, giả sương mai/dưa chuột, sung rể/ bắp cải, xì mủ/ sầu riêng	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
8	Azoxystrobin (min 93%)	Amistar® 250 SC	đốm vòng/ cà chua, mốc sương, lở cổ rễ/khoai tây, thối quả/ca cao; sương mai, thán thư/ dưa hấu; sương mai/ cà chua; thán thư/ ớt; đốm nâu/ thanh long	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Azo-elong 350SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH King Elong
		Azony 25SC	25SC: Khô vằn, đào ôn/ lúa; sẹo (ghẻ nhám)/ cam, thán thư/ xoài 320SC: Đào ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
		Envio 250SC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Majestic 250SC	thán thư hoa/ xoài	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
		Overamis 250SC, 300SC	250SC: Lem lép hạt, khô vằn/lúa 300SC: thán thư/ xoài; lem lép hạt, đào ôn/lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
		STAR.DX 250SC	Khô vằn, đào ôn, lem lép hạt, vàng lá chín sớm/lúa; thán thư/ớt, xoài, dưa hấu	Công ty CP Đồng Xanh
		Trobin 250SC	đào ôn, khô vằn/ lúa; thán thư/ xoài; ghẻ nhám/ cam	Công ty TNHH Phú Nông
9	Azoxystrobin 125g/l + Carbendazim 500g/l	Azostargold 625SC	nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH Hóa chất & TM Trần Vũ

10	Azoxystrobin 10g/l (10g/kg), (300g/l), (50g/l), (200g/kg) + Carbendazim 10g/l (170g/kg), (10g/l), (300g/l), (1g/kg) + Hexaconazole 60g/l (30g/kg), (10g/l), (20g/l), (565g/kg)	Amiusatop 80SC, 210WP, 320SC, 370SC, 766WG	80SC: khô vằn/lúa 210WP, 320SC, 370SC, 766WG: lem lép hạt/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
11	Azoxystrobin 20g/l + Carbendazim 375g/l + Hexaconazole 30g/l	Luscar 425SC	lem lép hạt/ lúa; phần trắng/ hoa hồng; thán thư/ vãi; rỉ sắt/ cà phê; vàng rụng lá/ cao su; sương mai/ hành	Công ty CP Nông nghiệp HP
12	Azoxystrobin 60g/l + Chlorothalonil 500g/l	Ameed Plus 560SC	Rỉ sắt/ cà phê	Jiangyin Suli Chemical Co., Ltd.
		Mighty 560SC	Sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
13	Azoxystrobin 100g/l + Chlorothalonil 500g/l	Azoxygold 600SC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
14	Azoxystrobin 100g/l + Chlorothalonil 500g/l	Ortiva® 600SC	thán thư/ xoài; thán thư, đốm vòng/ ớt; giả sương mai/ dưa chuột; nấm hồng/ cà phê; thán thư, sương mai/ dưa hấu; thán thư, rỉ sắt/ cà phê; thán thư, đốm vòng, sương mai/ cà chua; đốm lá/ cà chua; vàng rụng lá, khô nứt vỏ quả/ cao su	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
15	Azoxystrobin 90g/l + Chlorothalonil 700g/l	Kempo 790SC	Sương mai/ dưa hấu	Công ty TNHH Trường Thịnh
16	Azoxystrobin 200g/kg + Cyproconazole 75g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg	Cyat 525WG	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
17	Azoxystrobin 200g/l + Difenconazole 120g/l	Vitrobin 320SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP VTNN Việt Nông
18	Azoxystrobin 200g/l + Difenconazole 125g/l	Amistar Top® 325SC	khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; chết cây con/ lạc, phần trắng/ hoa hồng, phần trắng, vàng lá/cao su; khô nứt vỏ/cao su; đốm lá lớn, rỉ sắt/ngô; thán thư/cà phê; khô vằn/ ngô, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Amylatop 325SC	đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; chết cây con/lạc, phần trắng/cao su; vàng rụng lá/ cao su, phần trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH SX & KD Tam Nông
		Asmaitop 325SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Azofenco 325SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Kital
		Keviar 325SC	đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá chín sớm, khô vằn/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Lk Top 325SC	vàng lá chín sớm/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh

				Á Châu
		Mastertop 325SC	vàng lá chín sớm, lem lép hạt/lúa; thán thư/cà phê, hồ tiêu; vàng rụng lá/cao su	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
		Moneys 325SC	lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Phaybuc 325SC	Chết ẻo cây con/ lạc	Công ty TNHH King Elong
		Star.top 325SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Supreme 325 SC	Khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Topmystar 325SC	lem lép hạt, vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
		TT-Over 325SC	Lem lép hạt, khô vằn, vàng lá chín sớm/lúa; rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Trobin top 325SC	đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt, vàng lá/ lúa; đốm nâu, lở cổ rễ/ lạc; đốm lá/ đậu tương; rỉ sắt, thán thư/ cà phê; thối gốc/ lạc; đốm vòng/khoai tây	Công ty TNHH Phú Nông
19	Azoxystrobin 200g/l (255g/l) + Difenoconazole 125g/l (160g/l)	Citeengold 325SC, 415SC	325SC: Đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa 415SC: Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Lan Anh
20	Azoxystrobin 10g/l + Fenoxanil 200g/l + Tebuconazole 150g/l	Chilliusa 360SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
21	Azoxystrobin 250g/l (200g/l), (200g/l), (200g/kg), (250g/l), (250g/l), (250g/kg) + Difenoconazole 10g/l (133g/l), (200g/l), (200g/kg), (200g/l), (250g/l), (250g/kg)	Amity top 260SC, 333SC, 400SC, 400SG, 450SC, 500SC, 500SG	260SC: Lem lép hạt, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê; vàng rụng lá/cao su 333SC: Vàng lá vi khuẩn, lem lép hạt, khô vằn, đạo ôn/lúa; vàng rụng lá/cao su; rỉ sắt/cà phê; phấn trắng/cao su 400SC: Rỉ sắt/cà phê, phấn trắng/cao su; lem lép hạt/lúa 400SG: Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê, phấn trắng/cao su 450SC: Khô vằn, lem lép hạt/lúa; rỉ sắt/cà phê; phấn trắng/cao su 500SC: Khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá/lúa; phấn trắng/cao su; rỉ sắt/cà phê 500SG: Đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Việt Đức
22	Azoxystrobin 200 g/l (250g/l) + Difenoconazole 133 g/l (150g/l)	Bi-a 333SC, 400SC	333SC: Lem lép hạt, khô vằn/lúa, vàng rụng lá/cao su 400SC: Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng

23	Azoxystrobin 200g/l (400g/kg) + Difenconazole 125g/l (250g/kg)	Myfatop 325SC, 650WP	325SC: đạo ôn, vàng lá, lem lép hạt/ lúa 650WP: Lem lép hạt/ lúa; nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH An Nông
24	Azoxystrobin 10g/kg, (50g/kg), (200g/l) + Difenconazole 200g/kg, (200g/kg), (125g/l)	Audione 210WP, 250WG, 325SC	210WP, 250WG: Lem lép hạt/ lúa 325SC: Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
25	Azoxystrobin 190g/l (200g/l) + 143g/l (150g/l) Difenconazole	Maxtatopgol 333SC, 350SC	333SC: lem lép hạt/lúa 350SC: phấn trắng/cao su	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
26	Azoxystrobin 200 g/l + Difenconazole 150g/l	Amass TSC 350SC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
		Ara – super 350SC	Lem lép hạt, vàng lá chín sớm, đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê; đốm lá/đậu tương; chết nhanh/hồ tiêu, sương mai/khoai tây	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Aviso 350SC	Lem lép hạt/ lúa, phấn trắng/ cao su, thán thư/cà phê	Công ty CP Nông dược HAI
		Mi stop 350SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
27	Azoxystrobin 200g/l (200g/l), (200g/l), (200g/l) + Difenconazole 150g/l (200g/l), (220g/l), (250g/l)	Majetictop 350SC, 400SC, 420SC, 450SC	350SC: Đạo ôn/lúa 400SC: Lem lép hạt/ lúa 420SC: Rỉ sắt/cà phê; lem lép hạt, đốm nâu/lúa / lúa 450SC: Đạo ôn, lem lép hạt, đốm nâu//lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
28	Azoxystrobin 200g/l (250g/l) + Difenconazole 125g/l (150g/l)	Ohho 325SC, 400SC	Lem lép hạt, vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
29	Azoxystrobin 235g/l (275g/l), (325g/l), (375g/l) + Difenconazole 125 g/l (125g/l), (125g/l), (125g/l)	Neoamistagold 360SC, 400SC, 450SC, 500SC	360SC, 450SC: Lem lép hạt / lúa 400SC, 500SC: vàng lá chín sớm/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
30	Azoxystrobin 250g/l (250g/l) + Difenconazole 150g/l (250g/l)	Anmisdotop 400SC, 500SC	400SC: Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa 500SC: Lem lép hạt/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
31	Azoxystrobin 250g/l + Difenconazole 150g/l	Asmiltatop Super 400SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
		Azotop 400SC	đạo ôn, lem lép hạt /lúa; thán thư/hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
		Dovatop 400SC	Thán thư/ rỉ sắt; khô vằn, vàng lá, đạo ôn, lem lép hạt/lúa; khô quả/cà phê; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su; chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Help	lem lép hạt, khô vằn, đạo ôn, đốm nâu/ lúa; thán thư/ hồ tiêu,	Công ty TNHH ADC

		400SC	hoa hồng, cà phê	
		Paramax 400SC	đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ngô	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Upper 400SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa, vàng rụng lá/ cao su; thán thư/ cà phê; nứt thân xì mũ/ cao su; chết nhanh/hồ tiêu; lở cổ rễ/thuốc lá	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
32	Azoxystrobin 250g/l + Difenconazole 175g/l	Vk.Lasstop 425SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
33	Azoxystrobin 250g/l + Difenconazole 200g/l	A zol 450SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
		Toplusa 450SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
34	Azoxystrobin 300g/l + Difenconazole 150g/l	Jiadepero 450SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Jianon Biotech (VN)
		Miligo 450SC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
35	Azoxystrobin 270g/l + Difenconazole 180g/l	Tilgent 450SC	đạo ôn/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
36	Azoxystrobin 200g/l + Difenconazole 200g/l	Enextatop 400SC	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP Vật tư Liên Việt
37	Azoxystrobin 60g/kg + Difenconazole 200g/kg + Dimethomorph 100g/kg	Novistar 360WP	đạo ôn, vàng lá chín sớm, lem lép hạt/lúa; chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Nông Việt
38	Azoxystrobin 210 g/l + Difenconazole 130 g/l + Hexaconazole 50g/l	Mitop one 390SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
39	Azoxystrobin 200g/l + Difenconazole 125g/l + Hexaconazole 50g/l	Curegold 375SC	Vàng lá, đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; khô cành khô quả/ cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
40	Azoxystrobin 150g/l + Difenconazole 85g/l + Hexaconazole 115g/l	Centeratop 350SC	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH SX & XK Bày Tay Việt
41	Azoxystrobin 200g/l + Difenconazole 125g/l + Hexaconazole 100g/l	Starvil 425SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
42	Azoxystrobin 200g/l + Difenconazole 150g/l +	Topmypro 500SE	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

	Propiconazole 150g/l			
43	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 80 g/l + Tricyclazole 200g/l	Athuoctop 480SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
44	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 125g/l + Tricyclazole 200g/l	Mixperfect 525SC	Vàng lá chín sớm, đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
45	Azoxystrobin 50g/l + Difenoconazole 250g/l + Tricyclazole 255g/l	Tilgermany super 555SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
46	Azoxystrobin 20.1g/l (205g/l), (350g/l), (50g/kg) + Difenoconazole 12.6g/l (128g/l), (10g/l), (150g/kg) + Sulfur 249.3g/l (10g/l), (10g/l), (560g/kg)	Titanicone 327SC, 343SC, 370SC, 760WP	327SC, 760WP: Vàng lá chín sớm, lem lép hạt/ lúa 343SC: Lem lép hạt/ lúa 370SC: Đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
47	Azoxystrobin 60g/kg + Dimethomorph 250g/kg + Fosetyl-aluminium 30g/kg	Map hero 340WP	thán thư/cà chua; giả sương mai/ dưa gang; mốc sương/ nhỏ; đốm vòng/ bắp cải; thán thư, sương mai/ dưa hấu; thối thân, đốm nâu/ thanh long; sương mai/ cà chua	Map Pacific Pte Ltd
48	Azoxystrobin 250 g/l (250g/kg) + Fenoxanil 200g/l (500g/kg)	Lk-Vill @ 450SC, 750WG	450SC: lem lép hạt/ lúa 750WG: đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
49	Azoxystrobin 200g/kg (250g/l) + Fenoxanil 125g/kg (150g/l)	Omega 325WP, 400SC	325WP: vàng lá chín sớm, đạo ôn/lúa; đốm vòng/ hành, sẹ/ cam 400SC: đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; đốm vòng/ hành; ghẻ nám/ cam; sương mai/bắp cải	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
50	Azoxystrobin 200g/l + Fenoxanil 200g/l	Trobin plus 400SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
51	Azoxystrobin 200g/l + Fenoxanil 200g/l + Hexaconazole 100g/l	Aha 500SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
52	Azoxystrobin 30g/l (50g/l), (60g/kg) + Fenoxanil 200g/l (310g/l), (350g/kg) + Kasugamycin 30g/l (40g/l) (40g/kg)	Surijapane 260SC, 400SC, 450WP	260SC: Đạo ôn/lúa 400SC, 450WP : Lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
53	Azoxystrobin 200g/l	Lazerusa	450SC, 500SC: Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX

	(200g/l), (210g/l), (220g/l) + Fenoxanil 210g/l (250g/l), (290g/l), (320g/l) + Ningnanmycin 40g/l (50g/l), (50g/l), (60g/l)	450SC, 500SC, 550SC, 600SC	550SC, 600SC: Lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Thôn Trang
54	Azoxystrobin 150g/l + Flusilazole 150g/l	Willsuper 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM DV Tân Hưng
55	Azoxystrobin 50g/l + Hexaconazole 100g/l	Camilo 150SC	Lem lép hạt, khô vằn, vàng lá chín sớm, đốm nâu/lúa; nấm hồng, vàng rụng lá/ cao su; rỉ sắt, nấm hồng/cà phê; thán thư/xoài, phấn trắng/cao su	Công ty TNHH ADC
		Ori 150SC	Vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
56	Azoxystrobin 270 g/l + Hexaconazole 90 g/l	Fujivil 360SC	vàng lá chín sớm/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
57	Azoxystrobin 1g/l (50g/l) + Hexaconazole 49g/l (100g/l)	Hextop 5SC, 150SC	5SC: khô vằn/lúa 150SC: lem lép hạt, khô vằn /lúa; vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
58	Azoxystrobin 200g/l + Hexaconazole 50g/l	Calox 250SC	Vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yên
59	Azoxystrobin 50g/l + Hexaconazole 101g/l	Super cup 151SC	nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH TM DV Tân Hưng
60	Azoxystrobin 10g/l (300g/l), (400g/l), (200g/kg) + Hexaconazole 60g/l (10g/l), (10g/l), (565g/kg)	Anforli 70SC, 310SC, 410SC, 765WG	70SC: Khô vằn/lúa 310SC, 410SC, 765WG: Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
61	Azoxystrobin 250g/l + Hexaconazole 70g/l	Acatop 320SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
62	Azoxystrobin 200g/l + Hexaconazole 40g/l + Tricyclazole 220g/l	King-cide Japan 460SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
63	Azoxystrobin 200g/l + Hexaconazole 100g/l + Tebuconazole 50g/l	Acdino 350SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hoá Sinh Á Châu
64	Azoxystrobin 360g/kg + Hexaconazole 160g/kg + Thiophanate methyl 240g/kg	Autovin 760WP	Thán thư/ vãi, rỉ sắt/cà phê; khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa; môt sương/cà chua	Công ty TNHH An Nông
65	Azoxystrobin 150g/l + Metalaxyl 300g/l	Crystalusa 450SC	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
66	Azoxystrobin 20% +	Bn-azopro 35SC	lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê, phấn trắng/cao	Công ty CP Bảo Nông Việt

	Propiconazole 15%		su	
67	Azoxystrobin 75g/l + Propiconazole 125g/l	Apropo 200SE	Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Quilt 200SE	đốm lá lớn/ ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
68	Azoxystrobin 1g/l (130g/l), (260g/l), (100g/kg), (1g/kg), (200g/kg) + Propineb 10g/l (10g/l), (10g/l) (300g/kg), 705g/kg (10g/kg) + Tebuconazole 260g/l (60g/l), (200g/l), (100g/kg), (10g/kg), (550g/kg)	Amisupertop 271EW, 330SC, 340SC, 500WP, 716WP, 760WP	271EW, 340SC, 500WP, 716WP, 760WP: lem lép hạt/ lúa 330SC: lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
69	Azoxystrobin 1g/l (260g/l), (360g/l), (50g/kg) + Sulfur 20g/l (10g/l), (10g/l), (460g/kg) + Tebuconazole 260g/l (60g/l), (10g/l), (250g/kg)	Topnati 281EW, 330SC, 380SC, 760WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
70	Azoxystrobin 120g/l + Tebuconazole 200g/l	Custodia 320SC	Đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
71	Azoxystrobin 200g/l (400g/kg), (450g/kg) + Tebuconazole 200g/l (350g/kg), (350g/kg)	Lotususa 400SC, 750WG, 800WG	400SC: lem lép hạt/ lúa 750WG: Khô vằn, đạo ôn/ lúa 800WG: Khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
72	Azoxystrobin 200g/l + Tebuconazole 200g/l	Lotususa 400SC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
73	Azoxystrobin 400g/kg + Tebuconazole 100g/kg	Maxxa 500WG	đạo ôn; lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM DV Tân Hưng
74	Azoxystrobin 250g/kg (277g/kg), (300g/kg), (360g/kg) + Tebuconazole 500g/kg (500g/kg), (500g/kg), (500g/kg)	Natiduc 750WG, 777WG, 800WG, 860WG	750WG: gỉ sắt/cà phê; đạo ôn, lem lép hạt /lúa 777WG: Đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá chín sớm, khô vằn/lúa; gỉ sắt/cà phê 800WG: Đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; gỉ sắt/cà phê 860WG: đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
75	Azoxystrobin 260g/l (100g/kg), (200g/kg) + Tebuconazole 60g/l (350g/kg), (560g/kg)	Natigold 320SC, 450WG, 760WG	320SC: lem lép hạt, đạo ôn /lúa 450WG: lem lép hạt, đạo ôn, vàng lá/lúa 760WG: vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung

76	Azoxystrobin 250g/kg + Tebuconazole 500g/kg	Ameed top 750WG	Khô vằn/ lúa	Jiangyin Suli Chemical Co., Ltd.
77	Azoxystrobin 56g/l + Tebuconazole 100g/l + Prochloraz 200g/l	Almagor 356EC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
78	Azoxystrobin 0.2g/kg (100g/l), (0.5g/l), (60g/l), (1g/kg), (10g/kg) + Tricyclazole 79.8g/kg (225g/l), (401.5g/l), (400g/l), (559g/kg), (750g/kg)	Verygold 80WP, 325SC, 402SC, 460SC, 560WP, 760WG	80WP, 402SC, 560WP, 760WG: Đạo ôn/ lúa 325SC: Lem lép hạt/lúa 460SC: Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
79	Azoxystrobin 100g/l + Tricyclazole 225 g/l	Staragro 325SC	Khô vằn/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
80	Azoxystrobin 20g/l + Tricyclazole 400g/l	Top-care 420SC	đạo ôn/lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
81	Azoxystrobin 60g/l + Tricyclazole 400g/l	Roshow 460SC	đạo ôn/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
82	Azoxystrobin 15g/kg + Tricyclazole 745g/kg	Bemjapane 760WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
83	Azoxystrobin 10g/kg + Tricyclazole 800g/kg	Be-amusa 810WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
84	Azoxystrobin 200g/l (60g/l), (100g/l) + Tricyclazole 300g/l (500g/l), (500g/l)	Altista top 500SC, 560SC, 600SC	500SC: Đạo ôn/ lúa 560SC, 600SC: Khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
85	Bac Nano 1g/l + Chitosan 25g/l	Nano Kito 2.6SL	Nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH Ngân Anh
86	<i>Bacillus subtilis</i>	Biobac 50WP	héo xanh/ cà chua; phấn trắng/ dâu tây; thối rễ/ súp lơ, sung rễ/ bắp cải	Bion Tech Inc.,
		Bionite WP	đốm phấn vàng, phấn trắng/ dưa chuột, bí xanh; sương mai/ nho; mốc sương/ cà chua; biến màu quả/ vải; héo vàng, chết cây con/ lạc; đen thân/ thuốc lá; đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; bệnh công, chết cây con/ hành tây	Công ty TNHH Nông Sinh
87	Benalaxyl (min 94%)	Dobexyl 50WP	giả sương mai/ dưa hấu, đốm lá/ đậu tương, vàng lá/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
88	Benomyl (min 95 %)	Bendazol 50 WP	đạo ôn/ lúa; thán thư/ điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Benex 50 WP	khô vằn/ lúa	Imaspro Resources Sdn Bhd

		Benofun 50 WP	đốm lá/ đậu phộng	Zagro Singapore Pte Ltd
		Benotigi 50 WP	vàng lá/ lúa, phấn trắng/ cà phê	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Binhnomyl 50 WP	đạo ôn, vàng lá, lem lép hạt/ lúa; đốm lá/ đậu tương; sương mai/ khoai tây; rỉ sắt/ cà phê	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Fundazol 50 WP	vàng lá/ lúa	Công ty CP Giải pháp Nông nghiệp Tiên Tiên
		Tinomyl 50 WP	vàng lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Viben 50WP	Vàng lá/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
89	Benomyl 10% + Bordeaux 45% + Zineb 20%	Copper-B 75 WP	vàng lá/ lúa	Công ty CP Lion Agrevo
90	Benomyl 25% + Copper Oxychloride 25%	Viben-C 50 WP	vàng lá/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
91	Benomyl 100 g/kg, (5g/kg) + Iprodione 100 g/kg, (245g/kg)	Ankisten 200 WP, 250WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
92	Benomyl 25% + Mancozeb 25%	Bell 50 WP	vàng lá/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
93	Benomyl 17% + Zineb 53%	Benzeb 70 WP	lem lép hạt/ lúa; đốm lá/ lạc; sương mai/ khoai tây	Công ty CP BVTV Sài Gòn
94	Bismethiazol (Sai ku zuo) (min 90 %)	Agpicol 20WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Anti-xo 200WP	bạc lá, thối gốc vi khuẩn/lúa, loét vi khuẩn/ cam; thối đen vi khuẩn/bắp cải; đốm lá vi khuẩn/cà chua, đậu tương; héo xanh vi khuẩn/ớt; đốm đen vi khuẩn/ xoài	Công ty TNHH Phú Nông
		Asusu 20 WP, 25WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Diebiala 20SC	Bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Kadatil 300WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Sasa 20 WP, 25 WP	bạc lá/ lúa	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung

				Quốc)
		Sansai 200 WP	bạc lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		TT-atanil 250WP	bạc lá/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
		TT Basu 250WP	Bạc lá/lúa; thối nhũn/bấp cải	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		VK. Sakucin 25WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH SX & TM Viễn Khang
		Xanthomix 20 WP	bạc lá/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Xiexie 200WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Zeppelin 200WP	bạc lá/lúa, phấn trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH Đầu tư và PT Ngọc Lâm
95	Bismerthiazol 15% + Copper hydroxide 60%	TT-tafin 75WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
96	Bismerthiazol 150g/kg + Gentamycin sulfate 15g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg	ARC-clench 215WP	Bạc lá, lép vàng vi khuẩn/lúa; héo rũ/hồ tiêu,	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yên
		Riazor 215WP	bạc lá/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
97	Bismerthiazol 150g/l + Hexaconazole 450g/l	TT-bemdex 600SC	khô vằn, bạc lá/ lúa; thán thư, nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
98	Bismerthiazol 190 g/kg + Kasugamycin 10g/kg	Probiocol 200WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
99	Bismerthiazol 290g/kg (475g/l) + Kasugamycin 10g/kg (25g/l)	Nanowall 300WP, 500SC	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Nam Nông
100	Bismerthiazol 200g/kg + Oxytetracycline hydrochloride 20g/kg	Tokyo-Nhật 220WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
101	Bismerthiazol 200g/kg + Oxolinic acid 200g/kg	Captivan 400WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Longantivo 400WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
102	Bismerthiazol 200 g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg	Probencarb 250WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát

103	Bismerthiazol 150g/kg + Tecloftalam 100g/kg	Kasagen 250WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Sieu sieu 250WP	Bạc lá/ lúa; đốm sọc vi khuẩn/ lúa, ngô	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
104	Bismerthiazol 400g/kg + Tricyclazole 100g/kg	Bitric 500WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
105	Bismerthiazol 400g/kg, + Tricyclazole 375g/kg	Antigold 755WP	Đạo ôn, bạc lá/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
106	Bismerthiazol 250g/kg + Tricyclazole 550g/kg	Bitric 800WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
107	Bismerthiazol 300g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Tigondiamond 800WP	Bạc lá, đạo ôn/lúa	Công ty CP NN HP
108	Bismerthiazol 200g/kg + Tricyclazole 400g/kg + Sulfur 200g/kg	Antimer-so 800WP	Bạc lá, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
109	Bordeaux mixture (min 83.05%)	BM Bordeaux M 25WP	Sương mai/ cà chua, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Ngân Anh
110	Bronopol (min 99%)	Totan 200WP	bạc lá, lép vàng/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Xantocin 40WP	Bạc lá, thối gốc do vi khuẩn/lúa	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		TT-biomycin 40.5WP	bạc lá, lem lép hạt do vi khuẩn/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
111	Bronopol 450g/kg + Salicylic acid 250g/kg	Sieukhuan 700WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
112	Calcium Polysulfide	Lime Sulfur	phấn trắng/ nho, nhện đỏ/ cây có múi	Công ty TNHH ADC
113	Carbendazim (min 98%)	Acovil 50 SC	khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; đốm lá/ lạc, hồ tiêu	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		Adavin 500 FL	khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Agrodazim 50 SL, 500SC	50SL: mốc sương/ khoai tây; đạo ôn/ lúa; thán thư/ điều 500SC: khô vằn/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Appencarb super 50FL, 75WG	50FL: khô vằn/ lúa, bệnh thối/ xoài, thán thư/điều, thối khô quả/cà phê 75WG: khô vằn/ lúa, thán thư/ đậu tương	Công ty TNHH Kiên Nam
		Arin 50SC	đạo ôn, vàng lá/ lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa; đốm lá/ đậu tương; thán thư/ xoài, điều; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

Baberim 500 SC	Đốm lá/ đậu tương; vàng rụng lá, nấm hồng/cao su; khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa; đốm lá/lạc, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
Benvil 50 SC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
Benzimidine 50 SC	lem lép hạt lúa, thán thư/ điều	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
Binhnavil 50 SC	khô vằn, lem lép hạt, vàng lá, đạo ôn/ lúa; thán thư/ cà phê; đốm lá/ lạc; phấn trắng/ cao su; đốm lá/ bông vải	Bailing Agrochemical Co., Ltd
Biodazim 500SC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
Carban 50 SC	vàng lá chín sớm/ lúa; chết cây con/ đậu; thán thư/ cà phê, điều, vải; héo đen đầu lá, vàng rụng lá, khô nứt vỏ/cao su	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
Carben 50 WP, 50 SC	50WP: khô vằn/ lúa, mốc xám/ rau 50SC: khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; mốc xám/ cà chua	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Carbenda supper 50 SC, 60WP	50SC: lem lép hạt, đốm nâu, khô vằn/ lúa; đốm lá/ lạc; thán thư/ xoài, vải, điều, thanh long; thối cổ rễ/ dưa hấu; thối quả/cà phê; vàng rụng lá/cao su; phấn trắng/cao su 60WP: đốm nâu/ lúa, thán thư/ xoài	Công ty CP Nông dược HAI
Carbenvil 50 SC	đạo ôn/ lúa, thán thư/ rau	Sino Ocean Enterprises Ltd
Carbenzim 50 WP, 500 FL	50WP: khô vằn/ lúa 500FL: khô vằn, vàng lá/ lúa; đốm lá/ lạc; thán thư/ điều; thối quả/ cà phê; Phấn trắng, đốm đen/hoa hồng; thán thư, vàng rụng lá, phấn trắng/cao su; đốm vòng/xà lách; thán thư/dưa hấu	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Care 50 SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH ADC
Carbe-TB 500SC	Thán thư/xoài, khô vằn/lúa	Công ty TNHH SX-TM Tô Ba
Car.td 500SC	Lem lép hạt, khô vằn/lúa; đốm lá/ lạc; thán thư/ xoài	Công ty CP Thanh Điền
Cavil 50SC, 50WP, 60WP	50WP, 60WP: khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê 50SC: Thối hạch/lạc, khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, vàng rụng lá/cao su	Công ty CP BVTV I TW
Carzenthai 50 SC	Thán thư/ vải	Công ty CP Sinh học NN Hai Lúa Vàng
Crop-Care 500 SC	khô vằn/ lúa, thán thư/cà phê	Imaspro Resources Sdn Bhd
Daphavil 50 SC	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; rỉ sắt/ cà phê; thán thư/ điều	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát
Dibavil	50SC: khô vằn/ lúa, đốm lá/ bắp cải	Công ty TNHH XNK Quốc tế

		50SC, 50WP	50WP: rỉ sắt/ cà phê	SARA
		Forsol 50SC, 50WP, 60WP	50SC: đạo ôn/ lúa 50WP: khô vằn/ lúa 60WP: khô vằn/ lúa, thán thư/ xoài	Forward International Ltd
		Glory 50SC	thán thư/ điều; khô vằn, vàng lá chín sớm/lúa; rỉ sắt, thán thư/cà phê	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Kacpenvil 50WP, 500SC	50WP: lem lép hạt/ lúa, thối nhũn/ bắp cải 500SC: lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
		Megacarben 500SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Monet 50SC	khô vằn/ lúa	Sinon Corporation, Taiwan
		Nicaben 50SC, 500WP	50SC: thối quả/ cà phê; thán thư/xoài; lem lép hạt, khô vằn/ lúa; nấm hồng/ cao su 500WP: Phấn trắng/ cao su	Công ty CP Nicotex
		Scarbenindia super 500SC	thán thư/ xoài	Công ty TNHH TM DV Thôn Trang
		Ticarben 50WP, 50SC	50WP: đạo ôn/ lúa, nấm hồng/ cao su 50SC: lem lép hạt, khô vằn/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao thuốc BVTV USA
		Tilvil 500SC, 500WP	500SC: bệnh khô vằn, bạc lá, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê 500WP: đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Vicarben 50WP, 50SC	50WP: đốm lá/ ngô, thán thư/ hồ tiêu 50SC: thán thư/ xoài, khô vằn/ lúa; thán thư/điều, cà phê; vàng rụng lá/ cao su	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Zoom 50WP, 50SC	50WP: khô vằn/ lúa 50SC: đạo ôn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, phấn trắng/ bầu bí, thán thư/ điều	Công ty TNHH UPL Việt Nam
114	Carbendazim 230 g/l + Cymoxanil 250g/l	TT-Tanos 480SC	vàng lá chín sớm/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
115	Carbendazim 50% + Cymoxanil 8% + Metalaxyl 8%	Love rice 66WP	vàng lá do nấm/ lúa; vàng rụng lá/ cao su; đốm lá/lạc, rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Thanh Điền
116	Carbendazim 5g/l (50g/l) (500g/l) (100g/kg) (10g/kg) + Difenoconazole 250g/l (30g/l) (10g/l) (50g/kg), (10g/kg) + Tricyclazole 5g/l (350g/l), (10g/l) (400g/kg)	Titanicgold 260EW, 430SC, 520SC, 550WP, 780WP	260EW : lem lép hạt/ lúa 430SC: đạo ôn, lem lép hạt /lúa, gỉ sắt/cà phê 520SC: khô vằn/ lúa 550WP, 780WP: Đạo ôn/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung

	(760g/kg)			
117	Carbendazim 230 g/l + Flusilazole 250 g/l	TT Take 48SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
118	Carbendazim 1g/l (325g/l) + 49g/l (25g/l) Hexaconazole	Andovin 5SC, 350SC	5SC: lem lép hạt/ lúa 350SC: lem lép hạt, khô vằn/ lúa; vàng rụng lá/cao su	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
119	Carbendazim 5g/l + Hexaconazole 50g/l	Calivil 55SC	đạo ôn, khô vằn / lúa; gỉ sắt/cà phê, thán thư/ điều; vàng rụng lá/ cao su	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
120	Carbendazim 0.7% + Hexaconazole 4.8%	Vilusa 5.5SC	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; rỉ sắt/ đậu tương, cà phê, lạc; phấn trắng/ hoa cúc; nấm hồng/ cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
121	Carbendazim 7g/l (5g/l), (95g/kg), (5g/l), (170g/kg), (230g/l), (300g/l)+ Hexaconazole 48g/l, (80g/l), (2g/kg), (105g/l), (30g/kg), (20g/l), (50g/l)	Arivit 55SC, 85SC, 97WP, 110SC, 200WP, 250SC, 350SC	55SC, 85SC, 110SC, 350SC: khô vằn/ lúa 97WP, 200WP: lem lép hạt/ lúa 250SC: Khô vằn/ lúa, ngô; thối quả/cà phê	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
122	Carbendazim 150g/l (200g/l) + Hexaconazole 30g/l (50g/l)	Do.One 180SC, 250SC	180SC: khô vằn/ lúa 250SC: rỉ sắt/ cà phê; thán thư/ điều, ớt; khô vằn, đạo ôn, vàng lá chín sớm, lem lép hạt/lúa; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su, thối quả/cam	Công ty CP Đồng Xanh
123	Carbendazim 250g/l + Hexaconazole 25g/l	Hexca 275EC	Thán thư/cao su, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH SX-TM Tô Ba
124	Carbendazim 220g/l (450g/l) + 30g/l (50g/l) Hexaconazole	Casuvin 250SC, 500SC	250SC: Gỉ sắt/cà phê; lem lép hạt/lúa; vàng rụng lá/ cao su 500SC: Phấn trắng/ nho, thán thư/ xoài, vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
125	Carbendazim 220 g/l + Hexaconazole 30g/l	Shakira 250SC	lem lép hạt/ lúa, vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH - TM Nông Phát
126	Carbendazim 200g/l + Hexaconazole 50g/l	Bivil 250SC	đạo ôn/lúa	Công ty CP Cây trồng Bình Chánh
127	Carbendazim 250g/l (500g/l) + Hexaconazole 25g/l (25g/l)	Lansuper 275SC, 525SC	275SC: lem lép hạt/ lúa; đốm vòng/ khoai lang; ghẻ sọc/ cam; thán thư/ dưa hấu 525SC: rỉ sắt/ cà phê, thán thư/ xoài, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
128	Carbendazim 250g/l + Hexaconazole 25g/l	Vixazol 275 SC	lem lép hạt, thối bẹ/ lúa; rỉ sắt/ cà phê; thán thư/xoài, điều, cà phê; vàng rụng lá/cao su	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
129	Carbendazim 250g/l (150g/l), (400g/kg) + Hexaconazole 25g/l (200g/l), (200g/kg)	Siuvin 275SC, 350SC, 600WP	275SC: vàng lá do nấm/ lúa 350SC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê 600WP: vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH An Nông

130	Carbendazim 125g/l + Hexaconazole 30g/l	Hexado 155SC	phần trắng/ nho; vàng lá, lem lép hạt, khô vằn/ lúa; nấm hồng, rỉ sắt/ cà phê; vàng rụng lá, nấm hồng/cao su; khô cành khô quả/ cà phê; đốm lá/ sắn	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
131	Carbendazim 250g/l + Hexaconazole 50g/l	Ao'ya 300SC	Vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Daric 300SC	Vàng rụng lá/ cao su, khô vằn/lúa, rỉ sắt/ cà phê; thán thư/ xoài	Công ty CP Hóc Môn
132	Carbendazim 300 g/l + Hexaconazole 30g/l	Daihexe 330 SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Futai
133	Carbendazim 15g/l + Hexaconazole 40g/l	V-T Vil 55SL	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
134	Carbendazim 500 g/l + Hexaconazole 5 g/l	Biozol 505SC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
135	Carbendazim 170g/l + Hexaconazole 30g/l	Opamar 200SC	vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
136	Carbendazim 300g/l + Hexaconazole 50g/l	Saipora 350SC	vàng rụng lá/cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
137	Carbendazim 51% + Hexaconazole 2% + Kasugamycin 2%	Carny super 55SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
138	Carbendazim 7g/l (170g/kg), (510g/l) + Hexaconazole 50g/l (30g/kg), (10g/l) + Sulfur 38g/l (100g/kg), (20g/l)	Mullingold 95SC, 300WP, 540SC	95SC: khô vằn/ lúa 300WP: lem lép hạt/ lúa 540SC: rỉ sắt/ cà phê, khô vằn/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
139	Carbendazim 200g/kg, (100g/l) + Hexaconazole 10g/kg, (30g/l) + Tricyclazole 440g/kg, (250g/l)	Andobeam 650WP, 380SC	380SC: khô vằn, đạo ôn/lúa 650WP: Đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
140	Carbendazim 400g/kg + Hexaconazole 50g/kg + Tricyclazole 400g/kg	Mothantilt 850WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
141	Carbendazim 200g/l (400g/l), (400g/kg), (500g/kg) + Iprodione 50g/l (100g/l), (100g/kg), (250g/kg)	Andoral 250 SC, 500SC, 500WP, 750WP	250SC, 500SC, 750WP: lem lép hạt/ lúa 500WP: khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân

142	Carbendazim 250g/kg + Iprodione 250g/kg	Tilral super 500WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
143	Carbendazim 350g/l + Iprodione 150g/l	Rony 500SC	lem lép hạt / lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
144	Carbendazim 100 g/kg + Iprodione 400 g/kg	Vkgoral 500WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
145	Carbendazim 87.5g/l + Iprodione 175 g/l	Calidan 262.5 SC	khô vằn, vàng lá, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
146	Carbendazim 400 g/kg + Iprodione 100 g/kg	Daroral 500WP	lem lép hạt, khô vằn, vàng lá chín sớm/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Nông dược Agriking
147	Carbendazim 200g/kg + Isoprothiolane 200g/kg + Tricyclazole 350g/kg	Cittiz 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nam MêKong
148	Carbendazim 100g/kg (200g/kg) + Isoprothiolane 200g/kg (200g/kg) + Tricyclazole 350g/kg (350g/kg)	Citigold-TSC 650WP, 750WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
149	Carbendazim 277g/kg +Isoprothiolane 250g/kg + Tricyclazole 250g/kg	Fujibem 777WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
150	Carbendazim 50 g/l (100g/kg) + Isoprothiolane 130 g/l (200g/kg) + Tricyclazole 300g/l (400g/kg)	Ricesilk 480SE, 700WP	Đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
151	Carbendazim 400g/kg + Kasugamycin 25g/kg + Tricyclazole 352g/kg	Sieubem 777WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
152	Carbendazim 62 g/kg + Mancozeb 738 g/kg	Carmanthai 80WP	thối quả/ xoài	Công ty CP Bình Điền MeKong
153	Carbendazim 12% + Mancozeb 63%	Saaf 75 WP	đạo ôn/ lúa, đốm nâu/ lạc, thán thư/ điều, mốc sương/ dưa hấu	Công ty TNHH UPL Việt Nam
154	Carbendazim 300g/l (120g/kg) (60g/kg) + Mancozeb 300g/l (630g/kg), (740g/kg)	Megazebusa 600SC, 750WP, 800WP	600SC: đốm lá/hoa hồng 750WP: Vàng lá chín sớm/lúa 800WP: loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ

155	Carbendazim 500g/l + Metalaxyl 100g/l	Co-mexyl 600SC	Thán thư/cà phê	Công ty TNHH Baconco
156	Carbendazim 450g/kg + Ningnanmycin 18g/kg + Tricyclazole 309g/kg	Blubem 777WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
157	Carbendazim 100g/kg + Prochloraz 400g/kg	Prozim 500WP	Khô vằn, đạo ôn/lúa; thối khô/ cao su; thối quả/ cà phê	Sundat (S) PTe Ltd
158	Carbendazim 150g/l + Propiconazole 150g/l	Dosuper 300 EW	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
159	Carbendazim 200g/l + Propiconazole 100g/l	Nofatil super 300EW	khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
160	Carbendazim 5g/l + Propiconazole 120g/l + Tricyclazole 400g/l	Siulia 525SE	Đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
161	Carbendazim 500g/kg + Sulfur 100g/kg	Cacpenjin 600WP	khô vằn/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
162	Carbendazim 150 g/l + Tetraconazole (min 94%) 125g/l	Eminent Pro 125/150SE	đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/ lúa	Isagro S.p.A Centro Uffici S. Siro, Italy
163	Carbendazim 250g/l + Triadimefon 100g/l	Kalabas 350SC	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Trường Thịnh
164	Carbendazim 450 g/kg (30g/kg) + Tricyclazole 50g/kg (720g/kg)	Milvil super 500WP, 750WP	500WP: lem lép hạt, vàng lá chín sớm/ lúa 750WP: đạo ôn/ lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
165	Carbendazim 300g/kg + Tricyclazole 450g/kg	Javibean 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
166	Carbendazim 400g/kg + Tricyclazole 100g/kg	Kita-hope 500WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Kital
167	Carbendazim 42% + Tricyclazole 8%	Benzo 50 WP	đạo ôn, vàng lá/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
168	Carbendazim 9.2% + Tricyclazole 5.8% + Validamycin 5%	Carzole 20 WP	khô vằn, đạo ôn/ lúa; thối quả, nấm hồng, rỉ sắt/ cà phê; thán thư/ điều	Công ty CP Nông nghiệp HP
169	Carbendazim 50g/kg + Tricyclazole 100g/kg + Validamycin 100g/kg	Dacarben 250WP	Đạo ôn/lúa	Rotam Asia Pacific Limited

170	Carbendazim 50% + Sulfur 20%	Vicarben-S 70WP	phần trắng/ vải, rỉ sắt/đậu tương, lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
171	Carpropamid (min 95%)	Newcado 300SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
172	Chaetomium cupreum	Ketomium 1.5 x 10 ⁶ CFU/g bột	thối rữa, thối thân/ cà phê, hồ tiêu; đạo ôn/ lúa; héo rũ/ cà chua; đốm lá, phần trắng/ cây hồng	Viện Di truyền nông nghiệp
173	Chaetomium sp. 1.5 x 10 ⁶ cfu/ml + Tricoderma sp 1.2 x 10 ⁴ cfu/ml	Mocabi SL	sung rữa, héo vàng/ bắp cải; héo vàng/ cà chua; thối gốc, thối lá/ hành tây; lem lép hạt/ lúa; thối gốc/ hồ tiêu; nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH Nông Sinh
174	Chitosan	Biogreen 4.5 SL	sương mai/ bắp cải, khoai tây; đốm lá, thối đọt/ địa lan; thối bẹ/ thanh long	Công ty TNHH CN - KT - Sinh Hóa Thái Nam Việt
		Fusai 50 SL	đạo ôn, bạc lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Jolle 1SL, 40SL, 50WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; tuyến trùng/ bí xanh, cà phê, hồ tiêu; thối quả/ vải, xoài	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Kaido 50SL, 50WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; tuyến trùng/ bí xanh, cà phê, hồ tiêu; thối quả/ xoài, vải	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Stop 5 SL, 10SL, 15WP	5SL: tuyến trùng/ cà rốt, cà chua, thanh long, hoa huệ, xà lách; héo dây, cháy lá, thối rữa, thối gốc/ dưa hấu; đạo ôn, khô vằn/ lúa 10SL: đạo ôn, khô vằn/ lúa 15WP: tuyến trùng/ cà rốt; sương mai/ dưa chuột; đốm nâu, đốm xám, thối búp do nấm bệnh, thối rữa do nấm bệnh và tuyến trùng/ chè	Công ty TNHH Ngân Anh
		Thumb 0.5SL	bạc lá, khô vằn, đạo ôn/ lúa; phần trắng/ bí xanh; giả sương mai/ dưa chuột; sương mai/ cà chua; thán thư/ ớt; tuyến trùng/cà phê, hồ tiêu; chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
		Tramy 2 SL	tuyến trùng/ cải xanh, xà lách, bầu bí, cà phê, hồ tiêu, chè, hoa cúc; tuyến trùng, bệnh héo rũ, lở cổ rễ/ cà chua; tuyến trùng, mốc sương/ dưa hấu; héo rũ/ lạc; đạo ôn, tuyến trùng/ lúa; đốm lá/ngô; thối quả/ vải, xoài; mốc xám/ xà lách	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Vacxilplant 8 SL	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM – SX Phước Hưng
175	Oligo-Chitosan	Yukio 50SL, 150SL	đạo ôn, khô vằn, bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Risaza 3SL	đạo ôn, lem lép hạt, kích thích sinh trưởng/ lúa; thối ngọn, kích thích sinh trưởng/ mía; kích thích sinh trưởng/ chè; mốc	Công ty TNHH Ngân Anh

			xám/ quả, kích thích sinh trưởng/ dâu tây; phần trắng, rỉ sắt, kích thích sinh trưởng/ đậu Hà lan; mốc sương, kích thích sinh trưởng/ cà chua	
176	Chitosan 5g/l + Kasugamycin 20g/l	Premi 25SL	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
177	Chitosan tan 0.5% + nano Ag 0.1%	Mifum 0.6SL	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng
178	Chitosan 10g/l (10g/kg), (10g/l) + Ningnanmycin 10g/l (17g/kg), (38g/l)	Hope 20SL, 27WP, 48SL	20SL, 48SL: Lem lép hạt, bạc lá/ lúa, thán thư/ vải 27WP: Bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thán thư/ vải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
179	Chitosan 20g/kg + Nucleotide 5g/kg	Daone 25WP	Thán thư quả/vải; lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
180	Chitosan 2% + Oligo-Alginate 10%	2S Sea & See 12WP, 12SL	12WP: đốm vòng/ cà rốt; thối đen vi khuẩn/ súp lơ xanh; rỉ sắt/ hoa cúc; kích thích sinh trưởng/ cải xanh, chè; đốm nâu, đốm xám/ chè 12SL: đốm vòng/ cà rốt; thối đen vi khuẩn/ bắp cải; rỉ sắt/ hoa cúc; kích thích sinh trưởng/cải xanh	Công ty TNHH Ngân Anh
181	Chitosan 19g/kg (49g/kg) + Polyoxin 1g/kg (1g/kg)	Starone 20WP, 50WP	20WP: đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/ lúa; phần trắng/ xoài; lở cổ rễ/ bắp cải, thối búp/chè 50WP: đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/ lúa; phần trắng/ xoài; lở cổ rễ/ bắp cải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
182	Chitosan 1g/l, (1g/kg), (25g/kg) + Polyoxin B 20g/l (21g/kg), (10g/kg)	Stonegold 21SL, 22WP, 35WP	21SL: Đạo ôn, lem lép hạt/lúa 22WP: Đạo ôn, bạc lá/ lúa; thán thư/ vải 35WP: lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
183	Chlorobromo isocyanuric acid (min 85%)	Hoả tiễn 50 SP	bạc lá/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
184	Chlorothalonil (min 98%)	Agronil 75WP	khô vằn/ lúa, sương mai/ dưa hấu	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Anhet 75WP	Giả sương mai/dưa hấu	Công ty CP Futai
		Arygreen 75 WP, 500SC	75WP: đốm vòng/ cà chua; sương mai/ dưa hấu, vải thiều; đốm lá/ hành; thán thư/ xoài, điều 500SC: thán thư/ điều, xoài; đốm lá/ hành, lạc; giả sương mai/ dưa hấu; sương mai/ cà chua, vải; chết rạp cây con/ ớt	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Binhconil 75 WP	đốm lá/ lạc; đốm nâu/ thuốc lá; khô vằn/ lúa; thán thư/ cao su	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Chionil	Thán thư/xoài; đốm lá/ hành; đốm vòng/ cà chua; giả sương	Công ty CP Nông nghiệp

		750WP	mai/ dừa chuột; chết cây con/ ớt	HP
		Clearner 75WP	Sương mai/ dừa hấu	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Cornil 75WP, 500SC	sương mai/ khoai tây	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Daconil 75WP, 500SC	75WP: phấn trắng/ cà chua, hoa hồng, dừa chuột; đốm lá/ hành, chè; bệnh đổ ngã cây con/ bắp cải, thuốc lá; đạo ôn, khô vằn/ lúa; thán thư/ vải, ớt, xoài; sọc, Melanos/ cam; mốc sương/ khoai tây; thán thư/chanh leo; giả sương mai/dừa hấu; mốc sương/ cà chua, sương mai/khoai tây 500SC: đốm lá/ lạc; thán thư/ xoài, dừa hấu, nhãn; sương mai/ cà chua; giả sương mai/ dừa chuột; đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa; phấn trắng/ nho, vải; sọc, Melanos/ cam; mốc sương/ khoai tây; thán thư/chanh leo; sương mai/ súp lơ; sương mai, thán thư/ đậu cove; đốm lá/ cà tím; đốm mắt cua/ mỏng toi, ớt; lở cổ rễ/ rau cải, su hào; mốc xám/ rau cải; phấn trắng/ ớt; rỉ sắt/ đậu đũa; sương mai/ đậu đũa, mướp, rau cải; thán thư/đậu đũa; thối cổ rễ/ mỏng toi	Công ty TNHH Việt Thắng
		Duruda 75WP	sương mai/ dừa hấu	FarmHannong Co., Ltd.
		Forwanil 50SC, 75WP	50SC: khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê 75WP: đốm vòng/ cà chua, đốm nâu/ lạc, sương mai/ bắp cải	Forward International Ltd
		Fungonil 75WP	Thán thư/cam	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Rothanil 75 WP	rỉ sắt/ lạc	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Sulonil 720SC	Sương mai/ dừa chuột	Jiangyin Suli Chemical Co., Ltd.
		Thalonil 75 WP	sương mai/ dừa hấu, đốm vòng/ cà chua	Long Fat Co., (Taiwan)
185	Chlorothalonil 500g/l + Carbendazim 100g/l	Dacomicl 600SC	Rỉ sắt/ hoa hồng	Công ty CP NN HP
186	Chlorothalonil 60% + Cymoxanil 15%	Cythala 75 WP	vàng lá do nấm, khô vằn/ lúa; rỉ sắt/ đậu tương, cà phê	Công ty CP Đồng Xanh

187	Chlorothalonil 302g/l + Cymoxanil 1g/l + Metalaxyl 30g/l	Efigo 333SC	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP ENASA Việt Nam
188	Chlorothalonil 500g/l + Hexaconazole 50g/l	Tisabe 550 SC	Rỉ sắt/ cà phê, vàng lá chín sớm, khô vằn/lúa; thán thư/dừa hấu, điều, xoài; đốm vòng/hành; vàng rụng lá/ cao su; ghẻ nhám/cam	Công ty CP Nông nghiệp HP
189	Chlorothalonil 400g/l Metalaxyl 40g/l +	Mechlorad 440SC	Loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty CP Bình Điền MeKong
190	Chlorothalonil 600g/kg + Metalaxyl 50g/kg	Dobin 650WP	Rỉ sắt/ đậu tương	Công ty CP Nông dược Việt Thành
191	Chlorothalonil 200g/kg + Propineb 600g/kg	Dr.Green 800WP	Thán thư/ xoài, sươngmai/dừa hấu	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
192	Chlorothalonil 400g/l + Mandipropamid (min 93%) 40g/l	Revus Opti 440SC	sương mai/ cà chua, mốc sương/ dừa chuột, nứt dây/ dừa hấu, thán thư/ xoài, đốm vòng, mốc sương/khoai tây, thán thư, thối rễ/hồ tiêu	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
193	Chlorothalonil 250g/l + Thiophanate methyl 250g/l	Taratek 500SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
194	Chlorothalonil 35% (530g/l) + Tricyclazole 45% (25g/l)	Vanglany 80WP, 555SC	80WP: khô vằn, lem lép hạt, vàng lá, đạo ôn, thối bẹ/ lúa 555SC: Thán thư/ cao su	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
195	Chlorothalonil 250g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Kimone 750WP	rỉ sắt/ cà phê, lem lép hạt, đạo ôn/lúa, thán thư/cao su, thối củ/gừng	Công ty CP Nông dược Agriking
196	Citrus oil	MAP Green 3SL, 6SL, 8SL, 10SL	3SL: sâu xanh da láng/ nhỏ; thối búp, bọ xít muỗi/ chè; thán thư/ ớt, xoài; bọ phấn/ cà chua; bọ nhậy/ rau cải; sâu cuốn lá/ chè; nhện đỏ/ dừa chuột; phấn trắng/ bầu bí; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ, mốc sương/ nhỏ 6SL: thối búp/ chè; thán thư/ ớt; bọ trĩ, sâu xanh da láng/ nhỏ; phấn trắng/ bầu bí; bọ phấn/ cà chua; bọ nhậy/ cải; sâu tơ/ bắp cải; bọ xít muỗi, sâu cuốn lá/ chè; nhện đỏ/ dừa chuột; mốc sương/ nhỏ; thán thư/ xoài; vàng lá chín sớm/ lúa; nhện lông nhung/nhãn; Hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ rệp sáp/cà phê, bọ xít muỗi/điều, chết éo cây con/lạc, xì mù/cam, thán thư/điều; vàng rụng lá/ cao su; thán thư/ cà phê 8SL: nhện đỏ/ cam, nhện lông nhung/ nhãn 10SL: mốc sương, bọ trĩ, sâu xanh da láng/ nhỏ; thán thư/ xoài, ớt; thối búp, sâu cuốn lá, bọ xít muỗi/ chè; phấn trắng/ bầu bí; bọ phấn/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải; bọ nhậy/ rau cải; nhện đỏ/ dừa chuột	Map Pacific PTE Ltd
197	Copper citrate	Ải vân	bạc lá, lem lép hạt/ lúa; đốm lá/ lạc; thán thư/ điều	Công ty TNHH XNK Quốc tế

	(min 95%)	6.4SL		SARA
		Heroga 6.4SL	lở cổ rễ/ đậu tương, lạc; tuyến trùng/ hồ tiêu; bạc lá, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
198	Copper Hydroxide	Ajily 77WP	rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
		Champion 37.5SC, 57.6 DP, 77WP	37.5SC: Đốm rong, chết chậm/hồ tiêu; tảo đỏ/cà phê 57.6DP: rụng quả, tảo đỏ/cà phê 77WP: nấm hồng/ cà phê	Nufarm Asia Sdn Bhn
		Copperion 77WP	mốc sương/ khoai tây	Công ty CP VT NN Việt Nông
		DuPont™ Kocide® 46.1 WG, 53.8 WG	46.1WG: thán thư/ điều; bạc lá/ lúa; sương mai/khoai tây; chết nhanh, thán thư/ hồ tiêu; thán thư, thối rễ/cà phê 53.8WG: khô vằn, vàng lá, lem lép hạt/ lúa; sương mai/ khoai tây; bệnh do Fusarium, thán thư/ cà phê; bệnh chết nhanh, thán thư/ hồ tiêu	DuPont Vietnam Ltd
		Funguran-OH 50WP	mốc sương/ khoai tây, vàng lá/ hồ tiêu, khô vằn, bạc lá/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Agspec Asia Pte Ltd
		Hidrocop 77WP	Bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Map-Jaho 77 WP	gỉ sắt/ cà phê	Map Pacific PTE Ltd
199	Copper hydroxide 22.9% + Copper oxychloride 24.6%	Oticin 47.5WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
200	Copper Oxychloride	Curenoc 85WP	chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Ngân Anh
		Epolists 85WP	bạc lá/lúa, rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Thanh Điền
		Isacop 65.2WG	thán thư/cà phê	Isagro S.p.A Centro Uffici S. Siro, Italy
		PN – Coppercide 50WP	đốm lá, thối thân/ lạc; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Phương Nam, Việt Nam
		Romio 300WP	sương mai/ khoai tây	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Supercook 85WP	đốm lá/lạc	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Vidoc 30 WP	mốc sương/ khoai tây	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
201	Copper Oxychloride 29% + Cymoxanil 4% + Zineb 12%	Dosay 45 WP	sương mai/ khoai tây; vàng rụng lá/cao su	Agria S.A, Bulgaria
202	Copper Oxychloride 16% +	New Kasuran 16.6WP	bạc lá/lúa, nấm hồng/cà phê, thán thư/điều; phấn trắng/ cao	Công ty CP Thuốc sát trùng

	Kasugamycin 0.6%		su; rỉ sắt/ cà phê	Việt Nam
203	Copper Oxychloride 45% + Kasugamycin 5%	BL. Kanamin 50WP	phần trắng/ khoai tây, thán thư/ hoa hồng	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Kasuran 50WP	<i>Pseudomonas</i> spp/ cà phê	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
204	Copper Oxychloride 755g/kg + Kasugamycin 20g/kg	Reward 775WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
205	Copper Oxychloride 39% + Mancozeb 30%	CocMan 69 WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
206	Copper Oxychloride 43% + Mancozeb 37%	Cupenix 80 WP	mốc sương/ khoai tây	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
207	Copper Oxychloride 50% + Metalaxyl 8%	Viroxyl 58 WP	sương mai/ khoai tây, chết vàng cây con/ lạc, chết chậm/hồ tiêu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
208	Copper Oxychloride 60% + Oxolinic acid 10%	Sasumi 70WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
209	Copper Oxychloride 6.6% + <i>Streptomycin</i> 5.4%	Batocide 12 WP	bạc lá/ lúa, giác ban/ bông vải	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
210	Copper Oxychloride 45% + <i>Streptomycin Sulfate</i> 5%	K.Susai 50WP	bạc lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
211	Copper Oxychloride 10% (17%) + <i>Streptomycin sulfate</i> 2% (5%) + Zinc sulfate 10% (10%)	PN - balacide 22WP, 32WP	22WP: bạc lá, đốm sọc vi khuẩn/ lúa 32WP: bạc lá, đốm sọc vi khuẩn, đen lép hạt/ lúa; bệnh thối lá/ cây hoa huệ; bệnh thối hoa/ cây hoa hồng; héo xanh/ khoai tây	Công ty TNHH Phương Nam, Việt Nam
212	Copper Oxychloride 17% + Streptomycin 5% + Zinc Sulfate 10%	Vicilin 32WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP VTNN Việt Nông
213	Copper Oxychloride 300g/kg + Zineb 200g/kg	Zincopper 50WP	rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP TST Cần Thơ
		Vizincop 50WP	rỉ sắt, nấm hồng/cà phê, phần trắng/cao su; thán thư/ điều	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
214	Copper Oxychloride 17% + Zineb 34%	Copforce Blue 51WP	rỉ sắt/ cà phê, mốc sương/khoai tây	Agria SA, Bulgaria
215	Copper Oxychloride 175g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg + Zinc sulfate 100g/kg	Parosa 325WP	Bạc lá, đốm sọc vi khuẩn/ lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản

216	Copper sulfate pentahydrate (min 98%)	Super mastercop 21SL	bạc lá/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
217	Copper sulfate (Tribasic) (min 98%)	Cuproxat 345SC	rỉ sắt/ cà phê, bạc lá/ lúa	Nufarm Asia Sdn Bhd
		Đồng Hocmon 24.5SG	đốm mắt cua/ thuốc lá	Công ty CP Hóc Môn
218	Copper Sulfate (Tribasic) 78.520% + Oxytetracycline 0.235% + Streptomycin 2.194%	Cuprimicin 500 81 WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
219	Cucuminoid 5% + Gingerol 0.5%	Stifano 5.5SL	thối nhũn, sương mai/ rau họ thập tự; bạc lá, đốm sọc vi khuẩn/ lúa; thối gốc, chết cây con/ lạc, đậu đũa; héo xanh, mốc sương, héo vàng, xoắn lá/ cà chua, khoai tây; héo xanh, giả sương mai/ dưa chuột, bầu bí; đốm lá, thối gốc, bệnh còng/ hành; chảy gôm, thối nâu quả/ cam, quýt; khô hoa rụng quả/ vải; phồng lá, chấm xám/ chè; đốm đen, sương mai/ hoa hồng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
220	Cuprous Oxide (min 97%)	Norshield 58WP, 86.2WG	58WP: vàng lá thối rữa/ cà phê 86.2WG: thán thư/ điều, bạc lá/ lúa, gỉ sắt/ cà phê, xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Onrush 86.2WG	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
221	Cuprous oxide 60% + Dimethomorph 12%	Eddy 72WP	Chết nhanh/hồ tiêu, thối quả/ ca cao; mốc sương/khoai tây; vàng lá thối rữa/ cà phê, chết ẻo/ đậu xanh	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
222	Cyazofamid (min 93.5)	Ranman 10 SC	sương mai/ cà chua, nho, dưa hấu, khoai môn; giả sương mai/ dưa chuột.	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
223	Cymoxanil 25% + Famoxadone 25%	TT-Taget 50WG	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
224	Cymoxanil 30 % + Famoxadone 22.5%	DuPont™ Equation® 52.5WG	vàng lá chín sớm, khô vằn, bạc lá, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	DuPont Vietnam Ltd
225	Cymoxanil 60g/kg + Propineb 640g/kg	Antramix 700WP	khô vằn/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
226	Cymoxanil 8% + 64% Fosetyl-Aluminium	Foscy 72 WP	chết cây con/ thuốc lá, chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Đồng Xanh
227	Cymoxanil 8% + Mancozeb 64%	Cajet - M10 72WP	chết dây/ hồ tiêu; vàng lá/lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Carozate 72WP	Chết nhanh, chết chậm/hồ tiêu; rỉ sắt/cà phê; sương mai/	Công ty TNHH Sản phẩm

			khoai tây	Công nghệ cao
		DuPont™ Curzate® - M8 72 WP	chết héo dây/ hồ tiêu; vàng lá/ lúa	DuPont Vietnam Ltd
		Jack M9 72 WP	lem lép hạt, vàng lá/ lúa	Công ty TNHH ADC
		Niko 72WP	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH BMC
		Simolex 720WP	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
		Victozat 72 WP	vàng lá do nấm/ lúa	Công ty CP Long Hiệp
		Xanized 72 WP	loét sọc mặt cạo/ cao su	Công ty CP Nông nghiệp HP
228	Cymoxanil 80g/kg + Mancozeb 640g/kg	Kanras 72WP	sương mai/ hoa hồng, loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty TNHH Việt Thắng
		Dolphin 720WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Jzomil 720 WP	vàng lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Limit 72WP	vàng lá chín sớm/lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
229	Cymoxanil 8% + Mancozeb 67%	Cyzate 75WP	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
230	Cymoxanil 4% (8%), (8%) + Macozeb 40% (60%), (64%)	Kin-kin Bul 44WG, 68WG, 72WP	44WG: vàng rụng lá/cao su 68WG: Chết cây con/thuốc lá; sương mai/khoai tây; loét sọc mặt cạo/cao su 72WP: vàng lá chín sớm/lúa, vàng rụng lá/cao su	Agria SA
231	Cymoxanil 40g/kg + Mancozeb 720g/kg + Metalaxyl 40g/kg	Ridoxanil 800WP	loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty CP TM và Đầu tư Bắc Mỹ
232	Cymoxanil 60 g/kg + Propineb 700g/kg	Tracomix 760WP	lem lép hạt, vàng lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá nông Lúa Vàng
233	Cyproconazole (min 94%)	Bonanza® 100 SL	khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, đốm lá/ lạc	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
234	Cyproconazole 50g/l + Hexaconazole 50g/l + Tricyclazole 250g/l	Thecyp 350SE	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông tín AG
235	Cyproconazole 80g/l + Propiconazole 250g/l	Forlita Gold 330EC	Khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Neutrino 330EC	Khô vằn, lem lép hạt, vàng lá chín sớm/lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Lion Agrovo

		Nevo® 330EC	khô vằn, lem lép hạt, thối thân/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Newyo 330EC	lem lép hạt, vàng lá/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Sopha 330EC	lem lép hạt/ lúa, thán thư/ cà phê	Công ty CP NN HP
		Tigh super 330EC	lem lép hạt, vàng lá/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
236	Cyproconazole 0.5g/l, (20g/l), (10g/kg), (80g/l) + Propiconazole 64.5g/l, (130g/l), (250 g/kg), (250g/l)	Newsuper 65SC, 150EC, 260WG, 330EC	65SC: Vàng lá/ lúa 150EC, 260WG: Lem lép hạt/lúa 330EC: khô vằn/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
237	Cyproconazole 80g/l + Propiconazole 260g/l	Protocol 340 EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
238	Cyprodinil (min 97%) 500g/kg + Myclobutanil 50g/kg	Mydinil 550WP	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH An Nông
239	Cytokinin (Zeatin) (min 99%)	Etobon 0.56SL	tuyến trùng/ lạc, cà rốt; lở cổ rễ/ bắp cải, cải củ; tuyến trùng, thối rễ/ chè; thối rễ/ hoa hồng	Công ty TNHH Đước Mùa
		Geno 2005 2 SL	tuyến trùng/ dưa hấu, bầu bí, cà phê, hồ tiêu, chè, hoa cúc; tuyến trùng, khô vằn/ lúa; tuyến trùng, mốc xám/ xà lách, cải xanh; héo rũ, tuyến trùng, mốc sương/ cà chua; héo rũ/ lạc; đốm lá/ ngô; thối quả/ vải, nho, nhãn, xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Sincocin 0.56 SL	tuyến trùng, nấm Fusarium sp. gây bệnh thối rễ/ trong đất trồng bắp cải, lạc, lúa	Cali – Parimex. Inc.
240	Cytosinepeptidemycin	Sat 4 SL, 8SL	4SL: bạc lá/ lúa; khảm, héo xanh/ thuốc lá; sương mai, héo xanh, xoắn lá/ cà chua; héo xanh/ bí đao, hồ tiêu; thối nõn/ dưa; đốm lá/ hành; loét, chảy gôm/ cam; thán thư, thối cuống/ nho; thối vi khuẩn/ gừng; thán thư/ xoài, ớt; nứt thân chảy gôm/ dưa hấu; sương mai, phấn trắng, giả sương mai/ dưa chuột 8SL: Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
241	Dazomet (min 98%)	Basamid Granular 97MG	Xử lý đất trừ bệnh héo rũ do nấm <i>Fusarium</i> sp/ hoa cúc	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
242	Dầu bắp 30% + dầu hạt bông 30% + dầu tỏi 23%	GC - 3 83SL	phấn trắng/ hoa hồng, đậu que, dưa chuột	Công ty TNHH Ngân Anh
243	Dẫn xuất Salicylic Acid (Ginkgoic acid 425g/l +	Sông Lam 333 50EC	khô vằn, đạo ôn/ lúa; chảy mủ do Phytophthora/ cây có múi, lở cổ rễ/hồ tiêu, lở cổ rễ, thân do nấm/ cà phê	Công ty TNHH NN Phát triển Kim Long

	Corilagin 25g/l + m-pentadecadienyl resorcinol 50g/l)			
244	Difenoconazole (min 96%)	Divino 250EC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Goldnil 250EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Kacie 250EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Scogold 300EC, 479EC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Score [®] 250EC	mốc sương/ khoai tây; phấn trắng/ cây cảnh, thuốc lá; thán thư/ điều; muối đen, đốm nâu/ thuốc lá	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
245	Difenoconazole 12% + Fenoxanil 20%	Feronil 32EC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH QT Nông nghiệp vàng
246	Difenoconazole 170g/l + Fenoxanil 200g/l	Lotuscide 370EC	Đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
247	Difenoconazole 150g/l + Flusilazole 150g/l	Tecnoto 300EC	vàng lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng.
248	Difenoconazole 50g/l + Hexaconazole 100g/l	Longanvingold 150SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa; chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
249	Difenoconazole 150g/l + Hexaconazole 33 g/l + Propiconazole 150g/l	Center super 333EC	vàng lá chín sớm, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH SX & XK Bàn Tay Việt
250	Difenoconazole 5g/l (37g/l) + Hexaconazole 10g/l (63g/l) + Tricyclazole 350g/l (300g/l)	Ensino 365SC, 400SC	365SC: đạo ôn/lúa 400SC: đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Enasa Việt Nam
251	Difenoconazole 100g/kg + Hexaconazole 100g/kg + Tricyclazole 450g/kg	Super tank 650WP	Đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa, thán thư/cà phê, nấm hồng/cao su	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
252	Difenoconazole 150g/kg + Isoprothiolane 400g/kg + Propiconazole 150g/kg	Alfavin 700WP	đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
253	Difenoconazole 7.5% (15%) + Isoprothiolane 12.5% (25%) + Tricyclazole 20%	Babalu 40WP, 80WP	đạo ôn, lem lép hạt /lúa	Công ty TNHH Nam Bộ

	(40%)			
254	Difenoconazole 100g/kg + Isoprothiolane 150g/kg + Tricyclazole 350g/kg	Bankan 600WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
255	Difenoconazole 75g/l (75g/kg), (15%) + Isoprothiolane 125g/l (125g/kg), (25%) + Tricyclazole 200g/l (200g/kg), (40%)	Bump gold 40SE, 40WP, 80WP	40SE: Đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá/ lúa 40WP, 80WP: Đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH ADC
256	Difenoconazole 15% + Isoprothiolane 25% + Tricyclazole 40%	Edivil 80WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Sapful 80WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Điền Thạnh
257	Difenoconazole 5g/kg (5g/kg) (8g/kg) + Isoprothiolane 295g/kg (295g/kg) (300g/kg) + Tricyclazole 500g/kg (550g/kg) (580g/kg)	Bimstar 800WP, 850WP, 888WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
258	Difenoconazole 125g/l + Kasugamycin 50g/l	Sconew 175SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
259	Difenoconazole 50g/l (150g/l), (150g/l), (250g/l) + Propiconazole 250.5g/l (150g/l), (150g/l) (0.5g/l)	Tinitaly surper 300.5EC, 300EC, 300SE, 250.5EC	250.5EC: phấn trắng/ hoa hồng 300EC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa 300.5EC: lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, đốm lá/ lạc 300SE: lem lép hạt, vàng lá do nấm/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
260	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 150g/l	Acsupertil 300EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, phấn trắng/ điều	Công ty TNHH MTV Lucky
		Arytop 300 EC	lem lép hạt/ lúa	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Autozole 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH SX & XK Bàn Tay Việt
		Boom 30EC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Cure supe 300 EC	lem lép hạt, khô vằn, vàng lá/ lúa; rỉ sắt, đốm mắt cua/ cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng

Daiwanper 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Futai
Famertil 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
Hotisco 300EC	lem lép hạt/ lúa, đốm lá/ đậu tương, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Đồng Xanh
Iso tin 300EC	khô vằn /lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
Jasmine 300SE	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
Jettilesuper 300EC	Lem lép hạt, khô vằn, vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP Lan Anh
Jiasupper 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Kanavil 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
Kimsuper 300EC	vàng lá/ lúa, thán thư/điều	Công ty CP Nông dược Agriking
Map super 300 EC	lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê, đậu tương; đốm lá/ lạc; thán thư/ điều, cà phê; phấn trắng/hoa hồng; vàng rụng lá/cao su	Map Pacific Pte Ltd
Ni-tin 300EC	rỉ sắt/ cà phê, lem lép hạt/lúa; thán thư/ điều, khô quả/ cà phê	Công ty CP Nicotex
Prodifad 300EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Bình Điền MeKong
Sagograin 300EC	lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Scooter 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
Still liver 300ME	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
Super-kostin 300 EC	lem lép hạt/ lúa, gỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH OCI Việt Nam
Supertim 300EC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
Superten 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
Sunzole 30EC	Lem lép hạt/ lúa	Sundat (S) PTe Ltd
Tien super 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Công nghiệp Khoa học Mùa màng Anh-Rê
Tilbest super 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Hóa nông Mỹ Việt Đức
Tilcalisuper 300EC	lem lép hạt/ lúa	Cali - Parimex Inc.
Tileuro super 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
Tilfugi 300 EC	lem lép hạt, vàng lá, khô vằn/ lúa; đốm lá/ đậu tương; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH – TM Tân Thành

		Tilt Super® 300EC	khô vằn, lem lép hạt, vàng lá/ lúa; đốm lá/ lạc; rỉ sắt/ cà phê, đầu tương; nấm hồng, vàng lá/cao su; khô vằn/ngô; thán thư/cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Tinmynew Super 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
		Tittus super 300EC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP nông dược Việt Nam
		Tstil super 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Uni-dipro 300EC	khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
261	Difenoconazole 150g/l (230g/l), (260g/l), (300g/l) + 150g/l (170g/l), (190g/l), (200g/l) Propiconazole	Tilindia super 300EC, 400EC, 450EC, 500EC	300EC, 450EC: Lem lép hạt/ lúa 400EC: Rỉ sắt/cà phê 500EC: Khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
262	Difenoconazole 150g/l (150g/kg) + Propiconazole 150g/l (150g/kg)	Superone 300EC, 300WP	300EC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê 300WP: khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH ADC
263	Difenoconazole 150g/l (200g/l), (222g/l) + Propiconazole 150g/l (200g/l), (222g/l)	Bretil Super 300EC, 400EC, 444EC	300EC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa 400EC: lem lép hạt, vàng lá/ lúa 444EC: lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
264	Difenoconazole 15% + Propiconazole 15%	Happyend 30EC	khô vằn/ lúa	FarmHannong Co., Ltd.
265	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 160g/l	Nônggiabảo 310EC	Rỉ sắt/ cà phê, lem lép hạt/ lúa, vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH – TM Thái Phong
266	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 170g/l	Canazole super 320EC	lem lép hạt, vàng lá/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP TST Cần Thơ
267	Difenoconazole 45g/l, (155g/l), (160g/kg), (250g/kg) + Propiconazole 45g/l (150g/l), (160g/kg), (500g/kg)	Tiljapanesuper 90SC, 305SC, 320WP, 350EC, 750WP	90SC: Vàng lá/ lúa 305SC, 320WP, 350EC, 750WP: Lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
268	Difenoconazole 200g/l + Propiconazole 200g/l	Atintin 400EC	Lem lép hạt, vàng lá chín sớm, khô vằn/lúa; rỉ sắt/ cà phê; đốm lá/lạc	Công ty TNHH – TM Thái Nông
269	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 150g/l + Hexaconazole 100g/l	Prohed 400EC	Khô vằn/ lúa	Công ty CP Nông Tín AG
270	Difenoconazole 20 g/l,	Tilobama	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV

	(150g/l), (20g/l), (20g/l), (50.5g/kg) + Propiconazole 150 g/l, 200.5g/l (95g/l), (10g/l), (0.5g/kg) + Prochloraz 150 g/l, 0.5g/l (300g/l), (400g/l), (504g/kg)	320EC, 351EC, 415EC, 430EC, 555WP		LD Nhật Mỹ
271	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 150g/l + Tebuconazole 50g/l	T-supernew 350EC	lem lép hạt, khô vằn, vàng lá do nấm/ lúa; đốm lá/ lạc; rỉ sắt/ cà phê, lạc	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Kobesuper 350EC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
272	Difenoconazole 155g/l + Propiconazole 155g/l + Tebuconazole 50g/l	Amicol 360EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
273	Difenoconazole 100g/l + Propiconazole 150g/l + Tebuconazole 50g/l	Goltis super 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
		Tilplus super 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
274	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 100g/l + Tebuconazole 50 g/l	Tilbluesuper 300EC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
275	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 50g/l + Tebuconazole 150g/l	Gone super 350EC	Lem lép hạt, khô vằn/lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH BMC
276	Difenoconazole 140g/l (140g/l) (150g/l) + Propiconazole 120g/l (120g/l), (130g/l) + Tebuconazole 140g/l (190g/l), (220g/l)	Tilasiasuper 400EC, 450EC, 500EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
277	Difenoconazole 5g/l (6g/l) + Propiconazole 165g/l (160g/l) + Tricyclazole 430g/l (500g/l)	Fiate 600SE, 666SE	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
278	Difenoconazole 15% + Tebuconazole 15%	Dasuwang 30EC	đốm lá/ lạc	FarmHannong Co., Ltd.

279	Difenoconazole 150g/l + Tebuconazole 150g/l	Tilvilusa 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Hóa nông Mỹ Việt Đức
280	Difenoconazole 50g/kg (30g/kg) + Tebuconazole 250g/kg (250g/kg) + Tricyclazole 50g/kg (250g/kg)	Latimo super 500WP, 780WG	500WP: lúa von/ lúa (xử lý hạt giống), khô vằn/ lúa 780WG: lem lép hạt, vàng lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
281	Difenoconazole 150g/l + Tricyclazole 350g/l	Gold-chicken 500SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
282	Difenoconazole 265.5g/l (30g/kg), (25g/l), (50g/kg) + Tricyclazole 0.5g/l (270g/kg), (400g/l), (600g/kg)	Supergold 266ME, 300WP, 425SC, 650WP	266ME, 300WP: lem lép hạt/ lúa 425SC, 650WP: Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
283	Difenoconazole 150g/kg (150 g/l)+ Tricyclazole 450g/kg (450g/l)	Cowboy 600WP, 600SE	600SE: đạo ôn/ lúa 600WP: đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH ADC
284	Difenoconazole 150g/l (150g/kg), (150g/kg), (10g/kg), (150g/kg) + Tricyclazole 450g/l (450g/kg), (600g/kg), (750g/kg), (650g/kg)	Dovabeam 600SC, 600WP, 750WP, 760WP, 800WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
285	Difenoconazole 150g/kg + Tricyclazole 460g/kg	Imperial 610WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
286	Difenoconazole 150g/kg + Tricyclazole 450 g/kg + Cytokinin 2g/kg	Salame 602WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH ADC
287	Dimethomorph (min 98%)	Cylen 500WP	Mốc sương/ cà chua	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
		Insuran 50WG	mốc sương/ cà chua, giả sương mai/dừa chuột; sọc lá/ngô (xử lý hạt giống); sọc lá/ngô (phun); phấn trắng/ nho; chết nhanh/ hồ tiêu; sương mai /vải, loét sọc mặt cao/ cao su; xì mủ/ sầu riêng, bưởi, ca cao; sương mai/ dừa hấu; thối quả/ ca cao, sầu riêng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Phytocide 50WP	giả sương mai/ dừa hấu, loét sọc mặt cao/ cao su, chết nhanh/ hồ tiêu; sương mai/ vải, cà chua; bạch tạng/ngô	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí

288	Dimethomorph (min 99.1%) 90g/kg + Mancozeb 600 g/kg	Acrobat MZ 90/600 WP	sương mai/ dưa hấu, cà chua; chảy gôm/ cam; chết nhanh/ hồ tiêu; thối thân xì mù/ sầu riêng; loét sọc mặt cạo/ cao su	BASF Vietnam Co., Ltd.
289	Dimethomorph 10% + Mancozeb 60%	Diman bul 70WP	vàng lá chín sớm/lúa; chết nhanh/hồ tiêu, loét sọc mặt cạo/cao su, mốc sương/khoai tây, sương mai/dưa hấu, xì mù/sầu riêng	Agria SA.
290	Dimethomorph 100g/kg + Mancozeb 600g/kg	Andibat 700WP	Loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
291	Dimethomorph 200g/kg + Ziram 600g/kg	Libero 800WP	Chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Trường Thịnh
292	Diniconazole (min 94%)	Dana - Win 12.5 WP	rỉ sắt/ cà phê, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Danico 12.5WP	rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Nicotex
		Nicozol 12.5WP, 25 SC	25SC: lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, đốm lá/ lạc 12.5WP: lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê, đốm đen/hoa hồng, đốm lá/lạc	Công ty CP Thanh Điền
		Sumi-Eight 12.5 WP	rỉ sắt/ cà phê; lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; phấn trắng/ cao su	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
293	Edifenphos 200g/l + Isoprothiolane 200g/l	Difusan 40 EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
294	Epoxiconazole (min 92%)	Cazyper 125 SC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Opus 75 EC	lem lép hạt, khô vằn/ lúa, đốm lá/ lạc, rỉ sắt/ cà phê, khô vằn/ ngô; đốm đồng tiền/ khoai lang	BASF Vietnam Co., Ltd.
295	Erythromycin 200g/kg + Oxytetracycline 250g/kg	Hope Life 450WP	Đốm sọc vi khuẩn, bạc lá/ lúa; Thối đen/bắp cải, sương mai/cà chua, héo cây con/ dưa hấu	Công ty TNHH An Nông
296	Erythromycin (min 98%) 5g/kg (10g/kg), (15g/kg) + 15g/kg (20g/kg), (25g/kg) Streptomycin sulfate	Apolits 20WP, 30WP, 40WP	20WP: vàng lá, bạc lá, đốm sọc/ lúa 30WP: Bạc lá/lúa, thán thư/lạc, thối nhũn/bắp cải, nám hồng/cam 40WP: bạc lá, vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP Trường Sơn
297	Ethaboxam (min 99.6%)	Danjiri 10 SC	mốc sương/ nho; sương mai/cà chua, dưa chuột, hoa hồng, dưa hấu	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
298	Ethylcin (min 90%)	Galoa 80EC	Bạc lá/ lúa	Công ty CP Enasa Việt Nam
299	Eugenol (min 99%)	Genol 0.3SL, 1.2SL	giả sương mai/ dưa chuột, dưa hấu, cà chua, nhãn, hoa hồng; đạo ôn, khô vằn, vàng lá, lem lép hạt/ lúa; khô vằn/ ngô; đốm	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng

			lá/ thuốc lá, thuốc lào; thối búp/ chè; sẹ/ cam; thán thư/ nho, vải, điều, hồ tiêu; nấm hồng/ cao su, cà phê	Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Lilacter 0.3 SL	khô vằn, bạc lá, tiêm lửa, vàng lá, đạo ôn, thối hạt vi khuẩn/ lúa; héo xanh, mốc xám, giả sương mai/ dưa chuột; mốc xám/ cà pháo, đậu tương, hoa lyly; thán thư/ ớt; thán thư, sương mai/ vải; đốm lá/ na; phấn trắng, thán thư/ xoài, hoa hồng; sẹ/ cam; thối quả/ hồng; thối nồn/ dứa; thối búp/ chè	Công ty TNHH VT NN Phương Đông
		Piano 18EW	đạo ôn, khô vằn, bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thán thư/ xoài; phấn trắng/ nho; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành	Công ty TNHH An Nông
		PN-Linhcide 1.2 EW	khô vằn/ lúa; mốc sương/ cà chua; phấn trắng/ dưa chuột; đốm nâu, đốm xám/ chè; phấn trắng/ hoa hồng	Công ty TNHH Phương Nam, Việt Nam
300	Eugenol 2% + Carvacrol 0.1%	Senly 2.1SL	bạc lá, khô vằn/ lúa; phấn trắng/ bí xanh; giả sương mai/ dưa chuột; sương mai/ cà chua; thán thư/ ớt	Công ty TNHH Trường Thịnh
301	Famodaxone 450g/kg + Hexaconazole 250g/kg	Famozol 700WP	vàng lá chín sớm/ lúa	Công ty TNHH An Nông
302	Fenbuconazole (min 98.7%)	Indar 240F	khô vằn, lem lép hạt, vàng lá/ lúa; thán thư/ xoài	Dow AgroSciences B.V
303	Fenbuconazole 400g/kg + Hexaconazole 200g/kg + Thiophanate methyl 150g/kg	Fenxatyl 750WP	vàng lá chín sớm/ lúa	Công ty TNHH An Nông
304	Fenoxanil (min 95%)	Fendy 25WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH QT Nông nghiệp vàng
		Fenogold 300WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
		Headway 200SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
		Katana 20SC	đạo ôn/ lúa	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
		Kasoto 200SC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
		Sako 25WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Taiyou 20SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
305	Fenoxanil 200g/l, (250g/l), (300g/l) + Hexaconazole 50g/l, (50g/l), (50g/l)	Hutajapane 250SC, 300SC, 350SC	250SC: Đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa 300SC, 350SC: đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
306	Fenoxanil 300g/l +	Xanilzol 500SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh

	Hexaconazole 200g/l			Á Châu
307	Fenoxanil 50g/l + Isoprothiolane 300g/l	Ninja 35EC	đạo ôn/ lúa	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
308	Fenoxanil 100g/l + Isoprothiolane 400g/l	Isoxanil 50EC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
309	Fenoxanil 60g/l + Isoprothiolane 300g/l	Feliso 360EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
310	Fenoxanil 50g/l + Isoprothiolane 400g/l	Credit 450EC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
311	Fenoxanil 250g/kg + Kasugamycin 18g/kg	Feno super 268WP	đạo ôn, đốm sọc vi khuẩn/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
312	Fenoxanil 220g/l (330g/l), (420g/l) + Ningnanmycin 30g/l (70g/l), (80g/l)	Victoryusa 250SC, 400SC, 500SC	250SC, 400SC: Lem lép hạt, đạo ôn/ lúa 500SC: Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
313	Fenoxanil 200g/l + Oxonilic acid 200g/l	Farmer 400SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
314	Fenoxanil 100g/l + Oxolinic acid 100g/l + Tricyclazole 300g/l	Fob 500SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
315	Fenoxanil 100g/l (200g/kg) + Sulfur 300g/l (350g/kg) + Tricyclazole 50g/l (200g/kg)	Kitini super 450SC, 750WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH An Nông
316	Fenoxanil 100g/l (200g/kg) + Tricyclazole 250g/l (500g/kg)	Map Famy 35SC, 700WP	đạo ôn/ lúa	Map Pacific Pte Ltd
317	Fenoxanil 150g/l + Tricyclazole 350g/l	Bixanil 500SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
318	Florfenicol 5g/kg (min 99%) + 15g/kg Kanamycin sulfate	Usaflotil 20WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Trường Sơn
319	Fluacrypyrim (min 95%)	Ang.clean 250SC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
320	Fluazinam (min 95%)	Lk-Chacha 300SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
		TT-amit 500SC	đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
321	Fluazinam 400g/l + Metalaxyl-M 80g/l	Furama 480SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông

322	Fluopicolide (min 97%) 44.4 g/kg + Fosetyl alumilium 666.7 g/kg	Profiler 711.1WG	Sương mai/bấp cải, cà chua, nho; xì mũ/ bưởi; chảy nhựa, xì mũ/cam	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
323	Fluopicolide 62.5 g/l + Propamocarb hydrochloride 625g/l	Infinito 687.5SC	Mốc sương/ cà chua	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
324	Fluopyram 200g/l + Tebuconazole 200g/l	Luna Experience 400SC	Lem lép hạt/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
325	Fluquinconazole (min 97%) 400g/kg + Myclobutanil 100g/kg + Thiophanate methyl 200g/kg	Mycotyl 700WP	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH An Nông
326	Flusilazole (min 92.5 %)	anRUTA 400EC	lem lép hạt, khô vằn, vàng lá do nấm/ lúa, rỉ sắt/ cà	Công ty TNHH An Nông
		Avastar 40EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Hatsang 40 EC	lem lép hạt, vàng lá/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Isonuta 40EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Lion Agrevo
		Nôngiaphúc 400EC	đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Nuzole 40EC	lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/ lúa; rỉ sắt/ cà phê; đốm lá/ đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
327	Flusilazole 100g/l + Propiconazole 300g/l	Novotsc 400EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
328	Flusilazole 50g/kg (25g/l), (30g/kg) + Tebuconazole 250g/kg (100g/l), (500g/kg) + Tricyclazole 200g/kg (400g/l), (250g/kg)	Newthivo 500WP, 525SE, 780WG	500WP, 525SE: đạo ôn/lúa 780WG: lem lép hạt, khô vằn/lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH An Nông
329	Flusulfamide (min 98%)	Nebijin 0.3DP	Bệnh ghẻ/ khoai tây (Xử lý đất)	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
330	Flutriafol (min 95%)	Blockan 25SC	đạo ôn, lem lép hạt /lúa; đốm đen, phấn trắng/ hoa hồng; thán thư/cà phê; phấn trắng, héo đen đầu lá/cao su; đốm lá/lạc; thán thư/ hồ tiêu, ca cao	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Impact 12.5 SC	rỉ sắt/ cà phê; đạo ôn/ lúa	FMC Agricultural Products Interational AG
331	Flutriafol 500g/kg +	Fluxanat 750WP	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH An Nông

	Hexaconazole 150g/kg + Thiophanate methyl 100g/kg			
332	Flutriafol 30% + Tricyclazole 40%	Victodo 70WP	đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Long Hiệp
333	Flutriafol 300 g/kg + Tricyclazole 400 g/kg	Fiwin 700WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Minh Long
334	Folpet (min 90%)	Folcal 50 WP	xì mủ/ cao su	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Folpan 50 WP, 50 SC	50WP: khô vằn, đạo ôn/ lúa, gỉa sương mai/dừa hấu 50SC: khô vằn, đạo ôn/ lúa; thán thư/ xoài; mốc sương/ nho; đốm lá/ hành	Công ty TNHH Adama Việt Nam
335	Fosetyl-aluminium (min 95 %)	Acaete 80WP	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		Agofast 80 WP	chết nhanh/ hồ tiêu, đốm lá/ thuốc lá	Công ty CP Đồng Xanh
		Aliette 80 WP, 800 WG	80WP: Sương mai/ hồ tiêu 800WG: lở cổ rễ, chết nhanh/ hồ tiêu; sương mai/ dừa hấu, cà chua, khoai tây; thối quả, xì mủ/ sầu riêng, ca cao; bạc lá/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Alle 800WG	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Alimet 80WP, 80WG, 90SP	80WP: sương mai/ điều, khoai tây, xoài; chết nhanh/ hồ tiêu; xì mủ/ sầu riêng; mốc sương/ nho; thối nõn/ dừa; chết cây con/ thuốc lá 80WG: mốc sương/ nho, xì mủ/sầu riêng, thối nõn/dừa, chết cây con/thuốc lá, chết nhanh/ hồ tiêu, chết cây con/dừa hấu 90SP: mốc sương/ nho, dừa hấu; chết nhanh/ hồ tiêu; xì mủ/ sầu riêng; đốm lá/ thuốc lá	Công ty CP Kiên Nam
		Alonil 80WP, 800WG	80WP: chết nhanh/ hồ tiêu 800WG: Bạc lá/lúa, chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Nicotex
		Alpine 80 WP, 80WG	80WP: sương mai/ hoa cây cảnh; chết nhanh/ hồ tiêu 80WG: thối rễ/ dừa hấu, chết nhanh/ hồ tiêu, xì mủ/ cam, bạc lá/ lúa, mốc sương/ nho; thối thân xì mủ/ cao su; thối đen/phong lan	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Aluminy 800WG	Bạc lá/lúa, xì mủ/cao su, thối rễ, cam	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến

		ANLIEN - annong 400SC, 800WP, 800WG	400SC, 800WG: chết nhanh/ hồ tiêu 800WP: thối thân/ hồ tiêu	Công ty TNHH An Nông
		Dafostyl 80WP	chết nhanh/ hồ tiêu; sương mai / nho, dưa hấu; xì mủ/ cam	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát
		Dibajet 80WP	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Forliet 80WP	sương mai/ dưa hấu, chết nhanh/ hồ tiêu, xì mủ/ cam, thối quả/ nhãn, cháy lá do vi khuẩn/lúa, nứt thân chảy nhựa/dưa hấu; sọc lá/ngô; loét sọc mặt cạo/ cao su; thối nhũn/gừng; thối nhũn/ bắp cải	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Juliet 80 WP	giả sương mai/ dưa chuột	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Vialphos 80 SP	chết nhanh, thối thân/ hồ tiêu; chảy gôm/ cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
336	Fosetyl-aluminium 25% (8%), (1%) + Mancozeb 45% (72%), (80%)	Binyvil 70WP, 80 WP, 81WP	70WP: lem lép hạt/ lúa 80WP: giả sương mai/ dưa chuột; vàng lá, lem lép hạt/ lúa; thán thư/ xoài 81WP: Mốc xám, sương mai/cà chua	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến.
337	Fosetyl-aluminium 400g/kg + Mancozeb 200g/kg	Anlia 600WG	Chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
338	Fthalide 15% (20%) + Kasugamycin 1.2% (1.2%)	Kasai 16.2 SC, 21.2WP	16.2SC: đạo ôn/ lúa 21.2WP: đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá/ lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
339	Fthalide 200 g/kg + Kasugamycin 20 g/kg	Saicado 220WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ
340	Fugous Proteoglycans	Elcarin 0.5SL	héo xanh/ cà chua, ớt, thuốc lá; thối nhũn/ bắp cải; bạc lá/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
341	Garlic oil 20g/l + Ningnanmycin 30g/l	Lusatex 5SL	bạc lá, lem lép hạt/ lúa; héo rũ, sương mai/ cà chua; xoắn lá/ ớt; phấn trắng/ nho; chết nhanh/ hồ tiêu; hoa lá/ thuốc lá; chết khô/ dưa chuột	Công ty TNHH VT NN Phương Đông
342	Gentamycin sulfate 15g/kg + Ningnanmycin 45g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg	Riazor gold 110WP	Bạc lá do vi khuẩn/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
343	Gentamicin sulfate 2% + Oxytetracycline Hydrochloride 6 %	Avalon 8WP	bạc lá/ lúa, đốm cành/ thanh long, đốm đen xì mủ/ xoài, héo xanh vi khuẩn/ cà chua, loét/ cam; thối quả/thanh long, đốm sọc vi khuẩn/lúa	Công ty TNHH - TM ACP
		Lobo 8WP	Bạc lá, lem lép hạt/ lúa; héo xanh/cà chua; héo xanh vi	Công ty TNHH TM - DV

			khuẩn/ dưa hấu; thối đen gân lá, thối nhũn/bắp cải	Thanh Sơn Hóa Nông
344	Gentamycin sulfate 20g/kg + Oxytetracycline hydrochloride 60g/kg	Antisuper 80WP	bạc lá/ lúa	Công ty CP Điền Thịnh
345	Gentamycin sulfate 20g/kg + Streptomycin sulfate 46.6g/kg	Panta 66.6WP	Bạc lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
346	Hexaconazole (min 85 %)	Acanvinsuper 55SC, 111SC, 200SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
		Aicavil 100SC	Đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Angoldvin 50SC	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Anhvinh 50 SC, 100SC, 150SC, 200SC	50SC: lem lép hạt, vàng lá do nấm/ lúa 100SC: lem lép hạt/ lúa 150SC, 200SC: lem lép hạt, vàng lá/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH US.Chemical
		Annongvin 50SC, 100SC, 150SC, 200SC, 250SC, 300SC, 400SC, 800WG	50SC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê 100SC, 800WG: khô vằn, lem lép hạt, vàng lá/ lúa; rỉ sắt/ cà phê 150SC, 300SC: lem lép hạt, vàng lá/ lúa; thán thư/ xoài; rỉ sắt/ cà phê 200SC, 400SC: lem lép hạt, vàng lá/ lúa; thán thư/ xoài; nấm hồng/ cà phê 250SC: lem lép hạt, vàng lá/ lúa; thán thư/ xoài; nấm hồng/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Amwilusa 50SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Anvil® 5SC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt, nấm hồng, đốm vòng/ cà phê; đốm lá/ lạc; khô vằn/ ngô; phấn trắng, đốm đen, rỉ sắt/ hoa hồng; lở cổ rễ/ thuốc lá; phấn trắng, vàng lá, nấm hồng/cao su	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Anwinnong 50SC, 100SC	50SC: thán thư/ xoài; lem lép hạt, khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê 100SC: rỉ sắt/ cà phê; thán thư/ xoài, vôi; lem lép hạt, vàng lá/ lúa	Công ty TNHH MTV Us Agro
		Atulvil 5SC, 5.55SC, 10EC	5SC: rỉ sắt/ cà phê; nấm hồng/ cao su; đốm lá/ lạc; khô vằn, lem lép hạt/ lúa 10EC: lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Thanh Điền

	5.55SC: khô vằn/ lúa	
Avil-cali 100SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Cali Agritech
A-V-T Vil 5SC, 10SC, 50SC	10SC, 50SC: Khô vằn/ lúa 5SC: Lem lép hạt, khô vằn, đạo ôn/ lúa; đốm lá/lạc; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH Việt Thắng
Awin 100SC	Khô vằn, lem lép hạt/ lúa; vàng rụng lá/cao su, rỉ sắt, nấm hồng/ cà phê; thán thư/ điều	Công ty TNHH TM Thái Phong
Best-Harvest 5SC, 15SC	5SC: khô vằn/ lúa 15SC: Rỉ sắt/ cà phê, khô vằn/lúa	Sundat (S) Pte Ltd
Bioride 50SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
Callihex 5 SC	khô vằn, vàng lá/ lúa; đốm lá/ lạc; thán thư/ điều; rỉ sắt/ đậu tương, cà phê	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
Centervin 50SC, 100SC, 200SC	50SC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa; nấm hồng/ cao su; đốm lá/ lạc 100SC, 200SC: lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
Chevin 5SC, 10SC, 40WG	5SC: Vàng rụng lá/ cao su; khô vằn, lem lép hạt/ lúa; rỉ sắt/ cà phê 10SC: Khô vằn/lúa 40WG: Khô vằn, lem lép hạt/ lúa; phấn trắng/dưa hấu	Công ty CP Nicotex
Convil 10EC, 10SC	10EC: Thán thư/ điều, khô vằn/ lúa 10SC: Rỉ sắt/ cà phê, lem lép hạt/ lúa, thán thư/ xoài	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
Dibazole 5SC, 10SL	5SC: khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; rỉ sắt/ cà phê, khô vằn/ ngô; đốm lá/ lạc, lở cổ rễ/ bầu bí, vàng rụng lá/cao su 10SL: lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; rỉ sắt, đốm vòng/ cà phê; rỉ sắt/ hoa hồng; lở cổ rễ/ bầu bí; đốm lá/ lạc, đốm mắt cua/ cà phê, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Doctor 5ME, 5SC	5ME: khô vằn/ lúa 5SC: Lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
Dovil 5SC, 10SC	5SC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa 10SC: khô vằn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
Evitin 50SC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
Forwavi 5SC	khô vằn/ lúa	Forward International Ltd
Fulvin 5SC, 10SC	5SC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa; thán thư/ điều; phấn trắng/ cao su; rỉ sắt/ hoa hồng, gỉ sắt, khô cành/cà phê; vàng rụng lá/ cao su, nấm hồng/ cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành

	10SC: lem lép hạt/ lúa	
Goldvil 50SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
Hakivil 5SC	Khô vằn/lúa	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
Hanovil 5SC, 10SC	5SC: khô vằn, lem lép hạt/lúa; rỉ sắt/cà phê, vàng rụng lá/ cao su 10SC: thán thư/ điều; nấm hồng/ cao su; lem lép hạt/ lúa; khô vằn/ ngô; rỉ sắt/ đậu tương	Công ty CP Nông nghiệp HP
Hecwin 5SC, 550WP	5SC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa; nấm hồng, phấn trắng, vàng rụng lá/cao su; rỉ sắt, nấm hồng/cà phê 550WP: khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH ADC
Hexathai 50SC, 100SC	50SC: Lem lép hạt, khô vằn/lúa 100SC: Gỉ sắt/cà phê, lem lép hạt/lúa, vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
Hexin 5SC	vàng lá, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
Hexavil 5SC, 6SC, 8SC	5SC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa; thán thư/cà phê 6SC: khô vằn/ lúa, rỉ sắt/cà phê, vàng rụng lá/cao su 8SC: lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
Hosavil 5SC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa, đốm lá/ lạc, thán thư/ điều, rỉ sắt/ cà phê, vàng rụng lá/ cao su	Công ty CP Hóc Môn
Huivil 5SC	Khô vằn, lem lép hạt, vàng lá chín sớm/lúa; nấm hồng/cao su, gỉ sắt/cà phê	Huikwang Corporation
Indiavil 5SC	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; thán thư/ điều, xoài; rỉ sắt/ cà phê, nấm hồng/ cao su, đốm lá/ lạc; vàng rụng lá/ cao su	Công ty CP Đồng Xanh
Japa vil 50SC, 110SC	50SC: đạo ôn/lúa 110SC: lem lép hạt	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú
JAVI Vil 50SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
Jiavin 5 SC	khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, thán thư/ điều, nấm hồng/ cao su	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Joara 5SC	khô vằn/ lúa	FarmHannong Co., Ltd.
Lervil 50SC, 75SC, 100SC, 250SC	50SC: khô vằn/ lúa; phấn trắng/ xoài; sương mai, phấn trắng/ nho 75SC, 100SC, 250SC: Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Longanvin 5SC	Khô vằn / lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An

		Mainex 50SC	Khô vằn, lem lép hạt/lúa; nấm hồng/ cà phê; phần trắng, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Mekongvil 5SC	Khô vằn/ lúa	Công ty TNHH P - H
		Newvil 5SC	lem lép hạt/ lúa	Cali – Parimex Inc.
		Saizole 5SC	phần trắng/ nhỏ; nấm hồng/ cao su, cà phê; đốm lá/ lạc; lem lép hạt, khô vằn/ lúa; chết cây con/cà rốt; vàng rụng lá/cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		TB-hexa 5SC	Phần trắng/cao su; lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty TNHH SX-TM Tô Ba
		Tecvil 50SC, 100SC	50SC: Lem lép hạt/lúa, gỉ sắt/cà phê, phần trắng/ chôm chôm 100SC: Lem lép hạt/lúa, vàng rụng lá/cao su, phần trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Kiên Nam
		Thonvil 5SC, 100SC, 200SC, 250SC, 300SC, 400SC	5SC: thán thư, gỉ sắt/cà phê; lem lép hạt/ lúa 200SC, 250SC, 300SC, 400SC: lem lép hạt/ lúa 100SC: khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Topvil 50SC, 111SC	50SC: rỉ sắt/ cà phê, vàng rụng lá/ cao su 111SC: lem lép hạt/ lúa, nấm hồng/cao su, thán thư/cà phê	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Tungvil 5SC, 10SC	5SC: lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/ lúa; đốm lá/ đậu tương; rỉ sắt, nấm hồng, thán thư/ cà phê; lở cổ rễ/ thuốc lá; nấm hồng/ cao su; đốm đen/ hoa hồng; thán thư/ điều 10SC: lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê, nấm hồng/ cao su, thán thư/ điều	Công ty CP SX -TM & DV Ngọc Tùng
		Tvil TSC 50SC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
		Uni-hexma 5SC	Khô vằn/lúa, nấm hồng/ cao su, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Vilmax 50SC	Vàng rụng lá/cao su, lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Vivil 5SC, 100SC	5SC: Vàng lá chín sớm, lem lép hạt, khô vằn/ lúa; vàng rụng lá/ cao su; rỉ sắt, thối quả/ cà phê; thán thư/ điều; rỉ sắt/nhỏ; đốm lá/lạc, phần trắng/ xoài 100SC: lem lép hạt, khô vằn/ lúa, vàng rụng lá/ cao su, nấm hồng/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
347	Hexaconazole 85g/l, (95g/l), (105g/l), 50g/l (75g/l) + Isoprothiolane 115g/l (155g/l), (195g/l), 50g/l (75g/l)	Thontrangvil 200SC, 250SC, 300SC, 100SC, 150SC	100SC: khô vằn/lúa 200SC, 250SC, 300SC, 150SC: Lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
348	Hexaconazole 5% + Isoprothiolane 40%	Starmonas 45WP	Đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng

349	Hexaconazole 30g/l (30g/l), (30g/l), (20g/kg), (30g/kg) + Isoprothiolane 250g/l (270g/l), (300g/l), (320g/kg), (420g/kg) + Tricyclazole 220g/l (250g/l), (270g/l), (460g/kg), (400g/kg)	Bibiusamy 500SC, 550SC, 600SC, 800WP, 850WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
350	Hexaconazole 32 g/kg + Isoprothiolane 350g/kg + Tricyclazole 440g/kg	Nofada 822WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
351	Hexaconazole 30g/kg + Isoprothiolane 420g/kg + Tricyclazole 410g/kg	Camel 860WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
352	Hexaconazole 5% + Isoprothiolane 35% + Tricyclazole 40%	Beansuperusa 80WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
353	Hexaconazole 3% + Isoprothiolane 43% + Tricyclazole 40%	Citymyusa 86WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH MTV DV TM Đăng Vũ
354	Hexaconazole 5% (50g/l) + Kasugamycin 3% (30g/l) + Tricyclazole 72% (360g/l)	Lany super 80WP, 440SC	80WP: đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá, vàng lá/ lúa 440SC: lem lép hạt, thối thân lúa, đạo ôn/ lúa; loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
355	Hexaconazole 40g/l + Metconazole 60g/l	Workplay 100SL	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
356	Hexaconazole 320g/kg + Myclobutanil 380g/kg	Centerbig 700WP	đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH SX & XK Bày Tay Việt
357	Hexaconazole 240g/kg + Myclobutanil 290g/kg + Thiophanate methyl 247g/kg	Usagold 777WP	khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
358	Hexaconazole 62 g/kg + Propineb 615 g/kg	Shut 677WP	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; rỉ sắt, nấm hồng/cà phê; phấn trắng, nấm hồng, vàng rụng lá/cao su; đốm nâu/ thanh long	Công ty TNHH ADC
		Hd-Casu 677WP	vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
359	Hexaconazole 75g/kg + Propineb 630g/kg	Passcan 705WP	vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
360	Hexaconazole 50g/kg +	Sieubem super 555WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế

	Propiconazole 150g/kg + Tricyclazole 355g/kg			Hòa Bình
361	Hexaconazole 35g/l (50g/l), (550g/kg) + Sulfur 20g/l (49.9g/l), (100g/kg)	Galirex 55SC, 99.9SC, 650WP	55SC: Khô vằn/ lúa 99.9SC: Gỉ sắt/cà phê, khô vằn/ lúa 650WP: Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Thành
362	Hexaconazole 50g/l (100g/l), (5g/l), (10g/kg), (20g/kg) + Sulfur 20g/l (30g/l), (20g/l), (450g/kg), (100g/kg) + Tricyclazole 10g/l (10g/l), (395g/l), (50g/kg), (680 g/kg)	Grandgold 80SC, 140SC, 420SC, 510WP, 800WP	80SC, 140SC: Khô vằn/ lúa 420SC: Lem lép hạt, đạo ôn/lúa; rỉ sắt/cà phê 510WP, 800WP: Đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
363	Hexaconazole 50g/l + Tebuconazole 250g/l	Tezole super 300SC	Khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Ô tô Việt Thắng
364	Hexaconazole 50g/kg (25g/l), (30g/kg) + Tebuconazole 250g/kg (100g/l), (500g/kg) + Tricyclazole 200g/kg (400g/l), (250g/kg)	Vatino super 500WP, 525SE, 780WG	500WP: Khô vằn/lúa 525SE: Lem lép hạt, đạo ôn, vàng lá/ lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa 780WG: Vàng lá, lem lép hạt/ lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Công ty TNHH An Nông
365	Hexaconazole 50g/kg + Tebuconazole 500g/kg + Tricyclazole 250g/kg	Centernova 800WG	vàng lá/ lúa	Công ty TNHH SX & XK Bàn Tay Việt
366	Hexaconazole 100g/kg + Tebuconazole 400g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg	Natoyo 750WG	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
367	Hexaconazole 250g/l (500g/kg) + Thiophanate methyl 200g/l (280g/kg)	Anhteen super 450SC, 780WP	450SC: vàng lá/ lúa 780WP: Lem lép hạt/lúa, đốm lá/đậu xanh, khô vằn/lúa; vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH An Nông
368	Hexaconazole 30g/l + Tricyclazole 220g/l	Bimvin 250SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Dohazol 250SC	khô vằn/lúa	Công ty CP KT Dohaledusa
		Forvilnew 250 SC	đạo ôn, đốm vằn/ lúa; rỉ sắt/ đậu tương, cà phê; đốm lá/ lạc, đậu tương; thán thư/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Hextric 250SC	đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Sun-hex-tric 25SC	đạo ôn/ lúa, rỉ sắt/ lạc, thán thư/ điều	Sundat (S) Pte Ltd

		Westminster 250SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
369	Hexaconazole 50 g/l + Tricyclazole 200g/l	Beamvil-super 250SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH BVTV Khanh Vy
		Lashsuper 250SC	đạo ôn, khô vằn/ lúa; héo đen đầu lá/ cao su; rỉ sắt, thán thư /cà phê, thán thư /điều; vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH - TM Tân Thành
370	Hexaconazole 30g/l (40g/l), (35g/kg) + Tricyclazole 220g/l (239g/l), (770g/kg)	King-cide 250SC, 279SC, 805WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
371	Hexaconazole 30g/l (100g/l), (57g/kg) + Tricyclazole 220g/l (425g/l), (700g/kg)	Siukalin 250SC, 525SE, 757WP	250SC: khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa 525SE, 757WP: đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH An Nông
372	Hexaconazole 30g/l + Tricyclazole 250g/l	Co-trihex 280SC	Đạo ôn/lúa, thán thư/ cà phê	Công ty TNHH Baconco
		Donomyl 280SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
373	Hexaconazole 50g/l + Tricyclazole 250g/l	Amilan 300SC	Đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; nấm hồng, rỉ sắt/ cà phê; thán thư/ điều; đốm lá/lạc	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		HD-pingo 300SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
		Hexalazole 300SC	Khô vằn, đạo ôn/lúa; rỉ sắt, thán thư/ cà phê; héo đen đầu lá/ cao su; thán thư/điều, đốm lá/lạc	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		Newtec® 300SC	Khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt /lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Trivin 300SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
374	Hexaconazole 47g/l (100g/l), (50g/l), (80g/l), + Tricyclazole 3g/l (300g/l), (200g/l), (220g/l)	Avinduc 50SC, 400SC, 250SC, 300SC	50SC: lem lép hạt, khô vằn/ lúa; phấn trắng/cao su, vàng rụng lá/cao su 250SC: lem lép hạt, khô vằn/lúa; vàng rụng lá/cao su 300SC: khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa 400SC: đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
375	Hexaconazole 125 g/l + Tricyclazole 400g/l	Marx 525SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Điện bàn
376	Hexaconazole 100g/l + Tricyclazole 425g/l	Natofull 525SE	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hoá nông Mê Kông
377	Hexaconazole 30g/l (30g/kg), (30g/l) +	Perevil 300SC, 800WP, 500SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

	Tricyclazole 270g/l (770g/kg), (470g/l)			
378	Hexaconazole 30g/kg + Tricyclazole 670g/kg	Trihexad 700WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Bình Điền Mê Kông
379	Hexaconazole 20g/l + Tricyclazole 800g/l	Newgold 820SC	vàng lá chín sớm/ lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
380	Imibenconazole (min 98.3 %)	Manage 5 WP, 15WP	5WP: phòng lá/ chè; rỉ sắt/ đậu tương; thán thư/ vải, xoài; đốm đen/ hoa hồng; phấn trắng/ dưa chuột, dưa hấu, hoa hồng, nho; vàng lá/ lúa 15WP: rỉ sắt, đốm lá/ lạc; rỉ sắt/ đậu xanh	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
381	Iminoctadine (min 93%)	Bellkute 40 WP	phấn trắng/ hoa hồng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
382	Iprobenfos (min 94%)	Kisaigon 10 GR, 50 EC	10GR: đạo ôn, thối thân/ lúa 50EC: khô vằn, đạo ôn/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Kitatigi 5GR, 10GR, 50EC	5GR, 10GR: đạo ôn/ lúa 50EC: đạo ôn, thối thân/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Tipozin 10GR, 50 EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Vikita 10 GR, 50 EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
383	Iprobenfos 20 % + Isoprothiolane 20%	Vifuki 40 EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
384	Iprobenfos 30% (10g/l), (10g/kg)+ Isoprothiolane 15% (390g/l), (390g/kg)	Afumin 45 EC, 400EC, 400WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
385	Iprobenfos 10% (400g/kg) + Tricyclazole 10% (400g/kg)	Dacbi 20WP, 800WP	20WP: khô vằn/ lúa 800WP: đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hạt giống HANA
386	Iprobenfos 14% + Tricyclazole 6%	Lúa vàng 20WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
387	Iprobenfos 25g/kg (100g/kg), (88g/kg) + Tricyclazole 500g/kg (750g/kg), (800g/kg)	Superbem 750WP, 850WP, 888WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
388	Iprodione (min 96 %)	Citione 350SC, 500WP, 700WG	350SC, 500WP: lem lép hạt/ lúa 700WG: khô vằn/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Doroval 50 WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An

		Givral 500WP	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Hạt chắc 50WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Hạt vàng 50 WP, 250SC	50WP: lem lép hạt/ lúa 250SC: lem lép hạt/ lúa, đốm quả/ nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Matador 750WG	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh Rê
		Niforan 50WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Prota 50 WP, 750 WG	50WP: lem lép hạt, vàng lá, khô vằn/ lúa; héo vàng/ đậu tương 750WG: lem lép hạt, khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Prozalthai 500SC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Rora 750WP	lem lép hạt, khô vằn/ lúa; đốm lá/ đậu tương; thán thư/ điều, hồ tiêu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Rorang 50WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH - TM ACP
		Rovannong 50WP, 250SC, 750 WG	50WP: khô vằn/ lúa 250SC, 750WG: lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Royal 350 SC, 350 WP	lem lép hạt, khô vằn/ lúa.	Công ty TNHH TM – DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Rovral 50 WP, 750WG	50WP: lem lép hạt/ lúa; đốm lá/ cà chua, dưa hấu, bắp cải, lạc; thán thư/ cà phê 750WG: đốm lá/ lạc, cà phê; lem lép hạt, khô vằn/ lúa	FMC Agricultural Products Interational AG
		Tilral 500 WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Viroval 50 WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Zoralmy 50WP, 250SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
389	Iprodione 200g/l, (50g/kg), (251g/kg), (400g/kg), (10g/kg) + Sulfur 300g/l, (500g/kg), (251g/kg) (350g/kg), (800g/kg)	Rollone 500SC, 550WP, 502WP, 750WP, 810WP	500SC, 550WP, 502WP, 750WP: lem lép hạt/ lúa 810WP: vàng lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
390	Iprodione 50g/kg +	Bemgold	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao

	Tricyclazole 700g/kg	750WP		Thuốc BVTV USA
391	Iprodione 350g/kg + Zineb 250g/kg	Bigrorpran 600WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
392	Isoprothiolane (min 96 %)	Aco one 400EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Anfuan 40EC, 40WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Dojione 40 EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Fuan 40 EC	đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Fuannong 400EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
		Fu-army 30 WP, 40 EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Fujiduc 450EC, 400EC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Fuji-One 40 EC, 40WP	đạo ôn/ lúa	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
		Fujy New 40 EC, 400 WP, 450EC, 470EC, 500EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
		Fuel - One 40EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Funhat 40EC, 40WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Futrangone 40EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Fuzin 400 EC, 400 WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Iso one 40EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Jia-Jione 40EC, 400WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Kara-one 400EC, 400WP	đạo ôn/ lúa	Eastchem Co., Ltd.
		Lumix 40EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
		One - Over 40 EC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH XNK QT SARA
		Vifusi 40 EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
393	Isoprothiolane 40% + Kasugamycin 2%	Fukasu 42WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng

394	Isoprothiolane 235g/kg (230g/kg) + Kasugamycin 15g/kg (20g/kg) + Tricyclazole 400g/kg (550g/kg)	Topzole 650WP, 800WG	650WP: Đạo ôn/lúa 800WG: đạo ôn, vàng lá chín sớm/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
395	Isoprothiolane 50g/l + Propiconazole 250g/l	Tung super 300EC	lem lép hạt/ lúa; đốm lá, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
396	Isoprothiolane 200g/l + Propiconazole 150g/l	Tilred Super 350EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Hóa nông Mỹ Việt Đức
397	Isoprothiolane 150g/l + Propiconazole 100g/l + Tricyclazole 350g/l	Tinanosuper 600SE	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
398	Isoprothiolane 10.5g/l (421g/l) (100g/kg), (10g/kg) (1g/kg), (1g/kg) + Propineb 4.5g/l (5g/l) (150g/kg), (55g/kg), (710g/kg), (50g/kg) + Tricyclazole 400g/l (5g/l) (400g/kg), (150g/kg), (10g/kg), (760g/kg)	Eifelgold 415SC, 431EC, 650WP, 215WP, 721WP, 811WP	415SC, 431EC, 650WP, 215WP, 811WP: Đạo ôn/lúa 721WP: mốc sương/ khoai tây	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
399	Isoprothiolane 40% + Sulfur 3%	Tung One 430 EC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
400	Isoprothiolane 400g/l (250g/kg) + Sulfur 50g/l (400g/kg)	Puvertin 450EC, 650WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Thành
401	Isoprothiolane 250g/kg + Sulfur 350g/kg + Tricyclazole 200.8g/kg	Bimmy 800.8WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
402	Isoprothiolane 405g/l (0.5g/), (10g/kg), (300g/kg), (10g/kg) + Sulfur 19.5g/l (20g/l), (400g/kg), (200g/kg), (55g/kg) + Tricyclazole 0.5g/l (400.5g/l), (55g/kg), (300g/kg), (755g/kg)	Ricegold 425SC, 421SC, 465WP, 800WP, 820WP	425SC: Đạo ôn, lem lép hạt/lúa 421SC, 465WP, 800WP, 820WP: Đạo ôn/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
403	Isoprothiolane 400g/l + Tebuconazole 150g/l	Gold-buffalo 550EC	Khô vằn, đạo ôn/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
404	Isoprothionale 400g/kg +	Kachiusa	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông

	Thiophanate Methyl 100g/kg + Tricyclazole 200g/kg	700WP		
405	Isoprothiolane 250g/kg (10g/kg) + Tricyclazole 400g/kg (800g/kg)	Citiusa 650WP, 810WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Lan Anh
406	Isoprothiolane 400g/kg (250g/kg) + Tricyclazole 250 g/kg (618g/kg)	Trizim 650WP, 868WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH vật tư BVTV Phương Mai
407	Isoprothiolane 250g/kg + Tricyclazole 400g/kg	Downy 650WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH BMC
408	Isoprothiolane 250g/kg + Tricyclazole 450g/kg	Bulny 700WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
409	Tricyclazole 400g/kg + Isoprothiolane 300g/kg	Tripro-HB 700WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
410	Isoprothiolane 18g/kg (266g/kg), (460g/kg)+ Tricyclazole 30g/kg (400g/kg), (400g/kg)	NP G6 4.8GR, 666WP, 860WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
411	Isoprothiolane 30% + Tricyclazole 40%	Triosuper 70WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
412	Isoprothiolane 400g/kg (250g/kg), (400g/kg) + Tricyclazole 200g/kg (400g/kg), (400g/kg)	Bump 600WP, 650WP, 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH ADC
413	Isoprothionale 400g/kg (200g/l) + Tricyclazole 250g/kg (325g/l)	Bom-annong 525SE, 650WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
414	Isoprothiolane 300g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Newtinano super 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
415	Isoprothiolane 400g/kg + Tricyclazole 400g/kg	Acfubim 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
		Bim 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Fireman 800WP	Cháy lá/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Trifuaic 800WP	Đạo ôn/Lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC

416	Isoprothiolane 375g/kg + Tricyclazole 375g/kg	Bimson 750WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM Tùng Dương
417	Isoprothiolane 320g/kg + Tricyclazole 530g/kg	Bulny 850WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
418	Isoprothiolane 250g/kg (400g/kg) + Tricyclazole 400 g/kg (400g/kg)	Ka-bum 650WP, 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
419	Isoprothiolane 350g/kg + Tricyclazole 400g/kg	Bim-fu 750WG	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
420	Iprovalicarb 55 g/kg + Propineb 612.5g/kg	Interest 667.5WP	Thán thư/xoài	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
		Melody duo 66.75WP	mốc sương/ nho, dưa hấu, cà chua, dâu tây; sương mai/ hành, hoa hồng, rau cải; thán thư/ ớt; sương mai, thán thư/ vải	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
421	Kanamycin sulfate (min 98%)	Marolyn 10WP	khô vằn/lúa, rỉ sắt, thán thư/lạc, thối nhũn/bắp cải	Công ty CP Trường Sơn
422	Kasugamycin (min 70%)	Asana 2SL	đạo ôn, khô vằn, bạc lá/ lúa; thối nhũn/ bắp cải, cải xanh; héo xanh/ cà chua; sọc/ cam; thối quả/ nhãn, xoài, sầu riêng, vải	Công ty TNHH SX TM Tô Ba
		Bactecide 20SL, 60WP	bạc lá, đạo ôn/ lúa; thán thư/ ớt; phần trắng/ bầu bí	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Bisomin 2SL, 6WP	2SL: đạo ôn, bạc lá/ lúa; thán thư, sọc/ cam, quýt; thán thư, thối quả/ vải, nhãn, xoài; héo rũ, lở cổ rễ/ cà chua, bắp cải; thối quả, phần trắng/ nho 6WP: đạo ôn, bạc lá/ lúa; phần trắng/ nho	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Calistar 20SC, 25WP	20SC: đạo ôn/ lúa 25WP: lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Chay bia la 2SL	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Citimycin 20SL	đạo ôn, bạc lá/ lúa	Eastchem Co., Ltd.
		Fujimin 20SL, 50WP	đạo ôn, đốm sọc, bạc lá/ lúa; chết ẻo cây con/ cà chua, đậu trạch, bí xanh, dưa chuột.	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Fukmin 20 SL	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Golcol 20SL, 50WP	đạo ôn, đốm sọc, bạc lá/ lúa; chết ẻo cây con/ cà chua, đậu trạch, bí xanh, dưa chuột.	Công ty Cổ phần Nông dược Việt Nam
		Goldkamin 20SL, 30 SL	đạo ôn, bạc lá/ lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành; thán thư /xoài	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Grahitech	đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thối nhũn/ bắp cải, hành; lở	Công ty TNHH Sản phẩm

2SL, 4SL, 4WP	cổ rễ/ thuốc lá, dừa chuột, dừa hấu, cà chua; bệnh sẹo/ cam; thán thư/ vải, xoài	Công nghệ cao
JAVI Min 20SL, 60WP	20SL: lem lép hạt/ lúa 60WP: đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
Kagomi 3SL	Đạo ôn, bạc lá vi khuẩn/lúa; thối nhũn vi khuẩn/ bắp cải; loét/cam	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
Kamycinjapane 20SL, 60WP, 80WP	20SL: Khô vằn/ lúa 60WP: bạc lá/ lúa 80WP: đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất & TM Trần Vũ
Kamsu 2SL, 4SL, 8WP	2SL, 4SL, 8WP: đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thối nhũn do vi khuẩn/ hành, bắp cải; lở cổ rễ/ cà chua, dừa chuột, dừa hấu, thuốc lá, thuốc Lào; sẹo/ cam; thán thư/ vải, nhãn, xoài, nho, điều, hồ tiêu. 4SL: Héo xanh/ cà pháo, mướp, cà tím; lở cổ rễ/ rau cải; thối nhũn / su hào, cải thảo, súp lơ	Công ty TNHH Việt Thắng
Karide 2SL, 3SL, 6WP	2SL: đạo ôn, bạc lá/ lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành 3SL, 6WP: đạo ôn, bạc lá /lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành; thán thư /xoài; phấn trắng/ nho	Công ty TNHH An Nông
Kasuduc 3SL, 18SL, 20SL, 22SL, 60WP, 50WP, 80WP, 100WP	3SL, 50WP: Bạc lá/lúa 22SL, 60WP, 80WP: đạo ôn/ lúa 18SL, 20SL, 100WP: đạo ôn, bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
Kasugacin 2 SL, 3 SL	2SL: lở cổ rễ/ bắp cải 3SL: khô vằn, đạo ôn/ lúa; sương mai/ dừa chuột	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
Kasumin 2 SL	đạo ôn, đốm sọc, bạc lá, đen lép hạt do vi khuẩn/ lúa; thối vi khuẩn/ rau, bắp cải; ung thư/ cam; đốm lá/ lạc	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
Kasustar 15SC, 62WP	15SC : vàng lá/ lúa 62WP: lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ
Kata 2 SL	đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thối nhũn/ bắp cải; đốm lá/ lạc; bệnh loét/ cam	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Katamin 3SL	Đạo ôn, bạc lá/lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
Kminstar 20SL, 60WP	đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; sẹo/ cam; thối vi khuẩn/ bắp cải; thối quả/ vải, xoài	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
Fortamin 2 SL, 3SL, 6WP	2SL: đạo ôn, đốm nâu, bạc lá/ lúa; đốm lá/ dừa chuột; thán thư/ dừa hấu, xoài; thối nhũn/ bắp cải; sẹo/ cam 3SL, 6WP: đạo ôn, đốm nâu, bạc lá/ lúa; phấn trắng/ dừa chuột; thối nhũn/ bắp cải; thán thư/ xoài; sẹo/ cam	Công ty TNHH Phú Nông

		Newkaride 2 SL, 3SL, 6WP	2SL: đạo ôn, bạc lá/ lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành 3SL, 6WP: đạo ôn, bạc lá/ lúa; thối đen/ bắp cải; thối nhũn/ hành; thán thư/ xoài; <u>phân trắng/ nho</u>	Công ty TNHH US.Chemical
		Tabla 20 SL	bạc lá, đạo ôn/ lúa; thối nhũn/ bắp cải	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Trasuminjapane 2SL, 3SL, 8WP	đạo ôn, bạc lá, khô vằn, đốm nâu/ lúa; thối nhũn/ bắp cải; đốm lá/ dưa chuột; thán thư/ dưa hấu, xoài; loét sọc vi khuẩn/ cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Saipan 2 SL	đạo ôn, bạc lá/lúa, thối nhũn/bắp cải, loét/cam	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Usakacin 6WP, 30SL	6WP: Đạo ôn/ lúa 30SL: Bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
423	Kasugamycin 20 g/kg + Isoprothiolane 180g/kg + Tricyclazole 650 g/kg	Tranbemusa 850WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
424	Kasugamycin 2g/l + Ningnanmycin 40g/l	Kamilaic 42SL	Đốm lá/ hành	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
425	Kasugamycin 20 g/kg (40g/kg) + Ningnanmycin 48g/kg (100g/kg)	No-vaba 68WP, 100WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
426	Kasugamycin 2g/l (2g/kg) (2g/l) + Ningnanmycin 38g/l (48g/kg), (78g/l)	Linacin 40SL, 50WP, 80SL	40SL, 80SL: Vàng lá, bạc lá/lúa 50WP: Bạc lá/ lúa	Công ty CP nông dược Việt Nam
427	Kasugamycin 25g/l (30g/l), (50g/kg) + Ningnanmycin 25g/l (40g/l), (60g/kg)	Chobits 50SL, 70SL, 110WP	50SL, 70SL: lem lép hạt/ lúa 110WP: Lem lép hạt, đốm sọc vi khuẩn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
428	Kasugamycin 20 g/l (40g/l) + Ningnanmycin 20g/l (40g/l)	Parisa 40SL, 80SL	40SL: Thối nhũn/ bắp cải 80SL: Bạc lá/lúa	Công ty CP CN Hoá chất Nhật Bản Kasuta
429	Kasugamycin 10g/l (15g/l) + Ningnanmycin 65g/l (85g/l)	Kamycinusa 75SL, 100SL	75SL: khô vằn/lúa; nấm hồng/cao su 100SL: thán thư/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
430	Kasugamycin 5g/kg (5g/l), (20g/kg) + Ningnanmycin 40.9g/kg (41.9g/l), (50.9g/kg) + Polyoxin B 0.1g/kg (0.1g/l), (0.1g/kg)	Gallegold 46WP, 47SL, 71WP	thán thư/ vải, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
431	Kasugamycin 10g/kg (10g/l)	Famycinusa	bạc lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và

	+ Ningnanmycin 40g/kg (40g/l) + Streptomycin sulfate 50g/kg (100g/l)	100WP, 150SL		TM Trần Vũ
432	Kasugamycin 9g/l (19g/l), (1g/kg), (1g/l), (59 g/kg) + Polyoxin 1g/l (1g/l), (19g/kg), (20g/l), (1g/kg)	Starsuper 10SC, 20SL, 20WP, 21SL, 60WP	10SC, 20SL, 20WP, 21SL, 60WP: đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt, bạc lá/ lúa; sẹo/ cam; thối quả/ vải, xoài; sương mai/ cà chua 20WP: phòng lá/chè, héo xanh/dưa chuột	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
433	Kasugamycin 15g/l (20g/kg) + Polyoxin 2g/l (2g/kg)	Kaminone 17SL, 22WP	Thán thư quả/vải	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ
434	Kasugamycin 1g/l (1g/kg) + Polyoxin B 21g/l (22g/kg)	Yomisuper 22SC, 23WP	22SC: Lem lép hạt, đạo ôn/lúa 23WP: thán thư/ vải, phòng lá/ chè, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
435	Kasugamycin 18g/kg (2g/kg) + Streptomycin 2g/kg (38g/kg)	Sunner 20WP, 40WP	20WP: đạo ôn/ lúa 40WP: bạc lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
436	Kasugamycin 10g/kg + Steptomycin sulfate 40g/kg	Navara 50WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
437	Kasugamycin 12g/kg (20g/kg) + Streptomycin sulfate 58g/kg (80g/kg)	Amigol-lux 70WP, 100WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
438	Kasugamycin 20g/kg (50g/kg) + Streptomycin sulfate 50g/kg (50 g/kg)	Teptop 70WG, 100WP	70WG: Vàng lá chín sớm/lúa 100WP: Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
439	Kasugamycin 5g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg	Novinano 55WP	Bạc lá/lúa, héo xanh/cà chua	Công ty CP Nông Việt
440	Kasugamycin 1g/kg + Streptomycin sulfate 100g/kg	Teamgold 101WP	bạc lá/ lúa; lở cổ rễ/bấp cải; héo xanh vi khuẩn/cà chua, thán thư/ớt, thối nhũn/hành	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
441	Kasugamycin 15g/kg + Streptomycin sulfate 170g/kg	Gamycinusa 185WP	Bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
442	Kasugamycin 20g/kg + Tricyclazole 300 g/kg	Bingle 320WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
443	Kasugamycin 77g/kg + Tricyclazole 700g/kg	Javizole 777WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
444	Kasugamycin 12g/kg + Tricyclazole 250g/kg	Bemsai 262 WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

445	Kasugamycin 1.2% (1.2%) + Tricyclazole 20% (48.8%)	Kansui 21.2WP, 50WP	21.2WP: khô vằn /lúa 21.2WP, 50WP: Lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
446	Kasugamycin 2% + Tricyclazole 28%	Kabim 30WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
447	Kasugamycin 19 g/l (10g/kg) + Tricyclazole 11 g/l (240g/kg)	Ankamycin 30SL, 250WP	30SL: bạc lá/ lúa 250WP: đạo ôn/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
448	Kasugamycin 2% + Tricyclazole 29%	Hibim 31WP	đạo ôn, bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
449	Kasugamycin 2% + Tricyclazole 30%	Unitil 32WP, 32WG	32WP: đạo ôn, bạc lá/ lúa 32WG: đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
450	Kasugamycin 2% + Tricyclazole 48%	Daiwantocin 50WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Futai
451	Kasugamycin 10 g/kg + Tricyclazole 790g/kg	Bibojapane 800WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
452	Kasugamycin 10g/l (15g/l), (18g/l) (20g/l), (10g/kg), (20g/l), (20g/kg), (20g/kg), (30g/kg) +Tricyclazole 210g/l, (285g/l), (382g/l), (420g/l), (440g/kg), (480g/l), (730g/kg), (760g/kg), (770g/kg),	Beammy-kasu 220SC, 300SC, 400SC, 440SC, 450WG, 500SC, 750WG, 780WG, 800WG	220SC: Đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt/ lúa 300SC, 440SC, 500SC, 780WG, 800WG: Đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá/ lúa 400SC: lem lép hạt, bạc lá/ lúa 450WG: đạo ôn, bạc lá /lúa 750WG: bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
453	Kasugamycin 5% + Tricyclazole 75%	Binbinmy 80WP	Đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Thiên Nông
454	Kasugamycin 15g/kg (150g/kg) + Tricyclazole 700g/kg (700 g/kg)	Stardoba 715WP, 850WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Agro Việt
455	Kasugamycin 12g/l + Tricyclazole 80g/l	Kasai-S 92SC	Đạo ôn/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
456	Kasugamycin 40g/kg + Tricyclazole 768g/kg	Nano Diamond 808WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
457	Kasugamycin 20g/kg + Tricyclazole 800g/kg	Fujitil 820WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
458	Kasugamycin 0.5% + Tricyclazole 74.5%	Haragold 75WP	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
459	Kasugamycin 35g/kg +	Tilmec 777WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế

	Tricyclazole 692g/kg + Validamycin 50g/kg			Hòa Bình
460	Kresoxim-methyl (min 95%)	Inari 300SC	Thán thư/ thanh long	Công ty CP NN HP
		MAP Rota 50WP	thán thư/ xoài, phấn trắng/nho, giả sương mai/dưa hấu, đốm vòng/cà chua, thán thư/ớt; chết nhanh/hồ tiêu	Map Pacific PTE Ltd
		Sosim 300SC	đạo ôn/ lúa; sương mai/ bầu, rau cải, bí xanh, mướp, rau cải, đậu cove, đậu đũa; mốc xám/ rau cải ; đốm mắt cua/ mỏng to; rỉ trắng/ rau dền; thán thư/ đậu cove, đậu đũa	Công ty TNHH Việt Thắng
461	Mancozeb (min 85%)	Aikosen 80WP	Thán thư/xoài; thán thư/ ớt, đốm lá/ bắp cải, xì mủ/ sầu riêng	Công ty TNHH World Vision (VN)
		An-K-Zeb 80WP	thối quả/ vải	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Annong Manco 80WP, 300SC	80WP: sương mai/ khoai tây, thán thư/hoa hồng 300SC: lem lép hạt, vàng lá/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Byphan 800WP	thán thư/ vải	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Cadilac 75WG, 80 WP	75WG: đốm đen/hoa hồng, rỉ sắt/cà phê, thán thư/vải, mốc sương/ khoai tây 80WP: Mốc sương/khoai tây, rỉ sắt/cà phê, giả sương mai/dưa hấu; lem lép hạt/ lúa, đốm lá/ hoa cây cảnh	Agria S.A, Bulgaria
		Đaiman 800WP	Lem lép hạt/lúa; mốc sương/ cà chua	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Dipomate 80 WP, 430SC	80WP: sương mai/ cà chua, rỉ sắt/ hoa cúc, lem lép hạt/ lúa 430SC: lem lép hạt/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Dithane M-45 80WP, 600OS	80WP: mốc sương/ cà chua, khoai tây; lem lép hạt, vàng lá, đạo ôn/lúa; mốc sương/nho, vải; thán thư/cà phê, xoài, điều; rỉ sắt cà phê. 600OS: nấm hồng, thán thư/cao su; thán thư/điều, xoài, cà phê; rỉ sắt/ cà phê; lem lép hạt/lúa	Dow AgroSciences B.V
		Dizeb-M 45 80 WP	đốm lá/ lạc, ngô; đạo ôn, khô vằn/ lúa; rỉ sắt/ cà phê, đậu tương; đốm nâu/ thuốc lá; sương mai/ khoai tây	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Dofazeb 800WP	sương mai/ khoai tây, rỉ sắt/cà phê, thối quả/sầu riêng	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Dove 80WP	thán thư/ xoài	Công ty TNHH Nông nghiệp Mặt Trời Vàng
		Forthane 43 SC, 80WP, 330FL	80WP: thán thư/ bắp cải, đạo ôn/ lúa. 43SC, 330FL: đạo ôn/ lúa	Longfat Global Co., Ltd.

		Fovathane 80WP	sương mai/ khoai tây, đốm lá/ lạc; vàng rụng lá, nấm hồng/ cao su; đạo ôn/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
		Man 80 WP	thối/ rau, rỉ sắt/ cà phê/ lúa	DNTN TM - DV và Vật tư Nông nghiệp Tiến Nông
		Manozeb 80 WP	phần trắng/dừa chuột, đốm lá/ lạc, chết nhanh/ hồ tiêu, thán thư/ cà phê	Công ty CP Nông dược HAI
		Manthane M 46 37 SC, 80 WP	37SC: thán thư/ xoài 80WP: sương mai/ cà chua, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Penncozeb 75WG, 80 WP	75WG: thán thư/ cây ăn quả, đốm lá/ rau 80WP: thán thư/ cây ăn quả, ớt; đốm lá/ rau; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Baconco
		Sancozeb 80 WP	thối quả/ cam, phần trắng/ dừa chuột	Forward International Ltd
		Tenem 80 WP	mốc sương/ dừa chuột, đốm lá/ cây có múi	Công ty TNHH TM Trang Nông
		Timan 80 WP	thối nhũn/ bắp cải, ghẻ/ cam, thán thư/thanh long	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Tipozeb 80 WP	đạo ôn/ lúa, thán thư/ xoài, rỉ sắt/ cà phê, sẹo/quýt	Công ty TNHH – TM Thái Phong
		Tungmanzeb 800WP	lem lép hạt/ lúa; đốm lá/ lạc, ngô; rỉ sắt/ lạc, cà phê, ngô; thán thư/ điều, xoài	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Tvzeb 800WP	Phần trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Unizebando 800WP	Sương mai/cà chua	Công ty CP SAM
		Unizeb M-45 75WG, 80 WP	75WG: đốm vòng/ cà chua 80WP: thán thư/ dừa hấu, xoài; rỉ sắt/ lạc; vàng lá/ lúa; sương mai/ cà chua	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Vimancoz 80 WP	đốm lá/ rau, thối gốc, chảy mủ/ sầu riêng; sương mai/ khoai tây; chết vàng cây con/ lạc, chết chậm/hồ tiêu, thán thư/xoài	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vosong 800WP	sương mai/ dừa hấu, ghẻ nám/cam, sương mai/cà chua, đốm lá/hồ tiêu	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
462	Mancozeb 0.24% (64%) + Metalaxyl 0.01% (8 %)	Biorosamil 0.25PA, 72WP	Loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
463	Mancozeb 64 % + Metalaxyl 8 %	Agrimyl 72WP	Lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Sinh học NN Hai Lúa Vàng
		Favaret 72WP	Loét sọc mặt cạo/ cao su	Công ty CP Nicotex
		Fortazez	loét sọc mặt cạo/ cao su	Forward International Ltd

		72 WP		
		Mancolaxyl 72WP	loét miệng cao/ cao su; lem lép hạt/ lúa; thối rễ/ hồ tiêu	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Mexyl MZ 72WP	chết nhanh/ hồ tiêu; loét sọc mặt cao/ cao su; vàng lá/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Phesolmanco-M 72WP	Loét sọc mặt cao/ cao su	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Ricide 72 WP	loét sọc mặt cao/ cao su	Công ty CP BVTV I TW
		Rithonmin 72WP	đạo ôn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		T-Promy MZ 72WP	Loét sọc mặt cao/cao su; chết nhanh/hồ tiêu, thán thư/điều	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Tungsin-M 72WP	loét miệng cao/ cao su; thán thư/ điều; lem lép hạt, vàng lá/ lúa; chết héo/ hồ tiêu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Vimonyl 72 WP	loét sọc mặt cao/ cao su, vàng lá chín sớm/lúa; chết nhanh/ hồ tiêu, sương mai/khoai tây, chết ẻo/lạc, thán thư/ điều	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
464	Mancozeb 640g/kg (64%) + Metalaxyl 40g/kg (8%)	Rinhmyn 680WP, 720WP	680WP: vàng lá/ lúa, sương mai/ khoai tây 720WP: loét miệng cao/ cao su, vàng lá do nấm/ lúa	Công ty TNHH An Nông
465	Mancozeb 600 g/kg (640g/kg) + Metalaxyl 80g/kg (80g/kg)	Rorigold 680WG, 720WP	680WG: Lem lép hạt, vàng lá chín sớm/ lúa 720WP: Lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
466	Mancozeb 60% (64%) + Metalaxyl 8% (8%)	Metman bul 68WG, 72WP	68WG: Loét sọc mặt cao/cao su, vàng lá chín sớm/ lúa 72WP: Loét sọc mặt cao/cao su	Agria S.A
467	Mancozeb 640g/kg + Metalaxyl 80g/kg	Ridoman 720WP	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Zimvil 720WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
468	Mancozeb 64% + Metalaxyl-M 4%	Suncolex 68WP	loét sọc mặt cao/ cao su, chết nhanh/ hồ tiêu, vàng lá/lúa	Sundat (S) PTe Ltd
469	Mancozeb 640 g/kg + Metalaxyl-M 40 g/kg	Copezin 680WP	vàng lá/ lúa, rỉ sắt/cà phê, loét sọc mặt cao/ cao su, sương mai/ khoai tây	Công ty TNHH – TM Tân Thành
		Lanomyl 680 WP	vàng lá/ lúa, chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Ridomil Gold® 68WG	thán thư/ điều; sương mai/ cao su; loét sọc mặt cao/ cao su; chết cây con/ thuốc lá, lạc; chết nhanh/ hồ tiêu; đốm lá/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

470	Mancozeb 660g/kg + Metalaxyl-M 60g/kg	Rubercare 720WP	Loét sọc mặt cao/cao su; chết nhanh/ hồ tiêu, đốm lá/ ngô, thán thư/điều	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
471	Mancozeb 640 g/kg (640g/kg) + Metalaxyl-M 40g/kg (40g/kg)	Mekomil gold 680WG, 680WP	680WG: vàng lá chín sớm/lúa, rỉ sắt/ cà phê 680WP: đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
472	Mancozeb 301.6g/l + Propamocarb.HCl 248g/l	Propman bul 550SC	sương mai/cà chua, dưa hấu	Agria SA
473	Metalaxyl (min 95 %)	Acodyl 35WP	thối rễ/ hồ tiêu	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Alfamil 35WP	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Binhtaxyl 25 EC	mốc sương/ khoai tây; đốm lá/ lạc	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Foraxyl 25 WP, 35WP	25WP: mốc sương/ khoai tây 35WP: rỉ sắt/ đậu tương	Forward International Ltd
		Karoke 350WP	Chết nhanh/tiêu, phấn trắng/hoa hồng, sọc lá/ngô	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
		Mataxyl 25WP, 500WG, 500WP	25WP: chết ẻo/ lạc, chết nhanh/ hồ tiêu 500WG: chết nhanh/ hồ tiêu, loét sọc mặt cao/ cao su 500WP: chết nhanh/ hồ tiêu; sương mai/ khoai tây; chết ẻo/ lạc; loét sọc mặt cao, vàng rụng lá/cao su; thối quả, thối thân/ca cao; vàng lá/sắn; phấn trắng/ đậu tương	Map Pacific PTE Ltd
		No mildew 25WP	thối/ hồ tiêu	Công ty TNHH TM Trang Nông
		Rampart 35SD	đổ ngã cây con/ thuốc lá, chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Tân qui Talaxyl 25WP	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Ngân Anh
474	Metconazole (min 94%)	Vilaxyl 35 WP	mốc sương/ khoai tây, chết nhanh/ hồ tiêu, héo rũ trắng gốc/lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Anti-fusa 90SL	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Ozzova 90SL	lem lép hạt, lúa von/lúa (xử lý hạt giống)	Công ty TNHH MTV Lucky
475	Metiram Complex (min 85 %)	Workup 9 SL	lem lép hạt/ lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Polyram 80WG	chạy dây/ dưa chuột; đốm vòng/ cà chua; sương mai/ vải thiều, dưa hấu; thán thư/ hồ tiêu; thối quả/ nhãn; lúa von/ lúa	BASF Vietnam Co., Ltd.

476	Metiram 550g/kg + Pyraclostrobin 50g/kg	Cabrio Top 600WG	sương mai/ cà chua, đạo ôn/ lúa, sương mai/ dưa hấu, thán thư/ xoài, bệnh sọc/ cam; giả sương mai/ dưa chuột, sương mai/khoai tây, rỉ sắt/đậu tương; thán thư/ớt	BASF Vietnam Co., Ltd.
477	Myclobutanil (min 98%)	Kanaka 50SC, 100SC, 405WP	50SC: lem lép hạt, vàng lá chín sớm/ lúa 100SC: Vàng lá, lem lép hạt/lúa 405WP: lem lép hạt, vàng lá/lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Myclo 400WP	Đạo ôn/lúa; chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Hóc Môn
478	Myclobutanil 50g/kg (30g/kg) + Tebuconazole 250g/kg (500g/kg) + 200g/kg (250g/kg) Tricyclazole	Sieutino 500WP, 780WG	500WP: lúa von/ lúa (xử lý hạt giống); khô vằn, lem lép hạt/lúa 780WG: khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
479	Myclobutanil 100g/kg + Tebuconazole 400g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg	Rusem super 750WP	xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa; khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
480	Myclobutanil 100g/kg + Thifluzamide 500g/kg	Wonderful 600WP	Mốc sương/ khoai tây	Công ty TNHH An Nông
481	Myclobutanil 50g/l (200g/kg) + Thiodiazole Zinc 200g/l (500g/kg)	Usagvil 250SC, 700WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
482	Ningnanmycin	Annongmycin 20SL, 60SL, 80SL, 100SP	20SL: Thối đen/bắp cải 60SL: Đạo ôn/lúa 80SL: bạc lá, lem lép hạt/ lúa; thán thư/ xoài; phần trắng/ nho 100SP: thối nhũn/hành	Công ty TNHH An Nông
		Bonny 4SL	chết cây con/ lạc, bạc lá/ lúa, thối nhũn/ bắp cải, héo rũ/ cà chua, chết nhanh/hồ tiêu, sương mai/dưa chuột; chạy dây/dưa hấu; chết chậm/hồ tiêu	Công ty CP Nông dược HAI
		Cosmos 2SL	bạc lá, khô vằn/ lúa; hoa lá, xoắn lá, thán thư/ ớt; phần trắng, thối rữa, khô dây/ bí xanh; phần trắng, giả sương mai/ dưa chuột; hoa lá/ thuốc lá; sương mai, xoắn lá/ cà chua	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
		Diboxylin 2 SL, 4SL, 8SL	2SL: đạo ôn, khô vằn, bạc lá, lem lép hạt, thối mạ, hoa cúc, lúa von/ lúa; mốc xám, đốm lá/ bắp cải, cải xanh; héo rũ, lở cổ rễ/ cà chua; sương mai/ dưa hấu, bầu bí; héo rũ/ đậu tương, lạc, cà phê; thán thư/ cam, chanh; thối quả/ xoài, vải, nhãn, nho; vàng lá/ hoa cúc; thán thư, phần trắng, thối nhũn/ nho; thán thư, phần trắng/ xoài; thối nhũn/ tỏi, hành; khô	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA

	bông, thán thư/ điều; rụng quả, rỉ sắt/ cà phê; chết chậm, chết nhanh/ hồ tiêu 4SL, 8SL: đốm lá, sương mai, héo rũ/ bắp cải, cải xanh, cà chua, bí đao; lở cổ rễ, khô thân/ dưa hấu; thán thư/ ớt; héo rũ/ lạc; thán thư, sọc/ cam, chanh; thối quả/ nho, xoài; phòng lá/ chè; thối mại, hoa cúc, lúa von/ lúa; thán thư, phấn trắng/ nho, xoài; thối nhũn/ hành, tỏi; khô bông, thán thư/ điều; rụng quả, rỉ sắt/ cà phê; chết chậm, chết nhanh/ hồ tiêu	
Ditacin 8 SL, 10 WP	8SL: héo rũ, bệnh khảm, bệnh sáng gân/ thuốc lá; sương mai/ cà chua; bạc lá/ lúa; thối nõn/ dưa; héo xanh/ lạc, cà chua, dưa chuột, bí xanh 10WP: khảm/ thuốc lá; héo rũ/ lạc	Công ty TNHH Nông Sinh
Evanton 40SL, 80SL	40SL: Thối nhũn/bắp cải, bạc lá/lúa 80SL: Héo rũ/dưa hấu, bạc lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
Fukuda 3SL	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
Jonde 3SL	Cháy bìa lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
Kozuma 3SL, 5WP, 8SL	3SL, 5WP, 8SL: khô vằn, đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt lúa / lúa; vàng lá/ hoa cúc; xoắn lá/ ớt; sương mai/ dưa hấu; loét/ cam; héo khô/ bí xanh; khảm, héo rũ/ thuốc lá; héo rũ/ cà phê, đậu tương, lạc; thối quả/ xoài, nho, nhãn, vải; lở cổ rễ, héo rũ/ cà chua 8SL: thối nhũn/ hành, tỏi; chết nhanh, chết chậm/ hồ tiêu	Công ty CP Nông nghiệp HP
Kufic 80SL	héo xanh/ cà chua, bạc lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
Lincolnusa 15WP, 81SL	15WP: Bạc lá/ lúa 81SL: Bạc lá/ lúa, thối nhũn/ hành	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
Molbeng 2SL, 4SL, 8SL	2SL: bạc lá/ lúa, héo rũ/ cà chua; sương mai/ dưa hấu; thối quả/ xoài, vải 4SL: bạc lá/ đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; mốc xám/ bắp cải; sương mai, lở cổ rễ/ cà chua; sương mai/ dưa hấu, bí xanh; thối quả / vải, xoài 8SL: bạc lá, đạo ôn, khô vằn/ lúa; héo rũ, lở cổ rễ/ cà chua; sương mai/ bí xanh, dưa hấu; thán thư, thối quả/ xoài; mốc xám/ nho	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
Naga 80SL	Bạc lá/lúa; thối nhũn/cải bắp, chết chậm/hồ tiêu, héo xanh/cà chua	Công ty CP Hóc Môn

		Niclosat 2SL, 4SL, 8SL	khô vằn, bạc lá/ lúa; lở cổ rễ/ lạc, đậu đỗ, cải bắp; khô cành/ cà phê; lở cổ rễ, sương mai/ cà chua; khô vằn/ ngô; thối góc/ khoai tây, bí xanh; xoắn lá/ ớt; hoa lá/ thuốc lá; nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Ningnastar 30SL, 50WP, 80SL, 100SL, 50SL, 60SL	30SL, 50WP, 80SL: đạo ôn, khô vằn/ lúa; phần trắng/ dưa chuột 100SL: lem lép hạt/lúa 50SL: phần trắng/dưa chuột 60SL: vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Pyramos 20SL, 40SL, 80SL, 70SL	20SL: Sương mai/cà chua 40SL: Bạc lá/ lúa 70SL : lem lép hạt, bạc lá/lúa 80SL: Phần trắng/dưa hấu	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
		Romexusa 2SL, 20WP, 82SL	2SL: phần trắng/ đậu tương 20WP, 82SL: bạc lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Somec 2 SL	bệnh hoa lá/ thuốc lá; bệnh hoa lá, xoắn lá/ ớt; bạc lá, vàng lá/ lúa; thối rễ, khô dây/ bí xanh; phần trắng/ dưa chuột; sương mai/ cà chua	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Spagold 40SL	Vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP Hatashi Việt Nam
		Sucker 2SL, 4SL, 8SL, 50SL, 70SL, 90WP	2SL, 4SL, 8SL: đạo ôn, khô vằn, bạc lá, lem lép hạt, thối mạ, lúa von/ lúa; thán thư /cam; mốc xám, đốm lá/ bắp cải; héo rũ, lở cổ rễ/ cà chua; thối quả, phần trắng/ xoài; rỉ sắt/ cà phê; thối nhũn/ hành, tỏi; khô bông/ điều 50SL, 70SL: lem lép hạt/lúa 90WP: Đốm sọc vi khuẩn, khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Supercin 20SL, 40SL, 50WP, 80SL	khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá/ lúa; giả sương mai/ cà chua, dưa chuột, bầu bí; thối nhũn/ bắp cải.	Công ty CP nông dược Việt Nam
		Supermil 20SL, 40SL, 50WP, 80SL	đạo ôn, đốm sọc, bạc lá/ lúa; chết ẻo cây con/ cà chua, dưa chuột, đậu trạch, bí xanh; thối nhũn/ bắp cải.	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Thaiponbao 40SL, 80SL	40SL: phần trắng/ nho, bạc lá/lúa, thối nhũn/ bắp cải; sương mai, chết cây con/ cà chua; thối quả/ cà phê 80SL: bạc lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
483	Ningnanmycin 10g/kg (17g/l), (10g/kg) + Polyoxin B 11g/kg (10g/l), (22g/kg)	Polysuper 21WP, 27SL, 32WP	27SL : thán thư/ vải 21WP: Lem lép hạt, bạc lá/ lúa, thán thư/ vải 32WP: Lem lép hạt/ lúa, thán thư/ vải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
484	Ningnanmycin 5g/kg	Sunshi	thán thư/ vải, lem lép hạt, bạc lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV

	(41g/kg), (61g/kg) + Polyoxin B 11g/kg (10g/kg), (10g/kg) + Streptomycin sulfate 5g/kg (52g/kg), (167g/kg)	21WP, 103WP, 238WP		Việt Trung
485	Ningnanmycin 5g/kg (43g/kg), (61g/kg) + Polyoxin B 11g/kg (10g/kg), (10g/kg) + Streptomycin sulfate 5g/kg (50g/kg), (167g/kg)	Rorai 21WP, 103WP, 238WP	21WP, 103WP: Lem lép hạt, bạc lá/lúa; thán thư/ vải 238WP: Lem lép hạt/ lúa, thán thư/vải	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
486	Ningnanmycin 10 g/l (10g/kg) (50g/kg), (60g/kg), (20g/l) + Streptomycin sulfate 50g/l (68g/kg), (50g/kg), (176g/kg), (60g/l)	Mycinusa 60SL, 78WP, 100WP, 236WP, 80SL	60SL: khô vằn/ lúa 78WP, 80SL, 100WP, 236WP: Bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất & TM Trần Vũ
487	Ningnanmycin 60g/l (60g/kg), (60g/kg) + Streptomycin 240g/l (390g/kg), (490g/kg)	Liveshow 300SL, 450WP, 550WP	300SL: Đốm sọc vi khuẩn/ lúa 450WP: Đốm sọc vi khuẩn, lem lép hạt/lúa 550WP: Thán thư/xoài; vàng lá chín sớm, đạo ôn, lem lép hạt, đốm sọc vi khuẩn, bạc lá /lúa; phần trắng/cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
488	Ningnanmycin 25g/l (30g/l), (40g/l) (10g/kg) + Tricyclazole 425g/l (470g/l), (510g/l), (790g/kg)	Vitaminusa 450SC, 500SC, 550SC, 800WP	450SC, 500SC: vàng lá chín sớm, đạo ôn /lúa 550SC: vàng lá chín sớm/lúa 800WP: đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
489	Ningnanmycin 27g/kg + Tricyclazole 700g/kg + Validamycin 50g/kg	Goldbem 777WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
490	Oligo-alginate	M.A Maral 10SL, 10WP	10SL: đốm vòng/ cà rốt; kích thích sinh trưởng/ chè; 10WP: kích thích sinh trưởng/ bắp cải, cà rốt, cây hoa cúc	Công ty TNHH Ngân Anh
491	Oligo-sacarit	Olicide 9SL	ri sắt/ chè, sương mai/ bắp cải, chết nhanh (héo rũ)/ hồ tiêu, đạo ôn/ lúa	Viện Nghiên cứu Hạt nhân
492	Oligosaccharins	Tutola 2.0SL	sương mai/ cà chua; chấm xám/ chè; ri sắt/ hoa cúc; đạo ôn/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
493	Oxathiapiprolin (min 95%)	Dupont™ Zorvec™ Enicade™ 10 OD	Sương mai/cà chua	Dupont Vietnam Ltd
494	Oxine Copper (min 99%)	Cadatil 33.5SC	cháy bìa lá/ lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ

		Funsave 33.5SC	bạc lá/ lúa	Zhejiang Hisun Chemical Co., Ltd
495	Oxolinic acid (min 93 %)	G-start 200WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
		Oka 20WP	bạc lá/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Oxo 200WP	bạc lá/lúa	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Sieu tar 20WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
		Starner 20WP	lem lép hạt, bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Starwiner 20WP	Bạc lá, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
496	Oxolinic acid 200g/kg + Salicylic acid 50g/kg	Dorter 250WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
497	Oxolinic acid 500g/kg + Salicylic acid 100g/kg + Thiophanate Methyl 180g/kg	Shaner super 780WP	Lem lép hạt, bạc lá, vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH An Nông
498	Oxolinic acid 100g/kg + Streptomycin sulfate 25g/kg	Map lotus 125WP	Bạc lá/lúa	Map Pacific Pte Ltd
499	Oxolinic acid 100g/kg + Streptomycin sulfate 100g/kg	Lino oxto 200WP	bạc lá/lúa, phấn trắng/ cao su	Công ty CP Liên Nông Việt Nam
500	Oxonilic acid 200g/kg + Tricyclazole 550g/kg	Tryxo 750WP	bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
501	Oxytetracycline	Usastano 500WP	vàng lá, bạc lá/ lúa, đốm vòng/ bắp cải	Công ty TNHH An Nông
502	Oxytetracycline Hydrochloride 60g/kg + Gentamicin sulfate 20g/kg	Oxysunfate 80WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
503	Oxytetracycline 50g/kg + Streptomycin 50 g/kg	Miksabe 100WP	bạc lá, đốm sọc vi khuẩn, lem lép hạt/ lúa; héo xanh/ cà chua; loét, sẹo/ cam; héo rũ cây con/ thuốc lá; đốm lá/ dưa chuột; héo cây con/ dưa hấu; héo rũ cây con, phấn trắng/ cà phê; thối hoa/ hoa hồng; thối gốc/ hoa ly; héo rũ/ hoa cúc; thối nhũn, thối đen gân lá/ bắp cải; thối quả/ cà chua	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng

		Oxycin 100WP	Thối nhũn /bắp cải	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
504	Oxytetracycline hydrochloride 55% + Streptomycin sulfate 35%	Marthian 90SP	héo xanh/ cà chua	Công ty TNHH Hạt giống HANA
505	Oxytetracycline hydrochloride 550g/kg + Streptomycin sulfate 350g/kg	Ychatot 900SP	Héo xanh/cà chua, bạc lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
506	Oxytetracycline 50g/kg + Streptomycin 50g/kg + Gentamicin 10g/kg	Banking 110WP	Bạc lá/lúa, thán thư/thanh long; chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
507	Oxytetracycline hydrochloride 2g/kg (5g/kg), (50 g/kg) + Streptomycin sulfate 100g/kg (100g/kg), (100g/kg)	Avikhuan 102 SP, 105SP, 150SP	Bạc lá/lúa	Công ty CP XNK nông dược Hoàng Ân
508	Oxytetracycline 100g/kg + Tecloftalam 600g/kg	Oxtalam 700WP	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty TNHH An Nông
509	Oxytetracycline 300g/kg + Tetramycin 200g/kg	Goldfull 500WP	thối nhũn/hành; cháy bìa lá, thối củ /gừng; thán thư/ớt; bạc lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
510	<i>Paecilomyces lilacinus</i>	Palila 500WP (5 x 10 ⁹ cfu/g)	bệnh do tuyến trùng gây ra trên cà rốt, cà chua, hồ tiêu, lạc, thuốc lá, cà phê	Công ty TNHH Nông Sinh
511	Penconazole (min 95%)	Penazon 100EC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Hoá Nông
512	Pencycuron (min 99 %)	Alfaron 25 WP	khô vằn/ lúa, chết rạp cây con/ đậu tương	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Forwaceren 25 WP	khô vằn/ lúa, đổ ngã cây con/ khoai tây	Forward International Ltd
		Luster 250 SC	khô vằn/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Monceren 250 SC	khô vằn/ lúa, lở cổ rễ/ bông vải, chết ẻo/ lạc	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Moren 25 WP	khô vằn/ lúa, chết ẻo cây con/ rau	Công ty CP BVTV I TW
		Vicuron 250 SC	khô vằn/ lúa, lở cổ rễ/ bông vải	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
513	Pencycuron 150g/kg +	Arakawa	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC

	Tebuconazole 120g/kg	270WP		
		Teb 270WP	Lem lép hạt/lúa, lở cổ rễ/ hoa cúc	Sundat (S) PTe Ltd
514	Phyacion	Dofine 0.5SL	Phấn trắng/ bí đao	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
515	Picoxystrobin (min 98.5%)	DuPont™ Aproach® 250SC	khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Dupont Vietnam Ltd
516	Phosphorous acid	Agri - Fos 400SL	bệnh do nấm Phythophthora/ sàu riêng; chết nhanh, vàng lá thối rễ/ hồ tiêu, vàng rụng lá/cao su; đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá, khô vằn/ lúa; đốm nâu/ thanh long; xử lý hạt giống trừ bệnh đạo ôn/ lúa	Công ty CP Phát triển CN sinh học (DONA- Techno)
		Herofos 400 SL	mốc sương/ nho, tuyến trùng/ hồ tiêu, cỏ sân golf, bắp cải	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
517	Polyoxin complex (min 31 %)	Polyoxin AL 10WP	đốm lá/ hành, chảy gôm/dưa hấu, thán thư/thanh long	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
518	Polyoxin B	5 Lua 3SL, 20WP	3SL: Phấn trắng/ bí; sương mai/ cà chua; đạo ôn, bạc lá, khô vằn/lúa; phấn trắng/bầu bí 20WP: Phấn trắng/ bí; sương mai/ cà chua; đạo ôn, bạc lá, khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Caligold 20WP	Bạc lá/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Ellestar 1SL, 1WP, 3SL, 10WP, 20WP, 40WP	1SL: khô vằn/ lúa; đốm lá/ lạc 1WP: sương mai/ cà chua; đạo ôn/ lúa 3SL: phấn trắng/ bầu bí 10WP: phấn trắng/ bầu bí; bạc lá, khô vằn/ lúa; đốm lá/ lạc; sương mai/ cà chua 20WP, 40WP: đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/ lúa; phấn trắng/ xoài; lở cổ rễ/ bắp cải; sương mai/ cà chua	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
519	Polyoxin B 10g/l (20g/kg) + Validamycin 50g/l (75g/kg)	Ukino 60SC, 95WP	60SC: khô vằn/ lúa 95WP: khô vằn/ lúa; chết cây con/ dưa hấu; lở cổ rễ/ rau cải	Công ty TNHH An Tâm
520	Polyphenol chiết xuất từ cây núc nác (<i>Oroxylum indicum</i>) và lá, vỏ cây liễu (<i>Salix babylonica</i>)	Chubeca 1.8SL	thán thư, héo rũ/ ớt; thối nhũn/ cải xanh; lở cổ rễ/ bắp cải; khô vằn, lem lép hạt, bạc lá, đạo ôn/lúa; nhện lông nhung/nhân; thán thư/ xoài, thanh long; đốm nâu/ thanh long	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh
521	Prochloraz (min 97%)	Agrivil 250EC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Atilora 48EC	lem lép hạt/ lúa	Asiagro Pacific Ltd
		Dailora 25EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Futai

		Mirage 50WP, 450EC	50WP: thán thư/ hồ tiêu 450EC: lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Talent 50WP	thán thư/ cà phê	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
522	Prochloraz-Manganese complex	Trinong 50WP	khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt, thối thân/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
523	Prochloraz 400 g/l + Propiconazole 90 g/l	Picoraz 490 EC	lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; đốm lá/ lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
524	Prochloraz 255g/l, (309.9g/l), (260g/kg), (10g/kg), 250g/kg + Propineb 10g/l, (0.1g/l), (500g/kg), (705g/kg), 500g/kg	Forlione 265EW, 310EC, 760WP, 715WP, 750WG	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
525	Prochloraz 420g/l (10g/kg), (1g/kg) + Tricyclazole 10g/l (65g/kg), (760g/kg)	Anizol 430SC, 75WP, 761WP	75WP, 761WP: Đạo ôn/ lúa 430SC: Lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Pháp Thụ Sĩ
526	Prochloraz 10g/l (400g/l), (10g/kg), (100g/kg) + Sulfur 35g/l (20g/l), (450g/kg), (300g/kg), (70g/kg) + Tricyclazole 380g/l (10g/l), (55g/kg), (300g/kg), (760g/kg)	Rexcide 425SC, 430SC, 515WP, 831WP	425SC, 515WP, 831WP: đạo ôn/lúa 430SC: lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
527	Propamocarb. HCl (min 97%)	Probull 722SL	Tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Proplant 722 SL	nấm trong đất/ hồ tiêu, nứt thân chảy nhựa/ dưa hấu, chết ẻo cây con/lạc, xì mủ/ cam	Công ty TNHH Kiên Nam
		Treppach Bul 607SL	chết nhanh/ hồ tiêu, sương mai/dưa chuột, xì mủ/sầu riêng; loét sọc mặt cao/cao su; mốc sương/ cà chua	Agria S.A, Bulgaria
		Zamil 722 SL	Mốc sương/ nho	Công ty CP Nicotex
528	Propamocarb 530 g/l + Fosetyl Aluminium 310g/l	Previcur Energy 840 SL	Chết rạp/ cà chua (sử dụng trong vườn ươm)	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
529	Propamocarb hydrochloride 500g/l + Kasugamycin 25g/l	Vaba super 525SL	chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
530	Propiconazole (min 90%)	Agrozo 250 EC	thối thân, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Bumper	khô vằn/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Adama

		250 EC		Việt Nam
		Canazole 250 EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ đậu tương	Công ty CP TST Cần Thơ
		Catcat 250EC	khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nông dược HAI
		Fordo 250 EC	khô vằn/ lúa	Forward International Ltd
		Fungimaster 250EC	Lem lép hạt, khô vằn/lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Việt Hoá Nông
		Lunasa 25 EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Starsai 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Tien sa 250 EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Tilusa super 250EC; 300EC	250EC: lem lép hạt/ lúa 300EC: lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Tinmynew 250 EC, 250EW	250EC: khô vằn/ lúa 250EW: lem lép hạt, vàng lá do nấm/ lúa; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH US.Chemical
		Tinix 250 EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
		Tiptop 250 EC	lem lép hạt/ lúa, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP BVTV I TW
		Vitin New 250EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
531	Propiconazole 100g/l (125g/l) + Tebuconazole 25g/l (100g/l)	Farader 125EW, 225EW	125EW: khô vằn, lem lép hạt/ lúa 225EW: khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
532	Propiconazole 150g/l + Tebuconazole 150g/l	Folitasuper 300EC	lem lép hạt, đốm nâu, khô vằn/ lúa; đốm lá/ đậu tương, lạc; rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		TEPRO - Super 300EC	lem lép hạt, vàng lá chín sớm, khô vằn/ lúa; thán thư/ điều; khô vằn/ ngô, đốm lá/ lạc	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Tilgol super 300EC	lem lép hạt, vàng lá/ lúa; đốm lá/ lạc, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
533	Propiconazole 200g/l + Tebuconazole 200g/l	Gtop 400EC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
534	Propiconazole 150 g/l + Tebuconazole 50 g/l + Tricyclazole 350 g/l	Bembo 550SE	Đạo ôn/ lúa	Công ty CP SX TM DV Ngọc Tùng
535	Propiconazole 30g/kg +	Bismer 780WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM

	Tebuconazole 500g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg			Nông Phát
536	Propiconazole 34.5 g/l + Tricyclazole 500.5g/l	Filyannong super 525SE	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
537	Propiconazole 34.5 g/l (125g/l) + Tricyclazole 500.5 g/l (400g/l)	Newlia Super 525 SE, 535SE	525 SE: đạo ôn/ lúa 535SE: đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
538	Propiconazole 125g/l + Tricyclazole 400g/l	Fao-gold 525 SE	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Filia® 525 SE	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Tillage-super 525SE	lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
539	Propiconazole 55g/l + Tricyclazole 500g/l	Nano Gold 555SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
540	Propiconazole 125g/l (30g/kg) + Tricyclazole 400g/l (720 g/kg)	Novazole 525SE, 750WG	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH SX & XK Bàn Tay Việt
541	Propiconazole 55 g/l, (100g/kg) + Tricyclazole 500g/l, (550g/kg)	Bumrosai 555SE, 650WP	đạo ôn/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
542	Propiconazole 25g/kg (125g/l) + Tricyclazole 400g/kg (400g/l)	Rocksai super 425WP, 525SE	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
543	Propiconazole 125g/l + Tricyclazole 450 g/l	Finali 575 SE	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
544	Propiconazole 125g/l (130g/l) + Tricyclazole 400g/l (450g/l)	Dotalia 525 SC, 580SC	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
545	Propiconazole 150g/l + Tricyclazole 400g/l	Bimtil 550 SE	đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		TilBem Super 550SE	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
		Tilbis super 550SE	đạo ôn/lúa	Công ty CP nông dược Việt Nam
		Tilmil super 550SE	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức

546	Propineb (min 80%)	A-chacô 70WP	Thán thư/ xoài	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Aconeb 70 WP	thán thư/ xoài; mốc sương/ nho; lem lép hạt, vàng lá do nấm/ lúa; sương mai/ dưa chuột	Công ty CP Đồng Xanh
		Afico 70WP	thán thư/ xoài; lở cổ rễ/hành; sương mai/dưa hấu	Công ty CP Nicotex
		Alphacol 700 WP	thán thư/ xoài, phấn trắng/ nho	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Antracol 70 WP, 70WG	70WP: đốm lá/ bấp cải, đậu tương, lạc, hồ tiêu; mốc xám/ thuốc lá; lở cổ rễ/ hành; thán thư/ xoài, cà phê, điều, chè, thanh long, chôm chôm; sương mai/ nho, dưa chuột; cháy sớm/ cà chua; đốm vòng khoai tây; khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; đốm quả/ cam; đốm lá, rỉ sắt, khô vằn/ ngô; sương mai/ vải 70WG: thán thư/ xoài, sương mai/ nho	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Donacol super 700WP	Thán thư/ xoài	Công ty TNHH TM-DV Quỳnh Giao
		Doremon 70WP	sương mai/ khoai tây; vàng lá, lem lép hạt/ lúa; thán thư/ xoài	Công ty TNHH An Nông
		Dovatracol 72WP	thán thư/sầu riêng, lem lép hạt /lúa; sương mai/dưa hấu; thán thư/ xoài	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Newtracon 70 WP	thán thư/ xoài, cà phê; đạo ôn/ lúa; sương mai/ dưa hấu; đốm lá/ bấp cải, xoài; mốc sương/ nho; vàng lá do nấm/ lúa; thán thư/ điều; thán thư, thối rễ chết nhanh / hồ tiêu; đốm lá/ lạc, sương mai/ cà chua	Công ty TNHH – TM Tân Thành
		Nofacol 70WP	lem lép hạt/ lúa, thán thư/ xoài, ớt	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Nova 70WP	thán thư/đậu cô ve, cà chua, cà phê, xoài	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Pylacol 700WP	đốm lá/ cần tây; đạo ôn, đốm nâu/lúa	Rotam Asia Pacific Limited
		Sienna 70WP	vàng lá/ lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Startracon 70WP	vàng lá do nấm/ lúa, chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Strancolusa 70WP	thán thư/ cà phê; vàng lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Tadashi 700WP	vàng lá chín sớm/lúa; sương mai/ hành, dưa hấu; thán thư/ xoài, cà phê	Công ty CP NN HP
		Tobacol	vàng lá/ lúa, mốc sương/ nho, thán thư/ xoài, vàng rưng	Công ty TNHH Hóa sinh

		70WP	lá/cao su	Á Châu
		Zintracol 70WP	thán thư/ xoài, cà phê; vàng lá do nấm, đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; sương mai/ dừa chuột; đốm lá/ bắp cải; rnh trắng/ nho	Công ty TNHH Phú Nông
547	Propineb 10g/l (10g/l), (10g/kg), (500g/kg), 500g/kg) + Tebuconazole 260g/l (445g/l), (705g/kg), (250g/kg), (260g/kg)	Natisuper 270EW, 455SC, 715WP, 750WG, 760WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
548	Propineb 10g/l (10g/l), (705g/kg), (30g/kg) + Tebuconazole 260g/l (10g/l), (10g/kg), (10g/kg) + Tricyclazole 10g/l (400g/l), (10g/kg), (760g/kg)	Natitop 280EW, 420SC, 725WP, 800WP	280EW, 725WP, 800WP: lem lép hạt/lúa 420SC: đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
549	Propineb 70% + Triadimefon 5%	ARC-carder 75WP	lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
550	Propineb 613g/kg + Trifloxystrobin 35g/kg	Activo super 648WP	thán thư/ xoài, vàng lá chín sớm/ lúa, thán thư/ cà phê, sương mai/ hành, rnh trắng/ nho	Công ty CP NN HP
		Flint pro 648WG	Đạo ôn/lúa; thán thư/ớt, xoài, dừa chuột, dừa hấu; đốm lá/ bắp cải, cà chua; mốc xám/ rau cải	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
551	Protein amylose	Vikny 0.5 SL	thối nhũn/ bắp cải; thán thư/ ớt, dừa hấu; bạc lá/ lúa; xử lý hạt giống bệnh lúa von/lúa, thối nhũn/hành, loét vi khuẩn/cam	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
552	<i>Pseudomonas fluorescens</i>	B Cure 1.75WP	đốm nâu, đốm gạch, lúa von, khô đầu lá, thối bẹ, đạo ôn, khô vằn/ lúa; đốm lá, giả sương mai, lở cổ rễ/ đậu tương; lở cổ rễ/ cà chua, ớt; mốc xám/ nho	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		TKS-Anti Phytop WP	chết nhanh/ hồ tiêu, thán thư/ chanh	Công ty TNHH Thủy Kim Sinh
553	Pyraclostrobin 50g/kg + Metiram complex 550g/kg	Haohao 600WG	thán thư/vải	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
554	Pyrimethanil (min 95%)	Tilsom 400SC	Thối nhũn/hành	Công ty TNHH Trường Thịnh
555	Quaternary Ammonium Salts	Physan 20L	thối thân, thối hạt vi khuẩn, bạc lá, đạo ôn/ lúa; lúa von/ lúa; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su, thối nhũn/phong lan	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
556	Saisentong (min 95%)	Visen 20SC	bạc lá, vàng lá, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

557	Salicylic Acid	Exin 4.5 SC, 2.0SC	4.5SC: (Exin R) đạo ôn, bạc lá/ lúa 4.5SC: (Phytoxin VS): héo tươi/ cà chua 2.0SC: Rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa; rầy xanh/chè	Công ty TNHH ứng dụng công nghệ Sinh học
		Bacla 50SC	bạc lá, khô vằn/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
558	<i>Streptomyces lydicus</i> WYEC 108	Actinovate 1 SP	vàng lá, thối thân, lem lép hạt/ lúa; thán thư, mốc xám, thối nứt trái do vi khuẩn, thối thân, thối rễ/ nho, dâu tây; sương mai, phấn trắng, thán thư, nứt dây chảy nhựa/ dưa hấu, dưa chuột, bầu bí; thối nhũn do vi khuẩn, thối thân, thối rễ, phấn trắng, mốc xám, đốm vòng/ hoa cây cảnh; héo rũ do vi khuẩn, thán thư, thối trái/ khoai tây, cà chua, ớt, bắp cải; thán thư, phấn trắng, ghẻ loét, thối trái, xì mủ thân, vàng lá, thối rễ/ cây có múi, sâu riêng, xoài, nhãn, vải; tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
559	<i>Streptomyces lydicus</i> WYEC 108 1.3% + Fe 21.9% + Humic acid 47%	Actino-Iron 1.3 SP	vàng lá, thối thân, lem lép hạt/ lúa; thán thư, mốc xám, thối nứt trái do vi khuẩn, thối thân, thối rễ/ nho, dâu tây; sương mai, phấn trắng, thán thư, nứt dây chảy nhựa/ dưa hấu, dưa chuột, bầu bí; thối nhũn do vi khuẩn, thối thân, thối rễ, phấn trắng, mốc xám, đốm vòng/ hoa cây cảnh; héo rũ do vi khuẩn, thán thư, thối trái/ khoai tây, cà chua, ớt, bắp cải; thán thư, phấn trắng, ghẻ loét, thối trái, xì mủ thân, vàng lá, thối rễ/ cây có múi, sâu riêng, xoài, nhãn, vải	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
560	<i>Streptomycin sulfate</i>	Acstreptocinsuper 40TB	vàng lá/ lúa, thối nhũn/ bắp cải	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
		Goldnova 200WP	Vàng lá, bạc lá/lúa; thối nhũn/xà lách	Công ty TNHH An Nông
		Kaisin 50WP, 100WP	50WP: Bạc lá, lem lép hạt/ lúa; loét/ cam, giả sương mai/dưa chuột 100WP: Thối nhũn/ bắp cải, bạc lá, lem lép hạt/ lúa, sẹo/cam, giả sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH Việt Thắng
		Liberty 50WP, 100WP	50WP: Bạc lá/lúa 100WP: Thối nhũn/ bắp cải, bạc lá/lúa, loét/cam	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Minotajapane 50WP	Vàng lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Poner 40TB, 40SP	thối nhũn/ bắp cải	Công ty TNHH MTV Tô Nam Biotech
		Stepguard 50SP, 100SP, 150TB, 180SP, 200TB,	50SP, 100SP: thối nhũn/ bắp cải; bạc lá/ lúa 150TB, 200TB, 275SP: bạc lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ

		275SP, 352SP	180SP, 352SP: thối nhũn/ bắp cải	
		Strepgold 50WP, 70WP, 100WP	50WP, 100WP: Bạc lá/Lúa 70WP: Héo xanh vi khuẩn/cà chua, bạc lá/lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
		Strepa 100WP, 150WP	vàng lá chín sớm/ lúa	Công ty TNHH Hỗ trợ Phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
		Supervy 50WP	đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá/ lúa; sẹo/ cam; thối quả/ vải, xoài; sương mai/ cà chua	Công ty CP Thuộc BVT Việt Trung
		Yomistar 52WP, 105WP	52WP: bạc lá/ lúa 105WP: lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVT LD Nhật Mỹ
561	<i>Streptomycin sulfate</i> 100g/kg + Tricyclazole 550g/kg	Benza 650WP	vàng lá chín sớm/lúa	Công ty CP KT Dohaledusa
562	Sulfur	Kumulus 80WG	sẹo/ cam, phấn trắng/ xoài, nhện gié/ lúa, nhện đỏ/ cà phê, phấn trắng/ cao su	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Fulac 80WG, 80WP, 500SC	80WG: Nhện gié/lúa 80WP: nhện đỏ/cam 500SC: phấn trắng/cao su	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
		Lipman 80WG	Phấn trắng/xoài; nhện gié/ lúa; sẹo/cam; phấn trắng/cao su, chôm chôm	Công ty CP Nông dược HAI
		Microthiol Special 80WG, 80WP	80WG: phấn trắng/ nho, chôm chôm; nhện/ cam 80WP: phấn trắng/ rau, đốm lá/ ngô	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		OK-Sulfolac 80WG, 80WP, 85SC	80WG: phấn trắng/ xoài, chôm chôm 80WP: phấn trắng/ nho 85SC: sẹo/ cam, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNNH Ngân Anh
		Sulfurluxthai 80WG	thán thư/vải	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
		Sulox 80 WP	phấn trắng/ xoài, cao su; đốm lá/ lạc; nhện gié/ lúa; nhện lông nhung/ vải, nhãn	Công ty CP BVT Sài Gòn
563	Sulfur 100g/kg + Tebuconazole 250g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Novitop 850WP	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông Việt
564	Sulfur 2% (2%), (40%), (10%), (55%), (25), (79.5%), (7%), (28%), (200g/l)+ Tricyclazole 20%, (40%), (5%), (50%), (20%),	Vieteam 22SC, 42SC, 45WP, 60WG, 75WP, 77WG, 80WP, 82WP, 98WP, 700SC	22SC, 42SC, 45WP, 60WG, 77WG, 82WP, 98WP, 700SC: đạo ôn/ lúa 75WP: đạo ôn, lem lép hạt/ lúa 80WP: phấn trắng/ hoa hồng; nhện gié, vàng lá/ lúa; phấn trắng/ cao su	Công ty CP Thuốc BVT Việt Trung

	(75%), (0.5%), (75%), (70%), (500g/l)			
565	Sulfur 50g/kg + Tricyclazole 700g/kg	Bibim 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
566	Sulfur 350g/kg (250g/kg) + Tricyclazole 150g/kg (500g/kg)	StarBem Super 500WP, 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
567	Sulfur 450g/l (655g/kg), (800g/kg) + Tricyclazole 200g/l (200g/kg), (0.8g/kg)	Bimsuper 650SC, 800.8WP, 855WP	800.8WP: vàng lá/ lúa 650SC, 855WP: đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
568	Sulfur 35% + Tricyclazole 50%	Labem 85WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
569	Sulfur 350g/kg + Tricyclazole 225g/kg	Lionsul 575WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
570	Tebuconazole (min 95 %)	Folicur 250 EW, 250WG, 430SC	250EW: đốm lá/ lạc; khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; thán thư/ điều; chết chậm/ hồ tiêu 250WG: khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá do nấm/ lúa 430SC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa; đốm lá/ lạc, chết chậm/ hồ tiêu, vàng rụng lá/cao su	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Forlita 250 EW, 430SC	250EW: khô vằn, lem lép hạt/ lúa; chết cây con, đốm lá/ lạc, đậu tương 430SC: khô vằn, lem lép hạt/ lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa, đốm lá/ đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
		Fortil 25 SC	khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		Fozeni 250EW	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Huibomb 25EW	khô vằn/lúa	Huikwang Corporation
		Jiacure 25EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Milazole 250 EW	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Poly annong 250EW, 250SC, 250EC, 450SC	250EW, 250EC: lem lép hạt/ lúa 250SC: Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa, lem lép hạt/ lúa 450SC: Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa; khô vằn, vàng	Công ty TNHH An Nông

			lá, đạo ôn, lem lép hạt/ lúa	
		Poticua 250EW	lem lép hạt/ lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Provil 30EW, 450SC	30EW: lem lép hạt, đạo ôn/ lúa 450SC: lem lép hạt, đạo ôn/ lúa; phần trắng/hoa hồng; chết chậm/ hồ tiêu	Công ty TNHH – TM Tân Thành
		Sforlicuajapane 450SC	Lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Sieu tin 250 EC, 300EC	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
		T.B.Zol 250EW	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Thanh Điền
		Tebuzol 250 SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Thianzole 12.5EW	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Tien 250 EW	khô vằn, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		T-zole super 250EW, 250SC, 450SC	250EW: vàng lá do nấm/ lúa 250SC: lem lép hạt/lúa 450SC: Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Vitebu 250SC	lem lép hạt/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
571	Tebuconazole 160 g/l + Tricyclazole 200 g/l	Beam™ Plus 360SC	Đạo ôn/ lúa	Dow AgroSciences B.V
572	Tebuconazole 125g/l + Tricyclazole 400g/l	Dolalya 525SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
573	Tebuconazole 250g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Map Unique 750WP	Đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa; đốm lá/lạc, thán thư, rỉ sắt/cà phê, xử lý hạt giống trừ lúa von/lúa	Map Pacific PTE Ltd
574	Tebuconazole 250g/kg + Tricyclazole 550g/kg	Novigold 800WP	đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty CP Nông Việt
575	Tebuconazole 500g/kg + Tricyclazole 200g/kg	Tivaho 700WP	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
576	Tebuconazole 250g/kg (500g/kg) + Tricyclazole 200 g/kg (250g/kg) + Thiophanate-methyl 50g/kg (30g/kg)	Vatinew 500WP, 780WG	500WP: lúa von/ lúa (xử lý hạt giống), đạo ôn/ lúa 780WG: Lem lép hạt, vàng lá/ lúa	Công ty TNHH An Nông

577	Tebuconazole 500g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg	Conabin 750WG	Đạo ôn/lúa, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Nativo 750WG	lem lép hạt, khô vằn, đạo ôn/ lúa; rỉ sắt/ cà phê, lạc, đậu tương; thán thư/ hoa hồng, điều, cà phê; đốm lá/ hoa cúc, hồ tiêu; phấn trắng/ hoa hồng; thán thư, bệnh sọc đen/ ca cao; đốm vòng/ khoai tây	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
578	Tetraconazole (min 94%)	Domark 40 ME	rỉ sắt/ cà phê, hoa cúc	Isagro S.p.A Centro Uffici S. Siro, Italy
579	Tetramycin	Mikcide 1.5SL	bạc lá, đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/ lúa; thối nhũn, thối đen gân lá/ bắp cải; chết xanh/ dưa hấu; héo rũ/ thuốc lá, cà phê, cà chua; loét/ cam; thối thân/ nho; phấn trắng/ hoa hồng; vàng rụng lá/cao su; đốm nâu/ thanh long	Công ty TNHH Dược Mùa
580	Tinh dầu quế	Tiêu tuyến trùng 18EC	Tuyến trùng/cà rốt, hồ tiêu, cà phê	Công ty TNHH DV KHKT Khoa Đăng
581	Thifluzamide (min 96%)	Pulsor 23DC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
582	Thiodiazole copper (min 95%)	Longbay 20SC	bạc lá/ lúa, xì mủ, nấm hồng, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH Trường Thịnh
583	Thiodiazole zinc (min 95%)	Lk-one 50SC	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
584	Thiophanate-methyl (min 93%)	Agrotop 70 WP, 400SC	70WP: mốc xám/ cà chua, thối gốc/ khoai tây, khô vằn/ lúa 400SC: vàng lá/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Binhsin 70 WP	khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/ lúa; đốm lá/ dưa hấu, lạc; sương mai/ cà chua, khoai tây; thán thư/ nho	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Cantop-M 72WP	phấn trắng/ dưa, thối quả/ cà chua	Công ty CP TST Cần Thơ
		Coping M 70 WP	lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH TM – DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Danatan 70WP	héo rũ/ dưa hấu	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Emxinh M 700WP	khô vằn/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Fusin-M 70 WP	đạo ôn/ lúa	Forward International Ltd
		Jiatop 70WP	vàng lá do nấm/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Kuang Hwa Opsin 70WP	đốm trắng/ thuốc lá	Bion Tech Inc.

		T.sin 70 WP	mốc sương/ cà chua, sương mai/ dưa hấu	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		TS-M annong 70 WP, 430SC	70WP: lem lép hạt/ lúa; phần trắng/ nho; thán thư/ dưa hấu 430SC: vàng lá, lem lép hạt/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Thio-M 70 WP, 500 SC	70WP: khô vằn/ lúa, héo rũ/ dưa hấu 500SC: lem lép hạt/ lúa; thán thư/ vải, xoài, hồ tiêu, ớt, cam; xì mủ/ dưa hấu	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Thiomax 70WP	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Tipo-M 70 WP	thán thư/ điều, đốm lá/ dưa hấu	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Tomet 70 WP	thán thư/ lạc	Công ty CP Đồng Xanh
		Top 70 WP	mốc xám/ rau, cà chua	Công ty CP Nông dược HAI
		Topan 70 WP	đốm lá/ dưa hấu, lạc, dưa chuột; thối quả/ nhãn; vàng lá/ lúa; phần trắng/ nho	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Toplaz 70 WP	phần trắng/ rau, đạo ôn/ lúa	Behn Meyer Agcare LLP
		Top-Plus M 70 WP	đạo ôn/ lúa	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Topnix 70 WP	sẹo/ cam, bệnh lụi/ lạc	Công ty CP Nicotex
		Topsimyl 70 WP	đạo ôn/ lúa, đốm lá/ dưa hấu	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Topsin M 50SC, 70 WP	50SC: Khô vằn/lúa 70WP: vàng lá, đạo ôn, khô vằn/ lúa; bệnh héo, đổ ngã cây con, sì gôm/ dưa hấu; bệnh ghẻ/ cam; đen thân/ thuốc lá; rỉ sắt đậu tương; đổ ngã cây con, mốc xám, đốm lá/ lạc; phần trắng/ nho	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Topulas 70WP	phần trắng/ dưa chuột	Công ty TNHH Nam Bắc
		Vithi-M 70 WP	phần trắng/ rau, thán thư/ dưa hấu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
585	Thiophanate-methyl 36% + Tricyclazole 14%	Pysaigon 50 WP	đạo ôn, vàng lá chín sớm, lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
586	Thiophanate-methyl 25% + Tricyclazole 50%	Winmy 75WP	Vàng lá, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH – TM Thái Phong
587	Thiophanate-methyl 37.5 % + Tricyclazole 37.5%	Travil 75WP	Đạo ôn, vàng lá/lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
588	Thiophanate-methyl 35% + Tricyclazole 37.5%	Gomi 72.5WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP

		Vista 72.5 WP	đạo ôn/ lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
589	Thiophanate-methyl 350g/kg + Tricyclazole 400g/kg	Disco 750WP	Đạo ôn/ lúa, phần trắng/hoa hồng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
590	Thiophanate-methyl 30g/kg + Tricyclazole 720g/kg	Bemeuro super 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
591	Thiophanate-methyl 350g/kg + Tricyclazole 450g/kg	Jia-trimethyl 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
592	Thiophanate-methyl 300g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Bulky 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP CN Hóa chất Nhật Bản Kasuta
593	Thiophanate-methyl 400g/kg + Tricyclazole 400g/kg	Tritop 800WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
594	Thiophanate-methyl 50g/l (200g/kg), (350g/kg) + Tricyclazole 350g/l (200g/kg), (450g/kg)	Sungold 400SC, 400WP, 800WP	400SC: Lem lép hạt, đạo ôn/lúa 400WP, 800WP: Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ
595	Thiram (TMTD)	Pro-Thiram 80 WP, 80 WG	80WP: đốm lá/ phong lan 80WG: khô vằn/lúa, thán thư/ cà phê	Agspec Asia Pte Ltd
596	Triadimefon	Encoleton 25 WP	thối gốc/ khoai tây, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
597	Triadimenol	Bayfidan 250 EC	rỉ sắt/ cà phê	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Samet 25EC	phần trắng/ cao su, rỉ sắt/ cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
598	<i>Trichoderma spp</i>	Promot Plus WP (<i>Trichoderma spp</i> 5.10 ⁷ bào tử/g); Promot Plus SL (<i>Trichoderma koningii</i> 3.10 ⁷ bào tử/g + <i>Trichoderma harzianum</i> 2.10 ⁷ bào tử/g)	WP: thối gốc, thối hạch/ bắp cải; chết cây con/ cải thảo SL: đốm nâu, đốm xám/ chè; thối hạch, thối gốc/ bắp cải	Công ty TNHH Ngân Anh
		TRICÔ-ĐHCT	vàng lá thối rề do <i>Fusarium solani</i> /cây có mùi; chết cây	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời

		10 ⁸ bào tử/g	con/dưa hấu, bí đỏ, lạc, điều; thối rễ/cà phê; tuyến trùng/ cà phê, hồ tiêu; chết cây con/ cải bẹ; thối rễ/ hồ tiêu	
		Vi - ĐK 10 ⁹ bào tử/g	thối rễ/ sầu riêng; lở cổ rễ/ cà chua; chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
599	<i>Trichoderma harzianum</i> 4% + <i>Trichoderma konigii</i> 1%	Tiên tiến 5 WP	Đạo ôn/ lúa	Công ty Hợp danh SH NN Sinh Thành
600	<i>Trichoderma harzianum</i>	Zianum 1.00WP	Chết rạp cây con/cải cúc, lở cổ rễ/cà chua, thối rễ/hồ tiêu, thán thư/ hành, thanh long	Công ty CP Hóc Môn
601	<i>Trichoderma asperellum</i> 80% (8 x 10 ⁷ bào tử/g) + <i>Trichoderma atroviride</i> Karsten 20% (2 x 10 ⁷ bào tử/g)	TricôĐHCT-Lúa von 10 ⁸ bào tử/g WP	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa; khô vằn/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
602	<i>Trichoderma virens</i> J.Miller, Giddens & Foster 80% (8 x 10 ⁷ bào tử/g) + <i>Trichoderma hamatum</i> (Bon.) Bainer 20% (2 x 10 ⁷ bào tử/g)	TricôĐHCT-Phytoph 10 ⁸ bào tử/ g WP	Loét sọc miệng cao/ cao su; xì mũ/ bưởi, sầu riêng, chết nhanh/ hồ tiêu; thối quả/ vải	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
603	<i>Trichoderma viride</i> Pers. 75% (7.5 x 10 ⁷ bào tử/g + <i>Trichoderma harzianum</i> Rifai BGB 25% ((2.5 x 10 ⁷ bào tử/g)	Tricô ĐHCT-Nấm hồng 10 ⁸ bào tử/g WP	Nấm hồng/ cao su, cà phê, sầu riêng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
604	<i>Trichoderma sperellum</i> 80% (8 x 10 ⁷ bào tử/g + <i>Trichoderma harzianum</i> Rifai 20% (2 x 10 ⁷ bào tử/g)	Tricô ĐHCT-Khóm 10 ⁸ bào tử/g WP	Thối nõn/ dưa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
605	<i>Trichoderma konigii</i> M8; M32; M35 1x10 ⁹ CFU/g	Tricô hạt nhân C833 1x10 ⁹ CFU/g WP	Tuyến trùng/ cà phê	Công ty TNHH Tam Nông
606	<i>Trichoderma virens</i> (T.41).10 ⁹ cfu/g	NLU-Tri	chết rạp cây con/ cải ngọt, dưa chuột; héo rũ trắng gốc/ cà chua	Trường ĐH Nông lâm TP Hồ Chí Minh
607	<i>Trichoderma viride</i>	Biobus 1.00 WP	thối gốc, thối hạch, lở cổ rễ/ bắp cải; héo vàng, lở cổ rễ, mốc sương/ cà chua, khoai tây; thối nhũn, đốm lá/ hành; thán thư/ xoài; xì mũ/ sầu riêng; rỉ sắt, nấm hồng, thối gốc rễ, lở cổ rễ/ cà phê; chám xám, thối búp/ chè; chết nhanh, thối gốc rễ/ hồ tiêu	Công ty TNHH Nam Bắc

608	Tricyclazole (min 95 %)	Acdowbimusa 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
		Andozol 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Angate 75WP, 350SC	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Avako 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Nông
		Bamy 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Beam 75 WP	đạo ôn/ lúa	Dow AgroSciences B.V
		Belazole 75 WP	đạo ôn/ lúa	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Bemgreen 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Bemsuper 500SC, 750WG, 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Bidizole 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP SAM
		Bim-annong 20WP, 45SC, 75WP, 75WG, 80WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Bimdownmy 375SC, 750WG, 750WP, 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Bimusa 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Binlazonethai 75WP, 75WG	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Binhtryzol 75 WP	đạo ôn/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Blastogan 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Bn-salatop 80WP, 80WG	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Bpbymys 200WP, 750WP, 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Bsimusu 75 WG, 555SC, 880WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ

Cittizen 75WP, 333SC	đạo ôn/ lúa	Eastchem Co., Ltd
Colraf 20WP, 75 WP, 75WG	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
Danabin 75WP, 80WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Công nghiệp Khoa học Mùa màng Anh-Rê
Dolazole 75 WP, 80WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
Forbine 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thanh Điền
Flash 75 WP, 800WG	đạo ôn/ lúa	Map Pacific PTE Ltd
Frog 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH ADC
Fullcide 25WP, 50SC, 75WP, 760WG, 800WP, 820WP, 860WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
Goldone 75WP, 420SC, 760WG, 810WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
Gremusamy 80WP, 80WG	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Hagro.Blast 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
Hobine 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Hóc Môn
Jiabean 75 WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Kennedy 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
Koszon-New 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH OCI Việt Nam
Lany 75 WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
Lazole TSC 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Lion Agrevo
Lim 20 WP, 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
Newbem 750WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH SX TM & DV Nông Tiến
Newzobim 45SC, 75WG, 75WP, 80WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
Pim.pim 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH P - H

		Pin ấn độ 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú
		Sieubymisa 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Superzole 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Long Hiệp
		Tanbim 800WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Tri 75WG	đạo ôn, khô vằn/ lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
		Tricom 75WG, 75WP	75WG: đạo ôn/ lúa, xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa 75WP: đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Tridozole 45 SC, 75WP, 75WG	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Trione 750WG	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
		Trizole 20 WP, 75WP, 75WG, 400SC	20WP, 75WP, 75WG: đạo ôn lá, cổ bông/ lúa 400SC: đạo ôn/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Uni-trico 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Usabim 75WP	đạo ôn/lúa	Công ty CP Vật tư Liên Việt
		Vace 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Nông Việt
		Vdbimduc 800WG, 820WG	800WG: đạo ôn/ lúa 820WG: lem lép hạt, đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Vibimzol 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Window 75WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Zoletigi 80WP	đạo ôn/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
609	Tricyclazole 200 g/kg + Sulfur 650 g/kg	Centerdorter 850WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH Liên minh Nông nghiệp bền vững
610	Tricyclazole 720 g/kg + Sulfur 140g/kg	Grinusa 860WP	đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
611	Triflumizole (min 99.38%)	TT-Akazole 480SC	Đạo ôn/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
612	Triforine (min 97%)	Saprol 190DC	phấn trắng/ hoa hồng, đạo ôn/lúa, thán thư/ xoài, đốm nâu/ thanh long	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
613	Tổ hợp dầu thực vật (dầu	TP - Zep	đạo ôn, bạc lá, lem lép hạt, đốm sọc vi khuẩn, khô vằn/ lúa;	Công ty TNHH Thành Phương

	màng tang, dầu sả, dầu hồng, dầu hương nhu, dầu chanh)	18EC	mốc sương/ cà chua; đốm nâu, đốm xám, thối búp/ chè; phần trắng, đốm đen/ hoa hồng; nấm muội đen (Capnodium sp)/ nhân	
614	Validamycin (Validamycin A) (min 40 %)	Anlicin 3SL, 5WP, 5SL	3SL, 5WP: khô vằn/ lúa 5SL: khô vằn/ lúa; nấm hồng/ cà phê, cao su	Công ty TNHH An Nông
		Asiamycin super 100SL	khô vằn/ lúa, nấm hồng/ cao su	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd
		Avalin 3 SL, 5SL	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Biovacare 5SL	Nấm hồng/cao su	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Damycine 3 SL, 5 WP, 5SL	3SL: khô vằn/ lúa; lở cổ rễ/ rau cải; thối rễ/ cà chua, khoai tây, bông vải, ngô; héo rũ/ cà chua, khoai tây, dưa chuột, lạc, ngô; nấm hồng/ cao su 5SL, 5WP: khô vằn/ lúa, lở cổ rễ/ rau cải; thối rễ/ cà chua, khoai tây, bông vải, ngô; héo rũ/ cà chua, khoai tây, lạc, dưa chuột; nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Duo Xiao Meisu 3SL, 5SL, 5WP	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Fubarin 20WP	khô vằn/ lúa; lở cổ rễ/ đậu tương, lạc; nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH Nông Sinh
		Haifangmeisu 3SL, 5SL, 5WP, 10WG	3SL: khô vằn/lúa, chết cây con/dưa hấu 5SL: nấm hồng/cao su, khô vằn/lúa, chết cây con/dưa hấu 5WP: khô vằn/ lúa 10WG: khô vằn/ lúa, chết cây con/dưa hấu	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
		Javidacin 5SL, 5WP	5SL: khô vằn/ lúa; nấm hồng/ cao su 5WP: khô vằn/ lúa; lở cổ rễ/ cà chua	Công ty TNHH Việt Đức
		Jinggang meisu 3SL, 5SL, 10WP	3SL: khô vằn/ lúa 5SL, 10WP: khô vằn/ lúa, nấm hồng/ cao su	Công ty CP Nicotex
		Limycin 5SL	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM Thiên Nông
		Natistar 51WG, 100SC	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ
		Navalilusa 3SL, 5SL, 5WP, 10WP	khô vằn/ lúa; chết ẻo cây con/ ớt, bắp cải, thuốc lá, dưa hấu.	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Pinkvali 3SL, 5SL, 50WP	3SL, 50WP: lở cổ rễ/cà chua, khô vằn/lúa 5SL: nấm hồng/ cao su, đốm vằn/ lúa	Công ty CP Hóc Môn
		Qian Jiang Meisu	3SL: Nấm hồng/cao su, khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh

3SL, 5SL, 5WP, 80SL, 240SL	5WP, 240SL: khô vằn/ lúa 5SL: lở cổ rễ/đậu tương; nấm hồng/cà phê, cao su; khô vằn/lúa 80SL: lở cổ rễ/dừa hấu; khô vằn /lúa	
Romycin 5SL	nấm hồng/ cao su	Công ty CP TST Cần Thơ
Tidacin 3SC, 5SL	khô vằn/ lúa, nấm hồng/ cao su	Công ty TNHH - TM Thái Phong
Top-vali 3 SL, 5SL	3SL: khô vằn/ lúa 5SL: mốc hồng/ cà phê, cao su; khô vằn/ lúa	Công ty TNHH SX ND vi sinh Viguato
Tung vali 3SL, 5SL, 5WP	3SL, 5SL: khô vằn/ lúa, nấm hồng/ cao su, lở cổ rễ/ rau cải, cà chua, ớt, bí xanh, dừa hấu, dừa chuột, đậu tương, thuốc lá; bệnh khô cành/ cà phê 5WP: khô vằn/ lúa, lở cổ rễ/ rau cải, cà chua, ớt, bí xanh, dừa hấu, dừa chuột, đậu tương, thuốc lá; bệnh khô cành/ cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Vacin 1.5SL, 5SL	1.5SL: khô vằn/ lúa 5SL: Khô vằn/lúa, nấm hồng/cao su	Công ty TNHH ADC
Vacinmeisu 50WP, 50SL	khô vằn/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Vacony 5SL	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
Vacocin 3SL	khô vằn/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
Vali 3 SL, 5 SL	3SL: khô vằn/ lúa, lở cổ rễ/ đậu 5SL: khô vằn/ lúa, lở cổ rễ/ đậu, nấm hồng/ cà phê, cao su	Công ty CP Nông dược HAI
Valicare 5WP, 8SL	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
Validad 100SL	Nấm hồng/cao su	Công ty CP Bình Điền Mê Kông
Vali TSC 5SL	Nấm hồng/cao su	Công ty CP Lion Agrevo
Vali-navi 5SL, 8SL, 24SL	5SL, 8SL: Nấm hồng/cao su, khô vằn/ lúa 24SL: Khô vằn/lúa	Công ty CP Khử Trùng Nam Việt
Validacin 3SL, 5SL	3SL: khô vằn/ lúa; mốc hồng/ cao su, cà phê 5SL: khô vằn/ lúa, đổ ngã cây con/ rau, mốc hồng/ cao su	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
Validan 3SL, 5SL, 5WP	3SL: khô vằn/ lúa, ngô 5SL: nấm hồng/ cao su; khô vằn/ lúa, ngô; chết cây con/ dừa hấu, bầu bí, lạc, rau cải, đậu cove 5WP: khô vằn/ lúa, ngô; chết cây con/ dừa hấu, bầu bí, lạc, rau cải, đậu cove	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời

Valijapane 3SL, 5SL, 5SP	nấm hồng/ cao su; khô vằn/ lúa; lở cổ rễ/ lạc, đậu tương, cà phê, bông vải	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Valitigi 3SL, 5SL	3SL: khô vằn/ lúa 5SL: bệnh do Rhizoctonia solani gây ra/ lúa, nấm hồng/ cao su	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Valigreen 30 SL, 50SL, 50WP	khô vằn/ lúa, ngô; nấm hồng/ cao su; khô cành/ cà phê; thối gốc/ khoai tây; lở cổ rễ/ bắp cải, bí xanh, đậu đũa, lạc, cà chua	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ Cao
Valivithaco 3 SC, 3SL, 5SL, 5SC, 5WP	3SC: khô vằn/ lúa; nấm hồng/ cà phê, cao su; lở cổ rễ/ cà chua, bắp cải, rau cải; khô vằn/ ngô 3SL, 5SL: khô vằn/ lúa, ngô; nấm hồng/ cao su, cà phê; thán thư/ nhãn, vải; lở cổ rễ/ thuốc lá, thuốc Lào, dưa hấu, dưa chuột, rau cải 5WP: khô vằn/ ngô, lúa; thán thư/ nhãn, vải; lở cổ rễ/ thuốc lá, thuốc Lào, dưa hấu, dưa chuột, rau cải 5SC: khô vằn/ lúa, bệnh chết ẻo/ rau cải; nấm hồng/ cà phê, cao su; lở cổ rễ/ cà chua, bắp cải, rau cải; khô vằn/ ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
Valinhut 5SL	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
Vallistar 3SL, 5SL, 5WP, 10WP	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
Valygold 5SL	Khô vằn/lúa	Công ty CP Nông Việt
Vamylicin 5 SL, 5 WP	5WP: khô vằn/ lúa; lở cổ rễ/ bắp cải 5SL: nấm hồng/ cao su, khô vằn/ lúa; lở cổ rễ/ bắp cải	Công ty TNHH Adama Việt Nam
Villa-fuji 50SL, 100SL	50SL: Nấm hồng/cao su; khô vằn/ lúa 100SL: Lở cổ rễ/ lạc, nấm hồng/ cà phê	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
Vanicide 3SL, 5SL, 5WP, 150WP	3SL: lở cổ rễ/cà chua 5SL: khô vằn/ lúa, thối gốc/ khoai tây, nấm hồng/ cao su, lở cổ rễ/ cà chua 5WP: khô vằn/ lúa, ngô; lở cổ rễ/ cà chua 150WP: thối cổ rễ/cà chua	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Varison 5 WP	khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Sơn Thành
Vida ^(R) 3 SC, 5WP	3SC: khô vằn/ lúa, thối (gốc, rễ)/ rau 5WP: khô vằn/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
V-cin 5 SL	khô vằn/ lúa, nấm hồng/ cao su	Sundat (S) PTe Ltd
Vivadamy 3SL, 5SL, 5SP	3SL: khô vằn/ lúa 5SP: khô vằn/ lúa, mốc hồng/ cao su	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

			5SL: khô vằn/ lúa, mốc hồng/ cao su, nấm hồng/cà phê	
		Voalyđacyn-nhật 5SL	Khô vằn/lúa, nấm hồng/cao su	Công ty TNHH Anh Dẫu Tiền Giang
		Yomivil 108SC, 115WG	Khô vằn/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
615	Zineb	Bp-nhepbun 800WP	thán thư/ dừa hấu	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Guinness 72 WP	phần trắng/ nho, cà chua	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Tigineb 80 WP	mốc sương/cà chua, thối quả/ cây có múi	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Zinebusa 800WP	Đốm vòng/cà chua	Cộng ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Zin 80 WP	mốc sương/ khoai tây, mốc xanh/ thuốc lá, lem lép hạt/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Zineb Bul 80WP	mốc sương/ khoai tây, đốm vòng/ cà chua, lem lép hạt/ lúa, sẹ/ cam, phần trắng/ nho	Agria SA, Bulgaria
		Zinacol 80WP	rụng lá/ cao su	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Zinforce 80WP	lem lép hạt/ lúa, thán thư/ dừa hấu	Forward International Ltd
		Zithane Z 80WP	thối quả/ nho, sương mai/ cà chua	Công ty CP BVTV I TW
		Zodiac 80WP	đốm nâu/ lúa, mốc sương/ cà chua	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
616	Ziram	Ziflo 76WG	đốm vòng/ cà chua; thán thư/ xoài, dừa hấu; vàng lá/ lúa, thán thư/ cà phê	Agspec Asia Pte Ltd
617	Zhongshenmycin (min 95%)	Map strong 3WP	Bạc lá/ lúa; héo xanh/ cà chua	Map Pacific PTE Ltd
3. Thuốc trừ cỏ :				
1	Acetochlor (min 93.3%)	Acepro 50EC	Cỏ/ngô	Công ty CP Futai
		Acetad 900EC	cỏ/ ngô	Công ty CP Bình Điền Mê Kông
		Acvipas 50EC	cỏ/ ngô, mía	Công ty DV NN & PTNT Vĩnh Phúc
		Alibom 500EC	cỏ/lạc, sắn	Công ty TNHH Trường Thịnh

Antaco 500EC	cỏ/ lạc, sắn, ngô, mía, hành	Công ty TNHH Việt Thắng
Antacogold 500EC	cỏ/ ngô, sắn, lạc	Công ty TNHH TM – DV Ánh Dương
Atabar 800EC	Cỏ/ ngô, lạc, mía	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Atas 500EC	Cỏ/ngô	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
Atasco 500EC	Cỏ/lạc	Công ty TNHH Ô tô Việt Thắng
Bpsaco 500EC	Cỏ/ lạc	Công ty TNHH TM Bình Phương
Capeco 500EC	Cỏ/sắn, lạc, ngô, mía	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
Cochet 200WP	cỏ/ lúa cây	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
Dibstar 50EC	cỏ/ đậu tương, ngô, bông vải, lạc, sắn	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Gorop 500EC	Cỏ/ngô, đậu tương	Công ty CP Nông dược HAI
Herbest 50EC	Cỏ/lạc	Công ty TNHH TM - SX Ngọc Yến
Iaco 500EC	Cỏ/đậu tương	Công ty CP Kỹ thuật Dohaledusa
Jia-anco 50EC	cỏ/ đậu tương	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Kamaras 50EC	cỏ/ đậu tương	Công ty CP VTNN Việt Nông
Nistar 500EC	Cỏ/đậu tương	Công ty Cổ phần Nicotex
Missusa 500EC	Cỏ/đậu tương	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Peso 480EC	cỏ/ lạc, mía, sắn, ngô	Công ty CP Hóc Môn
Pestceter 900EC	cỏ/ đậu tương	Công ty CP Xây dựng An Phú
Safe-co 50EC	cỏ/ ngô	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
Saicoba 500EC, 800EC	500EC: cỏ/sắn, mía, lạc, ngô 800EC: cỏ/ ngô, sắn, lạc	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Starco 500EC	cỏ/ lạc	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Tropica 900EC	cỏ/lạc	Shandong Weifang Rainbow

				Chemical Co., Ltd
		Valux 500 EC	cỏ/ sắn	Công ty CP Nông nghiệp HP
2	Acetochlor 12% + Bensulfuron Methyl 2%	Beto 14WP	cỏ/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
3	Acetochlor 145g/kg + Bensulfuron Methyl 25g/kg	Afadax 170WP	cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
4	Acetochlor 14.6 % + Bensulfuron Methyl 2.4 %	Acenidax 17WP	cỏ/lúa cấy	Công ty CP Nicotex
		Arorax 17WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty TNHH Việt Thắng
5	Acetochlor 146 g/kg + Bensulfuron methyl 24g/kg	Bpanidat 170WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty TNHH TM Bình Phương
6	Acetochlor 210g/kg + Bensulfuron Methyl 40g/kg	Aloha 25 WP	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
7	Acetochlor 14.0 % + Bensulfuron Methyl 0.8% + Metsulfuron Methyl 0.2%	Natos 15WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Nicotex
8	Acetochlor 200 g/kg + Bensulfuron Methyl 45g/kg + Metsulfuron methyl 5g/kg	Alphadax 250WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
9	Acetochlor 16 % (500g/l) + Bensulfuron Methyl 1.6% (0.3g/l) + Metsulfuron Methyl 0.4% (0.2g/l)	Sarudo 18WP, 500.5EC	18WP: cỏ/ lúa cấy 500.5EC: cỏ/ sắn, lạc	Công ty TNHH An Nông
10	Acetochlor 160g/kg + Bensulfuron Methyl 16g/kg + Metsulfuron Methyl 4g/kg	Sun- like 18WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
11	Acetochlor 470g/l + Butachlor 30g/l	Rontatap 500EC	cỏ/ đậu tương	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
12	Acetochlor 180g/kg (450g/l), (505g/l) (10g/l) + Metolachlor 15g/kg (5g/l), (10g/l), (725g/l)	Duaone 195WP, 455EC, 515EC, 735EC	195WP: cỏ/ lúa cấy 455EC, 515EC, 735EC: Cỏ/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
13	Acetochlor 415 g/l (410g/l) + Oxyfluorfen 15g/l (40g/l)	Catholis 43 EC, 450EC	cỏ/ lạc	Công ty CP BVTV I TW
14	Acetochlor 15 g/l + Pretilachlor 285 g/l + chất an toàn Fenclorim	Nomefit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Việt Nam

	100g/l			
	Acetochlor 490 g/l + Pretilachlor 10 g/l	Nomefit 500EC	Cỏ/lạc	Công ty CP Nông dược Việt Nam
15	Acetochlor 160g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 40g/kg	Blurius 200WP	cỏ/ lúa cây	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
16	Ametryn (min 96 %)	Amesip 80 WP	cỏ/ mía, ngô	Forward International Ltd
		Ametrex 80 WP, 80WG	cỏ/mía	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Amet annong 500FW, 800WP	500FW: cỏ/ mía, cà phê 800WP: cỏ/ mía	Công ty TNHH An Nông
		Ametsuper 80WP	cỏ/ mía, ngô	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Asarin 800WP	Cỏ/ mía	Công ty TNHH Việt Thắng
		Atryl 80WP	Cỏ/ ngô, mía	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Gesapax® 500SC	cỏ/ mía	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Slimgold 510SC, 810WP	Cỏ/mía	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
17	Ametryn 40% + Atrazine 40%	Atramet Combi 80 WP	cỏ/ mía	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Metrimex 80 WP	cỏ/ mía	Forward International Ltd
18	Ametryn 400g/kg + Atrazine 400g/kg	Animex 800WP	cỏ/ ngô, mía	Công ty CP Nicotex
		Aviator combi 800WP	cỏ/mía	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
		Wamrincombi 800WP	cỏ/mía	Công ty TNHH Việt Thắng
19	Ametryn 40% + MCPA -Sodium 8%	Solid 48WP	cỏ/ mía	Công ty CP Nicotex
20	Ametryn 30% + Simazine 50%	T-P.Metsi 80WP	Cỏ/mía	Công ty TNHH TM Thái Phong
21	Atrazine (min 96 %)	Agmaxzime 800WP	Cỏ/ngô	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
		Amex gold 800WP	Cỏ/ mía	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Atamex 800WP	Cỏ/ngô	Công ty CP Công nghệ NN

				Chiến Thắng
	Atra 500 SC	cỏ/ mía, ngô		Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
	Atra annong 500 FW, 800WP	500FW: cỏ/ mía, ngô 800WP: cỏ/ ngô		Công ty TNHH An Nông
	Atraco 500SC	Cỏ/ ngô		Công ty TNHH Trường Thịnh
	Atranex 80 WP	cỏ/ mía, ngô		Công ty TNHH Adama Việt Nam
	A-zet 80WP	cỏ/ ngô		Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
	Catrazin 800WP	Cỏ/ ngô		Công ty TNHH Phú Nông
	Destruc 800WP	Cỏ/ ngô		Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
	Many 800WP	Cỏ/ ngô		Công ty TNHH BMC
	Maizine 80 WP	cỏ/ ngô, mía		Forward International Ltd
	Mizin 50WP, 80WP, 500SC	50WP: cỏ/ ngô 80WP: cỏ/ mía, ngô 500SC: cỏ/ ngô		Công ty CP BVTV Sài Gòn
	Nitrazin 800WP	cỏ/ ngô		Công ty CP Nicotex
	Sanazine 500 SC	cỏ/ mía, ngô		Longfat Global Co., Ltd.
	Wamrin 500SL, 800WP	500SL: Cỏ/ngô, mía 800WP: Cỏ/ ngô		Công ty TNHH Việt Thắng
	Zimizin 800WP	Cỏ/ ngô		Công ty CP Nông dược Việt Thành
22	Atrazine 250g/l + Mesotrione 25g/l	Calaris Xtra® 275SC	Cỏ/ ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
23	Atrazine 120g/l + Mesotrione 32g/l + S-metolachlor 320g/l	Lumax 472SE	cỏ/ ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
24	Atrazine 500g/kg + Nicosulfuron 10g/kg	Map hope 510WP	cỏ/ ngô	Map Pacific PTe Ltd
25	Atrazine 300g/l + Sulcotrione 125g/l	Topical 425SC	cỏ/ ngô	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
26	Bensulfuron Methyl (min 96 %)	Beron 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Bensurus	cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Nông dược

		10WP		Việt Nam
		Furore 10WP, 10WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Loadstar 10WP, 60WG, 60WP	10WP: cỏ/ lúa gieo thẳng 60WG, 60WP: cỏ/ lúa cây	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Mullai 100WP, 100WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Rorax 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Sharon 100 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Sulzai 10WP	cỏ/ lúa cây, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Vật tư BVTV Phương Mai
27	Bensulfuron Methyl 12% + Bispyribac-sodium 18%	Honixon 30WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
28	Bensulfuron Methyl 0.16g/kg + Butachlor 3.04g/kg	Apoger 3.2GR	cỏ/ lúa cây	Công ty CP Chuyển giao tiến bộ KTNB Nicotex
		Apogy 3.2GR	cỏ/ lúa cây	Công ty CP Nicotex
		One-tri 3.2GR	cỏ/lúa cây	Công ty TNHH BMC
29	Bensulfuron Methyl 1.5% + Butachlor 28.5% + Chất an toàn Fenclorim 10%	Bé bụ 30WP, 30SE	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
30	Bensulfuron Methyl 100g/kg + Cyhalofop butyl 50g/kg + Quinclorac 300g/kg	Haly super 450WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
31	Bensulfuron Methyl 108g/kg (1g/l), (63g/kg), (105g/kg) (55g/kg), 55g/l + Cyhalofop Butyl 1g/kg (1g/l), (1g/kg), (50g/kg), (200g/kg), 105g/l + Quinclorac 10g/kg (255g/l), (343g/kg), (305g/kg), (305g/kg), 200g/l	Topsuper 119WP, 257SC, 407WP, 460WP, 560WP, 360SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
32	Bensulfuron Methyl 2% +	Danox	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế

	Mefenacet 66%	68 WP		SARA
33	Bensulfuron Methyl 30g/kg + Mefenacet 500g/kg	Acocet 53 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Thái Nông
34	Bensulfuron Methyl 9% (4%), (3%) + Mefenacet 1% (46%), (50%)	Wenson 10WP, 50WP, 53WP	10WP: cỏ/ lúa cấy 50WP: cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng 53WP: cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
35	Bensulfuron Methyl 4% + Pretilachlor 36%	Queen soft 40WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Công nghiệp Khoa học Mùa màng Anh-Rê
36	Bensulfuron Methyl 0.7% + Pyrazosulfuron Ethyl 9.3%	Cetrius 10WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
37	Bensulfuron Methyl 5g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 95g/kg	Sirafb 100WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
38	Bensulfuron Methyl 10g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 100g/kg	Rus-Sunri 110WP	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
39	Bensulfuron methyl 0.25g/kg (40g/kg) + Pretilachlor 1.75g/kg (360g/kg)	Droper 2GR, 400WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BMC
40	Bensulfuron Methyl 3.5% + Propisochlor (min 95%) 15%	Fenrim 18.5WP	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV I TW
		Fitri 18.5 WP	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng, lạc	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Pisorim 18.5WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Vitarai 18.5WP	Cỏ/lúa cấy	Công ty TNHH Việt Thắng
41	Bensulfuron Methyl 40g/kg + Propisochlor 160g/kg	Gradf 200WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
42	Bensulfuron Methyl 3% (30g/kg) + Quinclorac 33% (330g/kg)	Cow 36 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Sifata 36WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)

		Tempest 36 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
43	Bensulfuron Methyl 4% + Quinclorac 28%	Quinix 32 WP	cỏ/ lúa	Công ty CP Nicotex
44	Bensulfuron Methyl 6% + Quinclorac 34%	Ankill A 40WP, 40SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
45	Bensulfuron Methyl 50g/kg + Quinclorac 350g/kg	Flaset 400WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
46	Bensulfuron Methyl 90g/l + Quinclorac 450g/l	Newnee 540SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Việt Nam
47	Bensulfuron methyl 7% + Quinclorac 33%	Laphasi 40WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
48	Bensulfuron methyl 30g/kg (5%) + Quinclorac 330g/kg, (40%)	Subrai 36WP, 45WP	Cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty TNHH Việt Thắng
49	Bensulfuron methyl 95g/kg (7g/kg) + Quinclorac 5g/kg (243g/kg)	Rocet 100WP, 250SC	100WP: cỏ/ lúa cấy 250SC: cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
50	Bensulfuron methyl 40g/kg + Quinclorac 560g/kg	Mizujapane 600WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
51	Bentazone (min 96%)	Basagran 480SL	Cỏ/lúa gieo thẳng	BASF Vietnam Co., Ltd.
52	Bentazone 10 % + Quinclorac 20 %	Zoset 30 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV I TW
53	Bentazone 200g/l + Cyhalofop butyl 50g/l + Quinclorac 200g/l	Startup 450SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông Việt
54	Benazolin-ethyl (min 95%) 300g/l + Quizalofop-P-ethyl 50g/l	Shootbis 350EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
55	Benzobicylon (min 97%)	Ang.tieuco 300SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
56	Bispyribac-sodium (min 93 %)	Camini 10SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP TST Cần Thơ
		Danphos 10 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Domino 20 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Faxai	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông nghiệp

		10 SC		Asean Gold
		Horse 10SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
		Janee 10SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Lanina 100SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Maxima 10 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
		Newmilce 100SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Nixon 20WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Nofami 10SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Nomeler 100 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Nominee 10SC, 100OF	10SC: cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng 100OF: cỏ/ lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Nonee-cali 10WP, 100SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Cali - Parimex Inc
		Nonider 10SC, 30WP, 130WP	10SC, 130WP: cỏ/ lúa gieo thẳng 30WP: cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Sipyri 10 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Somini 10 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Sunbishi 10SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Sundat (S) Pte Ltd
		Superminee 10 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Tân Thành
57	Bispyribac-sodium 100g/l + Cyhalofop butyl 200 g/l	TTBye 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Tân Thành
58	Bispyribac-sodium 100g/l + Fenoxaprop-P-Ethyl 50g/l	Morclean 150SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
59	Bispyribac-sodium 40g/l + Metamifop 100g/l	Shishi 140SE	cỏ/ lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
60	Bispyribac-sodium 50g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 100g/l	Nomesuper 150SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Cali – Parimex Inc.
61	Bispyriba-sodium 130g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl	Nomirius super 200WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóa nông Mỹ Việt Đức

	70g/kg			
62	Bispyribac-sodium 70g/l + Quinclorac 180g/l	Supecet 250SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
63	Bispyribac-sodium 20g/l + Quinclorac 250g/l	Newday 270SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ hoá chất Nhật Bản Kasuta
64	Bispyribac-sodium 70g/kg + Quinclorac 430 g/kg	Supernee 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Cali – Parimex Inc.
65	Bispyribac-sodium 15g/l + Thiobencarb 900 g/l	Bisben 915 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
66	Bispyribac-sodium 20g/l + Thiobencarb 600g/l	Bêlêr 620 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
67	Bromacil (min 95%)	DuPont™ Hyvar® - X 80 WP	cỏ/ cây có múi, dừa, vùng đất hoang	DuPont Vietnam Ltd
68	Butachlor 27% + Chất an toàn Fenclorim 0.2%	B.L.Tachlor 27 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
69	Butachlor (min 93%)	B.L.Tachlor 27 WP, 60 EC	27WP: cỏ/ lạc, lúa cấy 60EC: cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Butan 60 EC	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Butanix 60 EC	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng; cỏ/ lạc	Công ty CP Nicotex
		Butavi 60 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cấy, mạ	Công ty DV NN & PTNT Vĩnh Phúc
		Butoxim 5GR, 60EC	cỏ/ lúa, cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Dibuta 60 EC	cỏ/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dietcomam 65EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Echo 60 EC, 60EW	60EC: cỏ/ lúa 60EW: cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty TNHH TM Phát An
		Forwabuta 5GR, 32EC, 60EC	cỏ/ lúa	Forward International Ltd
		Heco 600 EC	cỏ/ lúa, lạc, mía, đậu tương	Công ty CP BVTV I TW
		Kocin 60 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng, lạc	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Lambast 5GR, 60EC	cỏ/ lúa	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
		Machete 5GR, 60EC	cỏ/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

		Meco 60 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Michelle 5GR, 32EC, 62EC	cỏ/ lúa	Sinon Corporation, Taiwan
		Saco 600 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Super – Bu 5BR, 60EC	5BR: cỏ/ lúa cấy 60EC: cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Taco 600 EC	cỏ/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Tico 60 EC	cỏ/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Vibuta 5 GR, 32 EC, 62EC	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
70	Butachlor 600g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Burn-co 60EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Sabuta 600EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Sieunee 600EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Cali – Parimex. Inc.
		Trabuta 60EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
71	Butachlor 620g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Miceo 620EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
72	Butachlor 320g/l + chất an toàn Fenclorim 50g/l	Butafit 320EC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
73	Butachlor 30g/l + Cyhalofop butyl 315g/l	Beeco 345EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
74	Butachlor 400g/l + Penoxsulam 10g/l	Rainbow™ 410SE	Cỏ/lúa gieo thẳng	Dow AgroSciences B.V
75	Butachlor 30g/l + Pretilachlor 300g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Newfit 330EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
76	Butachlor 50 g/l + Pretilachlor 300 g/l + chất an toàn Fenclorim 100 g/l	Newrofit 350EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Omegafit 350EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Topfit one 350EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng

		Xofisasia 350EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP TM & ĐT Bắc Mỹ
77	Butachlor 20g/l + Pretilachlor 300g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	Sofigold 320EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
	Butachlor 270g/kg (365g/l) + Pretilachlor 1g/kg (10g/l)	Sofigold 271WP, 375EC	cỏ/lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
78	Butachlor 90g/l + Pretilachlor 280g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	NewYorkFit-Usa 370EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
79	Butachlor 100g/l + Pretilachlor 300g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	Tacogold 400EC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
80	Butachlor 270g/l (50g/l), (1g/l), (400g/l), (241g/l), (602g/l) + Pretilachlor 1g/l (300g/l),(1g/l), (10g/l), (10g/l), (10g/l) + Propanil 1g/l (5g/l), (506g/l), (200g/l), (350g/l), (10g/l)	Tecogold 272 WP, 355EC, 508SC, 610EC, 601EC, 622EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
81	Butachlor 275g/l + Propanil 275g/l	Butanil 55 EC	cỏ/ lúa	Sinochem International (Oversea) Pte Ltd.
		Butapro 550EC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
		Cantanil 550 EC	cỏ/ lúa	Công ty TNHH TM – DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Danator 55EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Pataxim 55 EC	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Platin 55 EC	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP TST Cần Thơ
		Probuta 550EC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
82	Butachlor 250g/l + Propanil 350g/l	Topbuta 600EC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
83	Butachlor 350g/l + Propanil 350g/l	Soon 70EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
84	Butachlor 275 g/l (600g/l) +	Mototsc 550EC, 650EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo

	Propanil 275 g/l (50g/l)			
85	Butachlor 40% + Propanil 20%	Vitanil 60EC	cỏ/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
86	Butachlor 600 g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 35g/l	Trisacousamy 635EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
87	Cinosulfuron (min 92%)	Cinorice 25WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh
88	Clethodim (min 91.2%)	Cledimsuper 250EC	cỏ/sắn	Công ty TNHH An Nông
		Select 12EC, 240EC	12EC: cỏ/ lạc, đậu tương 240EC: cỏ/ lạc, đậu tương, sắn, vùng	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Xeletsupe 24 EC	cỏ/ lạc	Công ty TNHH - TM ACP
		Wisdom 12EC	cỏ/ lạc, đậu tương, cỏ/sắn	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
89	Clomazone (min 88 %)	Command 36 ME, 48EC	36ME: cỏ/ lúa 48EC: cỏ/ lúa gieo thẳng	FMC Agricultural Products Interational AG
		Akina 48EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Asiagro Pacific Ltd
90	Clopyralid (min 95%)	TĐK clopy 350SL	Cỏ/ngô	Công ty TNHH MTV Lucky
91	Cyhalofop-butyl (min 97 %)	Anlicher 10EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Anstrong 10 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Bangbang 10EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nam Bộ
		Bonzer 10EC, 200EC, 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
		Clear Chor 100EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Clincher 10 EC, 200 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Dow AgroSciences B.V
		Cybu 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Hoá Nông
		Cyhany 250EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM-SX Ngọc Yến
		Elano 20EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Farra 100EW	cỏ/ lúa gieo thẳng	Eastchem Co., Ltd
		Figo 100EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Incher 100EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Koler 10EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC

		Liana 100EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Minh Long
		Linchor 100EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
		Linhtrơ 100EC, 200EW	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Nixcher 100ME, 200EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Slincesusamy 100EC, 200EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Tacher 250EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Topcyha 110EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Topco 200EC, 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH – TM Tân Thành
92	Cyhalofop butyl 10g/l + Ethoxysulfuron 15g/l	Motin.tsc 25EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
93	Cyhalofop butyl 315g/kg + Ethoxysulfuron 30g/kg	Super soil 345WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
94	Cyhalofop Butyl 50g/l (300g/l) + Ethoxysulfuron 20g/l (30g/l)	Supershot 70OD, 330OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
95	Cyhalofop-butyl 100g/l + Ethoxysulfuron 15g/l	Linchor's 115EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
96	Cyhalofop-butyl 100g/l (300g/l) + Ethoxysulfuron 15g/l (30g/l)	Coach 115EC, 330EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
97	Cyhalofop-butyl 100g/l, (330g/l), (330g/kg) + Ethoxysulfuron 15g/l (3g/l), (3g/kg)	Mortif 115EC, 333OD, 333WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
98	Cyhalofop-butyl 300g/kg + Ethoxysulfuron 30g/kg	Laroot 330WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
99	Cyhalofop-butyl 300g/l + Ethoxysulfuron 30g/l	Bushusa 330EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông nghiệp Asean Gold
		Push 330EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH – TM Tân Thành

100	Cyhalofop Butyl 100g/l (170g/kg) + Ethoxysulfuron 10g/l (30g/kg) + Pyrazosulfuron Ethyl 50g/l (100g/kg) + Quinclorac 190g/l (500g/kg)	Sieuco 350SC, 800WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
101	Cyhalofop butyl 90g/l + Ethoxysulfuron 20g/l + Quinclorac 190 g/l	SupertopJapane 300OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
102	Cyhalofop-butyl 100g/l (50g/l) + 5g/l (5g/l) Ethoxysulfuron + 50g/l (120g/l) Quinclorac	Topone 155SE, 175SE	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
103	Cyhalofop butyl 100g/l + Ethoxysulfuron 5 g/l + Quinclorac 55 g/l	Fasta 160SE	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
104	Cyhalofop-butyl 50g/l + Penoxsulam 10g/l	Andoshop 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Anstrong plus 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Calita 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Cleanshot 6 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Clinclip 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Long Hiệp
		Clinton 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông tín AG
		Comprise 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóc Môn
		Compass 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Cypen 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH SX & KD Tam Nông
		Linchor top 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
		Mundo-Super 60OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Điện Thạnh
		Pymeny 60EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - SX Ngọc Yến
		Stopusamy	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX

		60EC		Thôn Trang
		Topgold 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
		Topmost 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
		Topmy 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Rotam Asia Pacific Limited
		Topnhat 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Topshot 60 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Dow AgroSciences B.V
105	Cyhalofop butyl 100g/l + Penoxsulam 10g/l	Topvip 110 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
106	Cyhalofop-butyl 150g/l + Oxaziclomefone (min 96.5%) 150 g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 100g/l	Nosotco 400SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
107	Cyhalofop butyl 55g/l (65g/l) + Penoxsulam 10g/l (10g/l)	Het-shots 65OD, 75OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP TM và Đầu tư Bắc Mỹ
108	Cyhalofop-butyl 60g/l + Penoxsulam 10 g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 20g/l	Topfull 90SE	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
109	Cyhalofop-butyl 120g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 50g/kg	Econogold 170WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
110	Cyhalofop-butyl 50g/l (60g/l), (230g/l), (600g/kg) + Pyrazosulfuron Ethyl 10g/l (30g/l), (70g/l), (150g/kg)	Tossup 60SC, 90SC, 300SC, 750WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
111	Cyhalofop-butyl 50g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 10g/l	Đại tướng quân 60EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
112	Cyhalofop butyl 75g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 50g/l	Shotplus 125SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
113	Cyhalofop butyl 20% + Pyrazosulfuron Ethyl 5% + Quinclorac 30%	Map fanta 550WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd
114	Cyhalofop-butyl 200g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 50g/kg+Quinclorac 350g/kg	Dietcosuper 600WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

115	Cyhalofop butyl 6.0% + Pyribenzoxim 2.5%	Pyanchor gold 8.5EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
116	Cyhalofop butyl 70g/l + Pyribenzoxim 30g/l	ANG-sachco 100EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
117	Cyhalofop butyl 200g/l + Pyribenzoxim 50g/l	Super rim 250EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
118	Cyhalofop-butyl 150g/kg + Quinclorac 500g/kg	CO- 2X 650WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
119	Cyhalofop butyl 150g/kg + Quinclorac 400g/kg	Pitagor 550WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
120	2.4 D (min 96 %)	AD 500SL, 600SL	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		A.K 480SL, 720SL	720SL: cỏ/ lúa, ngô 480SL: cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Aldo 500SL, 800WP, 860SL	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hóc Môn
		Amine 720 SL	cỏ/ lúa, ngô	Zagro Group, Zagro Singapore Pvt Ltd.
		Aminol super 720SL	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Anco 500SL, 600 SL, 720SL, 860SL	500SL: cỏ/lúa gieo thẳng, điều 600SL: cỏ/ lúa cây, lúa gieo thẳng, cỏ/ cà phê 720SL, 860SL: cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Anhdau 2,4D 80WP	cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
		B.T.C 2.4D 80 WP	cỏ/ lúa cây, lúa gieo thẳng	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Baton 60EC, 70EC, 720EC, 960 WSP	60EC, 70EC: cỏ/ lúa 720EC: cỏ/ lúa, mía 960WSP: cỏ/ lúa, cao su	Nufarm Asia Sdn Bhd
		Cantosin 600SL, 720SL	cỏ/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		CO 2.4 D 80WP, 500SL, 600SL, 720SL, 860SL	500SL: cỏ/ lúa 600SL, 80WP: cỏ/ lúa, ngô 720SL: cỏ/ lúa 860SL: cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Colaro 600SL	Cỏ/ ca cao	Công ty CP Kỹ thuật

		Dohaleusa
Damin 80WP, 500SL, 700SL	80WP, 500SL: cỏ/ lúa gieo thẳng 700SL: cỏ/ lúa	Công ty TNHH An Nông
DMA – 6 72 AC	cỏ/ lúa cấy	Dow AgroSciences B.V
Ecoupusa 725 SL	cỏ/ lúa gieo	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
Fullback 720SL	cỏ/ lúa gieo	Công ty CP Lion Agrevo
Hai bon - D 80 WP, 480SL	80WP : cỏ/ lúa, ngô 480SL: cỏ/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
HD-co 2,4 500SL	cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
Lagere 500SL	Cỏ/cao su	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
Lycamba 500SL	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
Madive 725 SL	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
Ni-2,4D 600SL	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
Oui 600SL	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
O.K 683SL, 720SL	683SL: cỏ/ lúa 720SL: cỏ/ ngô, mía	Công ty CP Nông dược HAI
Pro-amine 48 SL, 60SL	48SL: cỏ/ lúa 60SL: cỏ/ lúa, cao su	Imaspro Resources Sdn Bhd
Putra-amine 865SL	Cỏ/lúa gieo thẳng	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
Rada 80WP, 600SL, 720SL	cỏ/ lúa, ngô	Công ty CP BVTV I TW
Sanaphen 600 SL, 720 SL	cỏ/ lúa, mía	Forward International Ltd
Tancovila 480SL	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH SX-TM Tô Ba
Vi 2.4D 80WP, 600SL, 720SL	80WP: cỏ/ lúa 600SL, 720SL: cỏ/ lúa, ngô	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
Zaap 720 SL	cỏ/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
Zico 45WP, 48SL, 80WP, 96WP, 520 SL,	48SL, 720SL, 850SL: cỏ/ lúa, ngô 80WP, 96WP: cỏ/ lúa, mía	Công ty CP BVTV Sài Gòn

		720SL, 850SL	520SL, 45WP: cỏ/ lúa	
121	Dalapon (min 85%)	Dipoxim 80 SP	cỏ/ mía, xoài, vùng đất chưa canh tác	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Vilapon 80 WP	cỏ/ mía, cây có múi	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
122	Dicamba (min 97%)	Rainvel 480SL	cỏ/cà phê	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
123	Dicamba 3% + Glyphosate 17%	Eputin 20SL	cỏ/ cà phê, cao su	Công ty CP Giải pháp Nông nghiệp Tiên Tiến
124	Diuron (min 97 %)	Ansaron 80WP, 500SC	80WP: cỏ/ mía, cà phê, sắn 500SC: cỏ/ mía	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		BM Diuron 80 WP	cỏ/ mía, vùng đất chưa trồng trọt	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
		D - ron 80 WP	cỏ/ mía, vùng đất không trồng trọt	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Karmex® 80 WP	cỏ/ mía, chè, sắn	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Go 80WP	cỏ/ mía	Nufarm Asia Sdn Bhd, Malaysia
		Misaron 80 WP	cỏ/ mía, dứa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Sanuron 800WP, 800SC	800WP: cỏ/ mía, cà phê 800SC: cỏ/ bông vải, chè	Forward International Ltd
		Suron 80 WP	cỏ/ mía, bông vải	Công ty CP Nông dược HAI
		Trilla plus 80WG	Cỏ/ mía	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Vidui 80 WP	cỏ/ mía, chè	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
125	Ethoxysulfuron (min 94 %)	Canoda 15WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Minh Long
		Map salvo 200WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd
		Moonrice 15 WG	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Kiên Nam
		Run life 15WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Sun-raise nongphat 15WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH – TM Nông Phát
		Sunrice 15 WG	cỏ/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)

126	Ethoxysulfuron 20g/l + Fenoxaprop-P-Ethyl 69g/l	Turbo 89 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
127	Ethoxysulfuron 20g/kg + Fenoxaprop-P-Ethyl 69g/kg	T-ptubos 89 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Thái Phong
128	Ethoxysulfuron 12.5% + Iodosulfuron-methyl-sodium (min 91%) 1.25%	Sunrice super 13.75WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Bayer Vietnam Ltd. (BVL)
129	Ethoxysulfuron 35 g/l (35g/kg) + MCPA 100g/l (100g/kg) + Pyrazosulfuron Ethyl 15g/l (15g/kg)	Kiss 150EC, 150WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
130	Ethoxysulfuron 23g/kg + Quinclorac 230 g/kg	Map Top-up 253 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd
131	Fenoxaprop-P-Ethyl (min 88 %)	anRUMA 6.9 EC, 75SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Cawip 7.5 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP TST Cần Thơ
		Challenger 6.9EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Sundat (S) PTe Ltd
		Golvips 7.5 EW	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Quip-s 7.5 EW	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
		Web Super 7.5 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Wipnix 7.5 EW	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Whip'S 6.9 EC, 7.5EW	6.9EC: cỏ/ lúa gieo thẳng 7.5EW: cỏ/ lúa, lạc	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
132	Fenoxaprop-P-Ethyl 45g/l + 2.4 D 70g/l + MCPA 210g/l	Tiller S EC	cỏ/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
133	Fenoxaprop-P-Ethyl 75g/l (100g/kg) + Pyrazosulfuron Ethyl 50g/l (150g/kg) + Quinclorac 250g/l (225g/kg) + chất an toàn Fenclorim 50g/l (25g/kg)	Runtop 375SC, 775WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
134	Fenopxaprop-P-Ethyl	Topgun	cỏ/ lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd.

	130g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 70g/kg + Quinclorac 500g/kg	700WG, 700WP		
135	Fenoxaprop-P-Ethyl 8g/l + Pyribenzoxim 50g/l	Pyan - Plus 5.8EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
136	Flazasulfuron (min 95%)	Voi đỏ 750WP	Cỏ/ mía	Công ty TNHH An Nông
137	Fluazifop-P-Butyl (min 90%)	Fuquy 150EC	Cỏ/ sắn	Công ty CP BVTV I TW
		Onecide 15EC	Cỏ/ lạc, đậu tương, sắn, bông vải, dưa hấu	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Oneness 15EC	Cỏ/ lạc	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Sai-one 15EC	Cỏ/ lạc	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Uni-Weedout 15EC	cỏ/sắn	Công ty TNHH World Vision (VN)
138	Flucetosulfuron (min 98%)	Luxo 10WG	cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cấy	LG Life Sciences Ltd.
139	Flufenacet (min 95 %)	Tiara 60 WP	cỏ/ lúa cấy	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
140	Fomesafen (min 95%)	Gorich 250SL	cỏ/ đậu tương	Công ty CP Nông dược HAI
		Midori 25SL	cỏ/ đậu tương	Công ty CP Hóc Môn
141	Glufosinate ammonium (min 95 %)	Basta 15 SL	cỏ/ ca cao	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Jiafosina 150SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Jianon Biotech (VN)
		Fasfix 150SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Glu-elong 15SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Nuximsuper 20SL	cỏ/ ngô	Công ty TNHH Phú Nông
		Sinate 150SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Hóc Môn
		T-p glophosi 15SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH TM Thái Phong
142	Glyphosate (min 95%)	Accinosat 480SL	cỏ/ vải	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Agfarme S	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH BVTV

480 SL		An Hưng Phát
Agri-Up 380SL, 480 SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH - TM Thái Nông
Amiphosate 480SL	cỏ/ cao su	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
Anraidup 480SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
Aphosate 41 SL	Cỏ/ cao su	Asiagro Pacific Ltd
Banzote 76 WG, 480SL	cỏ trên đất không trồng trọt	Công ty CP Nông nghiệp HP
B - Glyphosate 41 SL	cỏ/ cà phê, cao su	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
Bipiphosate 480SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM Bình Phương
Bizet 41 SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Sinon Corporation, Taiwan
BM - Glyphosate 41 SL	cỏ/ cà phê, vùng đất chưa trồng trọt, đất hoang	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
Bn-kocan 480SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Bảo Nông Việt
Bravo 480 SL	cỏ/ vải thiều, cao su, cà phê	Công ty CP BVTV I TW
Calione 482SL	Cỏ/vải	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
Confron 480SL	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
Cantosate 480SC	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP Lion Agrevo
Canup 480SL, 600SL, 360SL, 757SG	480SL: Cỏ/ cà phê, đất không trồng trọt 360SL, 757SG, 600SL: Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM DV Ánh Dương
Carphosate 16 SL, 41SL, 480SL	16SL: cỏ/ sầu riêng, cà phê, vùng đất không trồng trọt 41SL: cỏ/ chôm chôm, cao su, vùng đất không trồng trọt 480SL: cỏ/ cao su, cà phê	Công ty TNHH TM – DV Thanh Sơn Hóa Nông
Clowdup 480SC	cỏ/ cà phê	Cali - Parimex Inc
Clean-Up 480SL	cỏ/ điều, cao su	Map Pacific Pte Ltd
Clear Off 480 SL	cỏ/ đất chưa trồng trọt	Công ty TNHH - TM Nông Phát
Clymo-sate 410SL, 480SL	410SL: cỏ/cao su, đất không trồng trọt 480SL: cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
Clyphosam 480SL	cỏ/vải	Công ty CP SAM

Confore 480SL	cỏ/ cao su	Công ty TNHH ADC
Cosmic 41SL	cỏ/ chè, cây có múi	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
Daiwansa 41SL, 480SL, 75.7WG	41SL: cỏ/đất không trồng trọt 480SL: cỏ/ cà phê 75.7WG: cỏ/ vải	Công ty CP Futai
Dibphosate 480 SL	cỏ/ quýt, vùng đất không trồng trọt	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Dophosate 480SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
Dosate 75.7WG, 480SC	75.7WG: cỏ/ vải 480SC: cỏ/ cao su	Công ty CP Đồng Xanh
Dream 480SC	cỏ/ cây có múi, cao su	Công ty CP Nông dược HAI
Ecomax 41 SL	cỏ/ cây cọ dầu, cao su, chè, cà phê	Crop Protection (M) Sdn Bhd
Encofosat 48 SL	cỏ/ cà phê, cao su	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
Farm 480 SL	cỏ/ cao su	Công ty TNHH Adama Việt Nam
Galop 410SL	cỏ/ cao su	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
Glisatigi 480SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Gly - Up 480 SL	cỏ/ cao su, chè, cà phê, cây có múi, xoài, vùng đất chưa gieo cấy lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
Glycel 41SL	cỏ/ cao su, điều	Excel Crop Care Limited
Glyphadex 360SL, 750SG	360SL: cỏ/ cây có múi, vùng đất chưa gieo cấy lúa 750SG: Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Baconco
Glyphosan 480SL, 757SG	480SL: cỏ/ cây ăn quả, cà phê 757SG: Cỏ/cao su	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
Glyxim 41 SL	cỏ/ cây có múi, chè	Forward International Ltd
Gly-zet 480 SL	cỏ/ đất chưa trồng trọt	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
Go Up 480 SC	cỏ/ cao su, cam	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Goodsat	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH MTV

480SL		Gold Ocean
Grassad 480SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP Bình Điền MeKong
Grosate 480SC	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH VT NN Tuấn Lâm
Haihadup 480SL	cỏ/cao su	Công ty TNHH Thần Nông Việt
Hdphosan 480SL	cỏ/vải	Công ty TNHH QT Nông nghiệp vàng
Hillary 480SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM-SX GNC
Hosate 480 SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP Hóc Môn
Helosate 48 SL	cỏ/ cây có múi, cao su	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
Higlyphosan 480SL	cỏ/ vải	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
Huiup 48SL	cỏ/cà phê	Huikwang Corporation
Jiaphosat 41SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Kanup 480SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH Việt Thắng
Ken - Up 160 SC, 480SC	160SC: cỏ/ cà phê, đất hoang 480SC: cỏ/ cây có múi, cao su	Sino Ocean Enterprises Ltd.
Killer 490SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Kopski 480SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP VTNN Việt Nông
Landup 480SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Nông dược Agriking
Liptoxim 480SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
Lyphoxim 41SL, 396SL, 75.7WG	41SL: cỏ/ cao su, chè, vùng đất chưa canh tác 396SL: cỏ/ bờ ruộng lúa 75.7WG: cỏ/cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Lyrin 410SL, 480SL, 530SL	480SL: cỏ/ cây có múi 410SL: cỏ/ cao su 530SL: cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

Mamba 480SL	cỏ/ cao su, cây có múi, vùng đất hoang	Dow AgroSciences B.V
Markan 480SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
Mobai 48SL	cỏ/ cà phê, cao su	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
Newsate 480SC	cỏ tranh, cỏ hỗn hợp/ cam, cà phê, đất không trồng trọt	Công ty CP TST Cần Thơ
Niphosate 160 SL, 480SL, 757SG	160SL: cỏ/ cao su, đất không trồng trọt, đất hoang 480SL: cỏ/ cao su, đất không trồng trọt 757SG: cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Nicotex
Nonopul 41 SL	cỏ/ cao su	FarmHannong Co., Ltd.
Nufarm Glyphosate 16SL, 41SL, 160SL, 480SL, 600SL	16SL: cỏ/ cao su, cây có múi 41SL: cỏ/ cà phê, cao su 160SL: cỏ/ cao su, cọ dầu 480SL: cỏ/ cây có múi, trang trại, điều, cà phê, cao su 600SL: cỏ/ cao su	Nufarm Asia Sdn Bhd
Nuxim 480 SL	cỏ/ cam, đất không trồng trọt	Công ty TNHH Phú Nông
Partup 480 SL	cỏ/ đất chưa trồng trọt	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
Pengan 480SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Trường Thịnh
Perfect 480 SL	cỏ/ cao su, dừa, chè, đất không trồng trọt	Công ty TNHH OCI Việt Nam
Piupannong 41 SL, 360SL, 480SL, 620SL	41SL, 360SL, 620SL: cỏ/ đất chưa trồng trọt 480SL: cỏ/ đất chưa gieo cấy lúa	Công ty TNHH An Nông
Raoupsuper 480 SL	cỏ/ cao su	Công ty TNHH - TM ACP
Ridweed RP 480 SL	cỏ/ cao su	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
Roundup 480 SC	cỏ/ cam, cao su, cọ dầu, vùng đất chưa trồng trọt	Công ty TNHH Dekalb Việt Nam
Rubbersate 480SL, 757SG	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
Shoot 16SL, 41SL, 300SL, 660SL	16SL, 41SL: cỏ/ cao su, cà phê 300SL, 660SL: cỏ/ cao su	Imaspro Resources Sdn Bhd
Sunerin 480SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
Sunup 48SL	cỏ/ đất chưa trồng trọt	Sundat (S) Pte Ltd

		Supremo 41SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
		Tansate 480SL	cỏ/ cao su	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Thanaxim 41SL	cỏ/ cao su	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Thadosate 480SL	cỏ/cao su	Công ty CP Thanh Điền
		Tiposat 480 SC	cỏ/ cà phê, xoài	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Trangsate 480SC	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Tryphosate 480SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Cây trồng Bình Chánh
		Uni-glystar 41SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Upland 480SL	cỏ trên đất không trồng trọt	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Weedout 480SL	cỏ/cà phê	Công ty TNHH Agritech
		VDC-phosat 480SL	cỏ/vải	Công ty TNHH Việt Đức
		Vifosat 240SL, 480SL	240SL: cỏ/ cao su, đất không trồng trọt, cà phê 480SL: cỏ/ cao su, cây có múi	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Yenphosate 48SL	cỏ/ bưởi	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
143	Glyphosate IPA Salt 13.8% + 2.4 D 13.8%	Gardon 27.6 SL	cỏ/ vùng đất không trồng trọt	Công ty CP BVTV Sài Gòn
144	Glyphosate IPA Salt 24% + 2.4 D 12 %	Bimastar 360 SL	cỏ/ cao su	Nufarm Asia Sdn Bhd, Malaysia
145	Glyphosate IPA salt 360g/l + Metsulfuron methyl 15g/l	Weedall 375 SL	cỏ/ cam	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
146	Glyphosate IPA salt 480g/l + Metsulfuron methyl 5g/l	Clear-up super 485SL	cỏ/cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
147	Glyphosate 37.8% + Oxyfluorfen 2.2%	Phorxy 40 WP	cỏ trên đất không trồng trọt	Công ty TNHH Trường Thịnh
148	Glyphosate IPA Salt 5g/l + Paraquat 195g/l	Gaxaxone 200SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
149	Glyphosate ammonium (min 95.5%)	Biogly 88.8 SP	cỏ/ cà phê, cao su; trừ cây trình nữ thân gỗ	Công ty TNHH Nông Sinh

150	Glyphosate trimesium	Hd-Glyphotop 480SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
151	Glyphosate dimethylamine	Rescue 27 SL	cỏ/ cao su	Imaspro Resources Sdn Bhd
152	Glyphosate potassium salt (min 95%)	Genosate 480SL	cỏ/cam, cà phê	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
		Glypo-x 480SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP BVTV Kiên Giang
		Maxer 660 SC	cỏ/ cà phê, thanh long, bưởi, cam, quýt, cao su, đất không trồng trọt, ngô chuyển gen chống chịu thuốc trừ cỏ chứa hoạt chất Glyphosate	Công ty TNHH Dekalb Việt Nam
153	Halosulfuron methyl (min 95%)	Halosuper 250WP	cỏ/lúa gieo thẳng, mía, ngô	Công ty TNHH An Nông
154	Haloxyp-P-R-Methyl Ester (min 94%)	Gallant Super 10 EC	cỏ/ lạc, sắn	Dow AgroSciences B.V
		Uni-Kickdown 10EC	cỏ/lạc	Công ty TNHH World Vision (VN)
155	Imazapic (min 96.9%)	Cadre 240 SL	cỏ/ mía, lạc, lúa gieo thẳng	BASF Vietnam Co., Ltd.
156	Imazethapyr (min 97%)	Dzo Super 10SL	cỏ/ lạc, đậu tương, đậu xanh	Map Pacific PTE Ltd
		Rutilan 10SL	cỏ/lạc	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
157	Imazosulfuron (min 97 %)	Quissa 10 SC	cỏ/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
158	Indanofan (min 97%)	Infansuper 150EC	cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH An Nông
159	Indaziflam (min 93%)	Becano 500SC	cỏ/cao su, cam, cà phê, chè	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
160	Isoxaflutole (min 98%)	Merlin 750 WG	cỏ/ ngô	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
161	Lactofen (min 97 %)	Combrase 24EC	cỏ/ lạc, sắn	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
162	MCPA (min 85 %)	Tot 80WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
163	Mefenacet (min 95 %)	Mecet 50 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông
164	Mefenacet 39% + Pyrazosulfuron Ethyl 1%	Fezocet 40WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh

165	Mefenacet 5g/kg (470g/kg) + Pyrazosulfuron Ethyl 95g/kg (30g/kg)	Pylet 100WP, 500WP	100WP: cỏ/ lúa cây, lúa gieo thẳng 500WP: cỏ/ lúa gieo thẳng	Cali – Parimex. Inc.
166	Metamifop (min 96%)	Coannong 200EC	cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH An Nông
		Obatop 100EC	cỏ/lúa gieo	Công ty TNHH Liên Minh Nông Nghiệp Bền Vững
167	Metazosulfuron (min 88%)	Ginga 33WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
168	Metolachlor (min 87%)	Aqual 960EC	Cỏ/lạc	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Dana - Hope 720EC	cỏ/ lạc, ngô, bông vải	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Hasaron 720 EC	cỏ/ đậu tương	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
		Maestro 960EC	Cỏ/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
169	Metolachlor 620g/l + Trifluralin 130g/l	Hypeclean 750EC	Cỏ/sản	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
170	S -Metolachlor (min 98.3%)	Dual Gold® 960 EC	cỏ/ lạc, ngô, đậu tương, bông vải, mía	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
171	Metribuzin (min 95 %)	Sencor 70 WP	cỏ/ mía, khoai tây	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
172	Metsulfuron Methyl (min 93 %)	Alliance 20 WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
		Alyando 200WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Alyalyaic 200WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Alygold 200WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Alyrice 200WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Alyrate 200WG	Cỏ/lúa cây	Công ty CP Hatashi Việt Nam
		Alyrius 200WG	cỏ/ lúa cây, đất không trồng trọt	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

		Anly Gold 200WG	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Dany 20 WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		DuPont™ Ally® 20 WG	cỏ/ lúa, cao su	DuPont Vietnam Ltd
		Metsy 20WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Nolaron 20 WG	cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Long Hiệp
		Soly 20WG	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Long Hưng
		Super-Al 20 WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
173	Metsulfuron methyl 7g/kg + Pyrazosulfuron Ethyl 148g/kg	Newrius 155WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
174	Mesotrione (min 97%)	Tik grass 15SC	Cỏ/ ngô, mía	Công ty CP XNK Thọ Khang
175	Molinate 327g/l + Propanil 327g/l	Prolinate 65.4 EC	cỏ/ lúa	Forward International Ltd
176	Nicosulfuron (min 94%)	Duce 75WG	cỏ/ngô	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Farich 40SC	cỏ/ngô	Công ty CP Nông dược HAI
		Luxdan 75WG	cỏ/ngô	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
		Minarin 500WP	cỏ/ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
		WelkinGold 800WP	cỏ/ngô	Công ty TNHH An Nông
177	Orthosulfamuron (min 98%)	Kelion 50WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
178	Oxadiargyl (min 96%)	A Safe-super 80WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty TNHH BVTV Đại Dương
		Raft® 800WP, 800WG	800WP: cỏ/ lúa, đậu tương, lạc, hành tây 800WG: cỏ/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
179	Oxadiazon (min 94%)	Antaxa 250 EC	cỏ/ lạc	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Ari 25 EC	cỏ/ ngô, lúa gieo thẳng, lạc	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		Binhoxa 25 EC	cỏ/ lúa, lạc, đậu tương	Bailing Agrochemical Co., Ltd

		Canstar 25 EC	cỏ/ lạc, lúa sạ khô, hành	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Ronata 25EC	cỏ/ đậu xanh	Công ty CP Nicotex
		RonGold 250 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng, lạc, đậu tương	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Ronstar 25 EC	cỏ/ lúa, lạc	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
180	Oxadiazon 100g/l + Propanil 304g/l	Calnil 404EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
181	Oxaziclomefone (min 96.5%)	Full house 30SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
182	Paraquat (min 95%)	Agamaxone 276 SL	cỏ/ ngô	Công ty TNHH TM An Hưng Phát
		Alfaxone 20 SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Axaxone 200SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Cali - Parimex Inc.
		Best top 20SL	cỏ/ đất chưa trồng trọt	Sinon Corporation, Taiwan
		BM - Agropac 25SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Behn Meyer Agcare LLP
		Catoxon TSC 200SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Lion Agrevo
		Cỏ cháy 20 SL, 420SL	cỏ/ đất chưa trồng trọt	Công ty TNHH An Nông
		Domaxon 276SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Dracofir 42SL	cỏ/ đất không trồng trọt, cà phê	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
		Exuma 210SL	cỏ/đất không trồng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Fagon 20SL	cỏ/ cà phê, ngô, đất không trồng trọt	Công ty CP Nông dược HAI
		Fansipan 200SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
		Forxone 20SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Forward International Ltd
		Gfaxone 20 SL, 40SL	cỏ/ đất chưa trồng trọt	Công ty TNHH Việt Thắng
		Gfaxon gold 20SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Ô tô Việt Thắng

Gramoxone® 20 SL	cỏ trong ruộng, cỏ bờ ruộng/ lúa, ngô; cỏ/ sắn, mía, cao su, cà phê, đậu tương, điều, khoai lang, đất không trồng trọt, thuốc lá, bông vải	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
Gronmanxone 276SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Us.Chemical
Hagaxone 20SL	cỏ/ cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
HD-Gpaxone 276SL	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
Heroquat 278 SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
Jiaquat 20SL	cỏ/ đất chưa trồng trọt	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
K.waka 200SL	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
Lagoote 210SL	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
Lanmoxone 20SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH SX-TM & DV Thu Loan
Megastart 276SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
Nimaxon 20 SL, 30SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP Nicotex
Owen 20SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP Nông nghiệp HP
Para.dx 20SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP Đồng Xanh
Paranex 20SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH Adama Việt Nam
Paraxon 20 SL	cỏ/ ngô	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
Parato 276SL	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty TNHH BMC
Paride 276SL	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP BVTV Kiên Giang
Pesle 276 SL	cỏ/ cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Power up 275SL	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
Quack-adi 200SL	Cỏ/ đất không trồng trọt	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
Quash 276SL	cỏ/đất không trồng trọt	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
Ramaxone gold 276SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành

		Rapid 276SL	Cỏ/đất không trồng trọt	Công ty CP Hóc Môn
		Rubvin 276SL	Cỏ/ ca cao, đất không trồng trọt	Công ty TNHH Hoá chất Đại Nam Á
		Thaiponxon 200SL	cỏ/đất không trồng trọt	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Tungmaxone 20 SL	cỏ/ ngô, đất không trồng trọt	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Uniquat 20SL	cỏ/ cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Volcan 276 SL	cỏ/ đất không trồng trọt	Asia Care Solutions Ltd.
		Zizu 20SL	cỏ/ ngô	Công ty TNHH ADC
183	Pendimethalin (min 90 %)	Accotab 330 EC	cỏ/ lạc, lúa gieo thẳng; diệt chồi/ thuốc lá	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Pendi 330 EC	cỏ/ lạc, diệt chồi nách/thuốc lá	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Pendipax 500EC	cỏ/lúa gieo thẳng	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Vigor 33 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng, đậu tương, ngô, lạc	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
184	Pentoxazone (min 97%) 250g/l (600g/kg) + Pyrazosulfuron Ethyl 50g/l (100g/kg)	Kimpton 300SC, 700WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
185	Penoxsulam (min 98.5%)	Clipper 250D, 240SC	250D: cỏ/ lúa gieo thẳng 240SC: cỏ/ lúa gieo thẳng, cỏ/lúa cấy	Dow AgroSciences B.V
186	Penoxsulam 0.01% + Phân NPK 99.8%	Quantum 0.01GR	cỏ/ lúa gieo thẳng	Dow AgroSciences B.V
187	Pretilachlor	Agrofit super 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Cali - Parimex Inc.
		Difit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Nông Phát
188	Pretilachlor 300g/l + chất an toàn Dibarim 100 g/l	Sonic 300 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
189	Pretilachlor 300g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Acofit 300 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Ansiphit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Bigson-fit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Ceo 300EC	Cỏ, lúa cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Phú Nông

Chesaco 300EC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH King Elong
Denofit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
Dodofit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
Fenpre 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh
Jiafit 30EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Ladofit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
Legacy 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nam Bộ
Map - Famix 30EC, 30EW	30EC: lúa cỏ/ lúa gieo thẳng 30EW: cỏ/lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd
Nông gia-an 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM Thái Phong
Nichiral 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
Rice up 300EC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
Sotrafix 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Starfit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
Super-kosphit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH OCI Việt Nam
Supperfit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
Tophiz 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Eastchem Co., Ltd
Trihamex 300EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
Tung rice 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Sofit® 300 EC	cỏ, lúa cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
Venus 300 EC	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Vithafit 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
Vifiso 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng

				Việt Nam
		Xophicusa 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Xophicloinong 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH US.Chemical
		Xophicannong 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Weeder 300EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM-SX Ngọc Yến
190	Pretilachlor 300g/l (360g/l) + chất an toàn Fenclorim 100g/l (120g/l)	Chani 300EC, 360EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
191	Pretilachlor 300g/l (342g/kg) + chất an toàn Fenclorim 100g/l (114g/kg)	Prefit 300EC, 342WP	300EC: cỏ/ lúa 342WP: cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV I TW
192	Pretilachlor 310g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	Robin 310EC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
193	Pretilachlor 350g/l + chất an toàn Fenclorim 120g/l	Sonata 350EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Trường Thịnh
194	Pretilachlor 360 g/l + chất an toàn Fenclorim 150g/l	Dietmam 360EC	cỏ, lúa cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH ADC
		Tanfit 360EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Tomtit 360EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
195	Pretilachlor 400g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l	Nanoxofit Super 400EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
196	Pretilachlor 400g/l + Chất an toàn Fenclorim 120g/l	Accord 400EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
197	Pretilachlor 500g/l + Chất an toàn Fenclorim 150g/l	Cleanco 500EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Delta Cropcare
198	Pretilachlor 360g/l (500g/l) + chất an toàn Fenclorim 150g/l	Wind-up 360EC, 500EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH – TM Tân Thành
199	Pretilachlor 330g/kg + Bensulfuron methyl 40g/kg	Premium 370WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)

	+ chất an toàn Fenclorim 110g/kg			
200	Pretilachlor 40 % + Pyrazosulfuron Ethyl 1.4%	Trident 41.4 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH UPL Việt Nam
201	Pretilachlor 300 g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 15g/l	Novi mars 315EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông Việt
202	Pretilachlor 310.5g/l (364.5g/l) + 0.5g/l, (0.5g/l) Pyribenzoxim + Chất an toàn Fenclorim 100g/l (155g/l)	Hiltonusa 311EC, 365EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
	Pretilachlor 1g/l (300g/l), (1g/l) + Pyribenzoxim 51g/l (20g/l), (31g/l)	Hiltonusa 52EC, 320EC, 32EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
203	Pretilachlor 300g/l + Pyribenzoxim 20g/l	Eonino 320EC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hoá nông Lúa Vàng
		Solito® 320 EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
204	Propanil (DCPA) (min 95 %)	Map-Prop 50 SC	cỏ/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Propatox 360 EC	cỏ/ lúa	Forward International Ltd
		Bm Weedclean 80WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
205	Propanil 200g/l + Thiobencarb 400g/l	Satunil 60 EC	cỏ/ lúa, cỏ/ lúa gieo thẳng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
206	Profoxydim (min 99.6%)	Tetris 75 EC	cỏ/ lúa	BASF Vietnam Co., Ltd.
207	Propaquizafop (min 92%)	Agil 100EC	cỏ/ vải, lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
208	Propyrisulfuron (min 94%)	Zeta one 10SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
209	Propisochlor 200g/kg + Pyrazosulfuron ethyl 50g/kg	V-T Rai 250WP	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
210	Pyrazosulfuron Ethyl (min 97%)	Aicerus 100WP	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Amigo	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM

		10 WP		ACP
		Ansius 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Buzanon 10WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	FarmHannong Co., Ltd.
		Herrice 10 WP	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh
		Pyrasus 10WP	cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Nicotex
		Rossiitalia 100WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM Thôn Trang
		Rus-annong 10WP, 200SC, 700WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Russi 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Saathi 10 WP	cỏ/ lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Silk 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Sirius 10 WP, 70WG	cỏ/ lúa cấy, lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
		Sontra 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Star 10 WP	cỏ/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Starius 100 WP	cỏ/ lúa cấy	Cali – Parimex. Inc.
		Surio 3 WP, 10 WP	cỏ/ lúa cấy	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Sunriver 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Sunrus 100WP, 150SC, 150WP	100WP: cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cấy 150SC, 150WP: cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Tungrius 10WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Virisi 25 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vu gia 10 WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
211	Pyrazosulfuron Ethyl 0.6% + Pretilachlor 34.4%	Parany 35WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
212	Pyrazosulfuron Ethyl 5g/l +	Parany 300EC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX

	Pretilachlor 295g/l + Chất an toàn Fenclorim 100g/l			Ngọc Yến
213	Pyrazosulfuron Ethyl 2.0 % + Quinclorac 32.5 %	Accura 34.5WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
214	Pyrazosulfuron Ethyl 30g/kg + Quinclorac 220g/kg	Genius 25WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
215	Pyrazosulfuron Ethyl 3% (3%) + Quinclorac 25% (47%)	Sifa 28WP, 50WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Đồng Xanh
216	Pyrazosulfuron Ethyl 3% + Quinclorac 47%	Nasip 50WP	cỏ/ lúa gieo thẳng, lúa cấy	Công ty CP Nicotex
		Siricet 50WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
217	Pyrazosulfuron Ethyl 30g/l + Quinclorac 470g/l	Sunquin 50SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Sundat (S) Pte Ltd
218	Pyrazosulfuron Ethyl 30g/kg (15g/l) + Quinclorac 470g/kg (235g/l)	Fasi 50 WP, 250 OD	cỏ/ lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd.
219	Pyrazosulfuron Ethyl 50g/l + Quinclorac 200g/l	Ozawa 250SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
220	Pyrazosulfuron Ethyl 70g/l + Quinclorac 180g/l	Socet 250SC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Cali – Parimex Inc.
221	Pyrazosulfuron Ethyl 50g/l + Quinclorac 250g/l	Viricet 300 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
222	Pyrazosulfuron Ethyl 50g/kg + Quinclorac 450g/kg	Bomber TSC 500WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Lion Agrevo
		Quinpyrad 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Bình Điền Mê Kông
		Quipyra 500WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông Việt
		Sitafan 500WP	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Tanrius 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Vinarius 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược Việt Nam
223	Pyrazosulfuron Ethyl	Andophasi 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP XNK Nông dược

	30g/kg + Quinclorac 470g/kg			Hoàng Ân
		Ozawa 500WP	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
224	Pyrazosulfuron Ethyl 40g/kg (40g/kg) + Quinclorac 515g/kg (565g/kg)	Famirus 555WP, 605WP	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
225	Pyribenzoxim (min 95 %)	Decoechino 30EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
		Kenji 30EC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Vỹ Tâm
		Pyanchor 3EC, 5EC	3EC: cỏ/ lúa 5EC: cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Pysaco 30EC	Cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
226	Quinclorac (min 99 %)	Adore 25SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nông dược HAI
		Angel 25 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH - TM ACP
		Clorcet 50WP, 250SC, 300SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Cali – Parimex. Inc.
		Dancet 25SC, 50WP, 75WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Denton 25SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH Kiên Nam
		Ekill 25 SC, 37WG, 80WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Map Pacific PTE Ltd
		Facet ^(R) 25 SC	cỏ/ lúa	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Farus 25 SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Fasetusa 250SC	cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Fony 25 SC, 300SC, 360SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Forwacet 50 WP, 250SC	50WP: cỏ/ lúa 250SC: cỏ/ lúa gieo thẳng	Forward International Ltd
		Naset 25SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Nicotex
		Nomicet 250 SC, 500 WP	250SC: cỏ/ lúa gieo thẳng 500WP: cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

		Paxen - annong 25SC, 500WG	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty TNHH An Nông
		Tancet 250SC	Cỏ/lúa gieo thẳng	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Vicet 25SC	cỏ/ lúa gieo thẳng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
227	Quizalofop-P-Ethyl (min 98 %)	Broadsafe 200EC	Cỏ/ đậu tương	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Cariza 5 EC	cỏ/ đậu tương, sắn	Công ty CP Nicotex
		Fagor 50EC	cỏ/ sắn	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
		Greensun 50EC	Cỏ/ lạc	Công ty TNHH Nam Nông Phát
		Hetcocan 5EC	Cỏ/sắn	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Maruka 5EC	Cỏ/sắn, lạc, vùng, đậu tương	Công ty TNHH BMC
		Targa Super 5 EC	cỏ/ lạc, sắn, bông vải, đậu tương, vùng, khoai mỡ	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
		TT-Jump 5EC	cỏ/đậu tương	Công ty TNHH TM Tân Thành
228	Quizalofop-P-tefuryl	Nuxim gold 40EC	Cỏ/ đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
229	Sethoxydim (min 94 %)	Nabu S 12.5 EC	cỏ/ lúa, đậu tương	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
230	Simazine (min 97 %)	Sipazine 80 WP	cỏ/ mía, ngô	Forward International Ltd
		Visimaz 80 WP	cỏ/ ngô, cây ăn quả	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
231	Tebuthiuron (min 99%)	Tebusan 500 SC	cỏ/ mía	Dow AgroSciences B.V
232	Topramezone (min 96%)	Clio 336SC	cỏ/ ngô	BASF Vietnam Co., Ltd
233	Triclopyr butoxyethyl ester	Garlon 250 EC	cỏ/ cao su, lúa gieo thẳng, mía	Dow AgroSciences B.V
234	Trifluralin (min 94 %)	Triflurex 48 EC	cỏ/ đậu tương	Công ty TNHH Adama Việt Nam

4. Thuốc trừ chuột:				
1	Alkaloid (chiết xuất bằng nước từ cây lá ngón)	Dacu-M 0.386GR	Chuột/ đồng ruộng	Công ty CP Công nghệ Việt Hóa
2	Brodifacoum (min 91%)	Diof 5DP	Chuột/ đồng ruộng	Công ty CP Enasa Việt Nam
		Klerat® 0.005% Wax block bait, 0.005 pellete	0.005 % Wax block bait: chuột/ nhà, kho tàng, chuồng trại, đồng ruộng, nơi công cộng 0.005 pellete: chuột trong quần cư, nhà kho	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Forwarat 0.05%, 0.005 %	chuột/ đồng ruộng, quần cư	Forward International Ltd
		Vifarar 0.005% AB	chuột/ đồng ruộng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
3	Bromadiolone (min 97%)	Antimice 0.006 GB	chuột/đồng ruộng	Công ty CP ENASA Việt Nam
		Bellus 0.005 AB	chuột/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Broma 0.005 AB	chuột/ lúa	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Cat 0.25 WP	Chuột/ đồng ruộng	Công ty CP TST Cần Thơ
		Hicate 0.25WP	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH SP Công nghệ cao
		Killrat 0.005 Wax block	chuột/ đồng ruộng, quần cư	Forward International Ltd
		Lanirat 0.005 GR	chuột/ trang trại, kho tàng, quần cư	Novartis Animal Health Inc.
		Racumin 0.0375 PA, 0.75TP	0.0375PA: chuột/ ruộng lúa, nhà kho, trang trại 0.75TP: chuột/ đồng ruộng, kho, trang trại	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
5	Diphacinone (min 95%)	Gimlet 800SP	Chuột/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Kaletox 200WP, 500WP, 800WP	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Linh miêu 0.5WP	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH TCT Hà Nội
6	Flocoumafen (min 97.8%)	Coumafen 0.005% wax block	chuột/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Storm	chuột/ đồng ruộng, quần cư	BASF Vietnam Co., Ltd.

		0.005% block bait		
7	Sulfur 33% + Carbon	Woolf cygar 33 %	chuột trong hang	Công ty CP Giải pháp Nông nghiệp Tiên Tiên
8	Warfarin	Killmou 2.5DP	chuột/đồng ruộng	Công ty CP ENASA Việt Nam
		Ran part 2% DS	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Rat K 2% DP	chuột/ đồng ruộng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Rasger 20 DP	chuột/đồng ruộng	Công ty CP Nông dược QT Nhật Bản
		Rat-kill 2% DP	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Rodent 2DP	chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
9	Zinc Phosphide (min 80 %)	Fokeba 20CP	chuột/ đồng ruộng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Zinphos 20CP	chuột/ đồng ruộng	Công ty CP BVTV Sài Gòn

5. Thuốc điều hoà sinh trưởng:

1	α -Naphthyl acetic acid	Acroots 10SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		HQ - 301 Fructonic 1% SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, ngô, cà phê, nho	Cơ sở Nông dược sinh nông, Tp. HCM
2	ANA, 1- NAA + β -Naphthoxy Acetic Acid (β -N.A.A) + Gibberellic acid - GA3	Kích phát tổ hoa - trái Thiên Nông	kích thích sinh trưởng/ cà phê, lúa, vải, nhãn, đậu, lạc, cà chua, ớt, dưa, bầu bí, cây có múi, bông vải	Công ty Hóa phẩm Thiên nông
3	ATCA 5.0 % + Folic acid 0.1 %	Samino 5.1 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
4	Auxins 11mg/l + Cytokinins 0.031mg/l + Gibberellic 6.0mg/l	Kelpak SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, thanh long, bắp cải, chè, dưa hấu, cam, nho, cà phê	Công ty TNHH Việt Hoá Nông
5	Brassinolide (min 98%)	Dibenro 0.15WP, 0.15EC	kích thích sinh trưởng/ lúa, đậu tương, ngô, dưa chuột, hoa cúc, cải xanh, xoài.	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Cozoni	kích thích sinh trưởng/ lúa, chè	Công ty CP Nicotex

		0.1 SP, 0.0075 SL		
		Nyro 0.01 SL, 0.1SP	0.01SL: Kích thích sinh trưởng/ cam, lúa, cải xanh, ớt, xoài 0.1SP: Kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Rice Holder 0.0075SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Chengdu Newsun Crop Science Co., Ltd.
		TT-biobeca 0.1SP	kích thích sinh trưởng/ lúa, bắp cải, cà chua	Công ty TNHH TM Tân Thành
6	Brassinolide 2g/kg + Salicylic acid 150g/kg	Bracylic 152WP	kích thích sinh trưởng/ cải xanh, lúa	Công ty TNHH An Nông
7	Cytokinin (Zeatin)	3 G Giá giòn giòn 1.5WP	kích thích sinh trưởng/ giá đậu xanh	Công ty TNHH Ngân Anh
		Acjapanic 1.6WP	Kích thích sinh trưởng/lúa, thanh long	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Agsmix 0.56 SL	kích thích sinh trưởng/ bắp cải, chè	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Agrispon 0.56 SL	kích thích sinh trưởng/ bắp cải, lạc, lúa	Cali – Parimex. Inc.
8	Cytokinin 0.1% + Gibberellic 0.05%	Sieutonic 15WG	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á châu
9	Dịch chiết từ cây <i>Lychnis viscaria</i>	Comcat 150 WP	kích thích sinh trưởng/ chè, nho, nhãn, sắn, cam, dâu tây, vải thiều, xoài, thanh long, dưa hấu, cải bó xôi, bắp cải, cà chua, dưa chuột, bí đao, hành, họ, cà rốt, lúa, ngô, đậu tương, phong lan; ức chế bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá, giúp lúa phục hồi, tăng trưởng; xử lý hạt giống để điều hoà sinh trưởng/lúa, ngô	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
10	Ethephon (min 91%)	Adephone 2.5 PA, 48SL	2.5PA: kích thích mủ/ cao su 48SL: kích thích ra hoa/ dừa, kích thích mủ/ cao su	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Callel 2.5 PA	kích thích mủ/ cao su	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Dibgreen 2.5 PA	kích thích mủ/ cao su	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Effort 2.5 PA	kích thích mủ/ cao su	Công ty CP Nông dược HAI
		Elephant 5 PA	Kích thích mủ/ cao su	Công ty CP Đồng Xanh
		Ethrel 10PA, 480SL	kích thích mủ/ cao su	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Forgrow 2.5 PA, 5 PA, 10 PA	kích thích mủ/ cao su	Forward International Ltd

		Kinafon 2.5 PA	Kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH Kiên Nam
		Latexing 2.5PC, 5PC	kích thích mủ/ cao su	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd
		Lephon 40SC	Kích thích sinh trưởng / cao su	Công ty TNHH MTV SNY
		Mamut 2.5 PA	Kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Revenue 25PA	Kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Sagolalex 2.5 PA	kích thích mủ/ cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		TB-phon 2.5LS	Kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH SX – TM Tô Ba
		Telephon 2.5 LS	kích thích/ mủ cao su; kích thích ra hoa/ xoài, nhãn, thanh long, cây cảnh	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
11	Forchlorfenuron (min 97%)	Acura 10SC, 10WG	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
12	Fugavic acid	Siêu to hạt 25 SP	kích thích sinh trưởng lúa, ngô, lạc, hồ tiêu	Công ty TNHH TM - SX Phước Hưng
13	Fulvic acid	Siêu Việt 250SP, 300SL, 700SP	250SP, 700SP: kích thích sinh trưởng/ lúa, cải bẹ xanh, cải bó xôi, chè 300SL: kích thích sinh trưởng/ lúa, đậu xanh, cà phê, cải xanh	Công ty TNHH An Nông
		Supernova 250SP, 300SL, 700SP	250SP, 700SP: kích thích sinh trưởng/ lúa, cải bẹ xanh, chè 300SL: kích thích sinh trưởng/ cà phê, đậu xanh, cải ngọt, lúa	Công ty TNHH US.Chemical
14	Gibberellic acid (min 90%)	Ac Gabacyto 50TB, 100SP, 100TB, 200TB, 200WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
		Agrohigh 2SL, 3.8EC, 10SP, 18TB, 20SP, 20TB, 40SP	2SL: kích thích sinh trưởng/ lúa, bắp cải, hoa cúc 3.8EC: kích thích sinh trưởng/ chôm chôm 10SP, 20SP, 40SP: kích thích sinh trưởng/ lúa, bắp cải 18TB: kích thích sinh trưởng/ cải bó xôi, cà chua, dưa chuột 20TB: kích thích sinh trưởng/ lúa, cà phê	Công ty TNHH Kiên Nam
		Ankhang 20WT	kích thích sinh trưởng/ lúa, cà chua, đậu tương, chè, cải bẹ, ngô, dưa chuột	Công ty TNHH Trường Thịnh

Arogip 100SP, 200TB	100SP: kích thích sinh trưởng/ lúa, cải bẹ xanh 200TB: kích thích sinh trưởng/ cam, đậu cove	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
A-V-Tonic 10WP, 18SL, 20WP, 50TB	10WP: kích thích sinh trưởng/cải xanh, hoa hồng, lúa 18SL: kích thích sinh trưởng/cải xanh, dưa chuột, lúa, cam 20WP: kích thích sinh trưởng/ cải xanh, dưa chuột, hoa hồng, lúa 50TB: kích thích sinh trưởng/ cải xanh, dưa chuột, hoa hồng	Công ty TNHH Việt Thắng
Azoxim 20SP	kích thích sinh trưởng/ chè, lúa	Công ty CP Nicotex
Bebahop 40WP	kích thích sinh trưởng/ cà chua, bắp cải, dưa chuột, hoa hồng, chè, lúa	Công ty TNHH Nông Sinh
Colyna 200TB	điều hoà sinh trưởng/lúa, thanh long, cà phê, cà chua, hồ tiêu, vải, chè	Công ty CP Nông dược HAI
Đầu Trâu KT Supper 100 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
Dogoc 5TB, 20TB	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
Dovagib 20TB	Kích thích sinh trưởng/sầu riêng, xoài, dưa hấu, nhãn	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
Falgro 10SP, 13TB, 18.4TB	10SP, 13TB: kích thích sinh trưởng/ lúa, nho, thanh long, dưa hấu, cam, bắp cải, chè 18.4TB: kích thích sinh trưởng/ thanh long, bắp cải, chè, cam, lúa, dưa hấu, nho	Công ty TNHH Hoá nông Lúa Vàng
G3Top 3.33SL, 20TB, 40SG	kích thích sinh trưởng/ lúa, bắp cải, dưa hấu, đậu tương, xoài	Công ty TNHH Phú Nông
GA ₃ Super 50TB, 100TB, 100SP, 200TB, 200 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH US.Chemical
Gibbeny 10WP, 20TB	10WP: kích thích sinh trưởng/ dưa chuột 20TB: kích thích sinh trưởng/ lúa, dưa chuột, rau cải xanh, đậu tây	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
Gib ber 0.54 SP, 1.5TB, 2SP, 2SL, 4TB, 10SP, 10TB, 20TB, 40WG	0.54SP, 1.5TB: kích thích sinh trưởng/ lúa 2SP: kích thích sinh trưởng/ rau cần, xoài, cam, dưa hấu 2SL: kích thích sinh trưởng/ rau cần, rau cải, cà chua, chè 4TB: kích thích sinh trưởng/ lúa, chè, thanh long 10SP: kích thích sinh trưởng/ lúa, xoài	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

	10TB: kích thích sinh trưởng/ chè, hoa hồng 20TB: kích thích sinh trưởng/ rau cải, thanh long 40WG: kích thích sinh trưởng/ cam	
Gibbone 50TB	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
Gibgro 10SP, 20TB	10SP: kích thích sinh trưởng/ lúa 20TB: kích thích sinh trưởng/ rau cải, bắp cải, thanh long	Nufarm Ltd, Australia
Gibline 10SP, 20TB	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Gibta 20TB	kích thích sinh trưởng/ lúa, dưa chuột, dưa hấu, đậu	Bailing Agrochemical Co., Ltd
Gippo 20TB	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH ADC
Gibow 50TB, 200WP, 200TB	50TB: Kích thích sinh trưởng/thanh long 200WP: Kích thích sinh trưởng/lúa 200TB: Điều hoà sinh trưởng/ thanh long	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
Goliath 1SL, 4SL, 10SP, 16TB, 20TB, 20SP, 20WP	1SL, 4SL: kích thích sinh trưởng/ lúa, thanh long, nho, cà phê, hồ tiêu 10SP: kích thích sinh trưởng/ lúa 16TB, 20TB, 20SP, 20WP: kích thích sinh trưởng/ nho, thanh long, cà phê, hồ tiêu.	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
Greenstar 20EC, 20TB	kích thích sinh trưởng/ lúa, chè	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
Highplant 10 WP	điều hoà sinh trưởng lúa	Công ty CP Đồng Xanh
Kích phát tổ lá, hạt Thiên Nông GA - 3	kích thích sinh trưởng/ dâu nuôi tằm, thuốc lá, artiso, cỏ chăn nuôi, rau gia vị, đậu, nho, làm giá đậu	Công ty Hóa phẩm Thiên nông
Megafarm 50TB, 200WP	50TB: kích thích sinh trưởng/ lúa, vải, chè, cà phê, dưa hấu 200WP: kích thích sinh trưởng/ lúa, rau cải, hoa hồng, xoài, cam	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
Map-Combo 10WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Map Pacific PTE Ltd
NanoGA3 50TB, 100WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
ProGibb 10 SP, 40%SG	10SP: kích thích sinh trưởng/ chè, lúa, bắp cải, đậu Hà lan, cà chua, cà rốt, cải thảo, cần tây, cà phê, hồ tiêu 40%SG: kích thích sinh trưởng/ lúa, bắp cải, đậu Hà lan, cà chua, cà rốt, cải thảo, cần tây, thanh long, nho, cà phê, hồ tiêu	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
Proger 20 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Nông
Sitto Mosharp 15 SL	kích thích sinh trưởng/ sắn, cà rốt	Công ty TNHH Sitto Việt Nam

		Starga3 20TB	Kích thích sinh trưởng /lúa, chè	Công ty CP Hatashi Việt Nam
		Stinut 5 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, lạc, đậu đũa, cà chua, dưa chuột, bắp cải, chè, cam quýt, hoa hồng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Super GA ₃ 50TB, 100TB, 100SP, 200WP, 200TB	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Tony 920 40EC	kích thích sinh trưởng/ lúa, chè, dưa hấu	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Tungaba 5TB, 20TB	5TB: kích thích sinh trưởng/ lúa, bắp cải, cải thảo, cà chua, dưa chuột, dưa hấu, nho, đậu xanh, đậu tương, chè, cà phê, hồ tiêu, điều, cây có mùi, xoài, nhãn 20TB: kích thích sinh trưởng/ lúa, dưa chuột, dưa hấu, đậu cove, cà chua, bắp cải, chè	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Vertusuper 1SL, 100SP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ
		Vigibb 1SL, 1WP, 16 TB, 20TB, 100SP, 200WP	16TB: kích thích sinh trưởng/ lúa 1SL, 1WP, 20TB, 100SP, 200WP: kích thích sinh trưởng/ lúa, chè, dưa chuột, rau cải	Công ty TNHH SX & TM Viễn Khang
		Vimogreen 1.34 SL, 1.34 WP, 1.34TB, 10SG, 10TB	1.34SL: kích thích sinh trưởng/ cải xanh, nho, lúa 1.34WP: kích thích sinh trưởng/ cải xanh, cây cảnh, hoa 1.34TB: kích thích sinh trưởng/ lúa, cải xanh, cải cúc, nho, phong lan 10SG: Kích thích sinh trưởng/ dưa hấu, lúa, nho, cải xanh, xoài, cà phê, nhãn, quýt 10TB: Kích thích sinh trưởng/ dưa hấu, nho, nhãn, quýt, cải xanh, xoài	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Zhigip 4TB	kích thích sinh trưởng/ rau cải	Công ty TNHH MTV Tô Nam Biotech
15	Gibberellic acid (1.8% GA ₄ + 1.8% GA ₇)	TT A7 3.6EC	Kích thích sinh trưởng /lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
16	Gibberellic 0.3g/kg (0.5g/l), (0.5g/kg) + [N 10.7g/kg (10.5g/l), (10.5g/kg) + P ₂ O ₅ 10g/kg (20g/l), (20g/kg) + K ₂ O 10g/kg (20g/l), (20g/kg) + Vi lượng]	Yomione 31GR, 51SL, 51WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
17	Gibberellic acid 0.3g/kg (0.4g/l), (0.4g/kg) + N 10.7g/kg (10.6g/l), (10.6g/kg) + P ₂ O ₅ 10g/kg	Lucasone 31GR, 41SL, 41WP	kích thích sinh trưởng/vải	Công ty TNHH Pháp Thụy Sĩ

	(10g/l), (10g/kg) + K ₂ O 10g/kg (20g/l), (20g/kg) + Vi lượng			
18	Gibberellin 10% + Calciumglucoheptonate 6% + Boric acid 2%	Napgibb 18SP	kích thích sinh trưởng/ lúa, bưởi	Công ty TNHH Đồng Bằng Xanh
19	Gibberellic acid 2% + Cu 5% + Zn 5% + Fe 4% + Mg 3% + Mn1%.	Sitto Keelate rice 20SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
20	Gibberellic acid 20g/l + Cu 36g/l + Zn 50g/l + Mg 16g/l + Mn 16g/l + B 1g/l + Mo 1g/l + Glysine amino acid 40g/l.	Sitto Give-but 18 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
21	Gibberellic acid 1g/l + NPK 9 g/l + Vi lượng	Lục điệp tố 1 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, đậu tương	Viện Bảo vệ thực vật
22	Gibberellic acid 1% + 5% N+ 5% P ₂ O ₅ + 5% K ₂ O + Vi lượng	Super sieu 16 SP, 16 SL	16SP: kích thích sinh trưởng/ lúa, dưa chuột, dưa hấu, cà chua, đậu cove, bắp cải, chè 16SL: kích thích sinh trưởng/ lúa, bắp cải, cải thảo, cà chua, dưa chuột, dưa hấu, nho, đậu xanh, đậu tương, chè, cà phê, hồ tiêu, điều, cây có múi, nhãn, xoài	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
23	Gibberellic acid 1g/l, (1g/kg) + N 70g/l, (70g/kg) + P ₂ O ₅ 25g/l, (25g/kg) + K ₂ O 25g/l, (25g/kg) + vi lượng	Gibusa 176SL, 176WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
24	Hymexazol (min 98%)	Higro 30WP	Kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Tachigaren 30 SL	điều hoà sinh trưởng/ lúa, hoa cúc; héo vàng/dưa hấu, chết cây con do nấm/lạc	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
25	Mepiquat chloride (min 98 %)	Animat 40SL	kích thích sinh trưởng/ lạc	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Mapix 40SL	kích thích sinh trưởng/ bông vải; điều hoà sinh trưởng lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
26	Nucleotide (Adenylic acid, guanylic acid, cytidylic acid, Uridylic acid)	Anikgold 0.5SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Sunsuper	kích thích sinh trưởng/ vải	Công ty CP Thuốc BVTV

		0.5SL		Việt Trung
27	Nucleotide 0.4 g/kg (0.5g/l) + Humic acid 3.4 g/kg (4g/l)	Subaygold 3.8GR, 4.5SL	3.8GR: Kích thích sinh trưởng/ chè, dưa chuột, lúa 4.5SL: Kích thích sinh trưởng /lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
28	1-Naphthylacetic acid (NAA)	RIC 10WP	kích thích sinh trưởng/ cà phê; điều hoà sinh trưởng/chanh dây, cà chua, lúa, quýt, hồ tiêu, hoa hồng, nho	Công ty TNHH DV KH KT Khoa Đăng
29	α -Naphthyl Acetic Acid (α - N.A.A) + β - Naphthoxy Acetic Acid (β -N.A.A)	Vipac 88	dùng để xử lý hạt (ngâm) và dùng để phun cho lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
30	α -Naphthyl Acetic Acid (α - N.A.A) + β - Naphthoxy Acetic Acid (β -N.A.A)	Viprom	dùng để chiết cành hồ tiêu, cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
31	α -Naphthyl Acetic Acid (α - N.A.A) + β -Naphthoxy Acetic Acid (β -N.A.A)	Vikiپی	kích thích sinh trưởng ra hoa, đậu quả/ xoài, cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
32	β -Naphthoxy Acetic Acid	ViTĐQ 40	kích thích sinh trưởng, tăng đậu quả/ cà chua, nhãn, kích thích tăng đậu quả/ điều	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
33	α -Naphthalene Acetic Acid (α -N.A.A)	HD 207 1 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Hợp chất ra rễ 0.1 SL	kích thích ra rễ, giâm cành, chiết cành/ cam, hoa hồng	Công ty CP Lion Agrevo
34	α -Naphthalene Acetic Acid (α -N.A.A) + NPK + vi lượng	Flower - 95 0.3 SL	kích thích sinh trưởng/ xoài, sầu riêng, nhãn, lúa	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
35	Oligoglucan	Enerplant 0.01 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa, cà chua, đậu Hà Lan, dâu tây, chè, mía	Công ty TNHH Ngân Anh
36	Paclobutrazol (min 95 %)	Atomín 15 WP	kích thích sinh trưởng/ lạc, lúa	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		Bidamin 15 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa, lạc	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Bonsai 10 WP, 25SC	10WP: kích thích sinh trưởng/ lúa 25SC: kích thích sinh trưởng/ lúa	Map Pacific PTE Ltd
		BrightStar 25 SC	điều hoà sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Dopaczol 15WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
		Kihora 15WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP DV KT NN

				TP Hồ Chí Minh
		Lunar 150WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Newbosa 100WP, 150WP, 250SC	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Paclo 10SC, 15WP, 15SC	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Palove gold 15WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH TM DV Đức Nông
		Parlo 15WP, 25SC, 25WP	Kích thích sinh trưởng /lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Paxlomex 15WP	kích thích sinh trưởng/ lúa, lạc	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
		Propac 20WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Mekong
		Sài gòn P1 15 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Stopgrowth 15 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Thanh Điền
		Super Cultar Mix 15 WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Ngân Anh
		Zuron 150WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
37	Polyphenol chiết xuất từ than bùn và lá cây vải (<i>Litchi chinesis sonn</i>)	Chocaso 0.11 SL	kích thích sinh trưởng/ chè, lúa	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh
38	Polyphenol chiết xuất từ cây hoa hòe (<i>Sophora japonica</i> L. Schott)	Lacasoto 4SP	kích thích sinh trưởng/ lúa, sắn, đậu tương, khoai lang, khoai tây, ngô, lạc	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh
39	Polyphenol chiết xuất từ than bùn và lá, vỏ thân cây xoài (<i>Mangifera indica</i> L)	Plastimula 1SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, lạc, dưa chuột, bắp cải, cà chua, cải xanh, đậu tương, ớt, cà rốt, đậu xanh; xử lý hạt giống để tăng sức đề kháng của cây lúa đối với bệnh vàng lùn do virus	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh
40	Pyraclostrobin (min 95%)	Headline 100CS, 200FS, 250EC	100CS: Đạo ôn, lem lép hạt/lúa 200FS: Xử lý hạt giống điều hoà sinh trưởng/ ngô 250EC: kích thích sinh trưởng/ngô, cà phê, đậu tương, lạc	BASF Vietnam Co., Ltd
41	Pyraclostrobin 133g/l + Epoxiconazole 50g/l	Opera 183SE	Kích thích sinh trưởng/ lạc, cà phê	BASF Vietnam Co., Ltd.

42	Sodium-5-Nitroguaiacolate 3g/l + Sodium-O-Nitrophenolate 6g/l + Sodium-P- Nitrophenolate 9g/l	Atonik 1.8SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, hoa, cây cảnh	Công ty TNHH ADC
43	Sodium-5-Nitroguaiacolate 0.3% + Sodium-O-Nitrophenolate 0.6% + Sodium-P-Nitrophenolate 0.9%	ACXONICannong 1.8SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Ausin 1.8 EC	kích thích sinh trưởng/ lúa	Forward International Ltd
		Gonik 1.8SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
		Katonic-TSC 1.8SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
44	Sodium-5-Nitroguaiacolate 0.2% + Sodium-O-Nitrophenolate 0.4% + Sodium-P-Nitrophenolate 0.6%	Better 1.2 SL	kích thích sinh trưởng/ lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
45	Sodium-O- Nitrophenolate 0.71% + Sodium-P-Nitrophenolate 0.46% + Sodium-5-Nitroguaiacolate 0.23%	Alsti 1.4 SL	kích thích sinh trưởng/ hoa hồng, lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
46	Sodium-5-Nitroguaiacolate 0.3% + Sodium-O-Nitrophenolate 0.4% + Sodium-P-Nitrophenolate 0.7%	Kithita 1.4 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
47	Sodium-P-nitrophenolate 9g/l + Sodium-O-nitrophenolate 6g/l + Sodium-5-nitroguaiacolate 3g/l + Salicylic acid 0.5g/l	AGN-Tonic 18.5SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH An Nông

48	Sodium-5- Nitroguaiacolate (Nitroguaiacol) 0.3% + Sodium-O- Nitrophenolate (Nitrophenol) 0.6% + Sodium-P- Nitrophenolate (Nitrophenol) 0.9% + Sodium - 2,4 Dinitrophenol 0.15%	Daiwanron 1.95SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Futai
		Dotonic 1.95 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Jiaddonix 1.95 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Litosen 1.95 EC	kích thích sinh trưởng/ lúa	Forward International Ltd
49	Sodium-5- Nitroguaiacolate (Nitroguaiacol) 0.085% + Sodium-O- Nitrophenolate (Nitrophenol) 0.185% + Sodium-P- Nitrophenolate (Nitrophenol) 0.285% + Sodium - 2,4 Dinitrophenol 0.035%	Litosen 0.59 GR	kích thích sinh trưởng/ lúa	Forward International Ltd
50	Sodium-5- Nitroguaiacolate (Nitroguaiacol) 3.45g/l + Sodium-O- Nitrophenolate (Nitrophenol) 6.9g/l + Sodium-P- Nitrophenolate (Nitrophenol) 10.35g/l + Sodium - 2,4 Dinitrophenol 1.73g/l	Ademon super 22.43SL	Xử lý hạt giống để kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Dekamon 22.43 SL	kích thích sinh trưởng/ lúa	P.T.Harina Chem Industry Indonesia
51	1-Triacontanol (min 90%)	Tora 1.1SL	kích thích sinh trưởng/ lúa, lạc, ngô, ớt	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
52	Uniconazole (min 90%)	Sarke 5WP	kích thích sinh trưởng/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Stoplant 5WP	điều hoà sinh trưởng/ lúa, lạc	Công ty CP Đồng Xanh

6. Chất dẫn dụ côn trùng :

1	Methyl Eugenol	Jianet 50EC	ruồi đục quả/ roi, dưa hấu	Công ty CP Jianon Biotech
---	----------------	-------------	----------------------------	---------------------------

				(VN)
2	Methyl eugenol 75 % + Dibrom 25 %	Vizubon D	ruồi đục quả/ buri	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
3	Methyl Eugenol 85% + Imidacloprid 5%.	Acdruoivang 900 OL	ruồi đục quả/ cây có múi	Công ty TNHH MTV Lucky
4	Methyl Eugenol 75% + Naled 25%	Dacusfly 100SL	ruồi đục quả/thanh long	Công ty TNHH SX TM DV Tô Đăng Khoa
5	Methyl Eugenol 90% + Naled 5%	Flykil 95EC	ruồi đục quả/ ổi	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
6	Methyl Eugenol 900g/l + Naled 50g/l	T-P Nongfeng 950SL	ruồi đục quả/ nhãn	Công ty TNHH TM Thái Phong
7	Methyl Eugenol 700g/l + Propoxur 100 g/l	Dr.Jean 800EC	ruồi đục quả/ cam	Công ty TNHH US.Chemical
8	Methyl Eugenol 60% + Propoxur 10%	Vizubon-P	ruồi đục quả/ cây có múi	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
9	Protein thủy phân	Ento-Pro 150SL	ruồi hại quả/ cây có múi, mận, đào, ổi, vải, dứa, hồng, thanh long, táo, lê, đu đủ, khế, na, quýt hồng bì, mướp, mướp đắng, hồng xiêm, gấc, bí đỏ, trứng gà, bí xanh, cà, ớt	Công ty CP Công nghệ sinh học An toàn Việt Nam

7. Thuốc trừ ốc:

1	Cafein 1.0% (1.5%) + Nicotine Sulfate 0.2% (0.3%) + Azadirachtin 0.05% (0.08%)	Tob 1.25GR, 1.88GR	1.25GR: ốc bươu vàng/ lúa; ốc sên/ súp lơ 1.88GR: ốc bươu vàng/ lúa; ốc sên/ cải bó xôi	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng
2	Metaldehyde	Andolis 120AB, 150BB, 190BB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Anhead 6GR, 12GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Assail 12.5GB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		BN-Meta 18GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Bolis 4GB, 6GB, 10GB, 12GB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH ADC
		Bombay-ấn độ 13BR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
		Bosago 12AB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Boxer 15 GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng

Corona 6GR, 80WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH - TM ACP
Cửu Châu 6GR, 12GR, 15GR, 18GR, 20GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
Duba 155GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Thuộc BVTV LD Nhật Mỹ
Helix 10GB, 15GB, 500WP	10GB, 15GB: ốc bươu vàng/ lúa 500WP: ốc bươu vàng/ lúa; ốc sên/ cây cảnh	Công ty TNHH - TM Tân Thành
Honeycin 6GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Nông dược HAI
MAP Passion 10GR	ốc bươu vàng/ lúa	Map Pacific PTE Ltd
Metalix 180AB, 200AB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
Milax 100GB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
Moioc 6 GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
Molucide 6GB, 80WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
Notralis 18GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
Octigi 6GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Oxout 60AB, 120 AB, 160AB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Nam Mekong
Osbuvang 5GR, 6GR, 12GR, 15GR, 80WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
Passport 6AB, 150GR, 180GR, 200GR, 240GR, 300GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
Pilot 10AB, 15AB, 17AB, 19AB, 500WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
Snail Killer 12RB, 800WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Sneo-lix 6AB, 120AB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
Tattoo 150AB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
Tomahawk	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế

		4GR		SARA
		Toxbait 9AB, 60AB, 120AB, 160AB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hoá nông Lúa Vàng
		T-P odix 120GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		TRIOC annong 6WG, 10WG, 12WG, 50WP, 80WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Trumso 12AB, 222AB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Tulip 12.5AB, 15AB, 18AB, 215AB	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Yellow - K 12GB, 250SC	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
3	Metaldehyde 4.5% + Carbaryl 1.5%	Superdan 6GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
4	Metaldehyde 7% + Carbaryl 3%	Mecaba 10GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
5	Metaldehyde 40% + Carbaryl 20%	Kiloc 60WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH ADC
6	Metaldehyde 10% + Niclosamide 20%	MAP Pro 30WP	ốc bươu vàng/ lúa	Map Pacific PTE Ltd
7	Metaldehyde 10g/kg (10g/kg), (10g/kg) + Niclosamide 690g/kg (740g/kg), (790g/kg) +	Capgold 700WP, 750WP, 800WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
8	Metaldehyde 10g/kg + Niclosamide 740g/kg	Pizza 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
9	Metaldehyde 50g/kg + Niclosamide 700g/kg	Radaz 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Delta Cropcare
		TT-occa 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
10	Metaldehyde 6g/kg (50g/kg), (1g/kg), (152g/kg), (1g/l) + Niclosamide 6g/kg (400g/kg), (704g/kg),	Vịt Đỏ 12BR, 450WP, 705WP, 153GR, 256EW	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ

	(1g/kg), (255g/l)			
11	Metaldehyde 400g/kg + Niclosamide-olamine 175g/kg	Goldcup 575WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH ADC
12	Metaldehyde 300g/kg + Niclosamide 500g/kg	Starpumper 800WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
13	Metaldehyde 300g/kg + Niclosamide-olamine 500g/kg	Npiodan 800WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
14	Metaldehyde 100g/kg + Niclosamide-olamine 700g/kg	E-bus 800WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
15	Metaldehyde 8g/kg + Niclosamide-olamine 880g/kg	Robert 888WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
16	Niclosamide (min 96%)	Ac-snailkill 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Á Châu Hà Nội
		Aladin 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH – TM Thái Nông
		Anpuma 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
		Apple 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Real Chemical
		Awar 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Baycide 70WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ Cao
		Bayluscide 70WP	ốc bươu vàng/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Bayoc 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM Thiên Nông
		BenRide 250 EC, 700WP, 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Blackcarp 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Boing 250EC, 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Catfish 70 WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Daicosa 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Futai
		Dioto	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP BVTV

250 EC		Sài Gòn
Duckling 250EC, 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc
Hn-Samole 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
Honor 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Hóc Môn
Jia-oc 70WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Kit - super 700WP	ốc bươu vàng/ lúa, cải	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
Laobv 75WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
Miramaxx 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
Molluska 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
Morgan star 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
Mossade 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
Niclosa 850WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
No-ocbuuvang 50WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
Notrasit-neo 860WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
NP snailicide 250EC, 700WP, 820WP, 860WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
Ốc usa 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Phong Phú
OBV- α 250 EC, 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thanh Hưng
Oc clear 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP SAM
Oosaka 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH BMC
Ockill 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
Ossal 500 SC, 700WP, 700WG	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
Pazol 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Nicotex

		Pisana 700WP	ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Prize 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Sachoc TSC 850WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Lion Agrevo
		Sieu naii 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Snail 250EC, 500SC, 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Sun-fasti 25EC, 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Sundat (S) Pte Ltd
		Topsami 871WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Transit 750WP, 700WP, 780WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		TT-snailtagold 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Tung sai 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Vdcsnail new 700WP, 750WP, 860WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Viniclo 70WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		VT – dax 10GR, 15GR, 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Znel 70WP	ốc bươu vàng/ lúa	Eastchem Co., Ltd.
17	Niclosamide 700g/kg (700g/kg) + Abamectin 20g/kg (50g/kg)	OBV gold 720WP, 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
18	Niclosamide 720g/kg + Abamectin 30g/kg	Lino sachoc 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Liên nông Việt Nam
19	Niclosamide 745g/kg + Abamectin 5g/kg	Caport 750WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
20	Niclosamide 500g/kg + Carbaryl 200 g/kg	Brengun 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
21	Niclosamide 500g/kg (680g/kg) + Carbaryl 200g/kg (22g/kg)	Oxdie 700WP, 702WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng

22	Niclosamide-olamine (min 98%)	Amani 70WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
		BN-Nisa 860WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Chopper 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP VT NN Thái Bình Dương
		Clodansuper 250WP, 500WP, 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Dioto 830WG	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Dobay 810WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Thành
		Morningusa 870WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Ocny 50WP, 555SC, 760WP, 860WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Queenly 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Kiên Nam
		Startac 250 WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Tan THANH-oc 760WP, 850WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Delta Cropcare
		Truocaic 700WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
23	Niclosamide-olamine 500g/l + Abamectin 20g/l	Cửu Châu Nghệ 520SC	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
24	Niclosamide-olamine 780g/kg + Abamectin 20g/kg	Bayermunich-đức 800WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Anh Dầu Tiền Giang
25	Pentacyclic triterpenoids alcaloid	Eclinton 4WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Enasa Việt Nam
26	Saponin	Abuna 15 GR	ốc bươu vàng/ lúa; ốc sên/ cải xanh; ốc nhớt, ốc sên /cải củ, súp lơ	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Anponin 150GR, 150WP, 210WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Asanin 10WP, 15WP, 15GR, 35SL	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Thanh Điền

Bai yuan 15WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH – TM - DV Hải Bình
Dibonin super 5WP, 15WP	ốc bươu vàng/ lúa; ốc sên, ốc nhớt/ cải xanh	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Espace 5WP, 15WP, 19.6BR, 21.5BR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
Golfatoc 150GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty Cổ phần Nông dược Việt Nam
Maruzen Vith 15WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
Morgan 200BR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
Nomain 15 WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
Occa 15WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
O.C annong 150 WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH An Nông
Ốc tiêu 15 GR	ốc bươu vàng/ lúa; ốc sên, ốc nhớt/ cải xanh	Công ty TNHH TM DV Tân Hưng
Parsa 15WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
Pamidor 50 WP, 150BR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH MTV SX TM XNK Hung Xiang (Việt Nam)
Phenocid 20 WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Được Mùa
Raxful 15WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
Rumba 15BR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
Sabonil 15GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Hoá nông An Giang
Safusu 20AP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Long Sinh
Sapo 150WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Sapoderiss 15%BR, 70%BR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Phước Hưng
Saponolusa 150BR, 150GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
Saponular 15 GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam

		Soliti 15 WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Nicotex
		Super Fatoc 150WP, 150GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Teapowder 150 BR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Thiocis 150GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty Cổ phần Hoá nông Mỹ Việt Đức
		Tranin super 18WP	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
27	Saponin 149.5 g/kg+ Azadirachtin 0.5 g/kg	Viking 150BR, 150GR	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH An Tâm
28	Saponin 5%+ Cafein 0.5% + Azadirachtin 0.1%	Dietoc 5.6 GR	ốc bươu vàng/ lúa, ốc sên/ cải bó xôi	Công ty TNHH Voi Trắng
29	Saponin 30 g/kg + Cafein 6g/kg + Azadirachtin 1g/kg	Ovadan 37GR	ốc bươu vàng/ lúa, ốc sên/ rau cải	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
30	Saponin 145g/kg (g/l) + Rotenone 5 g/kg (g/l)	Sitto - nin 15 BR, 15SL	ốc bươu vàng/ lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam

8. Chất hỗ trợ (chất trải):

1	Azadirachtin	Dầu Nim Xoan Xanh Xanh 0.15EC	hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ sâu tơ/ cải bắp; hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ mốc sương/ khoai tây	Công ty TNHH Ngân Anh
2	Chất căng bề mặt 340g/l + dầu khoáng 190g/l + Ammonium sulphate 140g/l	Hot up 67SL	làm phụ trợ cho nhóm thuốc trừ cỏ sau nảy mầm không chọn lọc; làm tăng hiệu quả diệt cỏ	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
3	Esterified vegetable oil	Hasten® 70.4 SL	tăng hiệu quả của nhóm thuốc trừ cỏ chọn lọc sau nảy mầm/ lúa thuộc nhóm sulfonyl urea, cyclohexanedion, bipyridilium; tăng hiệu quả của nhóm thuốc trừ sâu thuộc nhóm pyrethroid, carbamate; tăng hiệu quả của nhóm thuốc trừ bệnh/ cây trồng thuộc nhóm triazole.	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Rocten 74.8 SL	tăng hiệu quả của thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trên cây lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
4	Esters of botanical oil	Subain 99SL	hỗ trợ thuốc trừ sâu nhóm: Carbamate (rầy nâu/ lúa), Lân hữu cơ (sâu cuốn lá/ lúa), Pyrethroid (sâu xanh/ rau cải); hỗ trợ thuốc trừ bệnh nhóm: Triazole (khô vằn/ lúa); hỗ trợ thuốc trừ cỏ nhóm: Sulfonyl urea (cỏ/lúa)	Công ty CP BVTV Đa Quốc Gia
5	Trisiloxane ethoxylate	Enomil 30SL	hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ sâu, trừ bệnh, trừ cỏ	Công ty CP Enasa Việt Nam

II. THUỐC TRỪ MỐI:				
1	Beta-naphthol 1% + Fenvalerate 0.2%	Dầu trừ mối M- 4 1.2SL	trừ mối trong kho bảo quản gỗ	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
2	Bistrifluron (min 95%)	Xterm 1%	mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Hoá chất Sumitomo Việt Nam
3	Chlorfenapyr (min 94%)	Mythic 240SC	mối/ công trình xây dựng	BASF Vietnam Co., Ltd.
4	Chlorfluazuron (min 94%)	Requiem 1 RB	mối/công trình xây dựng	Ensystex Australasia Pty Ltd.
5	Chlorpyrifos Ethyl (min 94 %)	Fugosin 500EC	mối/ công trình xây dựng	Công ty CP Hatashi Việt Nam
		Lenfos 50 EC	mối/ công trình xây dựng	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Landguard 40EC	mối/công trình xây dựng	Imaspro Resources Sdn Bhd
		MAP Sedan 48EC	mối/ công trình xây dựng	Map Pacific Pte Ltd
		Termifos 500EC	mối/ công trình xây dựng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
6	Disodium Octoborate Tetrahydrate	Bora-Care 40SC	mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH TM DV Toàn Diện
7	Extract of Cashew nut shell oil (min 97%)	Wopro ₂ 10FG	mối/ công trình xây dựng	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
8	Fipronil (min 95 %)	Agenda 25 EC	mối/ công trình xây dựng, đê đập	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Mote 30EC	mối/ công trình xây dựng	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Terdomi 25EC	mối/ công trình xây dựng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Tefurin 25EC	mối/ công trình xây dựng	Công ty CP Hatashi Việt Nam
		Termisuper 25EC	mối/ công trình xây dựng	Công ty CP Khử trùng - Trừ mối Việt Nam
9	Hexaflumuron (min 95%)	Moba _{hex} 7.5 RB	mối/ công trình xây dựng	Viện Sinh thái và Bảo vệ công trình
		Sentricon™ HD 0.5RB	mối/ công trình xây dựng	Dow AgroSciences B.V
10	Imidacloprid (min 96 %)	Termize 200SC	mối/ công trình xây dựng	Imaspro Resources Sdn Bhd
11	<i>Metarhizium anisopliae</i> var. <i>anisopliae</i> (M2 & M5 10 ⁸ - 10 ⁹ bào tử/g), (M1 &	Metavina 10DP, 80LS	10DP: mối/ đê, đập, công trình kiến trúc, công trình xây dựng, nhà cửa, kho tàng 80LS: mối/ đê, đập	Công ty CP Công nghệ Sinh Thái Việt

	M7 10 ⁸ - 10 ⁹ bào tử/ml)			
12	Permethrin (min 92 %)	Map boxer 30EC	mối/ công trình xây dựng	Map Pacific Pte Ltd
13	Na ₂ SiF ₆ 50% + HBO ₃ 10% + CuSO ₄ 30%	PMC 90 DP	mối hại cây lâm nghiệp	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
14	Na ₂ SiF ₆ 80 % + ZnCl ₂ 20 %	PMs 100 CP	mối hại nền móng, hàng rào quanh công trình xây dựng	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

III. THUỐC BẢO QUẢN LÂM SẢN:

1	Chlorothalonil 45% + Carbendazim 10%	KAA-Antiblu CC 55SC	trừ nấm để bảo quản gỗ	Công ty TNHH Behn Meyer Việt Nam
2	Cypermethrin (min 90%)	KAntiborer 10 EC	mọt/ gỗ	Behn Meyer Specialty Chemical Sdn Bhd.
3	Deltamethrin (min 98%)	Cease 2.5EC	mọt/ gỗ	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Cislin 2.5 EC	mọt/ gỗ	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
4	Extract of Cashew nut shell oil (min 97%)	Wopro ₁ 9AL	mối/ gỗ	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
5	CuSO ₄ 16% + CuO 2% + K ₂ Cr ₂ O ₇ 2%	M ₁ 20LA	con hà hại thuyền gỗ, ván thuyền	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
6	CuSO ₄ 80% + K ₂ Cr ₂ O ₇ 18% + CrO ₃ 2%	CH G 100SP	con hà, nấm mục hại thuyền gỗ, ván thuyền	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
7	CuSO ₄ 50 % + K ₂ Cr ₂ O ₇ 50 %	XM ₅ 100 SP	nấm, mục, côn trùng hại tre, gỗ, song, mây	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
8	ZnSO ₄ .7H ₂ O 60% + NaF 30%	LN ₅ 90 SP	nấm, mục, côn trùng hại gỗ sau chế biến, song, mây, tre	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

IV . THUỐC KHỬ TRÙNG KHO:

1	Aluminium Phosphide	Alumifos 56% tablet	khử trùng kho	Asiagro Pacific Ltd
		Celphos 56 % tablets	sâu mọt hại kho tàng	Excel Crop Care Limited
		Fumitoxin 55 % tablets	côn trùng hại nông sản, nhà kho, phương tiện chuyên chở	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Mephos 56 TB	Côn trùng/ nông sản	Mebrom Ltd
		Phostoxin 56%	côn trùng, chuột hại kho tàng	Công ty CP Khử trùng

		viên tròn, viên dẹt		Việt Nam
		Quickphos 56 %	sâu một hại kho tàng, nông sản	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Sanphos 56TB	Một gạo/kho	Công ty CP Trừ mối khử trùng
2	Deltamethrin (min 98%)	K - Obiol [®] 25WP, 10SC, 10ULV	sâu một hại kho tàng	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
3	Magnesium phosphide	Magtoxin 66 tablets, pellet	sâu một hại kho tàng	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
4	Pirimiphos-methyl (min 88%)	Actellic [®] 50EC	sâu một hại kho tàng	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

V. THUỐC SỬ DỤNG CHO SÂN GOLF.

1. Thuốc trừ bệnh:

1	Metalaxyl-M	Subdue Maxx [®] 240SL	héo rũ tàn lụi/ cỏ sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
2	Propiconazole (min 90%)	Banner Maxx [®] 156EC	đốm nâu/ cỏ sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

2. Thuốc trừ cỏ:

1	Trifloxysulfuron sodium (min 89%)	Monument [®] 100 OD	cỏ/ sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
---	--------------------------------------	---------------------------------	--------------	-----------------------------------

3. Thuốc điều hoà sinh trưởng:

1	Trinexapac-Ethyl (min 94%)	Primo Maxx [®] 120SL	điều hoà sinh trưởng/ cỏ sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
---	-------------------------------	----------------------------------	-----------------------------------	-----------------------------------

VI. THUỐC XỬ LÝ HẠT GIỐNG

1. Thuốc trừ sâu:

1	Dinotefuran 25% + Hymexazol (min 98%) 15%	Sakura 40WP	xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
2	Fipronil 100g/l + Azoxystrobin 100g/l + Gibberellic acid 1g/l	Treat 201SC	xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
3	Imidacloprid (min 96 %)	Barooco 600FS	Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Nam Bộ

		Gaucha 70 WS, 600FS	70WS: Xử lý hạt giống trừ rầy nâu, rầy xanh, bọ trĩ, ruồi/ lúa; Xử lý hạt giống trừ sâu chích hút bông vải; Xử lý hạt giống trừ sâu trong đất/ ngô 600FS: Xử lý hạt giống trừ rệp/ bông vải, Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Gaotra 600FS	xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
4	Imidacloprid 25% (300g/l) + Carbendazim 10% (20g/l) + Thiram 5% (120g/l)	Enaldo 40FS, 440FS	40FS: xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh chết cây con/ lạc 440FS: xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP ENASA Việt Nam
5	Imidacloprid 300g/kg + Metconazole 360g/kg	Kola gold 660WP	xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bệnh lúa von/ lúa	Công ty TNHH ADC
		Obawin 660WP	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
6	Imidacloprid 370g/l + Metconazole 300g/l	London-anh quốc 670FS	Xử lý hạt giống trừ rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Anh Dẫu Tiền Giang
7	Thiamethoxam (min 95 %)	Cruiser® 350FS	Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy xanh, rệp/ bông vải; xử lý hạt giống trừ sâu xám/ ngô; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
8	Thiamethoxam 300g/l + Azoxystrobin 50g/l + Prochloraz 62.5g/l	Pre-pat 412.5FS	Xử lý hạt giống trừ rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông Tín AG
9	Thiamethoxam 250g/l + Difenoconazole 75g/l	Anrusher 325FS	rầy nâu/ lúa (xử lý hạt giống)	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
10	Thiamethoxam 262.5g/l + Difenoconazole 25g/l + Fludioxonil 25g/l	Cruiser Plus® 312.5FS	xử lý hạt giống để trừ bọ trĩ, rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa; xử lý hạt giống trừ sâu xám/ ngô, bệnh lúa von/ lúa, xử lý hạt giống trừ bệnh lở cổ rễ cây con/đậu tương, xử lý hạt giống trừ bệnh chết ẻo cây con/ lạc	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
11	Thiamethoxam 250g/l + Difenoconazole 25g/l + Thiophanate Methyl 75g/l	Cuisor super 350SC	xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu, bệnh lúa von/ lúa	Công ty TNHH An Nông

2. Thuốc trừ bệnh:

1	Carbendazim 250g/l + Imidacloprid 250 g/l + Thiram 100 g/l	Doright 600FS	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
2	Fludioxonil (min 96.8%)	Celest 025FS	lúa von/lúa (xử lý hạt giống)	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
3	Iproconazole (min 95%)	Jivon 6WP	xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
4	Isotianil (min 96%)	Routine 200SC	đạo ôn/lúa (xử lý hạt giống), bạc lá/ lúa, héo xanh/ cà chua	Bayer Vietnam Ltd
5	Metconazole (min 94%)	Provil super 10SL	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
6	Metalaxyl-M	Apron [®] XL 350ES	Xử lý hạt giống trừ bệnh mốc sương (bạch tạng)/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
7	Metiram complex 650g/kg + Thiamethoxam 150g/kg	Biwonusa 800WP	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
8	Pefurazoate (min 94%)	Fortissimo 20WP	xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
9	Tebuconazole (min 95%)	Foniduc 450SC	xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Sforlicuajapane 450SC	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
10	Triflumizole (min 99.38%)	Trifmine 15EC	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/ lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Quốc Doanh

Phụ lục II

DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT CẤM SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM, BỔ SUNG MÃ SỐ HS ĐỐI VỚI MỘT SỐ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT CẤM SỬ DỤNG TẠI PHỤ LỤC 02 THÔNG TƯ SỐ 24/2017/TT-BNNPTNT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03 /2018/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).

1. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam

TT	TÊN CHUNG (COMMON NAMES)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAMES)
Thuốc trừ sâu, thuốc bảo quản lâm sản.		
1	Aldrin	Aldrex, Aldrite...
2	BHC, Lindane	Beta - BHC, Gamma - HCH, Gamatox 15EC, 20EC, Lindafor, Carbadan 4/4G, Sevidol 4/4G
3	Cadmium compound (Cd)	Cadmium compound (Cd)
4	Carbofuran	Kosfuran 3GR, Vifuran 3GR, Sugadan 30GR, Furadan 3GR
5	Chlordane	Chlorotox, Octachlor, Pentichlor...
6	Chlordimeform	Các loại thuốc BVTV có chứa Chlordimeform
7	DDT	Neocid, Pentachlorin , Chlorophenothane...
8	Dieldrin	Dieldrex, Dieldrite, Octalox ...
9	Endosulfan	Cyclodan 35EC, Endosol 35EC, Tigiodan 35ND, Thasodant 35EC, Thiodol 35ND
10	Endrin	Hexadrin...
11	Heptachlor	Drimex, Heptamul, Heptox...
12	Isobenzen	Các loại thuốc BVTV có chứa Isobenzen
13	Isodrin	Các loại thuốc BVTV có chứa Isodrin
14	Lead (Pb)	Các loại thuốc BVTV có chứa Lead (Pb)
15	Methamidophos	Dynamite 50 SC, Filtox 70 SC, Master 50 EC, 70 SC, Monitor 50EC, 60SC, Isometha 50 DD, 60 DD, Isosuper 70 DD, Tamaron 50 EC...
16	Methyl Parathion	Danacap M 25, M 40; Folidol - M 50 EC; Isomethyl 50 ND; Metaphos 40 EC, 50EC; (Methyl Parathion) 20 EC, 40 EC, 50 EC; Milion 50 EC; Proteon 50 EC; Romethyl 50ND; Wofatox 50 EC ...
17	Monocrotophos	Apadrin 50SL, Magic 50SL, Nuvacron 40 SCW/DD, 50 SCW/DD, Thunder 515DD...

TT	TÊN CHUNG (COMMON NAMES)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAMES)
18	Parathion Ethyl	Alkexon , Orthophos , Thiopphos ...
19	Sodium Pentachlorophenate monohydrate	Copas NAP 90 G, PMD ₄ 90 bột, PBB 100 bột
20	Pentachlorophenol	CMM 7 dầu lỏng
21	Phosphamidon	Dimecron 50 SCW/ DD...
22	Polychlorocamphene	Toxaphene, Camphechlor Strobane
23	Trichlorfon (Chlorophos)	Biminy 40EC, 90SP; Địch Bách Trùng 90SP; Dilexson 90WP; Dip 80SP; Diptecide 90WP; Terex 50EC, 90SP; Medophos 50EC, 750EC; Ofatox 400EC, 400WP; Batcasa 700EC; Cylux 500EC; Cobitox 5GR
Thuốc trừ bệnh.		
1	Arsenic (As)	Các hợp chất hữu cơ của thạch tín (dạng lỏng) Các hợp chất hữu cơ của thạch tín (dạng khác)
2	Captan	Captane 75WP, Merpan 75WP...
3	Captafol	Difolatal 80WP, Folcid 80WP... (dạng bình xịt) Difolatal 80WP, Folcid 80WP... (dạng khác)
4	Hexachlorobenzene	Anticatic, HCB... (dạng bình xịt) Anticatic, HCB... (dạng khác)
5	Mercury (Hg)	Các hợp chất của thủy ngân (dạng bình xịt) Các hợp chất của thủy ngân (dạng khác)
6	Selenium (Se)	Các hợp chất của Selen
Thuốc trừ chuột.		
1		Hợp chất của Tali (Taliu compound (TI))
Thuốc trừ cỏ.		
1	2,4,5 T	Brochtox, Decamine, Veon ... (dạng bình xịt) Brochtox, Decamine, Veon... (dạng khác)

2. Bổ sung mã số HS đối với một số thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam

TT	MÃ HS	TÊN CHUNG (COMMON NAMES)	MÃ HS	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAMES)
Thuốc trừ sâu, thuốc bảo quản lâm sản.				
1	293299.10	Carbofuran	293299.10	Kosfuran 3GR, Vifuran 3GR, Sugadan 30GR, Furadan 3GR
2	380891.90	Trichlorfon (Chlorophos)	380891.90	Biminy 40EC, 90SP; Dịch Bách Trùng 90SP; Dilexson 90WP; Dip 80SP; Diptecide 90WP; Terex 50EC, 90SP; Medophos 50EC, 750EC; Ofatox 400EC, 400WP; Batcasa 700EC; Cylux 500EC; Cobitox 5GR



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Lê Quốc Doanh